

TỦ SÁCH SƯ - PHẠM

TRẦN - VĂN - QUẾ

Giáo - Sư - Trường Quốc - Gia Sư - Phạm

# Sư - phạm thực - hành

*Soạn theo Chương-trình  
hiện - hành*

IN LẦN THỨ NHẤT

1964

BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

# **NGUYÊN-TẮC CẢI-TỔ CHƯƠNG-TRÌNH TIỂU-HỌC**

*(Rút trong Chương-trình tiểu-học ban hành ngày 16-7-1959)*

---

## **I. — NGUYÊN-TẮC CỦA NỀN GIÁO-DỤC VIỆT-NAM.**

1 — Nền Giáo-dục Việt-Nam phải là một nền Giáo-dục Nhân-bản, tôn-trọng giá-trị thiêng-liêng của con người, lấy chính con người làm cứu cánh, và như vậy, nhằm mục-đích phát-triển toàn diện con người.

2 — Nền Giáo-dục Việt-Nam phải là một nền Giáo-dục dân-tộc, tôn-trọng giá-trị truyền thống mật-thiết liên-quan với những cảnh-huống sinh-hoạt như gia-đình, nghề-nghiệp, đất nước và bảo đảm hữu hiệu cho sự sinh-tồn, phát-triển của Quốc-gia dân-tộc.

3 — Nền Giáo-dục Việt-Nam phải có tinh cách khai-phóng, tôn-trọng tinh-thần khoa-học, phát-huy tinh-thần dân-chủ và xã-hội, thấu-thái tinh-hoa của nền văn-hóa thế-giới.

## **II. — ĐẶC-TÍNH CỦA NỀN TIỂU-HỌC VIỆT-NAM.**

Căn-cứ vào ba nguyên-tắc căn-bản của nền Giáo-dục Việt-Nam đã được ấn định, nền Tiểu-học Việt-Nam cần có những đặc-tính sau đây :



**A.— Tôn-trọng nhân-cách trẻ em :**

- 1) — Giúp trẻ phát-triển điều-hòa và trọn vẹn tùy theo bản-chất cá-nhân và căn-cứ trên định-luật này nở tự nhiên về thể-xác cũng như về tâm-lý.
- 2) — Tôn-trọng cá-tính và sở-năng riêng-biệt của trẻ.
- 3) — Triệt-đề áp-dụng kỷ-luật tự-giác.
- 4) — Tránh mọi hình-phạt phạm đến nhân-vị của trẻ.

**B.— Phát-triển tinh-thần quốc-gia dân-tộc :**

- 1) — Lấy đời sống nhân-dân và thực-trạng xã-hội Việt-Nam làm đối-tượng.
- 2) — Lấy Quốc-sử để rèn-luyện tinh-thần ái-quốc, nêu cao ý chí tranh-đấu của dân-tộc, gây tình thân-ái và đoàn-kết.
- 3) — Dùng Quốc-văn làm lợi-khí sắc bén để trau-giồi tư-tưởng quốc-gia.
- 4) — Nêu cao vẻ đẹp của non sông Việt-Nam, những tài-nguyên phong-phú của đất nước, những đức-tính cố-hữu của dân-tộc.
- 5) — Duy-tri đạo-lý cổ-truyền và những thuần-phong mỹ-tục của dân-tộc.
- 6) — Gây đức-tính tự-tin, tự-lập, tự-cường.

**C.— Rèn-luyện tinh-thần dân-chủ và khoa-học :**

- 1) — Triệt-đề áp-dụng tổ-chức « hàng đội tự-trị », phát-triển tinh-thần tập-thể, (chơi tập-thể, làm việc tập-thể) và gây ý-thức cộng-đồng.
- 2) — Rèn-luyện óc phê-phán, tinh-thần trách-nhiệm, tinh-thần kỷ-luật.

3)— Kích-thích tinh hiếu kỳ của trẻ, phát-triển tinh-thần khoa-học.

4)— Bài-trừ dị-đoan, mê-tín.

5)— Thâu-thái tinh-hoa văn-hóa nước ngoài song song với việc phát-huy tinh-thần dân-tộc.

### **III.— NHỮNG NÉT CHÍNH TRONG VIỆC SỬA ĐỔI CHƯƠNG-TRÌNH TIỂU-HỌC.**

Chương-trình Tiểu-học ban-hành đầu niên-học 1956-1957, tuy đã được soạn-thảo, theo tinh-thần mới để phù-hợp với tinh-thần độc-lập của nước nhà và sự tiến-hóa của dân-tộc, nhưng sau 3 năm kinh-nghiệm, Bộ Quốc-gia Giáo-dục nhận thấy cần phải cải-thiện thêm cho thích-ứng với hoàn-cảnh và nhu-cầu hiện-tại.

Căn-cứ vào ba nguyên-tắc căn-bản của nền Giáo-dục Việt-Nam và những đặc-tính của nền Tiểu-học, việc sửa đổi chương-trình tiểu-học chú trọng đến những điểm sau đây :

#### **I.— Rút nhẹ chương-trình :**

Chương-trình tiểu-học cần được rút nhẹ để :

a)— Sát với tuổi sinh-lý và tâm-lý của trẻ, thích ứng với nhu-cầu thực-tế.

b)— Tránh lối học nhồi sọ.

c)— Giúp cho trẻ phát-triển điều-hòa về mọi mặt : trí-dục, đức-dục và thể-dục.

d)— Gắn liền học với hành, hòa đời sống của học-sinh vào đời sống của nhân-dân, khiến chúng có nhiều cơ-hội học hỏi nhân-dân đồng thời giúp đỡ nhân-dân.

#### **2.— Bớt-bỏ ngoại-ngữ : Theo chương-trình Trung-học**

sửa đổi lại do Nghị-Định số 1289 - GD/NĐ ngày 12-8-1958, thì khi lên Đệ-thất học-sinh mới bắt đầu học ngoại-ngữ và được tự do lựa chọn một trong hai sinh-ngữ Anh-văn hoặc Pháp-văn. Như vậy, việc dạy Pháp-văn ở bậc Tiểu-học xét ra không thiết-thực nữa, cần phải bãi bỏ, để trẻ em có thêm thời-giờ trau-giồi về Quốc-văn mà giá-trị cần được nâng cao ở tất cả các ngành và các bậc học.

3.— Bãi bỏ ban Hướng-nghiep : Ban Hướng-nghiep thiết-lập do chương-trình ban-hành đầu niên-học 1956-57 có mục-dịch tập cho những học-sinh bắt buộc phải trở về với công việc đồng áng, quen và thích sự sinh-hoạt ở chung quanh, để chúng khỏi bỏ ngỡ sau khi rời khỏi ghế nhà trường Tiểu-học.

Theo tinh-thần giáo-dục mới thì không riêng những trẻ em này, mà tất cả các học-sinh đều phải được rèn luyện để có thể giúp ích cho đời sống hằng ngày tùy từng địa-phương và tùy theo khả-năng và sức-lực của trẻ. Vì vậy, không cần chia thành hai ban : dự-bị trung-học và hướng-nghiep nữa.

#### IV.— PHƯƠNG-PHÁP SƯ-PHẠM — TÀI-LIỆU GIÁO-KHOA.

Soạn thảo một chương-trình đầy đủ chưa phải là hoàn-thành được công-cuộc cải-tiến giáo-dục. Để đạt được kết-quả mong muốn, điều cốt-yếu là phải áp-dụng chương-trình theo tinh-thần mới, việc giảng dạy phải theo những phương-pháp sư-phạm mới : phương-pháp hoạt-động, cụ-thể, thịnh-thị.

Chỉ-thị ngày 24-8-1949 và thông-tư số 843 - GD ngày 25-2-1952 của Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã nói rõ đại-cương về tinh-thần mới phải theo và phương-pháp sư-phạm mới phải áp-dụng để cho việc giáo-dục con em được thích-ứng với nhịp sống của dân-tộc trên con đường tiến-hóa. Thêm vào đó, mỗi môn học sẽ có chỉ-thị riêng nhấn mạnh vào những đặc-điểm của chương-trình cải-tổ



và dẫn giải những phương-sách cần-thiết để trường tiểu-học có thể tích-cực hoạt-động theo những khuynh-hướng mới và làm tròn nhiệm-vụ của nó.

Ngoài ra, những điều giảng dạy cho trẻ phải được thẩm-nhuần tinh-thần giáo-dục mới. Vì vậy, việc biên-soạn hoặc lựa chọn tài-liệu giáo-khoa phải triệt-đề căn-cứ vào ba nguyên-tắc căn-bản của nền Giáo-dục Việt-Nam nói chung và những đặc-tính của nền Tiểu-học nói riêng, nhất là về Quốc-văn, Việt-sử, Địa-lý, Đức-dục, Công-dân Giáo-dục v.v... là những môn không thể giảng dạy theo những tài-liệu lỗi-thời, không thích-ứng với hoàn-cảnh và nhu-cầu Việt-Nam hiện tại.



## CHƯƠNG MỘT

### VIỆT-NGỮ

#### LỜI CHỈ DẪN CỦA BỘ QUỐC - GIA GIÁO - DỤC

*(Chương-trình tiểu-học ban hành ngày 16-7-1959)*

Ngày nay khoa Việt-ngữ được dùng để rèn-đúc và phát-huy tư-tưởng dân-tộc. Ngoài ra, khoa này còn nhằm mục-đích :

1<sup>o</sup>) Về thực-tế, trực-tiếp làm cho học-sinh bậc sơ-tiểu có một căn-bản ngữ-vựng cần-thiết cho sự học-tập.

2<sup>o</sup>) Giúp cho học-sinh có những tài-liệu dùng trong sự tiếp xúc hằng ngày :

a) Phát-biểu tư-tưởng của mình bằng lời nói hoặc câu văn.

b) Hiểu biết tư-tưởng của những người chung quanh mình khi nghe lời nói hoặc khi đọc câu văn.

*Chương-trình Việt-ngữ gồm có :*

— Ngữ-vựng.

— Tập-đọc, Học-thuộc-lòng.

— Chính-tả và Văn-phạm, Tập-viết.

— Tập làm-văn.

Trong thời-khóa-biểu các lớp tiểu-học đều có ghi những môn ấy, duy môn Tập làm văn không ghi ở thời-khóa-biểu lớp Năm. Trong những giờ Ngữ-vựng và Tập-đọc giáo-chức phải tập cho học trò nói chuyện (nói bạo-dạn và cho tự-nhiên, có thứ-tự, có đầu đuôi, đừng kéo dài từng tiếng một). Còn môn Văn-phạm thì chỉ ghi trong chương-trình lớp Nhì và lớp Nhất, nhưng cũng cốt để dạy đại-cương về Ngữ-pháp mà thôi. Giáo-chức sẽ dùng những bài Chính-tả hoặc Tập-đọc để giúp học-sinh nhận-xét một vài định-luật thông thường riêng của Việt-ngữ để giúp chúng trong việc tập làm văn.

Những vấn-đề trong chương-trình đã ấn-định sẽ học đi học lại kỹ-lưỡng theo phương-pháp tiệm-tiến, đi từ chỗ biết đến chỗ chưa biết, từ chỗ gần đến chỗ xa, từ chỗ dễ đến chỗ khó, từ chỗ cụ-thể đến chỗ trừu-tượng. Giáo-chức phải dùng vật-liệu, tranh ảnh hoặc tỉ-dụ thiết-thực để cụ-thể hóa tất cả các vấn-đề đem dạy cho học-trò. Mỗi vấn-đề sẽ dùng làm chủ-điểm cho tất cả các môn Ngữ-vựng, Tập-đọc, Học-thuộc-lòng, Chính-tả, Tập-làm-văn. Trong lúc dạy Việt-ngữ, giáo-chức nên nhớ rằng chương-trình ấy không phải đứng tách hẳn chương-trình của các môn khác như Đức-dục, Công-dân giáo-dục, Quốc-sử, Địa-lý v...v... mà phải cố tìm cách cho trương-trình các môn ấy và khoa Việt-ngữ có liên-lạc với nhau.

Ở lớp Nhì và lớp Nhất, những danh-từ khoa-học và kỹ-thuật (thuật-ngữ), những danh-từ Hán-việt hoặc ngoại-lai (tân-ngữ), những danh-từ thường dùng trong công-văn sẽ chiếm một phần quan-trọng. Các tiếng gốc ở chữ Hán sẽ dạy nhiều hơn và giảng kỹ hơn, theo lối tách riêng từng chữ rồi hợp lại giải-nghĩa toàn cả tiếng, hoặc các câu thành-ngữ.

Đặc-biệt chú-ý về Việt-ngữ : nên nhẹ về phần tâm-chương trích-củ, nghệ-thuật vi nghệ-thuật, mà phải chú-ý đề-cao vấn-đề nghệ-thuật vi nhơn-sinh (phục-vụ cho đạo-đức con người, cho hạnh-phúc, cho an-ninh xã-hội, cho độc-lập, tự-do).

\* \* \*

## I. NGŨ-VỤNG

### A) THÌ-GIỜ DÀNH CHO MÔN VIỆT-NGỮ Ở CÁC LỚP SƠ-TIỂU.

**Lớp Năm** : 2 giờ 30 phút.

**Lớp Tư** : 1 giờ 50 phút.

**Lớp Ba** : 1 giờ 50 phút.

**Lớp Nhì và Lớp Nhứt (Nữ-sinh)** : Ngŭ-vỤNG và tập-đọc 2 giờ 45 phút.

**Lớp Nhì và Lớp Nhứt (Nam-sinh)** : Ngŭ-vỤNG và tập-đọc 3 giờ 15 phút.

### B) CHƯƠNG - TRÌNH MÔN NGŨ - VỤNG ÁP - DỤNG CHO CÁC LỚP HỌC TRƯỜNG SƠ-TIỂU (do Bộ Quốc-gia Giáo-dục ấn-định ngày 16-7 năm 1959).

**Lời dẫn** : Giáo-viên mỗi lớp sẽ tùy chủ-điểm, tùy địa-phương, tùy thời-liết... mà dạy các mục sau, mục nào trước, mục nào sau tùy tiện.

#### LỚP NĂM

Trong đệ nhất lục-cá-nguyệt không có bài Ngŭ-vỤNG chính thức. Trẻ con học ngŭ-vỤNG trong những môn học khác. Giờ Ngŭ-vỤNG ghi trong thời-khoá-biểu sẽ dùng cho trẻ tập nói chuyện, nhận-xét về hình-dáng, các cỡ lớn nhỏ, màu sắc, vị-trí... để trẻ tập so-sánh và suy-luận. Chỉ trong đệ nhị lục-cá-nguyệt mới có bài Ngŭ-vỤNG chính-thức theo những mục sau đây :

**Học-đường** : Nhà trường, lớp học, các phòng, đồ đạc trong trường (bàn ghế). Công việc ở học-đường. Các môn học. Thể-thao và trò chơi.

**Gia-đình** : Ông bà, cha mẹ, anh chị em. Công-ơn cha mẹ. Bồn-phận đối với người trong gia-đình.

### LỚP TƯ

**Học-đường** : Hiệu-trưởng, giáo-chức, học-trò, anh em bạn, các trò chơi (dạy nhiều tiếng hơn ở lớp Năm). Bồn-phận học trò ở học-đường.

**Thân-thể** : Các bộ-phận bên ngoài thân-thể và công-dụng vệ sinh (tắm, rửa, xĩa răng, đánh răng, chải tóc).

**Ăn uống** : Các thứ đồ ăn, các thứ đồ uống. Các đồ-dùng trong việc ăn uống—Vệ-sinh về ăn uống.

**Quần áo** : Các thứ quần áo Việt-Nam (áo dài, áo cánh, áo bà ba, áo cụt tay, áo ấm, quần dài, quần đùi), khăn, giày, dép, nón, mũ. Giặt-ủi. Việc giữ gìn quần áo.

**Nhà cửa** : Các thứ nhà (nhà gạch, nhà tranh, nhà lá...) Các gian nhà. Đồ đạc thường dùng trong nhà.

**Gia-đình** : Cô dì, chú bác, cậu mợ. Cách xưng hô. Công ơn cha mẹ, ông bà, cô dì... Bồn-phận đối với người trong gia-tộc.

**Súc vật** : Gia-súc, chăn-nuôi.

### LỚP BA

**Thời giờ** : Ngày, tuần-lễ, tháng, năm.

**Thân-thể** : Các bộ-phận bên trong. Bệnh tật.

**Ăn uống** : Cách làm các thức ăn (xào, nấu).

**Nhà cửa** : Nhà trệt, nhà lầu, nhà gác, nhà sàn, lều, túp, chòi. Các phòng trong một nhà gạch. Các đồ dùng trong nhà.

**Gia-đình** : Gia-tộc, Tổ-tiên, Họ nội, Họ ngoại, Anh



em, chị em họ (con chú, con bác, con cô, con cậu, đôi con dì). Anh em cùng cha khác mẹ. Mồ côi. Tình-cảm.

**Thôn quê :** Nhà cửa, vườn ruộng ; Công việc đồng áng.

**Thú-vật :** Chim, cá. Nghề đánh cá. Dã-thú. Rừng núi. Săn-bắn.

### LỚP NHÌ

**Thôn-quê và thành-thị :** Công-sở. Dinh-thự. Cách sinh-hoạt ở thôn-quê và thành-thị. Các cơ-quan hành chánh. Những thuần-phong mỹ-tục.

**Nghề-nghiệp :** Các nghề-nghiệp. Đồ dùng của thợ. Các nhà máy.

**Thương-mại :** Cửa hàng. Chợ. Hàng-hóa. Việc buôn bán. Sổ sách.

**Giao-thông :** Sự giao-thông và các cách vận-tải. Bưu-chính (thư-từ, điện-tín, điện-lhoại, ngân-phiếu, bưu-điện v.v...)

**Vũ-trụ :** Trời-đất. Các hiện-tượng trong trời đất. Thời-tiết. Các khí-cụ để biết thời-liết. Âm-lịch và Dương-lịch.

### LỚP NHẤT

**Sự hoạt-động về thể-chất :** Trò chơi có tính-cách thể-thao. Du-ngoạn, du-lịch.

**Sự hoạt-động về tinh-thần :** Các bậc học. Các khoa chuyên-môn. Các nhà bác-học, phòng thí-nghiệm. Sự sáng-chế. Các ngành văn-hóa.

**Kỹ-nghệ và thương-mại :** Công kỹ-nghệ. Hải-cảng. Xuất-cảng. Nhập-cảng.

**Xã-hội :** Cứu-lễ. Hội-thiện. Hợp-tác-xã. Chung-tộc, Tôn-giáo. Chính-thề.

**Xã-hội :** Quân-nhân. Võ-khí. Chiến-tranh. Hòa-bình. Quân-dịch.

### C) MỤC-ĐÍCH.

**Mục-đích.** — Môn Ngữ-vựng gồm có các điểm sau đây :

1) Ở các lớp nhỏ bậc sơ - tiểu (lớp năm, lớp tư, lớp ba) giúp trẻ-con biết được nhiều tiếng một (đơn hoặc kép) để diễn-đạt tư-tưởng dễ-dàng, rành-mạch.

2) Ở các lớp lớn (lớp nhì, lớp nhất, lớp tiếp-liên) giúp trẻ-con biết một số tối-thiểu các tiếng rời, tiếng một thuộc phạm-vi các hoạt-động của nhân-loại như : Chính-trị, kinh-tế, khoa - học, mỹ-thuật, kỹ-nghệ, thương-mại, canh-nông, âm-nhạc, văn-chương, tôn giáo v.v... khả dĩ giúp chúng diễn-đạt tư-tưởng một cách rành-mạch trong các cuộc nói chuyện, nhất là trong sự làm bài Tác-văn.

3) Tập trẻ-con ăn nói rõ ràng, dạn-dĩ trước đám đông.

4) Áp-dụng các meo-luật văn-phạm đã học rồi bằng cách nêu lên thí-dụ các loại từ Văn-phạm.

5) Làm nổi-bật sự liên-quan mật-thiết giữa môn Ngữ-vựng và các môn khác, trợ-lực cho môn Tác-văn bằng cách cho trẻ con áp-dụng những tiếng mới mượn ở các môn học trong sự đặt ra những câu ngắn.

### D) PHƯƠNG-PHÁP DẠY MÔN NGỮ-VỰNG.

**1o) Nguyên-tắc căn-bản :** Trẻ con mới lớn lên, vì kiến-thức chưa rộng nên không biết tên các đồ vật, các thảo-mộc, các thú-cầm, các hạng người và cũng không rõ gọi một hành-động này là gì, một cử-chỉ kia là sao. Bởi thế chúng thường dùng những danh-từ trừu-tượng có ý-nghĩa tổng-quát, mơ-hồ như : cái ấy, cái kia, việc này, việc nọ, để chỉ các sự vật, các hành-động mà chúng thấy trước mắt chúng. Vì lẽ đó mà khi dạy môn Ngữ-vựng ở các lớp nhỏ bậc sơ tiểu (lớp năm, lớp tư, lớp ba) giáo-chức phải cụ-thể-hóa bài dạy bằng cách « đề vật

trước lời ». Có thấy một vật gì cụ-thể thì chúng mới hiểu biết ý-nghĩa danh từ chỉ-định vật ấy mà không lầm-lẫn tên vật này với tên vật khác được. Đối với các hành-động, các cử-chỉ cũng thế. Giáo-chức cần cho chúng thấy hành-động này thì được gọi tên như thế này, hành-động kia thì có tên như thế kia. Một khi đã có kinh-nghiệm rồi thì kỳ sau hễ thấy vật thì chúng biết tên ngay. Công-dụng của bài Ngũ-vưng là ở chỗ đó. Nếu dạy môn ngữ-vưng mà không cụ-thể-hóa bài dạy bằng đồ-vật, thảo-mộc, thú-cầm và tranh-ảnh, hoặc bằng những cử-động, bộ-diệu cụ-thể, thì bài dạy sẽ mất hết ý-nghĩa. Rốt cuộc trẻ con sẽ có một số trí-thức lơ-mờ, lộn-xộn, có hại cho chúng. Những tiếng mới ấy phải ở trong những câu ngắn hoặc những bài văn ngắn.

Ở các lớp lớn (lớp nhì, lớp nhất, lớp tiếp-liên) trường sơ-tiểu, trình-độ của trẻ con cao hơn. Đối với chúng, giáo-chức trong giờ dạy môn Ngũ-vưng có thể định-nghĩa mấy tiếng mới trừu-tượng bằng cách dựa vào các tiếng mà chúng đã biết rõ nghĩa rồi. Tuy-nhiên trong nhiều trường-hợp, giáo-chức cũng vẫn còn cần-dùng đồ-vật, tranh-ảnh để định-nghĩa các tiếng mới ấy hoặc những bài văn có những tiếng mới ấy.

#### **Điều cần chú-ý :**

Đối với các lớp nhỏ trường sơ-tiểu, đến giờ dạy môn Ngũ-vưng, có sự kể tên những đồ vật, những cử-động nhưng ở trong những câu ngắn. Tuyệt nhiên không nên cho trẻ học chữ rời.

Đối với các lớp lớn trường sơ-tiểu, thì lại có sự tập quan-sát và tập nói. Giáo-chức đặt đồ vật trước mặt trẻ con để chúng được tự-do xem xét, sờ mó, ngửi, nếm, v.v... hoặc những tranh ảnh.

Tuy-nhiên, sự quan-sát ở đây không có tính cách tỉ-

mỉ, đi sâu vào chi-tiết như một bài quan-sát chính-thức. Thí-dụ : Bài Ngữ-vựng bữa nay nói về các thức uống. Giáo-chức cho mang vào phòng học các thứ như nước trà, nước chín, nước đá, nước cam, nước chanh, sô-đa, la-ve (bía), rượu trắng v.v... Giáo-chức giúp trẻ em tìm ra tên các thứ ấy, màu sắc, mùi vị, và công-dụng mà không đi sâu vào sự phân-chất và cách chế-lạo, để khỏi lẫn bài Ngữ-vựng với bài Quan-sát.

**2<sup>o</sup>) Cách thức dạy môn ngữ-vựng ở các lớp nhỏ bậc sơ-tiểu** (lớp năm, lớp tư, lớp ba).

a) Cho trẻ con xem, sờ-mó, nếm-ngửi các đồ vật (đồ vật, thảo-mộc, thú-cầm, tranh-ảnh). Nếu được, cần cho mỗi trẻ, hoặc ít nhất mỗi bàn, một đồ vật kiểu-mẫu.

b) Giáo-chức giúp trẻ con tìm ra tên, màu sắc, mùi vị, các đồ vật kiểu-mẫu ấy, và viết các chữ mới lên bảng đen theo từng loại (danh-từ, động-từ, tính-từ v.v....)

c) Giáo-chức đọc qua các chữ ấy cho đúng giọng rồi bảo các trẻ-con đọc theo (toàn lớp đọc trước, cá-nhân đọc sau) và sửa giọng đọc của chúng.

d) Giáo-chức bảo trẻ con chú-ý vào cách viết các chữ ấy (có g, không g, t hoặc c, dấu ʔ hay dấu ˊ, i hay y, v.v...)

e) Giáo-chức bảo trẻ con viết các chữ mới ấy từng chữ một vào bảng đá con và giơ lên. Giáo-chức sửa mấy chỗ sai.

f) Trẻ-con viết các chữ mới vào tập (số chữ mới này từ 3 đến 8 chữ là nhiều).

### **BÀI ÁP-DỤNG**

**Ở lớp tư :** Trẻ con tập điền chữ trong những câu ngắn, các chữ ấy có nghĩa giản-dị, thông-dụng vừa sức trẻ con.

**Ở lớp ba :** Giáo - chức cho nhiều chữ rồi mới học. Trẻ con phải dùng mỗi chữ mà làm thành câu ngắn có ý-nghĩa. Ở lớp này, khi dạy một bài Tập-đọc, giáo-chức có thể nêu lên mấy chữ khó để làm tài-liệu cho bài ngữ-vựng.

**Ở các lớp lớn bậc sơ-tiểu** (lớp nhì, lớp nhứt, lớp tiếp-liên).

Ở các lớp này học-sinh tiếp-tục học những tiếng có ý-nghĩa cụ-thể nhưng trong phạm-vi rộng lớn hơn. Đồng thời chúng cũng bắt đầu học những chữ trừu-tượng bằng cách đi từ chỗ biết đến chỗ không biết, nghĩa là chúng căn-cứ vào những chữ trừu-tượng thông-thường mà chúng đã hiểu rõ ý-nghĩa để định-nghĩa những chữ trừu-tượng mới. Ở các lớp này chúng đã khởi sự xem xét, khảo-cứ, dưới sự hướng-dẫn của giáo-chức, giải-nghĩa những chữ mới trích trong một bài văn ra : nghĩa đen, nghĩa bóng, nghĩa chính ; và tập phân-biệt nghĩa của các chữ đồng âm, đồng-nghĩa, các chữ đối-chọi, các chữ có hình-thức tương-tự nhau mà nghĩa rất khác xa (Thí dụ : Thân-chính với thân-hành ; minh-thệ với minh-chứng). Đồng thời chúng cũng tập phân-tích ra từng phần đơn, những Hán-Việt từ-ngữ, định rõ nghĩa của mỗi phần ấy để rồi ấn-định nghĩa rõ-rệt, nghĩa tổng-hợp của mỗi từ-ngữ.

Ở các lớp nói trên, bài Tập-đọc hay là bài Giảng-văn bài Âm-lễ, hay là bài Chính-tả được lấy làm bài Ngữ-vựng để giúp học-sinh xem nghĩa của toàn câu, toàn bài mà nghiệm ra nghĩa của một chữ khó.

### **BÀI ÁP-DỤNG**

Ở các lớp nói trên, bài áp-dụng gồm có sự đặt những câu với những chữ mới trong bài. Các câu ấy phải có nghĩa rõ-rệt và liên-hệ nhau hầu kết thành một bài văn con có thủ, có vĩ. Cách hành-văn được đặc-biệt chú-ý. Cách phó-diễn tư-tưởng phải được tự-nhiên. Đó là phương-



pháp phổ-diễn tư-tưởng hữu-hiệu nhất. Nó chuẩn-bị học-sinh vào cách làm bài Tác-văn.

### E) MÔN NGŨ-VỤNG VỚI SỰ TẬP NÓI.

Trong khi dạy môn Ngũ-vụng, giáo-chức cũng tập trẻ-con nói, nghĩa là tập trẻ-con diễn-đạt tư-tưởng. Càng ngày càng lớn, trẻ con nhờ kinh-nghiem mà dần dần có nhiều ý-kiến, nhưng chưa biết trình bày ý-kiến ấy ra một cách rành rọt. Chính vì điểm đó giáo-chức phải tập chúng nói cho thường, diễn-đạt tư-tưởng một cách rành-rọt và tự-nhiên. Những trẻ con nào nhút-nhát, cần được gọi lên để tập nói cho thường. Trong trường hợp ấy, đối với chúng giáo-chức phải tỏ ra rất nhã-nhặn, thiệp - thể để an-ủi, khuyến-khích chúng, làm cho chúng trở nên dạn-dĩ. Về điểm này, sự chạm lòng tự-ái chúng là điều tối-ky vậy.

Giáo-chức có thể giải-thích một tranh ảnh, thuật một mẩu-chuyện rồi bảo chúng nói lại suông-sẻ, rành mạch.

Sau một cuộc du-ngoan, giáo-chức bảo chúng phúc-trình lại những điều nghe thấy.

Chính trong các bài phúc-trình này mà chúng được học-hỏi và áp-dụng các chữ mới.

### F) KẾT-LUẬN.

Nói tóm lại, môn Ngũ-vụng là môn trợ-lực một cách hữu-hiệu cho môn Tác-văn và môn Âm-tả vì lẽ : có biết được nhiều tiếng mới (chữ mới) học - sinh mới làm bài Tác-văn một cách dễ-dàng và viết bài Âm-tả ít lỗi.

Giúp tài-liệu cho môn Ngũ-vụng thì có các môn khác trong chương-trình ; hoặc nhiều, như các môn Giảng-văn, Âm-độc ; hoặc ít, như các môn Địa-lý, Sử-ký, Luận-lý, Công-dân giáo-dục, Quan-sát v.v...

Môn Ngũ-vụng đóng một vai trò quan-hệ khi học-sinh học một ngoại-ngữ.

## II. TẬP ĐỌC

### A) THỜI GIOR DÀNH CHO MÔN TẬP-ĐỌC Ở CÁC LỚP SƠ - TIỂU.

**Lớp Năm :** Tập-đọc và học thuộc lòng (3 giờ + 1 giờ) = 4 giờ.

**Lớp Tư :** Tập-đọc và Học-thuộc-lòng : 1 giờ 20' + 1 giờ) = 2 giờ 20 phút.

**Lớp Ba :** Tập-đọc và Học-thuộc-lòng : 1 giờ 20' + 0 giờ 50' = 2 giờ 10 phút.

**Lớp Nhì (Nam-sinh) :** Ngữ-vựng và Tập đọc 3 giờ 15'.  
Học-thuộc-lòng 30 phút.

**Lớp Nhì (Nữ-sinh) :** Tập-đọc và Ngữ-vựng : 2 giờ 45'.  
Học-thuộc-lòng : 0 giờ 30'

**Lớp Nhất (Nam-sinh) :** Ngữ-vựng và Tập đọc : 3 giờ 15'.  
Học-thuộc-lòng : 0 giờ 30'.

**Lớp Nhất (Nữ-sinh) :** Ngữ-vựng và Tập đọc : 2 giờ 45'.  
Học-thuộc-lòng : 0 giờ 30'.

### B) CHƯƠNG-TRÌNH TẬP-ĐỌC VÀ HỌC THUỘC-LÒNG Ở CÁC LỚP SƠ-TIỂU (do Bộ Giáo-dục ấn-hành năm 1954 và chữa lại năm 1959).

#### LỚP NĂM

Tập nhận và nhớ mặt chữ quốc-ngữ, đọc từng tiếng, từng câu ngắn. Bắt đầu nửa năm học về sau, học trò phải biết đọc từng bài ngắn liên quan với chương-trình Ngữ-vựng. Cho học thuộc-lòng những câu ca-dao, tục-ngữ, châm-ngôn đượm màu sắc dân-tộc, có ý-nghĩa luân-lý hoặc tương-quan với chương-trình Ngữ-vựng, nhưng phải là những câu hay, có tính-cách thực-tế lại vừa sức hiểu của học-trò. Trong lúc học-trò chưa biết đọc, biết chép bài, giáo-viên nên dùng thính-giác và tập cho học-trò lập

đi lập lại những câu nên thuộc-lòng (Chú ý đến cách đọc cho đúng giọng).

### LỚP TƯ

Tập-đọc, học-thuộc-lòng, những bài (văn xuôi hoặc văn vần) hay, ngắn, thiết-thực, có tương-quan với chương-trình Đức-dục và Ngũ-vưng, bài quốc-ca, ca-dao ý-vị (Chú-ý đến cách phát-âm và giọng).

### LỚP BA

Tập-đọc, học thuộc-lòng những bài (văn xuôi hoặc văn-vần) hay, ngắn, thiết-thực, có tương-quan với chương-trình Đức-dục và Ngũ-vưng (Tập-đọc cho trôi-chảy, tự-nhiên, đừng é, a).

### LỚP NHÌ

Tập-đọc, giải-nghĩa, học-thuộc-lòng những bài văn hay và ngắn bằng văn-xuôi hoặc văn-vần, có tính-cách luân-lý, thiết-thực. Nên chọn những bài văn mới có tính-thần-quốc-gia hay xã-hội. (Tập-đọc cho trôi chảy và có ý-vị; đọc tự-nhiên, đừng ngậm-ngà, đừng é a; để ý các nhỡn-tự) giọng đọc phải thích-hợp với ý-trưởng, tính-cách và tinh-liết trong bài.

### LỚP NHỨT

Tập-đọc học thuộc-lòng những bài văn hay, vừa sức hiểu biết của học-sinh, trích ở tác-phẩm của các văn-sĩ, thi-sĩ, và các nhà chí-sĩ hiện-đại; tập cho quen các lối văn. Tập cho học trò phê-bình, giải-thích. Đọc những tác-phẩm khuynh-hướng về đạo-lý, về chủ-nghĩa quốc-gia, về tinh-cảm, về trào phúng của các văn-gia và thi-gia cận-đại.

## C) PHƯƠNG-PHÁP ÁP-DỤNG MÔN TẬP-ĐỌC THEO LỐI XUA NAY Ở CÁC TRƯỜNG SƠ-TIỂU

1) Môn tập-đọc ở lớp Năm (lớp đồng-ấu). Ở lớp năm trường sơ-liệu môn Tập-đọc được dạy dưới một trong ba hình-thức sau đây.

Phương-pháp đánh vần từ chữ cái trong mỗi tự (*mot*) (méthode d'épellation).

Phương-pháp đánh từng vần một và ghép-vần trong mỗi tự (*mot*) (méthode syllabique).

Phương-pháp tổng-quát (méthode globale). Tất cả ba phương-pháp đều giúp trẻ con nhận-thức dạng sự phối-hợp nhau giữa những dấu của chữ viết (quốc-tự) và những âm của tiếng nói (quốc-ngữ).

Thực ra, muốn dạy môn Tập-đọc ở lớp năm, người ta có thể, hoặc là khởi sự từ một yếu-tố đơn-thuần và siêu-hình gọi là chữ cái, dấu viết (*lettre*) hay là âm (*son*). Khi trẻ con đã biết nhận ra mỗi dấu, mỗi chữ cái và sự hỗn-hợp của nhiều chữ cái thì trẻ con phải đi lần đến sự đọc được các hỗn-hợp các chữ cái hay là các tự (*les mots*) trong một câu và đến sự hiểu rõ nghĩa của toàn câu. Như vậy trí-óc trẻ con sẽ đi từ thành phần đến cơ-cấu tổng-quát. Phương-pháp tập-đọc như thế được gọi là phương-pháp tổng-hợp (méthode synthétique) hay là phương-pháp gọi tên các chữ cái trong mỗi tự (méthode d'épellation).

Hoặc là khởi sự từ một cơ-cấu có nhiều tự (*mots*) có một ý-nghĩa rõ-rệt gọi là câu đề rồi đi đến sự phân-biệt nhiều tự trong câu và nhờ sự so-sánh mà đi đến sự phân-biệt các vần trong mỗi tự và sau cùng là sự phân-biệt các chữ cái trong mỗi vần, (*syllabe*). Như vậy trí-não trẻ con đi từ cơ-cấu tổng-quát đề rồi cuối cùng đi đến yếu-tố đơn-thuần trong mỗi tự của câu. Phương-pháp tập-đọc này được gọi là phương-phân-tách (méthode analytique) hay là phương-pháp tổng-quát (méthode globale).

Phương-pháp đánh mỗi tự ra từng vần (méthode syllabique) thường bị lẫn-lộn với phương-pháp tổng-hợp (méthode synthétique) nếu phương-pháp này coi mỗi vần là một âm-yếu-tố (élément phonétique) của một tự (*le mot*).

Nhiều nhà sư-phạm lại đề-xương lên phương-pháp hỗn-hợp (méthode mixte) có cả phương-pháp phân-tách và phương-pháp tổng-hợp.

**Phương - pháp tổng - hợp** (méthode synthétique).  
Tức là phương-pháp dạy gọi tên các chữ cái trong mỗi tự (*le mot*). Nó được gọi là phương-pháp đánh vần các chữ cái trong mỗi tự (méthode d'épellation). Sở dĩ nó được gọi là phương-pháp tổng-hợp là vì trí-óc trẻ con sẽ đi từ yếu-tố đơn-thuần, trừu-tượng, là chữ cái để rồi cuối cùng đến ý-nghĩa của toàn câu, tổng-hợp ý-nghĩa của các tự mà trong đó có các chữ cái.

Phương-pháp tổng-hợp cũng được gọi là phương-pháp cổ-truyền vì nó đã được áp dụng từ lâu. Đã từ lâu các chữ cái được gọi bằng tên thường của nó là :

a thì gọi là a ; b thì gọi là bê ; c thì gọi là xê ; d thì gọi là dê ; đ thì gọi là đê v.v... chứ không gọi các chữ cái ấy bằng các âm như : a, bờ, cờ, dờ, đờ, v.v...

Thí-dụ muốn đọc tự « bàn » thì người ta dạy trẻ con đọc : bê a ba anh nờ ban, huyền bàn.

Theo cách tập đọc này, những chữ cái không được đọc với âm của nó. Như thế sự tập đọc một tự (*le mot*) nào, sẽ là một trở-ngại cho trẻ-con.

Lại nữa, cách tập đọc như thế không sắp-xếp các chữ cái (*lettres*), các vần (*syllabes*) và những tự (*les mots*) theo một trật-tự hợp-lý. Dù sao, với phương-pháp này, trẻ con biết rõ tên mỗi chữ cái, điều rất cần-thiết khi sửa một bài ám-tả.

Từ thế kỷ thứ 17, tại tu-viện Port Royal bên Pháp, người ta đã áp-dụng phương-pháp tập-đọc như sau :

Những chữ cái được gọi theo âm các chữ ấy. Thí-dụ : *San* thì được gọi như sau : sờ a sa anh nờ san.

Như thế, sự tập-đọc sẽ được mau và giản-dị hơn cách cổ-truyền.

Tuy thế, hiện nay người ta lại dạy đọc theo cách này. Thí-dụ : **San** thì đọc : sờ an san

**Đau** thì đọc : Đờ au đau

**Hoạt** thì đọc : Hờ oạt-hoạt

**Chánh** thì đọc : Chờ ánh-chánh v.v...

### MỘT VÀI PHƯƠNG-SÁCH ĐẶC-BIỆT.

Muốn cho môn tập-đọc được dễ-dàng và vui-thú, người ta áp-dụng nhiều phương-sách đặc-biệt đáng kể như sau :

a) **Phương-sách biểu-thị tiếng nói bằng bộ-tịch.** (Phonomimi). Theo phương-sách này, mỗi chữ được đọc với một bộ-tịch kèm theo. Thí-dụ : Trong khi giáo-chức đọc chữ S (sờ) thì lấy ngón tay vẽ hình chữ S như con rắn.

Trong khi giáo-chức đọc chữ cái O thì lấy ngón tay ra dấu chữ O (O tròn như quả trứng gà).

#### b) **Phương-sách dùng hình ảnh.** —

Khi dạy đến chữ cái b thì giáo-chức dùng hình-ảnh các thú, các trái cây, các đồ vật mà tên khi viết ra thì khởi đầu là chữ cái b (bờ) v.v...

Thí-dụ : bò, ba-ba, bắp, bóp, bàn, banh v.v...

#### c) **Phương-sách viết chữ rời trên giấy cứng.** —

Trên một tấm bảng-đen nghiêng-nghiêng dưới có tấm cây bọ, giáo-chức gọi trẻ con lên và đọc các chữ cái cho trẻ-con sắp lại thành vần và các vần thành « tự » (*les mots*).

#### d) **Phương-sách nhứt-tề về tập-đọc và tập-viết.** —

Hai mươi lăm chữ cái được đọc theo hai loại chữ : chữ in và chữ viết.



Khi đọc lại chữ viết thì trẻ-con tập viết luôn.

Sau đó, giáo-chức sẽ viết lên bảng-đen những câu ngắn trong đó có những chữ cái học rồi và bảo trẻ-con tìm ra.

Sau khi trẻ-con bắt đầu biết đọc, biết viết thì giáo-chức sẽ bắt chúng viết những câu ngắn, rút trong các bài đã học rồi để dạy chúng lần lần về môn chính-tả.

### CÁCH DẠY MÔN TẬP-ĐỌC THEO PHƯƠNG-PHÁP TỔNG-HỢP.

Trên những bảng giấy cứng treo trên tường đã có in sẵn 25 chữ cái, các vần và các « tự » do các chữ cái ấy hợp thành. Giáo-chức qui-tụ trẻ-con lại trước tấm bảng ấy. Giáo-chức đọc từng chữ rồi bảo mỗi trẻ-con lập lại cho đúng giọng, cho rõ ràng, không trại-bè, rồi đến phiên toàn lớp lập lại. Đoạn giáo-chức dạy chúng đọc qua các vần rồi các tự. Đây là công việc nhiều ngày, nhiều tuần-nhật chớ không phải công việc của một buổi học.

Khi đọc các chữ cái viết trên giấy cứng, giáo-chức có thể gắn các chữ ấy lên bảng-nỉ, để trẻ-con trông rõ nét mỗi chữ ; chúng nghe giáo-chức đọc các chữ ấy, chúng tự đọc các chữ ấy và sau cùng, chúng viết các chữ ấy vào bảng đá con của chúng. Ấy là áp-dụng bốn loại ký-ức cho môn tập-đọc vậy. Các ký-ức ấy là :

Thị-giác ký-ức (souvenir visuel).

Thính-giác ký-ức (souvenir auditif).

Phát-âm ký-ức (souvenir phonétique).

Đồ-tả ký-ức (souvenir graphique).

### PHƯƠNG-PHÁP PHÂN-TÁCH HAY LÀ TỔNG-QUÁT (MÉTHODE GLOBALE)

Sự áp-dụng phương-pháp tổng-hợp theo lối xưa đã bị chỉ-trích rất nhiều, nhất là ở chỗ nó đi từ trừu-tượng

(các chữ cái) đến cụ-thể (các «tự» chỉ các đồ vật, thú-cầm thảo-mộc v.v...), và ngay từ đầu thế-kỷ 18, người ta thay thế nó bằng phương-pháp dạy trẻ con đọc mà không cần nói đến các chữ cái và các vần trong các «tự» (*les mots*), điều mà chúng sẽ biết sau. Đầu thế-kỷ 20 này một nhà sư-phạm trứ-danh người Bỉ là bác-sĩ Décroly và các môn-đồ đều giải-thích phương-pháp này theo khoa-học và khoa tâm-lý nhi-đồng. Theo bác-sĩ Décroly, *trẻ con nhận-thức hình-thể tổng-quát của một vật gì trước khi phân-tách các thành-phần các yếu-tố của vật ấy*. Thí dụ : Khi chúng thấy một cái xe hơi thì nhận-thức hình-thể toàn-diện của cái xe hơi ấy. Đối với chúng, hình-thể toàn-diện của một vật gì là phần cụ-thể của vật ấy. Trái lại, sự nhận-thức một thành phần nào của vật ấy bắt buộc chúng cố-gắng gạt bỏ các thành-phần khác trong trí óc chúng. Một việc làm như thế có tính cách trừu-tượng mà chúng không thích, nếu trình độ chúng không được cao.

Khi giáo-chức viết lên bảng đen câu : « *Tôi đọc sách* » và đồng thời giáo-chức cầm quyển sách và đọc thì tuy rằng trẻ con chưa biết mấy chữ trong ba «tự» : *tôi, đọc sách*, chúng hiểu ngay rằng : Câu ấy chỉ việc đọc sách. Câu « *tôi đọc sách* » là hình ảnh của một việc làm là đọc sách đối với chúng. Thấy hình ảnh của một việc làm thì đó là phần cụ-thể, dễ thấy, dễ hiểu đối với chúng.

Phương-pháp tổng-quát đặc biệt chú-trọng đến sự tiến-hóa của tâm-lý trẻ con. Nó áp-dụng đúng khẩu-hiệu « *Do thiên nhập thâm* ». Thiên ở đây có nghĩa là : cụ-thể. thâm có nghĩa là : trừu-tượng.

Giáo-chức viết lên bảng đen mấy câu.

Tôi đọc sách.

Tôi cầm viết.

Tôi chấm mực.

Sau khi trẻ con đã đọc qua các câu ấy và nhờ các cử-động thích-ứng, đã nhận-thức ý-nghĩa các câu rồi, thì giáo-chức bắt đầu bảo chúng chú ý đến thành phần đầu của ba câu và chỉ rõ những hình giống nhau: chúng sẽ đọc « Tôi » và tìm ra trong hình « Tôi » phần giống nhau. Chúng sẽ tìm ra T. Ô. I. chừng ấy giáo-chức sẽ cho chúng biết :

hình T đọc là tờ,

hình Ô đọc là ô.

hình I đọc là i.

ô và i thì hợp lại thành vần : ÔI.

Và thành phần : TÔI thì đọc; tờ ôi : Tôi.

Phương-pháp tổng-quát được coi là phương-pháp hoạt-động (méthode active), phương-pháp mới. Phương-pháp này tự cấm đoán không dùng những yếu-tố trừu-tượng. Trái lại, phương-pháp này dung-hòa những hình vẽ của chữ viết với những câu mà trẻ con thường nói, thường nghe dễ rồi chúng tự xem-xét và so-sánh mà biết được các chữ cái và đọc được các « tự » khác.

### KỸ-THUẬT CỦA PHƯƠNG-PHÁP TỔNG-QUÁT

Trước khi dạy trẻ con tập đọc theo phương-pháp này, cần dạy cho chúng biết những bài tập luyện có ý-nghĩa giáo-dục cá-nhân như sau :

Các trò chơi về thị-giác có mục-dịch tập trẻ con nhận thức những hình và những vị-trí (positions), biết quan-sát mau lẹ và toàn-diện các cuộc chơi để mở mang sự chú-ý; năng-khiếu ký-ức về thính-giác, tập uốn lưỡi và tập nói cho rõ-ràng.

Các cuộc tập luyện ấy sửa soạn cho trẻ con dễ tập-đọc

chính-thức. Các cuộc huy-động đúng theo phương-pháp này rất cần, nhưng chung-qui nó qui về việc giúp trẻ con thu-thập được những tài-liệu đầu-tiên như các câu kiểu-mẫu, các tự (*les mots*) quan-trọng và cần thiết. Thứ đến là sự phân-tích (chia một câu ra làm nhiều vắn, mỗi vắn ra làm nhiều chữ cái).

Sau rốt, là sự tổng-hợp: lập lại những tự (*mots*), những câu do những yếu tố, những thành-phần đã biết.

Phương-pháp này cần dụng-cụ thật nhiều và đầy-đủ như: các bản cần-thiết cho buổi học chung, các nhãn-hiệu, các cuộc chơi (cuộc đồ chữ giải hoa có vẽ các tự) v.v...

### SỰ LỰA CHỌN MỘT PHƯƠNG-PHÁP TẬP-ĐỌC.

Cho đến ngày hôm nay, hai phương-pháp tập-đọc: tổng-hợp và tổng-quát đều tranh-giành ảnh-hưởng với nhau. Nhưng không bên nào thắng hẳn bên nào, vì lẽ bên nào cũng có sở-trường và sở-đoan.

Hiện nay, nhiều nhà sư-phạm áp-dụng phương-pháp hỗn-hợp (*méthode mixte*) gồm có những phần mượn của cả hai bên.

Phương-pháp hỗn-hợp mượn ở phương-pháp phân-tách hay tổng-quát nguyên-tắc sau đây: *không khi nào cho trẻ-con đọc một tự (mot) nào, một câu nào mà chúng không rõ ý-nghĩa, và không khi nào chia rẽ cách ráp chữ cái với nghĩa của chữ ấy.* (Thí dụ: C đọc là cờ thì có hình cây cờ kèm theo).

Nhưng phương-pháp hỗn-hợp lại theo một trật-lự từ thấp lên cao trong sự phân-tách các yếu-tố, các thành-phần của mỗi tự, rồi của mỗi câu, hầu giúp trẻ-con quan-sát các cơ-cấu của các tự cốt-yếu của ngữ-vựng thông-thường để đi đến những sự thu-thập chắc-chắn giúp phần đông trẻ-con đọc được và hiểu một bài văn ngắn và dễ, sau một số bài tập-luyện thuần-thực.

## 2) MÔN TẬP-ĐỌC Ở CÁC LỚP TƯ (lớp dự-bị).

Ở lớp tư, trẻ-con đã biết đọc và biết viết. Chính ở lớp này, chúng bắt đầu tập-đọc thực sự những bài ngắn về văn xuôi hay văn vần, những bài quốc-ca, những ca-dao có ý-vị. Sau khi đã đọc qua một bận và đã giải ý-nghĩa một vài chữ khó, giáo-chức bắt toàn thể lớp học đọc cho đúng giọng, kể đó giáo-chức gọi rất nhiều trẻ-con đứng lên và đọc từng trẻ một. Giáo-chức sửa chữa cách phát-âm, giọng đọc của chúng, tránh sự nói trại bẻ, nói dốt.

Ở lớp tư, mục-dịch của môn Tập-đọc là dạy trẻ-con cách đọc cho đúng giọng, đọc cho suông-sẻ, không ngập-ngừng, nghĩa là đọc trôi-chảy.

Đến giờ tập-đọc, mỗi trẻ cần được đọc. Nếu vì vấn-đề thì giờ, việc ấy không thể thực-hiện được thì ít ra một số khá dòng phải được đọc. Đến tuần sau thì lại đến phiên toán khác.

Sau khi chúng đọc xong, giáo-chức hỏi trẻ con về đại-ý của bài.

## 3) MÔN TẬP-ĐỌC Ở LỚP BA.

Cũng như ở lớp tư, các cố-gắng của giáo-chức ở lớp-ba là tập trẻ-con đọc một bài văn cho trôi-chảy, không ngập-ngừng, chớ chưa cần phải đọc có giọng trầm-hồng, hỉ-nộ, tùy chỗ.

Trẻ-con ở lớp ba học qua chương-trình lớp tư và đã hiểu rõ cách-thức tập-đọc, nhưng còn vấp phải nhiều chỗ như cách đọc mấy chữ khó. Vậy trước khi bắt mỗi trẻ-con đọc thì giáo-chức phải dạy chúng cách đọc mấy chữ khó ấy. Mấy chữ ấy cần được viết lên bảng đen để toàn lớp cùng nhìn rõ và cùng đọc.

Sau đó, giáo-chức đọc toàn bài, phát-âm rõ-ràng với

một giọng hợp-lý sau khi đã giảng-giải cách-đọc. Trẻ-con toàn lớp sẽ noi gương giáo-chức mà đọc lại toàn bài.

Sau đó là sự tập-đọc cá-nhân.

Không theo một thứ-tự nào, giáo-chức gọi lên nhiều trẻ và bảo chúng đọc từng trẻ một. Giáo-chức sửa chữa các chỗ đọc sai sau khi trẻ-con đã đọc trọn một câu. Trong trường-hợp này, giáo-chức bảo toàn lớp tìm ra chỗ đọc sai ấy và gọi một vài trẻ đứng lên phê-bình và sửa-chữa các chỗ sai ấy. Sau cùng, giáo-chức cho ý-kiến tối-hậu. Giáo-chức không nên chặn đứng trẻ-con để sửa-chữa chỗ đọc sai nếu chúng chưa đọc hết câu.

Kể đến phần giải-nghĩa các chữ khó làm cho toàn bài tối nghĩa. Trước hết giáo-chức gọi một ít trẻ con đứng lên để giải nghĩa mấy chữ khó. Nếu sự giải thích ấy không được hoàn-bị thì giáo-chức phải tự dảm đương lấy việc ấy. Một bài tập đọc chỉ được có 2 hay 3 chữ khó là cùng. Nếu bài ấy có rất nhiều chữ khó thì đó là bằng chứng cụ-thể rằng bài đọc không vừa sức trẻ con ; nó cao quá. Cần thay thế bài ấy bằng một bài khác vừa sức chúng.

Thường một bài Tập đọc bị biến thành một bài Ngữ-vựng hoặc một bài Văn-phạm. Câu ấy có nghĩa là : trong giờ tập-đọc đúng lý ra giáo-chức phải cho trẻ con đọc thật nhiều thì trái lại giáo-chức quá ư chú-trọng về sự giải-nghĩa các chữ trong bài, hoặc quá ư chú-trọng về sự áp-dụng các mẹo luật văn-phạm cho nhiều chữ, nhiều câu trong bài.

Sau cùng giáo-chức cho toàn lớp đọc một đoạn một cách ăn nhịp nhau và đúng giọng để chữa tật nói lắp (cá lăm) và nói dốt (như : cá rô thì gọi là : cá gò).

Phút chót của bài có thể dành cho sự quan-sát về chính-tả của một vài chữ.



#### 4) MÔN TẬP-ĐỌC Ở LỚP NHÌ, LỚP NHỨT VÀ LỚP TIẾP-LIÊN.

a) Mục-dịch.— Ở lớp nhì, lúc đầu môn Tập-đọc vẫn còn là môn tập đọc cho thông và sau rồi dần dần đọc cho có giọng (lên xuống, mau khoan, hỉ nộ, ai, lạc) tùy đoạn đề tỏ ra trẻ con hiểu nghĩa của bài đọc. Làm như thế là nhấn mạnh vào mối liên-quan giữa tư-tưởng và lời nói.

Ở lớp nhì, lớp nhứt và lớp tiếp-liên, môn Tập-đọc có ba mục đích sau đây :

*Mục-dịch thứ nhứt* : Tập cho học-sinh đọc rõ ràng và khôn-ngoaan nghĩa là : đọc cho hay.

*Mục-dịch thứ nhì* : Mở các năng-khiếu của chúng như trí-khôn, cảm-giác-tinh (la sensibilité), ý-chí và nuôi tinh-thần chúng bằng những ý-tưởng tổng-quát.

*Mục-dịch thứ ba* : Cuối niên-khóa cho chúng đọc những trang trích trong các tác-phẩm của các đại văn-hào Việt-Nam.

Vậy sách tập-đọc phải được chọn-lựa kỹ-lưỡng.

b) Cách dạy môn Tập-đọc ở các lớp này.

Trước khi giáo-chức nói ý-nghĩa tổng-quát của bài giáo-chức đọc bài với một giọng rõ-ràng, lên xuống, mau chậm đúng chỗ. Hỉ, nộ, ai, lạc đều tùy chỗ mà có. Có như thế học-sinh mới cảm-thông nghĩa của bài và sẽ hiểu một cách dễ-dàng những điều mà giáo-chức sẽ giảng-giải.

Giáo-chức giải-nghĩa các chữ khó và tóm-tắt ý-kiến tổng-quát của mỗi đoạn để lập dàn-bài tổng-quát của bài. Giáo-chức bảo học-sinh đọc đi đọc lại nhiều lần và suy-nghĩ nhiều mới có thể tóm-tắt ý-nghĩa tổng-quát của bài bằng một câu được. Giáo-chức tập học-sinh nghiên-cứu

cách hành-văn trong bài, nhưt là trong sự trình-bày ý-nghĩa tổng-quát.

Cần cho chúng phân-lách toàn bài ra nhiều đoạn và trong mỗi đoạn làm nổi bật những tư tưởng đặc-biệt. Các tư-tưởng ấy phải được qui về ý-nghĩa tổng-quát của bài.

Giáo-chức không nên nói một mình và phải gọi nhiều học-sinh đứng lên tìm ra những thành-phần của dàn bài, những điểm quan-trọng, ý-nghĩa các chữ khó. Toàn lớp đều tham dự vào các công việc này, không nên biến một bài Tập-đọc ra một bài Văn-phạm, một bài Ngữ-vựng, một bài Sử-ký hoặc một bài Địa - lý v. v... bằng cách nắn mạnh vào một vai chủ tiết về Văn-phạm, về Sử-ký, về Địa-lý hoặc về Ngữ-vựng mà quên mất mục-đích chính của môn Tập-đọc ở các lớp này.

Nếu một học-sinh đọc sai thì giáo-chức nên gọi một học-sinh khác đứng lên sửa-chữa chỗ sai bằng cách đọc lại đoạn ấy cho đúng giọng rồi cho toàn lớp phê-bình.

Không nên chặn học-sinh ở giữa câu đề hỏi chúng.

Cần coi chừng sự ngưng-ngỉ trong khi học-sinh đọc đúng với giá-trị các chấm, phết, v.v...

Cần bảo học-sinh chú-ý đến những chữ quan-trọng trong bài.

Sau khi đã đọc và giải-nghĩa xong một đoạn của bài, giáo-chức bảo học-sinh tóm-tắt ý-nghĩa đoạn ấy hoặc bằng miệng, hoặc bằng bài viết. Nhờ thế học-sinh sẽ tập phân-biệt ý chính, ý phụ và pho-diễn tư-tưởng của chúng.

Một bài Tập-đọc ở các lớp nói trên cần được dạy đúng theo các điểm sau đây :

*Điểm một :* Giới-thiệu bài đọc bằng một vài câu. Bài ấy sẽ được đọc tất.

*Điều hai* : Giải-nghĩa văn-tất những chữ khó, những ý-tưởng (ý-tưởng tổng-quát, ý-tưởng phụ-thuộc).

*Điều ba* : Sự tập-đọc cá-nhân có kèm theo sự giải nghĩa một vài chữ khó trong mỗi đoạn đã được đọc.

*Điều bốn* : Dàn-bài của toàn bài hoặc của một và đoạn bằng miệng hoặc bằng bài viết.

### **5º) Sự đọc sách êm-lặng.** (La lecture silencieuse).—

Ở lớp nhì, lớp nhứt cùng lớp tiếp-liên người ta có thể áp-dụng phương-pháp *đọc sách êm-lặng* nghĩa là đọc sách bằng đôi mắt và hiểu ý-nghĩa của bài sách một cách thâm-kín trong tâm-hồn chớ không biểu-lộ ra ngoài bằng lời nói. Nếu bài Tập-đọc quá dài thì giáo-chức chỉ cho đọc tại lớp một ít đoạn thôi. Còn mấy đoạn chót giáo-chức giao cho tất cả học-sinh về nhà tự đọc lấy và tóm-tắt ý-nghĩa dưới hình-thức một bài-viết để kỳ sau trình lên cho giáo-chức xem và phê-bình. Cách áp-dụng sự đọc sách êm-lặng là như thế.

### **6º) Những bài-làm liên-hệ đến bài Tập-đọc.**

Sau khi dạy bài Tập-đọc rồi, giáo-chức có thể trích ra một đoạn để làm bài Âm-tả, bài Ngữ-vựng hoặc bài áp-dụng các mẹo, luật Văn-phạm, hoặc đề-tài một bài Tác-văn.

## **D) KẾT-LUẬN.**

Nói tóm lại, môn Tập-đọc là một trong các môn-học quan-hệ nhất trong chương-trình tiểu-học. Nó là môn tiếp-sức một cách hữu-hiệu cho các môn khác như : Tác-văn, Luận-lý, Âm-tả, Ngữ-vựng, Văn-phạm v.v... Người ta có thể nói rằng : môn Tập-đọc là trung-tâm điểm của các môn trong chương-trình.

### III. TẬP-VIẾT

#### A) SỰ ÍCH-LỢI CỦA MÔN TẬP-VIẾT.

Môn Tập-viết là một môn có tinh - cách một khi-cụ của khoa giáo-dục. Câu ấy có nghĩa là : phải biết viết trước đã rồi mới học qua các môn khác được.

Ngày nay ; muốn viết một công - văn, một tờ giấy gì người ta dùng máy đánh chữ để thay thế cho sự viết chữ bằng tay. Vì thế mà ngày nay môn Tập-viết đã mất gần hết ý-nghĩa của nó. Tuy nhiên, trong một ít trường-hợp, người ta còn cần chữ viết bằng tay. Thí-dụ : Viết các con số vào sổ thu-xuất của một hãng buôn, viết công-văn mật, viết thư mật hoặc thư thường, viết toa thuốc, ký tên trong các giấy tờ, các khế-trước v.v...

#### B) TRẬT-TỰ PHẢI THEO TRONG KHI DẠY MÔN TẬP-VIẾT.

**LỚP NĂM.**— Trong khi dạy Tập-đọc giáo-chức dạy trẻ con tập viết luôn. Sau khi đã dạy chúng đọc các chữ cái, rồi đến các vần (vần xuôi, vần ngược) giáo - chức dạy chúng viết luôn các chữ cái, các vần. Mỗi chữ cái, hoặc mỗi vần (xuôi hoặc ngược) là đề-tài của mỗi buổi tập đọc và tập viết.

**a) Cách viết.** Đến giờ Tập-viết, giáo-chức dạy trẻ lấy bảng đá con và phấn lên cho sẵn và bảo chúng chăm-chỉ ngó lên bảng đen. Lúc ấy giáo-chức lấy phấn và chăm-chạm viết lên chữ cái vừa mới đọc được. Giáo-chức chỉ cách viết thành phần nào trước, thành phần nào sau trong chữ, hình của mỗi thành phần, chiều cao, chiều rộng, và dạy trẻ con ngó theo ngón tay của giáo-chức mà viết trên không-trung chữ cái, hoặc vần ấy nhiều lần cho quen tay. Đoạn giáo-chức ra hiệu-lệnh cho tất cả trẻ con cùng viết chữ ấy, vần ấy vào bảng đá con. Đến hiệu-lệnh thứ nhì

thì các bảng con đều được giơ lên, Giáo-chức cho khuyến-  
điễm mấy chữ tốt, sửa chữa các chữ xấu.

Sau khi trẻ con đã viết chữ trong bảng đá con quen  
rồi và nét chữ đã khôn thì giáo-chức mới cho chúng viết  
vào tập vở bằng viết mực. Các chữ viết như thế phải  
thuộc cỡ lớn và loại chữ không hoa. Một chữ cái một vần  
được viết đi viết lại nhiều lần, Cỡ của chữ là 3 ly đến 4 ly.

Cuối niên-khóa, trẻ con ở lớp năm đã viết được rồi  
và chữ viết chưa sạch mấy.

**b) Trật-tự phải theo trong sự nghiên-cứu các chữ cái.**

Trong khi dạy trẻ con viết các chữ cái, giáo - chức  
cần theo trật-tự sau đây :

*Loại thứ nhất :* Do chữ **i** mà phát - sinh ra các chữ  
cái khác là : u, ư, t,

*Loại thứ nhì :* Do chữ **n** mà phát - sinh ra các chữ  
cái khác là : m, r, p, v.

*Loại thứ ba :* Do chữ **e** mà phát-sinh ra các chữ cái  
khác là : o, ô, ơ, a, d, đ, q, e, x.

*Loại thứ tư :* Do chữ **j** mà phát - sinh ra các chữ cái  
khác là : y, g.

*Loại thứ năm :* Do chữ cái **I** mà phát-sinh ra các  
chữ cái khác là : h, k, b, f.

*Loại thứ sáu :* Các chữ cái s, j, z, không phát - sinh  
ra chữ cái nào khác. Chữ hoa cũng có thể sắp thành  
nhiều loại như chữ không hoa vậy.

**Lời dặn về cách dạy tập viết.**

**Điểm một :** Sắp các chữ cái thành nhiều loại.

**Điểm hai :** Tập viết các chữ từ loại dễ đến loại khó.

**Điểm ba :** Mỗi chữ cái là đề-tài của một bài học.

**Điểm bốn :** Cho trẻ con ráp chữ cái thành vần, các vần thành tự (*les mots*) và những tự thành những câu ngắn.

### C) MÔN TẬP-VIẾT VỚI VẦN-ĐỀ VỆ-SINH.

Có hai lối viết chữ: lối viết chữ xiên và lối viết chữ đứng.

**Chữ xiên.** — Ấy là lối chữ viết từ xưa đến nay.

*Phần lợi :* Viết chữ theo lối này rất mau.

*Phần hại :* Tập vở dễ xéo trên bàn có hại cho con mắt trẻ con (bệnh lé mắt, cận-thị).

Trẻ con ngồi không ngay-ngắn. Xương-sống của chúng lâu ngày sẽ mang tật vẹo.

**Chữ đứng.** —

*Phần lợi :* Tập vở để ngay trước mặt trẻ con. Chúng bị buộc ngồi ngay-ngắn. Như vậy lối viết chữ này không có những sở-đoan của lối trên, nhứt là về phương-diện vệ-sinh.

*Phần hại :* Lối viết chữ này chậm hơn lối trên.

### D) NHỮNG TẬP-VỞ — NHỮNG KIỂU MẪU-CHỮ.

Dành cho trẻ em lớp năm, trước kia người ta có tạo ra một thứ vở riêng-biệt, mỗi trang đều được kẻ một cách đặc-biệt. Hàng đầu của mỗi trang có viết sẵn những chữ kiểu-mẫu bằng những nét mực nhẹ. Trẻ-con cứ coi theo đó mà đồ, cho đến khi trẻ viết một mình được mới thôi.

Chúng ấy giáo-chức sẽ viết chữ kiểu-mẫu lên bảng đen và trẻ-con sẽ coi theo đó mà viết vào tập-vở kẻ riêng biệt hoặc vào tập-vở thường cho quen.



Sự dùng « tập-đồ » chỉ được áp-dụng cho trẻ-con lớp năm, lớp tư mà thôi. Từ lớp ba trở lên thì không nên dùng các tập ấy nữa.

Tốt hơn là ở lớp năm, nhưt là ở lớp tư, thay thế các tập vở trong đó đã có viết sẵn các chữ kiểu-mẫu bằng những tập-vở trong đó có những trang giấy có kẻ sẵn theo lối riêng biệt dành cho sự tập-viết, nhưng không có những chữ kiểu-mẫu viết sẵn.

### E) BÀI DẠY TẬP-VIẾT.

Cách dạy gồm ba phần như sau :

*Phần nhưt* : Sau khi đã kẻ lên bảng đen những đường thẳng giống như các đường thẳng trong tập-vở dành riêng cho việc ấy, giáo-chức giải-thích cách viết các chữ kiểu-mẫu trên bảng đen. Giáo-chức phân-tách từng thành-phần của chữ ấy và viết lên trên bảng đen sau khi bảo trẻ con chú ý. Giáo-chức bảo trẻ con lập lại các danh-từ, từ-ngữ đặc-biệt áp-dụng cho sự giải-thích ấy : Thi-dụ : cái móc, cái ngang, nét đậm, nét lợt v. v...

Nên viết chữ kiểu-mẫu ngay đầu giờ tập viết, trước mặt toàn cả học-sinh để chúng chú-ý đến điệu-bộ, cử-chỉ của giáo-chức, để rồi chúng sẽ làm theo.

Trong khi các trẻ cầm viết giờ lên, giáo-chức dạy chúng viết trên không-trung (viết chữ bóng), chữ kiểu-mẫu để chúng quen tay (Điều này chỉ áp-dụng cho các lớp năm và tư mà thôi).

*Phần hai* : Kẻ đó trẻ con bắt đầu viết vào tập.

Trong việc ấy thì giáo-chức đi từ bàn này đến bàn nọ, sửa cách ngồi (không nên áp ngực vào cạnh bàn) và cách cầm cây viết, đầu không quá nghiêng, cái trán cách xa tập-vở từ 30 tới 35 phân thôi.

Nếu có nhiều trẻ viết sai thì thỉnh thoảng giáo-chức

ra lệnh cho toàn lớp ngừng bút và ngó lên bảng đen để nghe giáo-chức giải-nghĩa.

Trước khi trẻ viết, giáo-chức ra hiệu-lệnh để chúng cùng viết một lượt không quá mau và cũng không quá chậm. Kể giáo-chức ra lệnh thứ nhì để chúng cùng viết hàng kể một lượt và như thế đến cuối giờ học.

*Phần ba : Sự sửa bài.*— Sự sửa bài có hai cách : cá-nhân và công-cộng.

**Sự sửa bài theo lối cá-nhân :** Trong khi các trẻ tập viết, giáo-chức đi sau lưng chúng, sửa cách viết chữ nếu có sự sai biệt quá lớn.

**Sự sửa bài theo lối công cộng :** Ấy là sự chữa các chỗ sai của toàn lớp trên bảng đen.

#### F) CÁCH VIẾT CHỮ IN.

Thư chữ này rất cần trong những trường-hợp đặc-biệt như vẽ lược-đồ chuẩn-họa (croquis coté), vẽ dư-đồ, vẽ chương-trình, vẽ quảng-cáo v.v...

Thư chữ này cũng được chia ra làm nhiều loại như thư chữ viết thường đã nói trên để trẻ con dễ học : thư chữ in thường và thư chữ in hoa, chỉ được dạy ở lớp nhì để giúp học-sinh đọc sách dễ-dàng.

Người ta viết lối chữ này với một cây bút chì đen và mềm, với ngòi viết mềm và lớn nét.

*Chữ in không hoa theo lối « europe »*

**a b c d e f g h i j k l m n o p q r s t u v w x y z**

*Chữ in hoa theo lối « europe »*

**A B C D E F G H I J K L M N  
O P Q R S T U V W X Y Z**

*Chữ số viết theo lối « europe »*

**1 2 3 4 5 6 7 8 9 0**

### G) KẾT-LUẬN.

Nói tóm lại bắt buộc học-sinh viết chữ cho tốt là điều không quan-trọng lắm. Nhưng một giáo-chức có lương-tâm nhà nghề không thể dạy cầu-thả môn Tập-viết được. Dù sao tập học-sinh viết cho tốt và cho sạch là tập chúng biết tự-trọng, biết trình-bày ý-kiến của chúng một cách rành-mạch, có trật-tự. Lại nữa, lối chữ viết của một cá-nhân ngày hôm nay được coi như sự biểu-lộ ra ngoài tinh-tinh của cá-nhân ấy. Cá-nhân được kính-trọng hay bị coi rẻ một phần cũng do lối chữ viết mà ra, nhất là đối với những người biết coi tuồng chữ mà đoán tính-tình người.

### IV. ÁM-ĐỘC (Bài học thuộc lòng)

(Chương-trình và thời-gian mỗi tuần dành cho môn Âm-độc đã được nêu lên trong mục nói về môn Tập-đọc).

#### A) NHỮNG ÍCH-LỢI CỦA MÔN ÁM-ĐỘC.

10) Môn Âm-độc mở-mang năng-khiếu ký-ức của trẻ con.

Năng-khiếu ký-ức thực ra không phải là điều đáng khinh mà là một năng-khiếu rất quý-báu. Chúng ta thử tưởng-tượng một trẻ con rất thông-minh với một năng-khiếu ký-ức rất kém thì chúng ta sẽ nhận thấy ngay sự khó-khăn của trẻ ấy trong việc học-hành.

Năng-khiếu ký-ức giúp các năng-khiếu khác mở-mang bằng cách giúp tài-liệu cho các năng-khiếu ấy và giữ-gìn những trí-thức, những ký-ức đã thu-thải được.

Vậy, năng-khiếu ký-ức cần được bổ-sung, phát-triển thêm lên.

20) Môn Âm-độc chuẩn-bị môn Tác-văn.

Thường trẻ con kém về môn Tác-văn là vì chúng rất thiếu-thốn, rất nghèo về ý-kiến và về ngữ-vựng.

Môn Âm-độc giúp chúng bổ-túc hai điều thiếu-sót ấy bằng cách tập cho chúng diễn-đạt tư-tưởng một cách rành-mạch, văn-chương, thu-thập được nhiều tư-tưởng đẹp, nhiều chữ mới (tự mới) làm cho ngữ-vựng của chúng mỗi ngày một dồi-dào.

Bởi các lẽ đó, bài Âm-độc cần được lựa chọn kỹ-lưỡng về cách hành-văn cũng như về ý-nghĩa. Các bài ấy, một khi đã được học thuộc, sẽ ở trong tâm-hồn trẻ rất lâu và sẽ tham-dự vào sự quyết-định thái-độ và hành-vi của trẻ sau này.

3o) Môn Âm-độc cho trẻ con quen biết danh-tánh các nhà đại-văn-hào Việt-Nam.

Qua các bài Học thuộc lòng cần cho trẻ con biết danh-tánh các nhà đại-văn-hào Việt-Nam để chúng có một ý-niệm về nền văn-hiến nước nhà.

4o) Môn Âm-độc giúp trẻ con có một thị-hiểu, một thú-vị (le goût) chắc-chắn về văn-chương nước nhà.

Nhờ có bài học thuộc-lòng có một giá trị văn-chương đặc-biệt, các trẻ con mới cảm-thông được hồn thơ, âm-diệu, tiết-tấu của tiếng mẹ, và gián-tiếp yêu-mến quê cha đất tổ thêm lên. Khi đọc các bài ấy lên với một giọng thích-ứng tựa hồ như bên tai chúng có muôn ngàn người xưa nói chuyện với chúng; khuyên-răn, dạy-bảo cũng có, mà trách-móc căm-hờn cũng có.

5o) Môn Âm-độc sửa giọng nói trẻ-con cho được hay.

Trong khi học thuộc-lòng một bài, trẻ-con phải đọc đi đọc lại bài ấy nhiều lần cho thuần-thục. Nhờ thế mà chúng phát-âm rõ-ràng, không trại-be, dả-dớt, không nói lắp (cà-lăm).

6o) Môn Âm-độc đi lần đến sự mở-mang tâm-hồn trẻ-con.

Các bài Học thuộc lòng, lẽ tất-nhiên có rất nhiều ý-tưởng cao-siêu, thanh-khiết về đạo-dức luân-lý. Các ý-tưởng ấy dần dần tập trẻ-con suy-nghĩ, biện-phân tà-chánh và cuối cùng có một tâm-hồn cao-thượng. Các ý-tưởng ấy sẽ nhập-tâm và sẽ trở thành tư-tưởng của chúng. Về phương-diện này ở các lớp nhỏ (năm, tư, ba) một bài văn-văn dễ học và dễ nhớ hơn một bài văn xuôi.

## B) CÁCH CHỌN BÀI ÁM-ĐỘC.

Giáo-chức phải có một tập riêng đề ghi vào đó những bài được chọn làm bài Ám-độc.

1o) *Bài Ám-độc phải vừa sức học-sinh.*

Ở lớp năm, lớp tư và lớp ba, bài phải là một bài vận-văn ngắn.

Ở lớp nhì, lớp nhất và lớp tiếp-liên, bài học phải dài và có phần khó hơn loại bài các lớp nói trên.

Ở các lớp này, ngoài các bài học bằng văn-văn lại có bài học bằng văn xuôi nữa, nhưng với một số ít.

2o) *Bài Ám-độc phải hợp với tính-chất của nhà trường.*

Bài Ám-độc của trường nam học-sinh phải khác với bài Ám-độc của trường nữ học-sinh.

Bài Ám-độc của một trường ở thôn-quê phải khác với bài Ám-độc của một trường ở đô-thị.

3o) *Các bài Ám-độc cần có sự liên-quan mật-thiết với bài Luân-lý đã học trong tuần.*

Các bài Ám-độc học trong tuần phải là bài áp-dụng, hoặc bài bổ-sung cho bài Luân-lý trong tuần.

4o) *Các bài Ám-độc phải thúc đầy học-sinh có tinh-cách tích-cực chứ không phải tiêu-cực.*

Bài Ám-độc phải khuyến-khích học-sinh làm điều phải,

điều lành, ưa hoạt-động. Cần tránh cho chúng học những bài có giọng bi-quan, yếm-thế, buồn-rầu. Các điều ấy không hợp với tuổi trẻ và sẽ có hại lớn.

### C) CÁCH DẠY BÀI ÁM-ĐỘC.

1o) Giáo-chức đọc bài một mình qua một lần với một giọng đọc rõ-ràng. Đoạn giáo-chức nói sơ ý-nghĩa của bài.

2o) *Giáo-chức giải-nghĩa các chữ khó và nêu lên dàn bài.*

Số chữ khó trong bài độ hai hay ba là cùng. Nếu số chữ khó quá nhiều thì đó là bài quá sức của học-sinh, cần được thay thế bằng một bài khác.

3o) *Giáo-chức bảo học-sinh nêu lên ý-nghĩa tổng-quát của bài học bằng một từ-ngữ, một câu ngắn.*

Trong khi giảng ba điểm này, giáo-chức áp-dụng phương-pháp chất-vấn đề lớp học được linh-động.

4o) *Toàn-thể học-sinh đọc bài chung rồi đọc riêng từng người.*

Giáo-chức sửa giọng đọc của mỗi học-sinh cho đến khi chúng đọc hay mới thôi.

Toàn lớp bắt đầu học thuộc-lòng hai câu đầu. Hai câu đầu thuộc rồi chúng sẽ học hai câu kế và như thế đến khi thuộc hết bài.

### D) HỌC-SINH TRẢ BÀI ÁM-ĐỘC.

Có hai loại :

Học-sinh trả bài Ám-độc cũ, bài học tuần rồi.

Học-sinh trả bài Ám-độc vừa mới học xong.

Trong hai trường-hợp ấy, giáo-chức coi chừng chúng trả bài để sửa giọng đọc của chúng ; cần bắt chúng lên giọng, xuống giọng cho phải chỗ, phải phép.



### E) KẾT - LUẬN.

Nói tóm lại trí kỷ-ức rất cần cho trẻ - con trong sự học tập. Nó được triệť-đề áp dụng trong môn Âm-độc.

Một cá-nhân thông-minh mà lại nhớ được nhiều và nhớ lâu là bậc hơn người. Công-nghiệp của các bậc ấy thật là lớn-lao bất cứ trong địa-hạt nào. Trong địa-hạt văn-chương ở nước ta về đời Trần có Trạng-nguyên Nguyễn-Hiền, và đời Lê Trung-hưng có Bảng-nhãn Lê-quí-Đôn.

Nhưng nếu cá-nhân chỉ phát-triển trí kỷ-ức mà bỏ-rơi óc suy-nghĩ trí-khôn sẽ bị trí kỷ-ức lấn-áp và cá-nhân sẽ là một cái « máy nói » một con « vẹt » thôi.

\*  
\* \*

## V. MÔN CHÍNH - TẢ

A) SỐ GIỜ DÀNH CHO MÔN CHÍNH - TẢ VÀ VĂN - PHẠM TRONG MỖI TUẦN. (Chương-trình tiểu-học 1959 của Bộ Quốc-gia Giáo-dục).

### Lớp Năm

Chép bài hay Chính-tả ; 30 phút.

### Lớp Tư

Chính-tả : 1 giờ 20'

### Lớp Ba

Chính-tả và Văn-phạm : 1 giờ 50'

### Lớp Nhì (Nam-sinh)

Chính-tả và Văn-phạm : 1 giờ 45'

### Lớp Nhì (Nữ-sinh)

Chính-tả và Văn-phạm : 1 giờ 45'

**Lớp Nhứt (Nam-sinh)**

Chính-tả và Văn-phạm : 1 giờ 45'

**Lớp Nhứt (Nữ-sinh)**

Chính-tả và Văn-phạm : 1 giờ 45'

**B) CHƯƠNG-TRÌNH : CHÍNH-TẢ — VĂN-PHẠM — TẬP VIẾT** (Bộ Quốc-gia Giáo-dục : Chương-trình tiểu-học 1959).

**Lớp Năm**

*Chính-tả* : Khi học-trò đã viết trầm được thì cho viết trầm những câu ngắn đã đọc hoặc đã học thuộc-lòng. Trước thời-kỳ ấy, chỉ viết trầm những tiếng một, rồi tập chép những câu ngắn đã học hoặc đã đọc.

*Tập viết* : Học bài nào viết bài ấy. Tập viết số từ 1 đến 10.

*Văn-phạm* : Không có.

**Lớp Tư**

*Chính-tả* : Viết trầm những bài ngắn có tương-quan với chương-trình Đức-dục và Ngữ-vựng (có thể trích trong các bài Tập-đọc hoặc học thuộc-lòng). Tập viết các dấu (dấu chữ, dấu giọng, dấu câu) cho đúng và đặt cho đúng chỗ : dấu phẩy (phết), dấu chấm câu, chấm phẩy (chấm phết), hai chấm, nhiều chấm gạch nối, chấm gạch, dấu hỏi ; phẩy chấm (dấu than), ngoặc đơn, ngoặc kép, xuống dòng (qua hàng) và viết lùi vào đầu dòng, chấm hết (chấm dứt).

*Văn-phạm* : Không có.

*Tập viết* : Tập viết chữ thường lớn nửa khổ. Giải về cách viết từng chữ, từng tiếng.

### Lớp Ba

*Chính-tả* : Viết trăm những bài ngắn độ 5, 6 dòng có tương-quan với chương-trình Đức-dục và Ngữ-vựng (có thể trích ở các bài Tập-đọc hoặc Học thuộc-lòng). Nên để ý đến tự-dạng và cách đặt các dấu (dấu chữ, dấu giọng, dấu câu), cho đúng chỗ, trong bài Chính-tả cũng như trong bài học, bài làm.

*Văn-phạm* : Không có chương-trình Văn-phạm riêng.

Chỉ nhấn mạnh về 2 dấu giọng « hỏi » và « ngã » cần phân-biệt, không cho lẫn lộn nhau.

*Tập viết* : Tập viết chữ thường lớn nửa khổ, chữ hoa lớn nửa khổ. Tập viết chữ số.

### Lớp Nhì

*Chính-tả* : Viết trăm những bài ngắn độ 10 dòng, chọn ở những tác-phẩm văn xuôi gần đây có tương-quan với chương-trình Ngữ-vựng và Đức-dục. Thầy giáo đọc theo giọng thông thường để học trò nghe cho quen, khi gặp người tỉnh khác đọc khỏi bỏ ngỡ. Đề ý đặc-biệt đến cách đặt các dấu chữ, dấu giọng, dấu câu cho đúng chỗ, trong bài Chính-tả cũng như trong bài học, bài làm.

*Văn-phạm* : (dùng bài Chính-tả hoặc Tập-đọc mà dạy).

Phân-biệt các loại tiếng chính (danh-từ, động-từ...) và để ý về các « loại tự » dùng để chỉ riêng về người, về đồ-vật v.v... (con, cái, cây, chiếc...).

— Những điều cương-yếu về ngữ-pháp : nhận-xét các phần chính (chủ-từ, động-từ, túc-từ, trạng-từ) và vị-trí của mỗi phần trong một câu đơn :

- a { Câu chỉ việc chủ-động.  
  { Câu chỉ việc thụ-động.  
  { Câu chỉ đức-tính, tình-trạng.

- b { Câu nói thường.  
Câu đề hỏi.  
Câu đề than (cách dùng những từ - ngữ riêng  
đề hỏi hoặc đề than).

*Tập viết* : Viết chữ nhỏ, chữ vừa (lỗi thường và lỗi hoa). Viết những câu ngắn có ý-nghĩa.

### LỚP NHỨT

*Chính tả* : Viết trăm những bài dài độ 15 dòng, có tương-quan với chương-trình Ngữ-vựng, Văn-phạm và Đức-dục. Đề ý một cách đặc-biệt đến cách phát-âm và lỗi viết các phụ-âm đầu như : ch và tr, d, gi, và r, v và d, s, x, cũng như phụ-âm c, t, n, ng. Giải-nghĩa tiếng thông-thường, tìm ý-nghĩa chính của bài Chính-tả.

*Văn-phạm* : (dùng bài Chính-tả hoặc Tập-đọc mà dạy) : Ôn lại chương-trình lớp nhì.

Những điều cương-yếu về ngữ-pháp.

— Nhận xét về cách nối liền 2, 3 câu đơn thành một câu kép với những từ-ngữ : *và, thì, hoặc v.v...*

— Nhận-xét về cách chuyển-tiếp từ ý này sang ý khác hoặc từ đoạn này sang đoạn khác, với những từ-ngữ : *cho nên, tuy nhiên, nhưng mà v.v...*

— Phân tách từ-loại :

— *Tập viết* : Ôn lại chương-trình lớp Nhì, thêm chữ khổ lớn và chữ « rộng ».

### C) MỤC-ĐÍCH.

Mục-đích của môn Chính-tả là :

1<sup>o</sup>) Dạy học-sinh viết cho đúng chữ đúng theo qui-tắc chính-tả thông-thường.

2<sup>o</sup>) Dạy học-sinh viết cho đúng qui-tắc Chính-tả, văn-phạm.

3<sup>o</sup>) Bổ-túc và làm vững chắc các tri-thức của học-sinh.

Cần phân-biệt : Âm-tả với Chính-tả văn-phạm và Chính-tả theo thủ-tục thường.

a) *Chính-tả văn-phạm* : Là lối dạy viết chữ đúng theo mẹo luật văn-phạm. Trước khi đọc bài cho học-sinh viết, giáo-chức nói đại-ý bài, giải-nghĩa một ít chữ khó, sau khi đã đọc qua một lượt, cho viết các chữ khó ấy, bảo học-sinh chú-ý đến sự áp-dụng các mẹo luật văn-phạm, bảo chúng đánh vần các chữ khó ấy. Các công việc này được gọi là cuộc chuẩn-bị. Đã được chuẩn-bị như thế thì bài chính-tả do mỗi trẻ viết ra phải rất ít lỗi. Có như thế thì bài Chính-tả mới có ý-nghĩa vì chữ chính có nghĩa là ngay thẳng, dùng mẹo-luật, không quanh-co.

b) *Chính-tả theo thủ-tục thường* : Ấy là một loại Chính-tả cũng được chuẩn-bị và viết theo lối trên. Nhưng ở đây không có sự áp-dụng các mẹo-luật văn-phạm mà là sự áp-dụng các chữ thường dùng xưa nay. Các chữ ấy, đã được dùng theo thủ-tục lâu rồi và nhiều khi trái ngược với mẹo luật văn-phạm. Một bài chính-tả viết như thế này cũng phải cần ít lỗi.

c) *Âm-tả* : Tức là lối viết mò, không có sự chuẩn-bị trước, (la dictée).

Mỗi tháng một lần, nhưt là đến kỳ-thi sơ lục-cả-nguyệt, sau khi học-sinh đã học nhiều mẹo-luật văn-phạm và sau khi chúng đã được viết nhiều lần mấy chữ thông-thường, một bữa kia giáo-chức bảo chúng viết một bài mà chúng chưa được đọc trước, chưa có một sự chuẩn-bị nào. Tuy nói thế chớ học-sinh có thể áp-dụng những chữ vừa học

rồi vào những mẹo-luật văn-phạm mà viết ra được. Đó là một cách kiểm-soát những bài văn-phạm đã học rồi.

#### D) PHƯƠNG-PHÁP DẠY MÔN CHÍNH-TẢ.

Phương-pháp này căn-cứ vào khoa tâm-lý-học bằng sự phân-tách ký-ức của mỗi chữ viết ra làm bốn loại như sau :

Thị-giác ký-ức (souvenir visuel).

Thính-giác (souvenir auditif).

Phát-âm ký-ức (souvenir phonétique).

Đồ-tả ký-ức (souvenir graphique).

Một chữ viết (một tự) cần được ghi sâu vào trí-não trẻ-con dưới hình thức bốn loại ký-ức này.

Vậy giáo-chức phải hành-động như sau :

1o) Viết bài chính-tả lên bảng-đen (ở lớp nhì, lớp nhứt chỉ viết các chữ khó mà thôi).

2o) Giáo-chức đọc bài ấy với một giọng rõ-ràng và tất cả học-sinh đều dò theo bằng cặp mắt. Kế đến phiên chúng đọc lớn (đọc chung rồi đọc riêng từ cá-nhân).

3o) Giáo-chức giải-nghĩa một ít chữ khó và nói đại-ý của bài.

4o) Giáo-chức cho học-sinh viết vào bảng-đá con các chữ khó, đánh vần các chữ ấy rồi bôi-xóa các chữ ấy.

5o) Giáo-chức cho xây hoặc dạy bảng-đen đề giấu bài Chính-tả.

6o) Đoạn giáo-chức đọc chậm-chậm từng câu một cho học-sinh viết. Mỗi câu được đọc hai lần. Học-sinh viết chậm nhứt trong lớp được chỉ-định đọc lại mỗi câu sau



khi nghe giáo-chức đọc lần thứ hai và sau khi đã viết xong câu ấy.

7o) Đến lượt bài Chính-tả : Sau khi đã đọc lại toàn bài lần cuối cùng, giáo-chức ra lệnh cho các học-sinh cắt cây viết mực vào học-tủ và đưa bút chì lên. Đoạn giáo-chức cho lật (hay quay) bảng đen lại. Mỗi học-sinh coi theo bài viết trên ấy mà sửa những lỗi trong bài mình. Trong lúc ấy, thỉnh-linh giáo-chức đến chỗ này rồi lại sang chỗ khác để kiểm-soát sự sửa bài của mỗi học-sinh xem có chu-đáo không ?

Nếu trước đó sự chuẩn-bị được chu-đáo thì mỗi học-sinh viết bài rất ít lỗi. Trái lại, là bài dạy không đạt được kết-quả mong-muốn.

Đó là phương-pháp phòng-ngừa (mesure préventive). Nguyên-tắc chính là : « Không khi nào bắt trẻ-con viết một chữ mà chúng chưa hề thấy, hoặc biết ». Như vậy, loại bài Âm-tả ngày xưa được soạn ra cốt để đánh lừa trẻ-con mắc vào cạm-bẫy là một việc làm phản sư-phạm và ngày nay loại bài như thế không được dùng.

#### E) CÁC MÔN KHÁC TRONG CHƯƠNG-TRÌNH TRỢ-LỰC CHO MÔN CHÍNH-TẢ.

Trợ-lực môn Chính-tả bằng cách giúp học-sinh biết và viết được nhiều tiếng mới lạ (các tự : les mots) thì có các môn sau đây trong chương-trình : Luân-lý, Công-dân giáo-dục, Sử-ký, Địa-lý, Quan-sát v.v...

Khi đọc các môn này các tiếng mới cần được học-sinh ghi vào tập riêng.

Giáo-chức có thể trích trong bài học về mỗi môn đó một bài Chính-tả cho sửa sau.

**F) CÁCH CHỌN BÀI CHÍNH-TẢ VÀ CÁCH DẠY MÔN NÀY Ở CÁC LỚP SƠ-TIỂU.**

1º) Bài Chính-tả phải vừa sức học-sinh của mỗi lớp.

Bài ấy phải có ý-nghĩa và thích-thú.

2º) Cách áp-dụng phương-pháp phòng ngừa :

a) **Ở lớp Tư** : Bài Chính-tả phải mật-thiết liên-hệ đến bài Tập-đọc và Tập-viết. Trước hết trẻ con viết trên bảng đá con của chúng những « tự », những câu trích trong bài Tập-đọc mà giáo-chức đã nêu lên bảng đen. Học-sinh đánh vần các tự trong các câu ấy và chăm chỉ nhìn các hình viết ấy. Kế đó chúng đánh vần mò các tự ấy. Giáo-chức bôi xóa tất cả trên bảng đen và đọc cho học-sinh viết lại các tự, các câu ấy. Bài Chính-tả phải ngắn.

b) **Ở lớp Ba** : Bài Chính-tả gồm những câu rời hoặc một bài có ý-nghĩa ; đơn-giản và ngắn. Bài ấy được chép lên bảng đen. Giáo-chức đọc bài ấy với một giọng rõ-ràng và lớn tiếng. Học-sinh đọc lại và phát-âm cho đúng.

Giáo-chức cho xây bảng đen lại và đọc cho học-sinh viết.

Giáo-chức có thể lấy đoạn chót của một bài giảng-văn đã được giải-nghĩa và đọc tuần rồi làm bài Chính-tả. Bài ấy không còn viết lên bảng đen vì đã có ở trong sách tập đọc của học-sinh. Học-sinh sẽ xem vào sách mà đánh vần các tự mới, khó viết và sau khi xếp sách lại thì đánh vần mò các tự ấy. Kế rồi giáo-chức đọc bài cho chúng viết.

c) **Ở lớp Nhì, lớp Nhứt và lớp Tiếp-liên.**

Ở các lớp này bài Chính-tả sẽ dài và khó hơn :

Từ 10 đến 12 câu ở lớp nhì.

Từ 12 đến 16 câu ở lớp nhứt và lớp tiếp-liên.

Ở các lớp này, bài Chính-tả được viết lên bảng-đen hoặc được chọn trong sách giảng-văn.

Nếu là bài viết lên bảng đen thì giáo-chức sẽ đọc bài và chỉ cho học-sinh thấy phép viết chính-tả của mỗi tự mới. Đồng thời giáo-chức giảng sơ đại-ý của bài.

Sau khi học-sinh đọc xong bài, giáo-chức bảo chúng tự tìm lấy *tựa của bài*.

### G) CÁCH ĐỌC BÀI CHÍNH-TẢ.

Giáo-chức đọc bài chậm-rãi, rõ-ràng và lặp lại mỗi câu hai lần. Nếu gặp « tự » khó, giáo-chức sẽ ngưng lại và bắt toàn-thể học-sinh đọc « tự » ấy với cách phát-âm nhắc cho học-sinh cách viết chính-tả tự ấy. Nếu gặp trường-hợp phải áp-dụng mẹo-luật văn-phạm, giáo-chức phải cho học-sinh hay để chúng đặc-biệt chú-ý.

Ở lớp nhì và lớp nhứt thường có một học-sinh được chỉ-định lên viết bài Chính-tả trên bảng đen xây lưng lại phía các học-sinh khác. Học-sinh nói trên phải có một tuồng chữ tốt là vì bài ấy sẽ là bài kiểu-mẫu cho toàn lớp. Như thế, trước khi đọc bài cho học-sinh viết, giáo-chức không cần viết bài trước lên bảng đen nữa. Nhưng đó là sự bất đắc-dĩ vì nó có nhiều trở ngại lớn.

### H) CÁCH CHỮA LỖI MỘT BÀI CHÍNH-TẢ.

Sau khi đã truyền lệnh cho tất cả học-sinh cất bút mực vào học tủ, giáo-chức bắt đầu chữa các lỗi của bài đã được học-sinh viết lên bảng đen. Các tự viết sai được bôi đi và được viết lại sạch-sẽ với một tuồng chữ để toàn lớp không ngờ rằng đó là tự đã viết sai. Xong rồi giáo-chức cho xây mặt bảng đen lại. Các học-sinh sẽ dò theo bài kiểu-mẫu ấy mà chữa những lỗi của mình. Các tự viết sai đều bị gạch và các tự viết đúng qui-tắc chính-tả đều được viết lên trên hoặc ngoài lề trang vở một cách rõ-ràng.

Giáo-chức nhấn mạnh về các chấm, phết và bảo toàn thể học-sinh chú-ý.

#### 1) NHỮNG BÀI LÀM, BÀI VIẾT SAU CHÍNH-TẢ.

Sau khi đã sửa-chữa xong bài Chính-tả, giáo-chức phải trở lại sự giải-nghĩa bài Chính-tả một cách đầy-đủ hơn nếu đó là một bài mới. Nếu là một bài giảng-văn đã được giải và đọc rồi thì việc ấy là thừa. Giáo - chức sẽ nói qua về tiền-sử của tác-giả và cho các câu hỏi để học-sinh đem về làm ở nhà. Câu thứ nhứt thường là sự thích-nghĩa các tự mới.

Câu thứ nhì thường là một vấn-đề văn-phạm.

Câu thứ ba thường là ý-nghĩa tổng-quát của bài và dàn-bài của toàn bài.

#### J) KẾT-LUẬN.

Nói tóm lại, ngày hôm nay, môn Chính-tả được dạy đúng theo nguyên-tắc sư-phạm và khoa Tâm-lý nhi-đồng nhứt là về năng-khiếu ký-ức và năng-khiếu ngôn-ngữ của trẻ con. Phương-pháp dạy môn Chính-tả như thế đã đem lại một kết-quả chắc-chắn.

\*  
\*\*

### VI. MÔN VĂN-PHẠM

(Số giờ của mỗi tuần dành cho môn Văn - phạm và chương-trình của môn này đã được đồng-thời nêu lên với chương-trình môn Chính-tả).

#### A) TÍNH-CÁCH CỦA MÔN VĂN-PHẠM.

Môn Văn-phạm không phải là một mục-tiêu cần đạt được như các môn khác trong chương-trình. Trái lại, nó chỉ là một phương-tiện để đi đến mục-tiêu ấy.

Mục-tiêu ấy là : *nói và viết cho đúng Việt-ngữ.*

#### B) PHƯƠNG-PHÁP DẠY MÔN VĂN-PHẠM.

1o) **Bài mới** : Khi dạy bài mới, giáo-chức cần áp-dụng

phương-pháp qui-nạp dưới hình-thức chất-vấn. Thí-dụ : Bữa nay dạy về chủ-từ, giáo-chức, trước khi nêu lên từ-ngữ chủ-từ, cho ba thí-dụ như sau :

**Ba** đọc sách. **Má** nấu cơm. **Em** ngồi chơi. Nhơn đó giáo-chức giúp học-sinh nhận-thức vai-tuồng quan-trọng trong ba câu của ba danh-từ : **Ba**, **má**, **em**, và đưa chúng đến sự tìm ra : **Ba**, **má**, **em** làm chủ-từ trong 3 câu nói trên. Nếu không có ba danh-từ ấy thì ý-nghĩa của ba câu đều mù mờ, không rõ.

**Ai** đọc sách ? **Ai** nấu cơm ? **Ai** ngồi chơi ?

Vậy : **Ba**, **má**, **em** đóng vai chủ trong ba câu và được gọi là **Chủ-từ**. Căn-cứ theo ba thí-dụ ấy, giáo-chức mới ấn-định ý-nghĩa của **Chủ-từ**. Định-nghĩa này, học-sinh sẽ chép vào tập và học thuộc lòng. Giáo-chức bảo chúng cho nhiều thí-dụ tương-tự như trên để xem chúng có hiểu bài không ? Giáo-chức có thể mượn các thí-dụ ở bài Chính-tả vừa rồi. Ấy là áp-dụng phương-pháp qui-nạp.

**2o) Bài dọn :** Tuần sau, trước khi dạy bài mới, giáo-chức hỏi lại bài cũ bằng cách cho học-sinh đọc lên định-nghĩa của mỗi loại-từ và bảo chúng áp-dụng mẹo luật ấy, cho các thí-dụ cụ-thể. Hành-động như thế là giáo-chức đã áp-dụng suy-diễn pháp rồi vậy.

Các thí-dụ cụ-thể đều mượn ở bài Chính-tả. Vì thế mà mỗi khi nói đến chính-tả thì người ta nói luôn đến Văn-phạm. Sau khi cho trẻ con viết một bài Chính-tả rồi thì giáo-chức nhơn cơ-hội đó dạy môn Văn-phạm bằng cách trích ở bài Chính-tả những thí-dụ cụ-thể chứng-minh sự áp-dụng các mẹo luật.

Trong khi dạy môn Tập-đọc, giáo-chức có thể gián-tiếp áp-dụng mẹo luật văn-phạm cho một vài thành phần của câu, của một mệnh-đề v.v...

### C) KẾT-LUẬN.

Nói tóm lại, môn Văn-phạm không phải là một môn học tự nó có một cứu-cánh của nó. Sự nghiên-cứu môn này tựa vào sự quan-sát các bằng chứng, các thí-dụ trích trong các bài Chính-tả, Giảng-văn, v.v... Người ta học văn-phạm không phải chỉ để biết văn-phạm mà là để nói và viết cho đúng tiếng Việt.

\* \* \*

## VII. MÔN TÁC-VĂN

### TẬP LÀM VĂN

#### A) SỐ GIỜ MỖI TUẦN DÀNH CHO MÔN TÁC-VĂN Ở CÁC LỚP SƠ-TIỂU.

Chương-trình tiểu-học ban hành ngày 16.7 năm 1959 của Bộ Quốc-gia Giáo-dục.

#### Lớp Năm

Không có Tác-văn

#### Lớp Tư

Tập làm văn (45 ph X 2) = 1 giờ 30'

#### Lớp Ba

Tập làm văn : (45 ph X 2) = 1 giờ 30'

#### Lớp Nhì (Nam học-sinh)

Tập làm văn : 1. giờ 30'

#### Lớp Nhì (Nữ học-sinh)

Tập làm văn : 1 giờ 30'



**Lớp Nhút** (Nam học-sinh)

Tập làm văn : 1 giờ 30'

**Lớp Nhút** (Nữ học-sinh)

Tập làm văn : 1 giờ 30'

**B) CHƯƠNG-TRÌNH MÔN TÁC-VĂN CÁC LỚP SƠ-  
TIỂU** (Bộ Quốc-gia Giáo-dục : Chương-trình năm 1959).

**Lớp Năm**

Không có giờ chính-thức nhưng học trò tập làm văn trong tất cả các môn.

**Lớp Tư**

Tập làm miệng rồi mới làm bài viết theo thứ tự như sau :

- 1<sup>o</sup>) Tập điền câu bằng tiếng đã học ở Ngũ-vưng.
- 2<sup>o</sup>) Trả lời những câu hỏi về tập-đề trong tuần-lễ.
- 3<sup>o</sup>) Đặt thành câu với những chữ đã chọn.
- 4<sup>o</sup>) Trả lời những câu hỏi về một đề-mục dễ.

**Lớp Ba**

- 1<sup>o</sup>) Tập làm câu với những tiếng : *thì, mà, là, vì, bởi, bị, được*.
- 2<sup>o</sup>) Trả lời theo câu hỏi về một đề-mục đã biết.
- 3<sup>o</sup>) Tả những vật, cây, thú, những cảnh (dễ tả) đã trông thấy.
- 4<sup>o</sup>) Kể chuyện (những chuyện dễ kể).
- 5<sup>o</sup>) Tập viết thư (những thư dễ viết).

**Lớp Nhì**

- 1<sup>o</sup>) Tập dùng những từ ngữ : *chỉ. . . . . mà thôi, không những. . . . lại còn, còn. . . . nữa* ; — tập dùng những tiếng : *mỗi, mọi, mấy, những, các* ; — tập dùng những tiếng : *rất, lắm, quá, hơn, thua*.

2<sup>o</sup>) Tả đồ-vật, thú-vật, cây cỏ ; tả cảnh, tả người.

3<sup>o</sup>) Thuật chuyện, viết thư dễ và hợp với đời sống hằng ngày của học-trò.

### **Lớp Nhứt**

— Tập lại các thể-văn đã làm ở lớp nhì.

— Đơn từ thông-thường.

— Giải-nghĩa, tự-thuật, những cách-ngôn, phương-ngôn, tục-ngữ thông-thường và dễ hiểu.

### **C) SỰ QUAN-HỆ CỦA MÔN TÁC-VĂN VIỆT.**

Đối với một cá-nhân không có gì quan-hệ cho bằng tự mình viết được cái mình biết, cái mình thấy, cái mình muốn, cái mình suy nghĩ bằng những câu văn suông-sẻ đúng phép dễ hiểu.

### **D) SỰ SÚT-KÉM CỦA CÁC HỌC-SINH VỀ MÔN TÁC-VĂN.**

Ở các lớp sơ-tiểu, học-sinh có một trình-độ rất kém về môn Tác-văn. Sự sút kém ấy do ba nguyên nhân sau đây :

1<sup>o</sup>) Các học-sinh nói tiếng Việt chưa rành : nhiều nơi còn nói trại bẹ, còn giữ thô-âm.

2<sup>o</sup>) Ở các lớp sơ-tiểu, người ta nhấn-mạnh nhiều về môn Chính-tả và môn Văn-phạm mà ít đề ý đến môn Tác-văn.

3<sup>o</sup>) Ở các lớp sơ-tiểu, người ta ít tập học-sinh nói bằng miệng cho nhiều : bắt tả-cảnh, bắt tự-thuật, tả người bằng miệng.

### **E) SỰ LỰA CHỌN CÁC ĐỀ TÁC-VĂN.**

Sự lựa chọn này rất quan-hệ. Giáo-chức phải có một tập trong ấy có ghi những đề-tài tác-văn đã được chọn lọc

cho hợp với tính chất nhà trường, với thời buổi, với học lực của học-sinh.

(Các nguyệt-san, các sách giáo-khoa chỉ giúp ý-kiến cho giáo-chức chứ không bắt buộc giáo-chức nhứt nhứt phải theo đúng trong đó). Nếu là bài văn tả vật, tả người tả cảnh thì phải cho trẻ con thấy rõ vật, người và cảnh ấy.

#### F) SỰ TÌM KIẾM NHỮNG TỪ-NGỮ THÍCH-ỨNG.

Trong những bài Giảng-văn (bài Âm-độc, bài Chính-tả), giáo-chức bảo học-sinh để ý đến cách dùng các tự đơn, tự kép (từ-ngữ) có ý-nghĩa rõ rệt, thích ứng, khiến câu văn trở nên linh-động, bóng bẩy, có màu sắc rực rỡ.

Trong những bài văn tả người, tả cảnh, giáo-chức dạy học-sinh biết làm nổi bật những điểm chính, những đặc-sắc của cảnh, của vật, con người bằng cách dùng khéo léo các từ-ngữ.

#### G) NHỮNG KHUYẾT-ĐIỂM CẦN NÊN TRÁNH.

1<sup>o</sup>) Không cho học-sinh tả vật, tả cảnh, tả người mà chúng chưa thấy bao giờ.

2<sup>o</sup>) Không nên cho chúng tả những mối tình mà chúng chưa thể biết hoặc quá sức chúng.

3<sup>o</sup>) Không nên bảo học-sinh viết thơ khuyên một người bạn nên ham học, siêng năng vì vai tuồng ấy không phải của chúng mà là của những bậc lão-thành và của thầy học.

4<sup>o</sup>) Đề-tài một bức thư gửi cho bạn phải phù-hợp với thực-tế, phải có vẻ đúng sự thật, nghĩa là vừa sức học-sinh.

5<sup>o</sup>) Không nên bắt học sinh viết thơ cho người thân nhân đề báo tin cái chết của người nhà mình vì lẽ không nên kêu gọi ở tâm-hồn trẻ con những tư-tưởng thảm-đạm, đen tối.

6<sup>o</sup>) Các đề tài tác-văn phải được lựa thể nào mà học-

sinh có thể áp-dụng những tri thức, những tài-liệu riêng của tri kỷ-ức chúng. Có như thế bài Tác-văn của chúng mới có tính-cách đặc-biệt, hoàn toàn của chúng.

7<sup>o</sup>) Sự sửa soạn bằng miệng (sự chuẩn bị bằng miệng. Cách bố-cục của một bài Tác-văn...)

a) Bắt học - sinh đọc đi đọc lại đề - tài đã ra và nhấn mạnh những tự, những từ-ngữ then chốt của đề-tài bằng cách gạch một nét ở dưới các tự, các từ-ngữ ấy.

b) Học-sinh cố suy nghĩ đề cùng giáo-chức tìm ra các ý-kiến ấy. Đó là « sự săn ý-kiến » làm cho lớp học linh-dộng. Các ý-kiến do học-sinh đưa ra đều được nêu lên bảng đen không theo một trật-tự nào. Sau khi không còn ai cho ý-kiến nữa thì giáo-chức hiệp với học-sinh mà sắp xếp các ý-kiến ấy thành một dàn bài có thủ có vĩ và đầy đủ chi-tiết.

Sau đó giáo-chức gọi một vài học-sinh đứng lên thảo bằng miệng các câu văn của đoạn đầu (nhập đề) hoặc của đoạn chót (kết luận). Toàn lớp đều được phê bình cách hành-văn thuộc đoạn ấy. Giáo-chức cũng nên cho biết người ta có thể thảo ra các đoạn nói trên bằng một cách khác, khéo-léo hơn.

Sau buổi học, học sinh về nhà và làm lại toàn bài Tác-văn đúng theo dàn bài đã nói trên. Giáo-chức không nên nói đi nói lại nhiều lần mỗi đoạn của dàn-bài vì sẽ có một số học-sinh cố-gắng nhớ các lời của giáo-chức và sau khi về nhà chúng sẽ chép ra giấy những lời ấy mà không cố tìm ý-kiến nào mới. Như vậy thật là một tai hại vì nhiều bài sẽ giống nhau và rốt cuộc bài Tác-văn không bổ-ích chi cho chúng cả.

Một học-sinh làm bài Tác-văn ở nhà trên một tờ giấy

nháp (brouillon) đề mặc tinh bôi xóa, sửa chữa. Bữa sau, vào lớp chúng sẽ trình giấy nháp lên giáo-chức xem và sửa-chữa đôi chỗ. Đoạn chúng chép bài ấy vào tập tác-văn hoặc vào một tờ giấy sạch riêng biệt và đem nộp cho giáo-chức. Đầu niên học, vì học-sinh chưa quen, nên giáo-chức giúp chúng lập lên dàn-bài đủ chi-tiết.

Nhưng sau rồi, dần dần giáo-chức sẽ thâu ngắn lại dàn-bài ấy. Số chi-tiết sẽ dần dần bớt đi. Đến gần cuối niên-khóa thì giáo-chức chỉ cho đề-tài tác-văn với một dàn-bài có những điểm đại-cương thôi. Cuối niên-khóa thì đề-bài được cho mà không có dàn-bài kèm theo cốt để học-sinh tự cố-gắng làm bài một mình. Đó là tập chúng có tinh-thần tự-lập, tin cậy ở chúng mà thôi.

Đề trang-trí một bài Tác-văn học-sinh có thể vẽ hình ảnh có tô màu ngoài lề của bài. Do các hình ảnh ấy mà giáo-chức biết được sức cảm-thông đề-tài của trẻ con đến mức nào.

#### 4) SỰ SỬA BÀI TÁC-VĂN.

Giáo-chức sửa các bài Tác-văn tại tư-lhất của giáo-chức. Nếu sĩ số quá đông mà mỗi tuần nhứt phải có hai buổi dạy môn Tác-văn thì giáo-chức có thể làm như thế này : Số bài được chia ra làm hai loại : Kỳ đầu loại bài thứ nhứt được sửa và phê-bình cho điểm kỹ-lưỡng. Loại thứ nhì chỉ có điểm mà không có sự sửa-chữa kỹ-lưỡng các lỗi. Kỳ thứ hai thì đổi ngược lại : loại bài thứ hai thì được sửa chữa kỹ-lưỡng. Trái lại, loại bài thứ nhứt chỉ được có điểm và lời phê-bình tổng-quát mà thôi. Giáo-chức có thể chia số bài làm hai phần. Tuần này phần I được sửa và có điểm cần thận. Tuần sau sẽ tới phiên phần II.

Trong khi sửa bài Tác-văn giáo-chức cần có bên cạnh một tập trong ấy có nêu rõ các khoản như sau.

1o) *Lỗi về dàn bài* : (Cách sắp xếp vung về các ý-kiến, các điều thiếu sót ; các ý-kiến ngoại đề, vô ích).

2o) *Lỗi về cách đặt câu* : (đặt câu vụng về, không gọn, các điều thiếu sót về các mệnh-đề chính và phụ).

3o) *Lỗi về sự dùng sai các «tự», các từ-ngữ*

4o) *Lỗi về sự lập đi lập lại một ý-kiến*

5o) *Lỗi về chính-tả*

6o) *Lỗi về văn-phạm*

7o) *Chữ viết cầu-thả*

Trong khi sửa bài, giáo-chức sẽ lần lượt ghi vào các khoản ấy tên những học-sinh đã làm lỗi và làm dấu trong mỗi bài các lỗi thuộc về bảy khoản vừa kể.

Giáo-chức trong khi chấm bài, chú-trọng về hai khoản ý tứ của bài và cách hành-văn.

Các lời phê-bình, các khuyết điểm đều được nêu lên đầu trang nhứt, ở lẽ của bài. Chữ viết phải cẩn thận, để chứng-minh giáo-chức rất chú-trọng đến bài làm.

Giáo-chức không nên dùng mực đỏ bôi bỏ tất cả các câu bằng những nét đậm chứng tỏ sự bất bình, sự nóng nảy của giáo-chức. Bài Tác-văn được sửa như thế, một là làm cho học-sinh hoặc là bi-quan, chán nản, vì chúng nhận thấy rằng : chúng không thể học tới nữa được, vì làm bài không trúng, không được thầy khuyên một đoạn nào ; hoặc là làm chúng bức tức và cho giáo-chức là bất-công, không hiểu chúng.

Điều nên làm là ngoài những khoản chê trách còn có những khoản khen tặng vì theo khoa sư-phạm hiện-thời phải tìm cơ-hội để khen chúng, dù đó là một điều nhỏ mọn.

Giáo-chức chỉ sửa các lỗi quan-trọng mà thôi, nghĩa là những lỗi mà chính học-sinh không nhận ra và không biết sửa chữa cách nào. Những lỗi thường về chính-tả,



văn-phạm v. v .... thi-giáo chức chỉ gạch ở phía dưới các lỗi ấy và đề ngoài lề những chữ tắt như sau : V. p. nghĩa là lỗi về văn-phạm, C. t. nghĩa là lỗi về chính-tả.

### 1) SỰ TRẢ BÀI TÁC-VĂN.

Đến ngày trả bài tác-văn, trước hết giáo-chức nêu lên lời phê-bình tổng quát : khen hoặc chê chung toàn lớp.

Đoạn giáo-chức mới nêu lên những lỗi lầm chung của toàn lớp về dàn bài. Giáo-chức đọc cho toàn lớp nghe bài kiểu-mẫu do giáo-chức soạn hoặc do sự kết-hợp các đoạn hay trích ở các bài.

Bài kiểu-mẫu chỉ được đọc cho toàn lớp nghe mà thôi, chớ không được cho chép vào tập. Làm như thế là để tránh những tai hại về sau trong các cuộc thi : nhiều thí-sinh chép lại bài kiểu-mẫu đã cho trước ngày ấy và bị khép vào tội gian lận.

Sau cùng, chiếu theo các điều đã được liệt vào 7 khoản nói trên, giáo-chức gọi mỗi học-sinh lên nhận và sửa lỗi đã làm. Giáo-chức có thể cho viết câu văn sai lầm ấy lên bảng đen để toàn lớp cùng sửa chữa. Giáo-chức sẽ cho ý-kiến chót hết.

Những lỗi bị gạch ở phía dưới, ngoài lề có ghi dấu V. p. hay là C. t. thì học-sinh sau khi về nhà sẽ dùng bút chì tự sửa lấy để vài ngày sau trình lên giáo-chức xem lại coi đúng không.

Mục-dịch của sự sửa bài là giúp học-sinh tự nhận thấy lỗi đã làm, tự sửa chữa lấy để rồi kỳ tới không đi vào vết xe cũ nữa. Nếu có sự thành-thực cải hối, sửa chữa như vậy thì mục-dịch của sự sửa chữa bài đã đạt được rồi. Nhưng khốn nỗi, phần đông học-sinh chỉ chú trọng đến khuyến điểm mà không mấy để ý đến các lỗi đã được giáo-chức sửa chữa cho.

Nếu khuyên điếm lớn, lời khen dồi dào, bài ít bị sửa thì chúng còn ráng đọc lại toàn bài và đề ý đến các lỗi đã được chữa. Nếu không thì chúng sẽ xếp bài đề vào một góc và không buồn xem đến. Như vậy công-trình của giáo-chức đề sửa chữa các lỗi đã trở thành vô hiệu rồi. Đó là trường-hợp thường xảy ra luôn và đâu vẫn còn đấy. Thật là một điều hết sức đau đớn ! Bởi thế mới có sự đề học-sinh tự sửa lấy những lỗi của chúng làm đề rồi vài ngày sau trình lên giáo-chức kiểm soát lại.

#### J) KẾT-LUẬN.

Nói tóm lại, ở các học đường sơ-tiêu, hiện nay sự dạy môn Tác-văn chưa đem lại kết-quả mong muốn.

Phần nhiều các ông thầy, bà thầy không sớm tập luyện học-sinh về môn này, nhưt là sự sửa soạn bài Tác văn bằng miệng (*exercices oraux de rédaction*).

Nhưt là sự sửa bài. Nó đòi hỏi ở giáo-chức nhiều thì giờ, nhiều công phu mà rồi nó cũng chẳng bổ-ích chi cho học-sinh lắm. Các lỗi lầm đã được nêu lên mà nào có được chúng thành thực quan-tâm đâu ?

Theo đúng nguyên-tắc, một lỗi lầm đã được sửa chữa phải là một bước tiến của học-sinh. Học-sinh phải tự sửa chữa lấy hoặc ít ra cũng đọc đi đọc lại những lỗi đã được thầy sửa chữa cho đề cương quyết bỏ hẳn lỗi xưa, tránh hẳn tật cũ. Muốn được vậy, sau khi đã trả lại bài Tác-văn, vài ngày sau giáo-chức phải ra lệnh gộp tất cả các bài ấy lại để xem học-sinh có chịu khó sửa chữa các lỗi không ?

Vì giáo-chức thiếu thì giờ, vì sĩ số quá đông và nhưt là vì tính cầu-thả của hầu hết học-sinh mà kết-quả của môn Tác-văn thường không được tốt đẹp.

## CHƯƠNG HAI

# MÔN ĐỨC-DỤC VÀ MÔN CÔNG-DÂN GIÁO-DỤC

### I. MÔN ĐỨC-DỤC

A) SỐ GIỜ MỖI TUẦN DÀNH CHO MÔN ĐỨC-DỤC Ở CÁC LỚP SƠ-TIỂU. (Bộ Quốc-gia Giáo-dục: Chương trình 1959).

#### Lớp Năm

Đức-dục và Công-dân giáo-dục :  $25 \text{ ph} \times 5 = 2 \text{ giờ } 05'$

#### Lớp Tư

Đức-dục và Công-dân giáo-dục :  $25 \text{ ph} \times 5 = 2 \text{ giờ } 05'$

#### Lớp Ba

Đức-dục và Công-dân giáo-dục :  $25 \text{ ph} \times 5 = 2 \text{ giờ } 05'$

#### Lớp Nhì (Nam học-sinh)

Đức-dục và Công-dân giáo-dục :  $2 \text{ giờ } 30'$ .

#### Lớp Nhì (Nữ học-sinh)

Đức-dục và Công-dân giáo-dục :  $2 \text{ giờ } 30'$ .

#### Lớp Nhất (Nam học-sinh)

Đức-dục và Công-dân giáo-dục :  $2 \text{ giờ } 30'$ .

#### Lớp Nhất (Nữ học-sinh)

Đức-dục và Công-dân giáo-dục :  $2 \text{ giờ } 30'$ .

**B) CHƯƠNG-TRÌNH ĐỨC-DỤC VÀ CÔNG-DẪN GIÁO-DỤC CÁC LỚP SƠ-TIỂU** (Bộ Quốc - gia Giáo - dục : Chương-trình 1959).

**Lớp Năm**

Ở ba lớp dưới (năm, tư, ba) chương-trình Đức-dục chuyên-chủ về phần thực-hành. Giáo - viên không ra bài học, nhưng vẫn có giờ nhứt-định để giảng-giải và kể những chuyện lý thú để cảm-hóa trẻ, sớm gây cho chúng có những đức-tinh sau đây :

— **Bổn-phận đối với bản-thân :**

Sạch sẽ, ăn uống, thứ - tự, thành - thực, vui - vẻ, bạo-dạn.

— **Bổn-phận trẻ trong gia-đình :**

Bổn-phận đối với cha-mẹ, anh-em, ông-bà.

Các ngày kỷ-niệm trong gia-đình. Cách đối đãi với người ở (tử-tế, dậu-dàng).

— **Bổn-phận trẻ đối với học-đường :**

Bổn-phận đối với thầy học ! Yêu - mến, tôn - trọng, vâng-lời.

Bổn-phận đối với bè bạn : giúp đỡ lẫn nhau, hòa-thuận nhau, thương-yêu nhau — Kín miệng.

— **Bổn-phận đối với người ngoài :**

Lễ-phép. Cách chào hỏi, xưng-hò với kẻ dưới, người trên (trong nhà mình, nơi nhà người, ngoài đường).

**Lớp Tư**

Không có bài học, nhưng vẫn có giờ giảng-giải nhứt-định. Giảng xong cho chép một câu quyết-định.

**1º) Bồn-phận đối với bản-thân :**

Phải tập thể-dục ; biết gắng công. Phải học-hành và tập-rèn đức-tinh tốt. Khi làm lỗi, biết hối-cải. Tiết-kiệm. Nhún-nhường.

**2º) Bồn-phận trẻ trong gia-đình :**

Nhắc lại chương-trình lớp năm.

*Thêm :* Giữ tiếng thơm cho cha mẹ, ông bà. Bồn-phận đối với họ hàng.

**3º) Bồn-phận trẻ ở học-đường :**

Nhắc lại chương-trình lớp năm.

*Thêm :* Tình bè bạn.

**4º) Bồn-phận đối với người ngoài :**

Lễ phép. Ngay thẳng. Yêu mến và giúp đỡ đồng-bào.

**Lớp Ba**

Không có bài học, nhưng có giờ giảng-giải nhứt-định. Giảng xong, cho chép một câu quyết-định hay một câu châm-ngôn.

**1º) Nhắc lại chương-trình lớp tư :**

Bồn-phận trẻ con đối với bản-thân.

**2º) Bồn-phận trẻ đối với gia-đình :**

Hiếu, đễ. Bồn-phận làm con.

a) Khi còn nhỏ : b) Khi trưởng thành ; c) Khi cha mẹ già-yếu.

**3º) Bồn-phận trẻ ở học-đường :**

Nhắc qua những điều đã dạy ở lớp Năm. Tình bè-bạn. Bồn-phận đối với thầy và bạn.

**4º) Bồn-phận đối với người ngoài :**

Nhắc lại những điều đã dạy ở lớp tư.

**Thêm :** Trọng lời hứa, Chân thật.  
Sự giao tiếp với bà con, họ-hàng, làng-xóm.

### **Lớp Nhì**

Có giờ nhứt-định, có bài học, nhưng vẫn chú-trọng về phần thực-hành.

#### **1<sup>o</sup>) Bồn-phận đối với bản-thân :**

Phải tập thể-dục và thích hoạt-động. Tinh-thần đồng-đội trong các trò chơi.

Can-dảm. Biết nhận trách-nhiệm. Biết tự-trọng. Biết phòng-xa và tiết-kiệm. Tập sống đời giản-dị (bỏ thói xa-hoa phung-phí, đài-các trường-giả).

#### **2<sup>o</sup>) Bồn-phận trẻ trong gia-đình :**

Trách-nhiệm huynh-trưởng. Bồn phận đối với tộc-thuộc. Trọng tinh-thần gia-tộc.

#### **3<sup>o</sup>) Bồn-phận trẻ ở học-đường :**

Nhắc lại những điều đã dạy ở lớp ba. Nghĩa thầy trò, tình bè-bạn. Tôn-trọng danh-dự ở học-đường.

#### **4<sup>o</sup>) Bồn-phận đối với người ngoài :**

Phải trọng tính-mệnh, nhân-cách và tài-sản của người khác, phải thật-thà (tin) trong việc giao-dịch. Công-bình.

#### **5<sup>o</sup>) Bồn-phận đối với Tổ-quốc :**

Lòng yêu nước. Trọng kỷ-luật. Tuân pháp-luật.

Ở trường nữ-học : Bồn-phận người con gái trong gia-đình. Giúp đỡ mẹ trong việc gia-đình (trồng nom, dạy dỗ các em, khâu vá, giặt giũ quần áo).



## LỚP-NHẤT

Có giờ nhất-định. Có bài học. Nhưng vẫn chú-trọng về phần thực-hành.

### 1o) — Bồn-phận đối với bản-thân :

Ôn lại chương-trình lớp Nhì.

Thêm : Cần phải làm việc và gắng sức. Giá-trị những lao-nghiệp, trọng những lao-nghiệp.

Phải biết chọn-nghề, yêu nghề và luyện-tập thêm cho tinh-xảo.

Phải có óc tổ-chức, sáng-kiến, canh-tân, sức tranh-đấu với khó-khăn, và hủ-tục. Làm việc phải có tin-tưởng, có phương-pháp. Lương-tâm nhà-nghề, liêm-khiết.

### 2o) — Bồn-phận trẻ trong gia-đình :

Ôn lại chương-trình lớp Nhì :

### 3o) — Bồn-phận trẻ ở học đường :

Bồn-phận học trò đối với thầy, với bạn sau khi rời khỏi nhà trường.

### 4o) — Bồn-phận đối với người ngoài :

Lòng tương-trợ (tham-dự vào việc công-ích : việc cứu-tế, chống nạn thất-học). Hy-sinh giúp đồng-bào. (lúc cháy nhà, khi bão-lụt). Nhân-từ, bác-ái.

### 5o) — Bồn-phận đối với tổ-quốc :

Tránh những hành-vi bất lợi cho nước.

Phải giữ thuần-phong, mỹ-tục của Việt-Nam.

Phải thu-thập những tinh-hoa của văn-hóa nước ngoài.

Ở trường nữ-học, lớp Nhì, lớp Nhứt, dạy thêm bồn-phận người con gái trong gia-đình. Giúp đỡ mẹ trong việc gia-chính (trông nom nhà cửa, sai bảo người làm, săn-sóc người ốm).

**C) LÝ-DO SỰ ĐEM MÔN LUÂN-LÝ VÀO CHƯƠNG-TRÌNH TIỂU-HỌC :**

Người ta có thể quan-niệm một xã-hội vô học-thức mà trái lại, người ta không thể quan-niệm một xã-hội vô luân-lý được. Cá-nhân có thể thiếu học-thức mà không thể thiếu đức-hạnh được. Bởi thế mới có câu : « Đức thắng tài vi quân-tử, tài thắng đức vi tiểu-nhân. »

Trong một nước độc-lập văn-minh, mỗi công-dân phải nhận-thức rõ-rệt phẩm-giá và trách-nhiệm của mình. Môn luân-lý và công-dân giúp học-sinh hiểu rành hai khoản ấy vì học-sinh là công-dân tương-lai của nước. Hạnh-phúc chung của nước-nhà là do ở hạnh-đức của toàn dân. Mà hạnh-đức của quốc-dân đồng-bào là nhờ nhà-trường hun-đúc cho.

**D) HAI LỐI DẠY MÔN LUÂN-LÝ HAY LÀ ĐỨC-DỤC.**

Môn Đức-dục được dạy ở nhà trường hoặc là theo lối trực-tiếp, hoặc là theo lối gián-tiếp.

1o) **Lối trực-tiếp.**— Trong mỗi tuần-nhật, mỗi lớp học có hai giờ Đức-dục chia ra làm nhiều buổi dạy. Đến giờ Đức-dục, giáo-chức hỏi bài cũ rồi giảng bài mới. Giáo-chức cần cụ-thể-hóa bài dạy bằng tranh-ảnh, bằng điệu-bộ hoặc bằng những kịch ngắn.

Khi dạy các môn khác, nếu có dịp thì giáo-chức cho áp-dụng bài Đức-dục đã học rồi, hoặc lợi-dụng cơ-hội mà giảng rộng bài Đức-dục ra.

2o) **Lối dạy gián-tiếp.**— Trong bất cứ trường-hợp nào ở nhà trường (trong giờ học, giờ chơi, ngoài đường, ngoài phố, trong gia-đình, giáo-chức cần xem chừng và khuyên học-sinh áp-dụng những bài Đức-dục đã học rồi để tập rèn nhiều đức-tính tốt. Phần thực-hành trong môn Đức-dục mới chính là phần quan-trọng. Nhờ thế mà trong mọi trường-hợp cá-nhân mới biết biện-phân tà-chánh.

### E) TÍNH-CÁCH DẠY MÔN ĐỨC-DỤC.

1o) Các ý-tưởng được nêu lên trong bài đức-dục phần lớn là trừu-tượng, khó hiểu, khó thấy. Bởi thế, cần phải cụ-thể-hóa bài dạy bằng những tranh ảnh, những điệu bộ hoặc bằng những kịch ngắn.

2o) Bài dạy phải giản-dị, cần chú-trọng về nguyên-tắc đại-cương dưới hình-thức một cuộc đàm-thoại, một cuộc kể chuyện. Giáo-chức phải biết nói tiếng trẻ con, kích-thích trí tò-mò, sự chú ý của chúng. Tuy là bài dạy được giản-dị-hóa nhưng nó không kém phần cao-thượng về tinh, về ý để kích-thích tâm-hồn trẻ con làm nảy-nở những tình tình cao-thượng hiện còn trong tình-trạng tiềm-tàng. Nhờ có sự hun-đúc kỹ-lưỡng, trẻ con sẽ có một tâm-hồn cứng-rắn khả-dĩ mai sau này đương đầu với những cảnh-ngoại éo-le ngoài xã-hội mà không bị sa-ngã.

3o) Trong khi dạy môn Đức-dục, giáo-chức cố sửa chữa những tư-tưởng lệch-lạc do phụ-huynh truyền lại cho trẻ con. Thí-dụ: Trốn xâu, lậu thuế không phải là tội tởm cấp.

4o) Giáo-chức phải hướng-dẫn trẻ con đến chỗ làm một điều thiện là chỉ biết việc ấy là điều phải và chỉ có thế thôi. Không nên có ý nghĩ làm một việc lành là cốt để được trời ban phước, xã-hội khen-thưởng. Nói một cách khác, nên hướng trẻ-con về sự « Vô-tâm hành thiện » hơn là về sự « Hữu-tâm hành thiện ».

5o) Giáo-chức cần biến những quyết-định thành những « vô - thượng mệnh - lệnh ». (impératifs catégoriques) để thúc đẩy học-sinh cố-gắng Thí-dụ : « Tôi muốn học », « Tôi muốn dậy sớm ».

Ấy là áp-dụng nguyên-tắc tâm-lý. « Ý-tưởng hợp với hành-động ».

### **Lời chỉ-dẫn của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục :**

Mục-dịch môn Đức-dục là giúp trẻ em có những đức-tính tốt cần-thiết cho một công-dân của một nước độc-lập. Vậy nguyên-tắc của chương-trình Đức-dục là gây cho học-sinh có bản-tánh, có lòng tự-tin và tinh-thần tự-lập, có tinh-thần quốc-gia, giàu lòng nhân-đạo, bác-ái, biết đoàn-kết và hy-sinh vì chính-nghĩa.

Muốn đạt mục-dịch trên, chương trình đức-dục không thể là một mớ bài luân-lý để nhồi vào óc trẻ những lý-thuyết suông : trái lại, những bài luân-lý và những lời huấn-giới, những câu châm-ngôn hoặc cách-ngôn đích-dáng, những mệnh lệnh chính xác, nêu rõ những đại-ý và những nghĩa-vụ chính trong đạo làm người. Trong khi giảng-giải, ông thầy nên dạy sơ-lược về phần lý-thuyết và hết sức cụ-thể-hóa bài-học, kể những chuyện vật thông-thường, những thí-dụ rút ở đời sống thực-tế hay ở chuyện danh-nhân các nước khác. Nên đề-cao đạo-đức hơn tài-năng. Đó là phương-pháp làm cho học-trò nhận thấy chân-lý một cách rõ-ràng và sẽ có công-dụng là kích-thích bản-năng đạo-lý của đứa trẻ.

Ngoài ra, công-cuộc rèn-luyện tinh-tinh cốt ở sự thực-hành. Bất cứ lúc nào, thầy-giáo phải kiểm-cố hành-vi, cử-chỉ học-sinh, không để chúng sai-lạc ngoài lối dạy, gây cho chúng những tập-quán tốt, trừ bỏ những thói xấu, rèn-luyện cho chúng hăng-hải và quả-quyết trong mọi trường-hợp quan trọng.

**Cách dạy môn Đức-dục phải đi ngay vào tâm-hồn, vào trí-khôn và vào ý-chí của học-sinh.—**

a) Đi ngay vào tâm-hồn trẻ : Giáo - chức phải giảng bài Đức-dục thế nào cho trẻ-con cảm-động và tùy trường-hợp mà tỏ ra, khi thì xấu-hổ, khi thì tức-giận khi thì oán-ghét, khi thì vui tươi v.v... xấu-hổ trước những việc nhục-nhã hèn-mạt, tức giận trước những việc bất-công.

oán-ghét trước những sự tàn-ác vô nhân-đạo, vui tươi trước những việc nghĩa-khi cao-cả v.v.,.

Đề đạt mục-dịch trên, trong khi giảng bài, giọng nói và sắc-mặt của giáo-chức cũng phải tùy trường-hợp mà thay-đổi. Hi, nộ, ái, lạc đều có đủ.

b) Đi ngay vào chỉ óc trẻ : Trong khi trẻ cảm-động, giáo-chức nhân đó giúp chúng biện-phân tà chính và tìm ra các lý-do của mỗi trường-hợp.

c) Đi ngay vào ý-chí trẻ : Trẻ cảm động, trẻ suy-nghĩ, trẻ biện-phân phải trái. Tất cả điều ấy chưa đủ. Trẻ phải tỏ ra ý-chí mãnh-liệt, phải muốn làm điều phải, tránh điều quấy và đem ra thực-hành ngay.

Giáo-chức cần dạy trẻ học nhiều câu cách-ngôn, ngôn-ngữ hay, để chúng lấy đó làm kim-chỉ-nam trong cách đối xử với người đời.

Môn Đức-dục dạy ở nhà-trường không lệ thuộc vào một tôn-giáo, một đảng-phái chính-trị nào :

Nói một cách khác, khi dạy môn Đức-dục giáo-chức không nên tuyên-truyền cho một tôn-giáo, một đảng-phái chính-trị nào vì lẽ nền luân-lý mà giáo-chức đem ra giảng dạy là lành mạnh cho mọi người công-dân trong nước bất phân tôn-giáo, đảng-phái chính-trị.

Sự soạn bài Đức-dục :

a) Bài đức-dục phải được soạn kỹ-lưỡng là vì những tư-tưởng của giáo-chức đưa ra phải là những mệnh-lệnh, những châm ngôn mà học-sinh phải tuân hành. Về phương-diện này, ngẫu-hứng, thị-hiểu nhứt thời, sự cầu-thả có một tai-hại không thể tưởng-tượng được.

b) Giáo-chức có thể ra nhiều câu-hỏi về đề-tài bài học kỹ tới để học-sinh về nhà suy-nghĩ trước và đến ngày đã định sẽ đứng lên đáp lại các câu hỏi ấy.

c) Bài Đức-dục không nên có tính cách một bài thuyết-

kinh nghĩa là quá dài và giảng-giải với một giọng đều đều làm cho tất cả học-sinh ngủ gật.

d) Giáo-chức phải có hai tập : riêng một tập để ghi các đề-tài Đức-dục đã được chọn-lọc ở các sách thuộc đề loại ấy hoặc các sách giảng-văn ; một tập để ghi những cử-chỉ, những việc làm đáng khen, hoặc đáng chê, hoặc ở trường, hoặc ở ngoài trường, hoặc ở tại gia-đình học-sinh. Các mẫu chuyện nhỏ này sẽ là những thí-dụ cụ-thể để chứng-minh những bài sắp dạy.

e) Giáo-chức có Tập soạn bài chính-thức gồm các mục sau đây :

*Mục-dịch của bài* : (ý-kiến căn-bản, các câu hỏi).

*Các bài đọc đề bổ-túc bài dạy* : (tên sách và trang sách).

*Toát-yếu*. (Không có ở lớp năm ; một câu quyết-định ở lớp tư ; một câu quyết-định hay một câu châm-ngôn ở lớp ba ; một toát-yếu ngắn ở lớp nhì, một toát-yếu khá dài ở lớp nhứt).

Khi học bài Đức-dục thái-độ giáo-chức phải như thế nào ?

a) Đến giờ Đức-dục, giáo-chức phải tỏ vẻ nghiêm-nghị trịnh-trọng để học-sinh không coi thường bài dạy và đặc-biệt chú-ý. Cần tránh những câu nói mỉa-mai, hài-hước làm mất vẻ tôn-nghiêm trên.

b) Lời nói của giáo-chức rất bình-dị, dễ hiểu, nhưng không kém phần sâu-xa, sắc-sảo và cương-quyết.

*Hộp tin - tức*. Trong lớp, một hộp tin-tức có thể được treo vào tường. Tất cả học-sinh được biết những việc đáng khen thưởng ngoài giờ học do một số bạn đồng song đã làm, có thể tóm-tắt những công việc ấy trong mảnh giấy con và bỏ vào hộp mà không cần ký tên. Cuối



tuần giáo-chức sẽ mở hộp ấy ra, nhận lấy các tin tức ấy để làm đề-tài khen thưởng trong những bài học kỳ tới. Giáo-chức cấm ngặt không cho học-sinh bỏ giấy nói xấu lẫn nhau để tránh cho chúng tính hay thóc-mách, có tai hại lớn khi chúng ra đời.

Tuy nhiên, hộp tin tức chỉ được đặt lên là khi nào toàn thể học-sinh có một tinh-thần khá cao, không ghen-tị, vô-tư, nhứt là không nói hành nhau.

#### E) SỰ CẦN-THIỆT NỐI-TIẾP CÁC BÀI ĐỨC-DỤC BẰNG MỘT NGUYÊN-TẮC CĂN-BẢN BAO TRÙM TẤT CẢ CÁC BÀI.

Cần nối liền bài Đức-dục này với các bài Đức-dục khác bằng một nguyên-tắc căn-bản chung như sau :

*Cần phải tôn-trọng phẩm-giá con người :*

Trong mỗi bài Đức-dục, sau cùng phải có một câu, một đoạn nói hoặc ám-chỉ nguyên-tắc ấy.

#### F) KẾT-LUẬN.

Môn Đức-dục là một trong các môn quan-trọng của chương-trình.

Tuy rằng được trình bày một cách giản-dị, môn ấy vẫn có một tính-cách cao-thượng, trang-nghiêm, vô-tư và đại-đồng ở chỗ môn ấy không phân-biệt màu sắc tôn-giáo và đảng-phái chính-trị. Mục-đích của nó là làm cho trẻ con hiểu rõ và đem ra áp-dụng những nguyên-tắc căn-bản của luân-lý đạo-đức chung cho con người. Phần thực-hành mới là phần quan-trọng vì nó nhằm sự đào-luyện tâm-hồn trẻ con theo một con đường quang-minh chánh-đại. Nó cung-cấp cho xã-hội mai sau này hạng người có tài lẫn đức để tránh cái vạ « Có học thức rộng mà không có lương-tâm là một sự đồ vớ của linh-hồn. »

## II. MÔN CÔNG-DÂN GIÁO-DỤC

A) SỐ GIỜ MỖI TUẦN DÀNH CHO MÔN CÔNG-DÂN GIÁO-DỤC. (Xem mục này của môn Đức-dục).

B) CHƯƠNG - TRÌNH MÔN CÔNG - DÂN GIÁO - DỤC.

(Bộ Quốc-gia Giáo-dục, chương-trình tiểu-học ngày 16-7-1959).

### Lớp Năm

Không bài, nhưng vẫn có giờ nhất định. Tùy cơ-hội tùy hoàn-cảnh, giáo-viên nên giúp trẻ rèn-luyện một cách thiết-thực những tập-quán và trí-thức cần-thiết sau đây :

Tập thực-hành về luật đi đường (ngay đầu niên học).

Tập thực-hành những điều thiết-yếu trong phạm-vi của trẻ con : không xé giấy ở lớp, không đồ rác ở sân, không viết bậy lên bàn, lên tường, không hái hoa, không phá cây cối trong công-viên, không ném đá. Không trèo cây. Không hủy-hoại các bảng yết-thị của Chính-phủ. Biết trọng vệ-sinh chung ở trường, ở nhà ; vệ-sinh ở đường đi, ở các ao, hồ và giếng công-cộng. Cữ-chỉ của trẻ con lúc chào Quốc-kỳ.

### Lớp Tư

Không có bài, nhưng có giờ học nhất định.

Tập thực-hành luật đi đường.

Nói chuyện về xóm, làng, tổng, quận, tỉnh nếu ở thôn quê ; về khu-phố, thị-xã nếu ở thành-thị (tuần-phòng, cai-trị). Kính-trọng nhà cầm-quyền. Kể chuyện thuộc về lịch-sử, địa-lý, làm cho nảy nở lòng yêu nước trong tâm-trí trẻ con

để chúng biết nước Việt-Nam là rộng lớn, đẹp và có thể trở nên giàu mạnh.

Bồn-phận công dân : Trọng của công. Trọng tài-sản của người khác (ở thôn-quê, không tháo nước ruộng để bắt trộm cá, không để súc-vật hủy-hoại ruộng-nương của người, không hái quả trong vườn người). Không viết bậy trên tường nhà hoặc phố của kẻ khác. Trọng vệ-sinh chung.

### Lớp Ba

Có bài, có giờ học như định.

Nhắc lại luật đi đường và cách tổ-chức hành-chánh trong nước. Thực-hành các phép xử-thể : ăn-mặc, cử-chỉ, ngôn-ngữ ở nơi công-cộng (trên xe, dưới tàu, ngoài đường, ở rạp chiếu bóng, tại nhà ga, bưu-điện, tại các công sở, các hội hè, lúc nghe Quốc-ca, lúc chào Quốc-kỳ, khi gặp đám ma v.v...) Thực-hành các phép xã-giao. Bồn phận người công-dân : đóng thuế, thi-hành quân-dịch, tuân theo pháp-luật.

Lòng yêu nước. Tinh-thần đoàn-kết. Trọng kỷ-luật. Nhận trách-nhiệm. Kính người trên, nhưng không sợ-sệt khiến dễ sinh những điều lạm-dụng uy-quyền.

### Lớp Nhi

Tập những đức-tính người công-dân nước Cộng-Hòa : Gắng-sức hy-sinh, công-tâm, lòng tự-tin, trí tự-cường. Sự sáng-suốt và lòng can-đảm để nhận trách nhiệm. Ý-niệm thông thường về giấy khai-sinh, khai-tử, giá-thủ. Tập đời sống mới, chấn-hưng mỹ-tục, bài trừ hủ-tục (đọc và giảng những đoạn văn có tính cách kích-thích lòng yêu nước).

### LỚp-Nhút

Bổn-phận người công-dân.

Trọng kỷ-luật, yêu công-bình, chuộng tự-do, đoàn-kết, phụng sự Quốc-gia.

Bổn-phận phải nạp thuế và thi-hành quân-dịch :

Cảm-tình và nghĩa-vụ đối với Quốc-kỳ, Quốc-ca và Tổng-thống. Bảo vệ danh-dự của Quốc-gia. Bổn-phận bảo-vệ rừng : không đốt phá rừng, chống nạn cháy rừng.

Quyền-lợi người công-dân : Tinh-mệnh tài-sản được bảo-đảm, trí-thức được mở-mang. Ý-niệm về bầu-cử và ứng-cử.

Tổ-chức chính-quyền. Quyền lập-pháp. Quốc-hội. Tổng-thống. Quyền hành-pháp. Các công-sở chính, Bộ, Nha, Sở, Phòng, các Ty.

### C) SỰ ÍCH-LỢI CỦA CÔNG-DÂN GIÁO-DỤC.

1<sup>o</sup>) Môn Công-dân giáo-dục cho trẻ con biết cách tổ-chức quốc-gia về hai phương-diện: xã-hội và chính-trị. Đồng thời môn ấy cũng cho biết những quyền-lợi và bổn-phận của mỗi công-dân trong nước.

2<sup>o</sup>) Môn công-dân giáo-dục có một giá-trị giáo-dục rất to. Nếu môn Công-dân giáo-dục chỉ chú-trọng về sự dạy trẻ-con hiểu biết những khái-niệm nói trên thì nó sẽ rất khô-khan và chưa đầy đủ. Nó cần có những ảnh-hưởng sâu-xa đối với trẻ-con hơn bằng cách làm nảy-nở ở chúng những mối tình nồng-hậu như : tuân luật-pháp, kính-trọng nhân-quyền, lòng ái-quốc, tinh-thần khoan-dung, sự hy-sinh quyền lợi cá-nhân cho quyền-lợi chung. Đó là những đức-tính căn-bản, chủ-đích của tinh-thần công-dân. Vì chỗ đó mà môn Công-dân giáo-dục phải đi sát với môn Đức-dục.

« Một người công-dân trong một nước là một người chính-nhận với cái gì hơn nữa. »

Nói một cách khác, môn Công-dân giáo-dục, là sự áp-dụng trong phạm-vi xã-hội những công-đức (vertus sociales) của một cá-nhân.

Trong khi dạy môn Công-dân giáo-dục, giáo-chức sẽ tìm ra những lời nói và những giọng thích-ứng để kích-thích các đức-tính ấy trong tâm-hồn trẻ-con.

**3<sup>o</sup>) Môn Công-dân giáo-dục đánh tan biết bao thành-kiến và phòng-ngừa tâm-hồn các trẻ đối với những sự lỗi-lầm thô-lỗ.** Thí-dụ : nhiều người hiểu lầm ý-nghĩa « tự-do ». Theo họ : « Tự-do là muốn làm chi thì làm. » Sự thực không phải thế, trong một nước dân-chủ « tự-do cá-nhân » này bị hạn-chế bởi « tự-do » của nhiều cá-nhân khác. Nói một cách khác, trong đời sống xã-hội chỉ có « tự-do tương-đối » mà không hề có « tự-do tuyệt-đối ».

Cũng như từ-ngữ « tự-do », từ-ngữ « bình-dẳng » cũng bị hiểu một cách lệch-lạc.

Trước luật-pháp, các cá-nhân đều « bình-dẳng bất luận là sang hay hèn, giàu hay nghèo, học-thức hay vô-học-thức ».

Nhưng trong đời sống thực-tế đâu có vậy. Tài-đức nào thì địa-vị ấy. Tài-đức cao thì địa-vị cao, tài-đức kém thì địa-vị kém. Ấy là lẽ công-bằng tự-nhiên và « chỉ có những người đồng-dẳng mới bình-dẳng với nhau » mà thôi.

Có người lại cho rằng : Trốn xâu, lậu thuế, gian-lận của công không phải là « ăn cắp » và không tội-tình gì. Hiểu thế là sai. Trốn xâu, lậu thuế là làm giảm số thu của Chính-phủ. Gian-lận của công là làm thiệt-hại cho công-quy. Các việc ấy đều làm thiệt-hại cho Chánh-phủ. Mà

Chính-phủ là đại-diện của toàn-dân. Vậy cá-nhân nào làm những việc ấy sẽ mắc tội rất nặng, là ăn trộm, ăn cắp tiền bạc của toàn dân và không thể tha thứ được. Họ sẽ bị kêu án rất nặng trước pháp-luật.

**4<sup>o</sup>) Môn Công-dân giáo-dục là sự đơm hoa kết quả của môn Sử-ký.**

Các cơ-quan chính-quyền hiện nay đều bắt nguồn sâu xa ở những sự kiện lịch-sử như: Quân đội, Giáo-dục, Tư-pháp, Chế-độ, chính-trị, kỹ-nghệ, kinh-tế v. v....

« Chúng ta đừng tưởng rằng vì hiện-tại mà chúng ta «bị bắt buộc phải vu-cáo dĩ-vãng hoặc vì lẽ chỉ cần dùng «hoa của một loại cây mà cho rằng loại cây ấy không «cần đến gốc rễ của nó.»

Nói tóm lại, môn Công-dân Giáo-dục là kết-quả cố-nhiên của môn Sử-ký. Chính trong nhiều trường-hợp, môn Sử-ký đã soi-sáng và giải-thích môn Công-dân giáo-dục.

**5<sup>o</sup>) Những trở-ngại cần nên tránh. Vấn-đề giải-pháp Quốc-gia.** Nhiều người sợ rằng : khi dạy môn Công-dân giáo-dục, nam nữ giáo-chức sẽ không giữ được sự trung-lập, sự vô-tư và sẽ dạy học-sinh làm chính-trị, mĩa mai, phỉ-báng đảng-phái này, tôn-giáo nọ để bình-vực, tuyên-truyền cho đảng-phái hoặc tôn-giáo mình thích, nhất là trong thời-kỳ phổ-thông đầu-phiếu.

— Thực ra, nhiệm-vụ cao cả của nam-nữ giáo-chức không cho phép các vị ấy có thái-độ thiên-lệch như vậy. Nếu rủi mà việc ấy xảy ra, thì chính các bậc phụ-huynh và nhân-dân trong địa-phương sẽ đứng lên phản-đối ngay.

Vậy đối với tôn-giáo, các đảng-phái chính-trị được



Chính-phủ chính-thức công-nhận, giáo-chức có bổn-phận đứng trung-lập và giữ dạ vô-tư.

Tuy nhiên, đối với một vài lý-thuyết có tính-cách phá-hoại, giải-pháp quốc-gia và không được chánh-phủ nhìn-nhận thì giáo-chức không còn giữ thái-độ trung-lập nữa. Trái lại, giáo-chức phải giữ-gìn học-sinh không để tà-thuyết mê-hoặc chúng.

#### D) PHƯƠNG-PHÁP PHẢI THEO KHI DẠY MÔN CÔNG-DÂN GIÁO-DỤC.

Phương-pháp phải theo khi dạy môn công-dân giáo-dục căn-cứ vào nguyên-tắc sau đây.

1<sup>o</sup>) **Đi từ chỗ biết đến chỗ không biết.** Thí dụ :

a) Khởi đầu nói về **làng** sở-tại của trẻ-con. Châu-vi. Cách tổ-chức cơ-quan hành-chánh. Các cấp. Các xóm. Chợ làng. Nhà việc. Phân sự xã-trưởng, Các hội-viên Hội-đồng hương-chính.

b) **Tổng** : Châu-vi cách tổ-chức các cơ-quan hành-chánh tổng.

c) **Quận** : Cách tổ-chức các cơ-quan chính-quyền quận.

d) **Tỉnh** : Cách tổ-chức các cơ quan chính-quyền tỉnh.

e) **Xứ** (Quốc-gia Việt-Nam) : Chế-độ. Cách tổ-chức các cơ-quan chính-quyền trung-ương.

2<sup>o</sup>) **Cụ-thể-hóa bài dạy** : Bài dạy phải được cụ-thể-hóa bằng tranh ảnh, bằng kịch ngắn (tổ-chức trong lớp một cuộc đấu phiếu : Cử-tri — Ứng-cử-viên — Các giấy tờ cần-thiết, lá phiếu — Hòm phiếu — sự bỏ phiếu — sự khai hòm phiếu). Giáo-chức cố gắng sưu-tầm các giấy tờ, các công-văn, lá phiếu, các tranh ảnh đăng trên báo về một cuộc bỏ phiếu.

**3o) Làm nổi bật sự liên-hệ giữa các khái-niệm với những nguyên-tắc căn-bản.**

Thực ra các bài Công-dân giáo-dục rất khó-khan. Vậy cần nối liền các bài ấy với nhau bằng những nguyên tắc đại-cương căn-bản, làm nền-tảng cho công-quyền. Thí-dụ : Khi nói đến sự tổ-chức các tòa-án các cấp thì nên nhấn mạnh về nguyên-tắc : Các công-dân đều bình-đẳng trước pháp-luật.

Khi nói đến sự thu-thuế thì nhấn mạnh về nguyên-tắc : các sắc thuế đều được phân-bổ đồng đều cho các công-dân tùy khả-năng tư-hữu và sản-xuất của mỗi cá-nhân.

**4o) Áp-dụng cho đời sống nhà trường một ít nguyên-tắc dân-chủ.**

Nhà trường là một xã-hội thu hẹp trong đó mỗi học-sinh vừa có quyền-lợi và vừa có bổn-phận.

Các học-sinh đều phải tuân theo một luật-lệ duy nhất là kỷ-luật nhà trường.

Giáo-chức có thể biến lớp học thành một hội-đồng, một quốc-hội tí hon mà mỗi học-sinh là hội-viên. Những việc « thưởng » hay « phạt », những vấn-đề liên-hệ đến đời sống hàng ngày của lớp học đều được đưa ra cho hội đồng biểu-quyết cả. Như vậy giáo-chức đã tập học-sinh tự điều khiển, tự cai-trị lấy nhau và dần dần nhận thức trách-nhiệm của chúng.

**E) KẾT - LUẬN.**

Nói tóm lại trong một nước Cộng-hòa dân-chủ, môn Công-dân giáo-dục rất cần thiết, nhất là ở trường sơ-tiểu, vì đa số thanh-thiếu-niên, sau khi đã học qua các lớp sơ-tiểu, vì hoàn-cảnh gia-đình, phải sớm ra đời tìm kế sinh-nhai. Vậy, ngay ở lớp này các thanh-thiếu-niên ấy cần được biết rõ những nguyên-tắc của chế-độ dân-chủ

những quyền-lợi mà nhứt là những bổn-phận của mỗi người công-dân.

Nhưng cách dạy môn Công-dân giáo-dục không chỉ ghi trong tri-óc các thanh-thiếu-niên những tri-thức như : nhiệm-vụ của xã-trưởng, của chánh-tổng, của quận-trưởng của tỉnh-trưởng vân vân... mà thôi đâu. Nó còn bắt-buộc giáo-chức phải in sâu vào đầu-não chúng những tình-cảm nồng nàn của một công-dân gương-mẫu. Giáo-chức có thể đạt được mục-dịch ấy bằng những lời nói đượm màu khoan-dung, đại-độ với một tâm-hồn quả-quyết và hoạt-động.

Sau đây là lời chỉ-dẫn của Bộ Quốc-gia Giáo-dục về mục - đích và cách dạy môn Công - dân giáo-dục : Chương-trình môn giáo-khoa này sẽ gồm những điều mà một công-dân trong nước cần biết, những huấn-lệnh thiết-thực cần phải thi-hành trong mỗi trường-hợp. Mục-đích là giúp trẻ có những ý tưởng quốc-gia chắc-chắn, bài trừ những tập-quán xấu, gây cho chúng những tập-quán tốt của người công-dân, cải-chính những quan-niệm sai lầm trong dân-gian, lấy sự ích-lợi chung làm trọng. Những bài dạy về công-dân giáo-dục phải văn-tắt, rõ-ràng. Lấy thí-dụ quanh học-sinh mà nói, hay cụ thể hóa bài học bằng cách bắt chước những hoạt-động của xã-hội, hay cho xem những mẫu văn thư chính-thức rồi suy - rộng dần ra. Những điều đã dạy cần phải thực-hành ngay và được nhắc lại luôn luôn. Thí-dụ : Giữ trường cho sạch, giữ trật-tự ngoài đường, không làm hư hỏng bàn ghế nhà trường v.v... Nói tóm lại, những điều dạy về công-dân giáo-dục phải gây tình-thần đoàn kết khiến cho học-sinh hiểu nhiệm-vụ và quyền-lợi của một công-dân, để tránh những sự nhầm-lạc. Vậy công-dân giáo-dục và luân-lý có liên-lạc mật-thiết

với nhau, vì mục-dịch bên nào cũng là đào-tạo cho nước nhà những công-dân sáng-suốt.

**Điều cần đặc-biệt chú ý :** Chú-trọng đến việc tuân y phép nước và sự tham-dự xây-dựng chính-thể cùng ủng-hộ chính-quyền quốc-gia của toàn dân.

\*  
\* \*

## CHƯƠNG BA

### **SỬ - ĐỊA**

#### **I. — SỬ-KÝ**

#### **A) SỐ GIỜ MỖI TUẦN DÀNH CHO MÔN SỬ-KÝ.**

(Bộ Quốc-gia Giáo-dục : Chương-trình 1959).

##### **Lớp Năm**

Sử-ký : Không có giờ học.

##### **Lớp Tư**

Sử-ký :  $(30 \text{ ph} \times 2) = 1 \text{ giờ}$ .

##### **Lớp Ba**

Sử-ký :  $(30 \text{ ph} \times 2) = 1 \text{ giờ}$ .

##### **Lớp Nhì (Nam học-sinh)**

Sử-ký : 1 giờ.

##### **Lớp Nhì (Nữ học-sinh)**

Sử-ký : 1 giờ.

##### **Lớp Nhất (Nam học-sinh)**

Sử-ký : 1 giờ.

##### **Lớp Nhất (Nữ học-sinh)**

Sử-ký : 1 giờ.

## B) CHƯƠNG-TRÌNH

(Bộ Quốc - gia Giáo - dục : Chương-trình ngày 16-7 năm 1959).

### Lớp Năm

Không có giờ học.

### Lớp Tư

Thăm các nơi có dấu tích lịch-sử trong vùng. Kể các truyện cổ-tích, các bậc danh-nhân trong vùng. Kể các chuyện danh-nhân trong lịch-sử.

- 1.— Cậu bé đuổi giặc Ân : (Phù-Đổng Thiên-vương).
- 2.— Tổ-quốc trên hết : (Lữ-Gia).
- 3.— Giải-phóng đất nước : (Hai Bà Trưng).
- 4.— Đầu voi phất ngọn cờ vàng : (Bà Triệu).
- 5.— Vua đồng lầy : (Triệu-Quang-Phục).
- 6.— Ngọn sóng Bạch-Đằng : (Ngô-Quyền).
- 7.— Cờ lau tập trận : (Đinh-Tiên-Hoàng).
- 8.— Mở khoa thi đầu tiên : (Lý Nhân-tôn).
- 9.— Phạt Tống binh Chiêm : (Lý Thường-Kiệt).
- 10.— Không tham vàng bỏ nghĩa : (Tô-Hiến-Thành).

### Lớp Ba

Thăm các nơi có dấu tích lịch-sử trong vùng ; xem tranh ảnh, tài liệu lịch-sử. Kể truyện lịch-sử của các bậc danh-nhân, các bậc anh hùng.

- 1.— Lòng quyết chiến : (Hội-nghị Diên-Hồng).
- 2.— Vì nước quên thù nhà : (Trần-Hưng-Đạo).
- 3.— Trận Bạch-Đằng : (Trần-Hưng-Đạo).



- 4.— Ngồi đan sọt mà lo việc nước (Phạm-Ngũ-Lão).
- 5.— Anh-hùng tí-hon (Trần-Quốc-Toản).
- 6.— Thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc : (Trần-Bình-Trọng).
- 7.— Ông Trọng thanh-liêm : (Mạc-Đĩnh-Chi).
- 8.— Dâng sớ xin chém đầu bầy nịnh-thần : (Chu-văn-An).
- 9.— Ngâm thơ nuốt hận nước : (Đặng-Dung).
- 10.— Mười năm kháng - chiến chống quân Minh : (Lê-Lợi).
- 11.— Hy-sinh vì đại-nghĩa : (Lê-Lai).
- 12.— Rửa hận cho nước, trả thù cho cha (Nguyễn-Trãi).
- 13.— Khởi thảo địa-lý và sử-ký nước nhà : (Lê-thánh-Tôn).
- 14.— Công việc mở rộng miền Nam : (Chúa Nguyễn).
- 15.— Công cuộc cai-trị xứ Bắc : (Chúa Trịnh).
- 16.— Trần Đồng-Đa (Quang-Trung).
- 17.— Gương trung-nghĩa : (Võ-Tánh và Ngô-Tòng-Chu).
- 18.— Doanh điền-sứ : (Nguyễn-Công-Trứ).
- 19.— Một nhà nho sáng suốt : (Nguyễn-Trường-Tộ).
- 20.— Chết để cứu dân : (Phan-Thanh-Giản).
- 21.— Nhịn đói chịu đau mà chết : (Nguyễn-Tri-Phương).
- 22.— Thà chết không bỏ thành : (Hoàng-Diệu).
- 23.— Cuộc khởi-nghĩa Đảng Văn-Thân : (Phan-Đình-Phùng).
- 24.— Phong-trào cách-mạng từ Nam chí Bắc : (Trương).

Công-Định, Định Công-Tráng, Hoàng-Hoa-Thám.

25. — Một học-giả uyên-thâm : (Trương-vĩnh-Ký).

### Lớp Nhì

Nguồn gốc nước Việt-Nam, cách sinh-hoạt về đời  
thượng-cổ : nghề làm ruộng (nông-khí bằng đá, nước thủy-  
triều, nghề đánh cá, tục vẽ mình).

#### 1<sup>o</sup>) Thời-đại Bắc-thuộc.

Các Thái-thú, các cuộc khởi-nghĩa. Ảnh-hưởng về  
văn-hóa và chánh-trị của thời Bắc-thuộc.

#### 2<sup>o</sup>) Thời-đại Độc-lập.

Nhà Ngô — Nhà Đinh — Nhà Tiền Lê.

Nhà Lý : Nội-trị, đánh Tống, đánh Chiêm.

Nhà Trần : Hội-Nghị Diên-hồng : đuổi giặc Mông-cổ ;  
hai lần phá quân Nguyên.

Tổ-chức nội-trị, xây dựng nền văn-hóa.

Văn-chương quốc-ngữ và Ông Hàn-Thuyên.

Nhà Hồ : Chánh-trị, văn-hóa, giao-thiệp với Tàu và  
Chiêm-Thành.

Nhà Hậu Trần : Chính-sách đo-hộ của nhà Minh.

Mười năm kháng-chiến chống quân Minh : Lê-Lợi.

Nhà Hậu-Lê : Việc nội-trị — Việc võ-bị.

Văn-hóa và chính-trị của Lê-Thánh-Tôn.

Cớ sao nhà Lê mất ngôi.

#### 3<sup>o</sup>) Thời-đại Nam-Bắc phân-tranh.

Nhà Mạc : Chính-trị.

Họ Nguyễn giúp nhà Lê.

Trịnh Nguyễn phân-tranh. Người Âu-châu sang Việt-Nam. Tây-Son khởi nghĩa.

Họ Trịnh mất nghiệp Chúa.

### Lớp Nhất

#### 1<sup>o</sup>) Nhà Tây-Son.

Vua Quang-Trung đại-phá quân Thanh.

Chính-trị, văn-học. Ông Nguyễn-Thiếp và sự dịch sách chữ nôm. Nguyễn-Vương lấy Gia-định, Qui-nhơn, Phú-Xuân, đánh Bắc-Hà.

#### 2<sup>o</sup>) Nhà Nguyễn.

Đời Gia-Long : Nội-trị, văn-học, ngoại-giao.

Đời Minh-Mạng : Dẹp-loạn, giao thiệp với nước ngoài.

Đời Thiệu-Trị : Việc giao-thiệp với Chân-lạp. Việc cấm đạo.

Đời Tự-Đức : Tình thế trong nước. Nguyễn-Trường-Tộ.

Nước Pháp lấy Nam-kỳ, Phan-Thanh-Giản đi sứ.

Quân Pháp lấy Bắc-kỳ lần thứ nhứt (1874). Nguyễn-Tri-Phương.

Quân Pháp lấy Bắc-kỳ lần thứ hai : Hoàng-Diệu.

#### 3<sup>o</sup>) Cuộc đô-hộ của người Pháp : Hòa-uớc 1884.

Chính-sách cai-trị của nước Pháp ở Việt-Nam.

Đời Hàm-Nghị : Cuộc kháng-chiến Phan-Đình-Phùng và Đàng Văn-Thân. Các cuộc khởi - nghĩa khác ở Trung-Nam-Bắc (Trương-Công-Định, Đinh-Công-Tráng, Hoàng-Hoa-Thám). Các đời vua Đồng-Khánh, Thành-Thái, Duy-Tán, Khải-Định.

Phong trào duy - tân và cuộc cách - mạng ở trong nước, khởi-nghĩa Thái-Nguyên, Yên-Bái. Cuộc cách-mạng năm 1945. Cuộc kháng-chiến chống Pháp và sự lợi-dụng của Việt-cộng. Chính-phủ bù-nhìn Bảo-Đại.

### C) SỰ ÍCH-LỢI CỦA MÔN SỬ-KY.

Những ích-lợi của môn Sử-ký là như sau :

1<sup>o</sup>) Môn Sử - ký giúp học-sinh biết rõ dĩ-vãng của nước nhà.

Một học-sinh Việt, một công-dân Việt mà không biết sử Việt là điều không thể tha thứ được.

#### 2<sup>o</sup>) Môn Sử-ký với lòng ái quốc.

Từ-ngữ « Tổ-quốc » có ý-nghĩa trừu-tượng quá. Học-sinh sẽ lần lần biết rõ ý-nghĩa ấy khi chúng học sử-ký nước nhà. Học sử-ký Việt-Nam, chúng mới nhớ đến công-trình vĩ-dại của tổ-tiên đã hy-sinh biết bao xương máu để tạo nên một giang-san như thế này và truyền lại cho con cháu là chúng ta ngày nay. Vậy bổn-phận của các thế-hệ sau này là tô-diễm cái di-sản của cha ông ngày một tốt đẹp thêm lên. Môn sử-ký ở đây đã cho các học-sinh nhận-thức rõ-rệt sự liên-đời mật-thiết giữa quá khứ, hiện-tại và vị-lai, giữa người sống và người chết. Nền-tảng của lòng ái-quốc là ở chỗ đó.

#### 3<sup>o</sup>) Môn Sử-ký với tinh-thần công-dân (le civisme).

Dạy môn sử-ký không phải dạy một cách quá ư khoa-học nghĩa là khô khan, lật lổ và làm cho trẻ con chán. Trái lại khi dạy môn ấy, giáo-chức phải biết trích trong ấy ra những bài học hay cho đời sau và đồng thời làm tráng-khien tinh-thần công-dân của mỗi cá-nhân. Mỗi công

dân trong nước cần biết rõ sử-ký nước nhà để suy cở nghiệm kim và do đó rút kinh nghiệm để vạch lối đi cho dân-tộc.

Nhờ học môn sử-ký mà quốc dân đồng bào mới nhận thấy rằng : biết bao phen dân tộc ta nhờ biết hợp-quần, biết đoàn-kết mà đã đẩy lui được quân ngoại-xâm đông hơn quân ta gấp mười lần.

Nhờ học môn sử-ký mà mọi người công-dân yêu Tổ-quốc một cách nồng-nhiệt và sẵn-sàng hy-sinh tñnh-mạng để bảo-vệ lãnh-thổ của cha ông.

Nhờ học môn sử-ký mà mọi công-dân đều biết đẽ quyền-lợi Tổ-quốc trên hết và nhường nhịn nhau để mưu hạnh-phúc chung.

#### **4o) Môn Sử-ký với môn Đức-dục.**

Nhờ môn sử-ký, trẻ con mới biết ghét, thù những phường hại dân, hại nước, mấi quốc cầu vinh và đồng-thời biết tôn-trọng, thờ-kính những anh-hùng dân-tộc vì quốc vong thân.

Trong nhiều trường-hợp, Sử-ký giúp tài-liệu một cách thiết-thực cho môn Đức-dục.

Nói tóm lại sử-ký của một nước là mảnh gương sáng để các thế-hệ của dân-tộc ấy soi vào đấy mà tự biết mình và tự sửa mình.

#### **5o) Môn Sử-ký với Trí-dục.**

Môn sử-ký giúp sự mở mang trí-thức của trẻ con bằng cách kích-thích trí ký-ức, trí tưởng-tượng và óc suy-luận của chúng. Về điểm chót này, giáo-chức có thể ra lệnh cho học-sinh lớp nhứt nghiên cứu các sự-kiện lịch sử để rồi tìm ra nguyên-nhân và kết quả.

### C) TÍNH CÁCH DẠY MÔN SỬ-KY.

Môn Sử-ký phải được dạy một cách cụ thể bằng cách cho trẻ con xem các tranh ảnh, các khí cụ, đồ vật của người xưa, đọc bài văn do người xưa viết, đi viếng các nơi cổ-tích như đình, miếu, lăng tẩm, tượng, bia bằng đá, bằng đồng, y phục, khí giới vân vân... cho đóng kịch ngắn diễn lại các sự kiện lịch-sử quan-trọng.

Bài dạy phải ngắn, nhưng cách trình bày phải mặn mà hấp dẫn. Giáo-chức tùy trường hợp phải đổi giọng và đổi sắc mặt để nhấn mạnh về tinh-thần của đoạn bài. Hỉ, nộ, ai, lạc, v.v... đều phải có đủ để rung động tâm-hồn trẻ con. Có như thế chúng mới nhớ mãi những điểm quan-trọng của lịch-sử.

Bài dạy phải được trình bày dưới hình thức thuyết minh lẫn vấn đáp để lớp học được linh động.

Nếu các học-sinh đã được nhà trường phát sách giáo khoa về môn Sử-ký thì giáo-chức có thể áp-dụng cách dạy môn Sử-ký bằng sách.

Khi đến lúc giảng bài mới thì giáo chức bảo học-sinh lấy sách ra và đọc từng đoạn một. Giáo-chức giải nghĩa các chữ khó, giải rộng ra những câu, những đoạn tối nghĩa bằng những thí-dụ cụ thể.

Sau khi về nhà, chúng sẽ học bài lại trong sách và sẽ được biết chi tiết có sẵn trong sách. Cách dạy này tuy có tánh cách giản-dị nhưng kết-quả rất chắc chắn.

Nếu sách giáo-khoa có bài toát-yếu hay thì giáo-chức không ngần ngại chi mà không dùng bài ấy. Tuy nhiên giáo-chức, nếu nhận thấy cần, có thể rút bài toát yếu lại ngắn hoặc thêm vào vài chi tiết để bài ấy được đầy đủ.

Giáo-chức có thể cho học-sinh làm những bài Tác-văn (lối tự-thuật có lời phê-bình) mà đề-tài có tính-cách hoàn toàn lịch-sử.



### E) KẾT-LUẬN.

Nói tóm lại, nếu môn Sử-ký được dạy một cách cụ thể thì nó sẽ là môn học mà trẻ em thích nhất.

Nó mở mang trí ký-ức, óc suy-xét, óc phán đoán của chúng. Giáo-chức dạy môn Sử-ký phải vô tư nhưng không phải lạnh lùng đối với các sự-kiện quan-hệ. Vô tư có nghĩa là : không vì thành-kiến mà tán-dương triều-dại này mà bôi nhọ mặt-sát triều-dại khác. Vô-tư là quan-sát nghiên-cứu mọi sự kiện lịch-sử một cách khách quan, ấn định cho mỗi sự-kiện một giá-trị đúng với vai tuồng của nó trong lịch-sử. Thí-dụ : khi giáo-chức đọc đến bài hịch tướng-sĩ-văn của Đức Trần-Hưng-Đạo thì giọng nói phải hùng-hồn, dũng-mãnh, khi bức tức, khi đau đớn, vân vân vì bài văn ấy đòi hỏi cách đọc như thế.

Môn Sử-ký mở-mang trí thức các thể-hệ thanh thiếu niên, kích-thích ở chúng lòng ái-quốc, lòng đạo - đức và in sâu vào tâm-hồn chúng những bài học đích đáng để biến chúng thành những công-dân gương mẫu sau này.

« Môn Sử-ký là nguồn cảm hứng to tát của nền giáo-dục quốc-gia », lời ấy hẳn không ngoa vậy.

Lời chỉ dẫn về cách dạy môn Sử-ký của Bộ Quốc-gia Giáo-dục.

Thầy giáo dạy Việt-sử phải có quan-niệm rõ ràng về mục-dịch môn học ấy. Phải cho trẻ em biết :

- Sự-tích nước Việt-Nam.
- Yêu Tổ-quốc một cách sáng-suốt.
- Làm phận sự người công dân đối với Tổ-quốc.
- Làm nảy nở tinh-thần quốc-gia một cách tự-nhiên và thành-thực.

— Noi gương sáng của tiền-nhân để rèn đức tính tốt có tính cách quốc-gia và nhân-đạo.

Trẻ em Việt-Nam cần phải biết nước Việt-Nam đã có từ bao giờ? Ai là người đã gây dựng giang san Tổ-quốc? Ai là kẻ tò bời nền văn-hóa quốc-gia? Ai là kẻ đánh đuổi quân thù để đảm bảo toàn lãnh-thổ cho nước Việt-Nam ở vào cảnh đô hộ tàn khốc, thời đại nào nước Việt-Nam ở vào cảnh đô hộ tàn khốc, thời đại nào dân Việt-Nam cùng nhau ca khúc khải hoàn?

Tóm lại, trẻ em Việt-Nam cần phải noi gương các đấng danh-nhân đã làm vẻ vang cho Tổ-quốc, noi gương sáng ấy để nâng cao lòng can-đảm, chí hy-sinh, nghĩa-hiệp quần, lòng ái-quốc, để cố gắng học hành, tiến thủ, vun đắp sự nghiệp to tát của người trước để lại cho mình.

Học lịch-sử nước nhà trẻ em sẽ biết trọng pháp-luật, mến tự do và hiểu rõ nghĩa-vụ với quyền-lợi của dân và của nước.

Trẻ em học lịch-sử, không những mở thêm trí phán đoán trong khi bình phẩm sự nghiệp và hành-vi của các nhân-vật trong lịch-sử, mà lại còn nhận đó hấp-thụ được nhiều đức tính tốt về nghị-lực và công-tâm. Nên tập trẻ em phân-tích công trạng cũng như tội trạng các nhân-vật lịch-sử để tìm hiểu đầu tinh-thần quốc-gia thực sự.

Điều cốt nhất của bài sử học là lời giảng giải phải cảm động và hùng hồn làm sống lại cả một quãng đời, làm bật rõ một bức tranh, trông thấy một thời đại, khiến trẻ em phải vui vẻ hay bùi ngùi, ngợi khen hay căm tức. Được như thế, bài sử mới bổ ích.

Ở lớp năm, chưa có giờ học; khi học một bài sử-ký có tính cách luân-lý, thầy giáo nên dùng đề giảng về đức-dục.

Ở lớp tư và lớp ba, trí trẻ con còn non nớt chưa có thể học hẳn sử theo các triều-dại và niên-kỷ. Bài Sử-ký chỉ

là những truyện dật-sử ; những buổi đi thăm các cổ-tích, vừa làm cho trẻ em vui thích, lại vừa làm cho chúng cảm thấy những việc dĩ-vãng cảm thấy nhiều hơn là hiểu biết.

Chỉ từ lớp nhì trở lên, môn Sử-ký mới nên dạy theo thời-đại và niên-kỷ, song cũng chỉ nên chú-trọng đến việc lớn không cần đến tiểu-tiết để học-trò có thể cảm thấy trạng-thái toàn-thể dĩ-vãng cùng hiện-tại của cả một dân-tộc, chứ không phải của một người hay một việc trong một thời-gian.

Dù sao, phương-pháp áp-dụng từ lớp nhỏ đến lớp lớn, vẫn cùng một trung-tâm điểm, vẫn theo một thứ-tự thời-gian, để trẻ-con được nhận-thức rõ sự liên-quan giữa những câu truyện lẻ-loi với lịch-sử tổng quát của các thời-đại. Như thế, trẻ con sẽ không lạc-lối. Trái lại, từ lớp dưới lên lớp trên, chúng sẽ được nhắc lại tất cả những điều đã học một cách rõ-ràng đầy-đủ, tế-nhị và phong-phú hơn.

\*  
\*\*

## II. ĐỊA-LÝ

A. SỐ GIỜ MỖI TUẦN DÀNH CHO MÔN ĐỊA-LÝ Ở CÁC LỚP SƠ-TIỂU (Bộ Quốc-gia Giáo-dục : Chương-trình năm 1959).

### Lớp Năm

Không có giờ học.

### Lớp Tư

Địa-lý :  $(25 \text{ ph} \times 2) = 0 \text{ giờ } 50'$

### Lớp Ba

Địa-lý :  $(30 \text{ ph} \times 2) = 1 \text{ giờ.}$

**Lớp Nhì (Nam-sinh)**

Địa-lý : 1 giờ.

**Lớp Nhì (Nữ-sinh)**

Địa-lý : 1 giờ.

**Lớp Nhất (Nam-sinh)**

Địa-lý : 1 giờ.

**Lớp Nhất (Nữ-sinh)**

Địa-lý : 1 giờ.

**B) CHƯƠNG-TRÌNH** (Bộ Quốc-gia Giáo - dục : Chương-trình 1956).

**Lớp Năm**

Không có giờ học.

**Lớp Tư**

Những danh-từ Địa-lý.

Cố tìm những dịp thuận-tiện và nhất là trong những cuộc đi chơi, tùy theo địa-phương, thầy giáo chỉ và giảng cho học-trò biết.

Đồng bằng, ruộng, vườn, nương mạ, tha - ma, điểm canh, chợ, nhà hàng, ngõ, đường đất, đường đá, đường nhựa, đường hỏa-xa, đường xe-diện, nhà ga, nhà bưu-diện, đường điện-thoại.

Núi, gò, đồi, đèo, ải, thung-lũng, rừng, hầm mỏ, núi lửa.

Nước, ao, hồ, đầm, suối, lạch, sông con, sông cái, sông đào, kênh, cầu, cống, đập, bãi, bờ dè, bến thuyền.

Biển, bờ biển, bến tàu, gò đất, mũi đất, vịnh, đảo, quần đảo, bán đảo, eo biển, đèn biển.

Tập thực-hành xem phương-hướng.

### Lớp Ba

Danh-từ địa-lý.

Mặt trời, mặt trăng. Quả đất, Xích-đạo. Bắc bán-cầu. Nam bán-cầu. Bắc-cực. Lục-địa, Ngũ-Châu. Đại-dương. Thủy-triều. Ngày, đêm. Bốn mùa. Âm-lịch, Dương-lịch.

Lớp học, trường học, làng, phố và thành-phố : quận, tỉnh, tỉnh lân-cận, nước Việt-Nam (đại cương). Tập vẽ bản-đồ lớp học, nhà trường, làng, tỉnh, nước Việt-Nam.

### Lớp Nhì

Địa-lý nước Việt-Nam (địa-lý nhân-văn, kinh-tế).

Các nước lân cận : Cambodge, Ailao, Trung-Hoa, Thái-lan (dạy đại-cương : vị-trí các nước ấy và sự liên-hệ về chính-trị, kinh-tế và văn-hóa giữa các nước ấy với Việt-Nam), Vẽ địa-đồ.

### Lớp Nhất

1. — Địa-lý nước Việt-Nam (dạy đầy đủ hơn lớp nhì : các phần của Việt-Nam : địa-lý nhân-văn, kinh-tế).

2. — Các nước lân cận : Ấn-Độ, Phi-Luật-Tân, Nam-Dương, Miến-Điện, Nhật-Bản (dạy đại-cương).

3. — Vị-trí các Châu : nêu lên các cường-quốc có liên-hệ với Việt-Nam về chính-trị, kinh-tế và văn-hóa, trong mỗi Châu. Vẽ địa-đồ.

### C) SỰ ÍCH-LỢI CỦA MÔN ĐỊA-LÝ. GIÁ-TRỊ GIÁO-DỤC.

Sự ích lợi của môn Địa-lý ngày hôm nay không còn nghi-ngờ nữa. Sau khi học-sinh rời khỏi ghế nhà trường chúng cần có một trí-thức rành mạch về nước Việt-Nam về núi-non, về sông ngòi, về thổ-sản, về khoáng-sản, về nhân-dân, về chế-độ chính-trị. v.v... Không biết các điều cần-thiết ấy chúng sẽ là một ngoại-nhân sống trên đất Việt

không hơn không kém, đó là điều không thể tha-thứ được.

Ngoài các tri-thức nói trên, chúng còn có những ý-niệm tổng-quát về các xứ trong vùng Đông Nam Á-Châu và về những cường-quốc trong Ngũ Đại-Châu. Chúng cần biết những mối liên-lạc giữa Việt-Nam và các nước ấy về phương-diện kỹ-nghệ, thương-mại và chánh-trị, biết phân-biệt cái hơn cái kém của các nước đối với Việt-Nam. Nhờ đó mà lòng ái-quốc của chúng trở nên sáng suốt.

Không những thế, môn Địa-lý còn giúp các năng-khiếu của chúng phát-triển mạnh như: óc quan-sát, trí kỷ-ức, trí tưởng-tượng và óc suy-luận.

#### D) NHỮNG NĂNG-KHIẾU CỦA TRẺ CON ĐƯỢC MÔN ĐỊA-LÝ KÍCH-THÍCH.

1<sup>o</sup>) **Óc quan-sát** : Ở các lớp nhỏ (lớp tư, lớp ba) khi dạy môn Địa-lý, giáo-chức cần kích-thích óc quan-sát của chúng. Cần tổ-chức những buổi nói chuyện thân-mật, những buổi học-tập để chuẩn-bị một buổi quan-sát thực-sự. Chính trong các buổi nói chuyện thân-mật ấy mà óc quan-sát của trẻ-con được kích-thích cực-độ.

Thí-dụ các cuộc quan-sát : Quan-sát bốn phương tám-hướng, cách giống hướng ; sự di-động của mặt trời, sự tuần-tự điều-hòa của bốn mùa ; các triệu-chứng của sự thay đổi thời tiết, các danh-từ địa-lý có tính-cách địa-phương (nhà, đường lộ, ấp, làng mạc).

Bốn phương phải được tìm ra trên mặt khoảng đất, trên sân trường, trong các cuộc đi chơi.

Về các danh-từ địa-lý (núi, biển, sông, vịnh, eo-biển, cù-lao, quần-đảo, v. v...) thì những định-nghĩa ấy cần được cụ-thể-hóa bằng tranh ảnh, hình đắp bằng ciment hay thạch-cao, hoặc bằng những thí-dụ cụ-thể tương-tự nhưng trong phạm-vi thu-hẹp, tìm thấy ở địa-phương. Thí-dụ: cái đồi, cái ao, cái rạch ở làng làm trẻ con liên-tưởng đến núi non, biển hồ, sông lớn, vãn vãn...



Kể đó là sự học hỏi, quan-sát một bức dư-đồ. Bắt đầu giáo-chức cho vẽ bản-đồ lớp học trên bảng đen để nắm giữ giữa lớp với một tỷ-lệ-xích đã được ấn-định trước. Trong bản-đồ ấy, giáo-chức tập trẻ con tìm ra bốn hướng và nêu lên bằng chữ thập có mấy chữ: Đ.T.N.B. Đoạn giáo-chức cho dựng bảng-đen lên, phía có chữ B (Bắc) thì ở trên; phía có chữ N (Nam) thì ở dưới và cho biết rằng tất cả các bức dư-đồ đều được giống hướng như thế cả.

Bắc ở trên, Nam ở dưới, Đông bên hữu, Tây bên tả.

Sau đó thì giáo-chức giúp học-sinh tìm ra ý nghĩa của tỷ-lệ-xích.

Các kỳ sau, giáo-chức dạy chúng lập dư-đồ của nhà trường, của khu phố hoặc của làng mạc, vân vân. Đề khai tâm trẻ con về phép vẽ dư-đồ, giáo-chức có thể dùng những hình ảnh bằng ciment, bằng thạch-cao, hoặc bằng cát rồi bắt trẻ con ở trên cao ngó xuống các vật ấy theo đường thẳng góc. Giáo-chức nhân đó cho trẻ con biết rằng: bản dư-đồ của một vùng, một xứ nào là hình thu nhỏ của xứ ấy; vùng ấy được ở trên cao (ở trên máy bay chẳng hạn) ngó xuống.

**2) Trí tưởng-tượng:** Giáo-chức cho học-sinh xem tranh ảnh các núi non, sông ngòi, biển, vịnh, eo biển, cù lao, quần đảo, đầm, hồ, cao-nguyên, v.v... và sau đó khi nói đến núi non, biển hồ, ao, đầm, sông ngòi, cao-nguyên, cù-lao, quần-đảo v.v... mà không có tranh ảnh thì chúng sẽ tưởng-tượng mà hiểu được. Nhờ thế chúng sẽ hiểu và thưởng-thức ngay những bài văn tả các cảnh ấy.

**3) Óc suy-luận:** Giáo-chức tập học-sinh tự hỏi và tự làm ra câu trả lời như sau: Tại sao thành-thị này lại được đóng ở chỗ này? Tại sao ở chỗ kia xưa là bãi chiến-trường? Các câu hỏi ấy giúp chúng tìm ra « nhân » và « quả » của một sự kiện, một hiện-tượng địa-lý.

**4) Tri kỷ-ức :** Thời xưa, trong sự dạy dỗ trẻ-con, nhất là về môn Địa-lý, tri kỷ-ức được khai-thác triệt-đề, có thể nói là bị lạm-dụng. Về môn Địa-lý, trẻ con bị bắt buộc học thuộc lòng tất cả các danh-từ riêng về thành-thị, sông ngòi, núi non, tổng, quận, tỉnh và toàn bài nữa. Ngày nay thì không thế. Giáo-chức chỉ cho trẻ con học thuộc lòng những danh-từ, những điều cần-thiết mà thôi. Để thay thế sự học thuộc lòng phần từ-vựng địa-lý (nomenclature géographique) người ta đã tạo ra những dư-đồ thuộc các loại có đầy đủ chi tiết.

Điều cần yếu là nên lợi-dụng tri kỷ-ức của trẻ-con để tập chúng sớm biết vẽ các dư-đồ một mình.

#### **E) NGUYÊN-TẮC ĐỊNH-HƯỚNG MÔN ĐỊA-LÝ.**

Người ta có thể chia môn Địa-lý ra làm nhiều loại như sau :

**Hình-thể Địa-lý học** (géographie physique).

**Kinh-tế Địa-lý học** (géographie économique).

**Chính-trị Địa-lý học** (géographie politique).

**Sử-ký Địa-lý học** (géographie historique).

Trong các loại địa-lý chỉ có Hình-thể địa-lý học là căn-bản, là vì các loại kia đều là do đó mà ra cả. Trong Hình-thể địa-lý học lại có hai tiểu loại rất cần-thiết là :

**Thủy-lộ-học** (hydrographie) và

**Sơn-nhạc-học** (hydrographie).

#### **F) VẤN-ĐỀ TƯỢNG-TRUNG ĐỊA-THỂ TRÊN DƯ-ĐỒ.**

Xưa kia, trên bức dư-đồ người ta tượng-trưng các dãy núi bằng những nét đen đậm như hình con sâu, hoặc hình xương cá. Như thế là sai. Một dãy núi, nào

phải một bức tường chặn đứng đầu. Một dãy núi hoặc lan rộng ra, hoặc thu hẹp lại, hoặc có chỗ cao, hoặc có chỗ thấp và cần được tượng trưng bằng những vết loang ra hoặc thu hẹp lại tùy chỗ với màu đất đậm để chỉ chỗ cao, màu đất nhạt để chỉ chỗ thấp, màu xanh lá cây để chỉ bình nguyên, màu hồng để chỉ cao nguyên vân vân.

### G) CÁC VÙNG THIÊN-NHIÊN.

Về phương-diện địa-lý, không nên chia một xứ ra nhiều lưu-vực của các con sông chảy ngang qua xứ ấy. Làm như thế là sai, bởi lẽ sau đây: một lưu-vực có thể gồm nhiều vùng đất đai khác nhau. Vậy tốt hơn là chia xứ ấy ra làm nhiều vùng thiên-nhiên là hơn. Mỗi vùng sẽ có một trạng-thái riêng biệt, những đặc-sắc về đất đai và khí-hậu. Sự phân chia này căn-cứ vào tính-chất và thể đất phục khởi gọi là địa-thể của xứ ấy.

### H) PHƯƠNG-PHÁP ÁP-DỤNG KHI DẠY MÔN ĐỊA-LÝ.

Cách dạy môn Địa-lý cũng như cách dạy môn Quan-sát, là làm cho học-sinh thấy biết và hiểu rõ.

Thấy biết những biến-cổ Địa-lý tức là thấy những việc ấy một cách rõ-rệt, tự mình có thể hình-dung các biến-cổ ấy bằng trí tưởng-tượng và đặt đề các biến-cổ ấy trong không-gian.

Hiểu rõ các biến-cổ ấy, tức là tìm ra các nguyên-nhân và nhận-thức được sự tiến-triển các biến-cổ ấy và chính mình cho một giải-thích hợp-lý.

Vậy muốn cho học-sinh thấy biết và hiểu rõ các sự-kiến địa-lý, các biến-cổ, thì giáo-chức phải làm những việc như sau :

a) Đi từ sự quan-sát trực-tiếp các sự vật thực-tế hoặc

những hình-ảnh tượng-trung, những bài mô-tả các việc ấy một cách chính-xác và đơn-giản.

b) Làm cho học-sinh nhận-thức mối liên quan giữa các biến-cổ địa-lý và sự tiến-triển của các biến-cổ ấy.

c) Sự so-sánh cần phải nhiều giữa cái mà học-sinh biết và cái mà chúng chưa biết, giữa các biến-cổ đã xảy ra ở các xứ khác trên hoàn-cầu với một tỷ-lệ hệ-trọng khác nhau.

d) Về phần hình-thể địa-lý cũng như về phần nhân-văn địa-lý, cần soi sáng thời hiện-tại bằng thời dĩ-vãng.

e) Trong khi giảng bài mới, tránh sự lạm-dụng danh-từ địa-lý.

#### **1º) Cách dạy môn địa-lý bằng sự quan-sát trực-tiếp.**

Đầu tiên, cho trẻ con học môn địa-lý trên khu đất mà hiện chúng đang sống. Nhờ thế mà chúng sẽ miễn yếu khu đất ấy hơn nữa, nơi chôn nhau, nơi cắt rốn của chúng.

Trẻ con được tự-tiện trực-tiếp quan-sát khu đất ấy, hoặc trong mấy lúc nhàn rỗi, hoặc trong các cuộc du-ngoại dưới sự hướng dẫn của giáo-chức.

Giáo-chức cần có một tập riêng để ghi vào đó các chi-tiết cần thiết, vẽ họa-đồ, hình-ảnh.

Giáo-chức có thể cho đề bài tác-văn lấy sự mô-tả địa-phương làm căn-bản.

Vì có một số trẻ con đã có viếng toàn tổng, toàn quận, toàn tỉnh, cho nên giáo-chức có thể mở rộng phạm-vi bài học ra ngoài làng mạc được.

#### **2º) Cách dạy môn địa-lý bằng sự quan-sát gián-tiếp**

Cách dạy môn Địa-lý trực-tiếp chỉ được áp-dụng cho một địa-phương nhỏ hẹp mà thôi. Nhưng học-sinh cần

hiều biết địa-lý hoàn-cầu. Về phương-diện này, chúng phải dùng những đồ vật (quả-cầu), hình ảnh dư đồ tượng-trưng, đọc các sách, báo nói về vấn-đề ấy, xem các phim chiếu bóng v. v... Đó là cách dạy môn địa-lý gián-tiếp. Vậy giáo-chức cần phải có một tập tranh-ảnh, đồ-vật, sách báo cần-thiết, những hình-ảnh bằng thạch-cao, phim đứng, phim chiếu bóng (nếu có), các bảng thống-kê vân vân...

Giáo-chức cần dạy học-sinh cách xem và đọc một bản dư-đồ (tìm bốn hướng, hiểu rõ ý-nghĩa tỷ-lệ xích).

Tập chúng nhận-thức đúng một quãng đường trong dư-đồ và trên thực-tế.

### **3<sup>o</sup>) Cách dạy môn Địa-lý bằng những bài văn mô tả.**

Ở lớp nhì, lớp nhất, giáo-chức có thể cho học-sinh đọc những bài văn mô-tả những cảnh-vật địa-lý rất mặn mà, thích thú và bảo chúng diễn-tả lại theo ý chúng những điều mà chúng đã đọc.

Thay vì các bài văn mô-tả trích ở tác-phẩm các nhà địa-lý học, giáo-chức có thể dùng những tranh-ảnh, hình vẽ, hình nặn, hình chạm (điều-khắc) v. v...

### **4<sup>o</sup>) Các điều quan trọng trong bài địa-lý.**

Đến giờ Địa-lý, giáo-chức không nên đọc bài trong sách hoặc bắt học-sinh đọc bài ấy trong sách giáo-khoa mà không có sự giải-thích nào. Giáo-chức phải tự mình giảng-bài. Giáo-chức sẽ đứng gần bản dư-đồ, cầm gậy nơi tay, vừa giảng vừa chỉ. Có khi vừa giảng bài, giáo-chức lại vừa vẽ dư-đồ thích-ứng với bài (dư-đồ được vẽ trước với những nét lu nếu giáo-chức vẽ không mau và không khéo). Dư-đồ được vẽ như thế sẽ rất đơn-giản và chỉ gồm có những chi-tiết cần-thiết cho bài học thôi. Giáo-chức phải chỉ cho học-sinh cách vẽ và cách lập tỷ-lệ-xích.

Không nên để học-sinh lấy giấy mỏng đặt lên dư-đồ

trong sách giáo-khoa đồ các nét bằng bút chì để rồi đồ lại trong tập vở. Việc làm như thế có tính-cách máy móc mà không ích-lợi gì.

Sau khi giảng bài xong, giáo-chức có thể lựa một vấn-đề địa-lý để làm đề-tài tác-văn.

Ở lớp nhì, học-sinh cần biết vẽ mô các đư-ờng trên bảng đen vì ngày thi chúng có thể bị gọi lên làm việc ấy trước đám đông.

Học-sinh cần có tập vở riêng để ghi-chép những điều đã thu-thập được trong các cuộc điều-tra hoặc quan-sát.

## 1) KẾT - LUẬN.

Lời chỉ-dẫn của Bộ Quốc-gia Giáo-dục về cách dạy môn địa-lý.

Mục-dịch khoa-học Địa-lý ở các trường tiểu-học là dạy cho học-trò biết những điều cốt-yếu về nước Việt-Nam và các lân-bang, rồi đến những đại-thể về Ngũ-Đại-Châu.

Khoa địa-lý là một khoa nhận-xét, cần để học trò trực-tiếp với sự vật. Nhưng khi không có thể thì cho nhận xét tranh-ảnh, địa-đồ v.v... Do những sự nhận-xét, trẻ sẽ tìm ra những điều cần-thiết trong bài.

Trong những buổi đi chơi, ông thầy chỉ cho học-trò cái ao, sông cái, sông con, tả-ngạn, hữu-ngạn, cầu cống v.v... Những cái mắt thấy tai nghe sẽ in sâu vào trí nhớ. Những bài khô-khan trừu-tượng với những định-nghĩa phiền-phức tối-tâm rất có hại cho sự phát-triển của trí-khôn.

Khi không quan-sát trực-tiếp được, thì ông thầy lấy đất, cát, nước, làm thành những hình-thể mà học-trò chưa từng trông thấy. Trái đất sẽ tượng-trưng bằng quả địa-cầu bằng giấy, quả bưởi, quả bóng.

Ở những lớp đã có bài học, thầy giáo bao giờ cũng



cho quan-sát trước, rồi giải-thích sau. Cần dẫn học-trò từ chỗ gần đến chỗ xa, từ chỗ dễ đến chỗ khó.

Dù học Địa-lý tỉnh mình cho đến Địa-lý các nước khác, khi nào cũng phải có tranh ảnh, địa-đồ cho học-trò xem xét. Địa-đồ chỉ nên ghi những điều cần-thiết, nhiều khi chỉ vẽ địa-đồ cũng đủ, không cần ra bài, học-trò sẽ trông vào địa-đồ mà học.

Dạy Địa-lý cũng như dạy các môn học khác, không nên quên các mục-dịch thiết-thực. Những điều dạy sẽ phải có ích-lợi cho đời sống và phải có tính-cách « giáo-dục công-dân ». Học-trò có hiểu địa-lý nước mình thì mới biết rõ công khai thác của tiền-nhân. Nhờ vậy lòng yêu nước, yêu nòi lại càng được phát-triển.

Trong lúc học địa-lý các nước lân-bang và Ngũ Đại-Châu, những chi tiết có tính cách nhồi sọ phải bỏ hẳn mà chọn lấy những điều có tương-quan đến nước mình về kinh-tế, chính-trị và văn-hóa, những điều khiến học-trò phải so sánh nghĩ ngợi về khả-năng của nước mình để theo kịp người, hoặc vượt hơn người.

\* \* \*

## CHƯƠNG BỐN

### KHOA-HỌC

Môn Khoa-học được chia ra làm nhiều môn phụ-thuộc như sau : Quan-sát, Thường-thức, Vệ-sinh — Canh-nông, Gia-chánh.

#### A) SỐ GIỜ MỖI TUẦN DÀNH CHO MÔN KHOA-HỌC.

(Bộ Quốc-gia Giáo-dục : Chương-trình ngày 16.7-59).

##### Lớp Năm

Thường-thức (Quan-sát — Vệ-sinh) : 2 giờ 25'

##### Lớp Tư

Thường-thức (Quan-sát — Vệ-sinh) : 2 giờ 25'

##### Lớp Ba

Thường-thức (Quan-sát — Vệ-sinh) : 2 giờ 25'

##### Lớp Nhì (Nam-sinh)

Thường-thức và Vệ-sinh : 2 giờ 30'

##### Lớp Nhì (Nữ-sinh)

Thường-thức và Vệ-sinh : 2 giờ 30'

**Lớp Nhất (Nam-sinh)**

Thường-thức và Vệ-sinh : 2 giờ 30'

**Lớp Nhất (Nữ -sinh)**

Thường-thức và Vệ-sinh : 2 giờ 30'

**B) CHƯƠNG-TRÌNH** (Bộ Quốc-gia Giáo-dục : Chương-trình 1959).

**Lớp Năm**

Quan-sát. Dạy bằng quan-sát ở lớp hoặc trong buổi đi chơi những vật và hiện-tượng thường thấy hằng ngày. Khi nào cũng phải có vật-liệu, tranh-ảnh chỉ-dẫn rõ-ràng.

— Tay phải, tay trái, bên phải, bên trái. Giờ (đồng hồ), ngày, tuần-lễ, tháng, năm (quyền lịch). Các mùa. Phương-hướng. Trời.

Vệ-sinh. Dạy vệ-sinh bằng lối thực-hành, không bài.

Vệ-sinh về thân-thể. Thân-thể sạch-sẽ. Nên dùng xà-phòng. Cách rửa mặt, gội đầu, đánh răng. Tay sạch. Đừng đắp thấm nước miếng vào đầu ngón tay mà lật sách vở, đừng thấm nước miếng vào tay. Đừng ngậm đầu bút chì, cán bút; không mó tay vào mắt. Cách ngồi đọc và viết cho khỏi hại ngực, hại mắt.

Vệ-sinh về ăn uống. Cách ăn uống: nhai cho kỹ, ăn có chừng và đúng bữa. Cách gìn giữ răng (đừng ăn đồ quá nóng hay quá lạnh). Đừng ăn trái cây xanh. Trước khi ăn phải rửa mặt, rửa tay. Nước uống phải trong sạch, nấu chín, đầy kín.

Vệ-sinh về lớp học và nhà trường.

Sách.vở sạch sẽ. Lớp học sạch sẽ và thoáng khí. Tập lau bảng đá, quét bụi, lau chùi bàn ghế. Giữ gìn sạch sẽ

sân-trường chung quanh trường, nhà vệ-sinh, nên đi tiêu phải chỗ.

Vệ-sinh về áo-quần. Áo-quần gọn-gàng, sạch-sẽ, nên dùng khăn tay.

### LỚP TƯ

#### I.— Khoa-học.

A) Dạy bằng lối quan-sát.

— Thân-thể người ta. Các bộ phận chính bên ngoài.  
Xương — Thịt — Da.

— Một vài con vật, một vài thứ cây cỏ thông-thường.

— Đất, đá, (cát, đất sét).

— Không khí; gió, bão.

— Giếng suối, khe, sông, biển.

— Các sản-phẩm kỹ-nghệ thông-thường. (Vải, giấy, gạch, ngói).

B) Vệ-sinh. Tập thực-hành những điều thông-thường về vệ-sinh thân-thể, ăn uống, áo quần, lớp học (bàn ghế, vách tường) nhà trường theo chương-trình lớp Năm.

Thêm : Vệ-sinh về nhà cửa.

C) Tập quan-sát một vài con vật tiêu-biểu cho từng loại: chó, mèo, trâu, (hay bò), ngựa, chuột hay thỏ, gà vịt, thằn lằn, rắn, ếch (hay cóc), cá, bướm-bướm, trai (hay sò, hến), ốc, giun (trùng). Các gia-súc, các dã-thú.

D) Các bộ phận chính của cây.

E) Phán, đất sét, cát, muối, than đá; Vài kim loại: sắt, kẽm, đồng, nhôm.

II.— Vệ-sinh : Nhắc lại và bổ-túc những điều đã học ở hai lớp dưới (bằng thực-hành).

Phòng-bị bệnh truyền-nhiễm (dùng khắc nhỏ, trừ ruồi, muỗi, chấy, rận, tránh nơi ẩm thấp, cách đề-phòng các bệnh thông-thường).

Vệ-sinh về mắt, tai, về hô-hấp, tiêu-hóa, tuần-hoàn, bài-tiết. Bệnh đau mắt, bệnh ngoài da.

## LỚp Nhì

### I. — Khoa-học.

A) Các phần của thân-thể : Ngũ-quan, Bộ xương, bắp thịt. Thần-kinh hệ (điều giản-yếu). Tiêu-hóa, hô-hấp, tuần-hoàn, bài-tiết.

B) Phân chia ra các loài, lấy một con vật làm tiêu-biểu cho mỗi loài.

C) Các bộ-phận chính của cây và công-dụng của mỗi bộ-phận. Cách bón phân, săn-sóc và trồng cây.

D) Ít thứ đá thông-dụng (đá xanh, đá ong) và đá quý (cầm-thạch, kim-cương). Dầu hỏa Kim-loại thường dùng : gang, thép, thau, kẽm, chì, thiếc, và kim-loại quý (bạc, vàng, bạch-kim).

II. — Vệ-sinh. Nhắc lại những điều đã học ở các lớp dưới (thực-hành).

*Vệ-sinh về ăn uống.* Giữ-gìn đồ ăn, đồ uống. Hạn về rượu, thuốc hút, thuốc phiện. Cách lọc nước. Cách đào giếng, xây giếng (tùy địa-thể mỗi nơi mà giảng giải). Bài trừ sự mê-tín về việc đào giếng.

*Vệ-sinh về quần áo.* Cách ăn mặc chỉnh-tề, cách giữ gìn quần áo. Tập giặt, là (ủi) quần áo, tập xếp quần áo. Tập đánh giày, đánh mũ.

*Vệ-sinh về nhà cửa.* Nhà nên cất cao ráo, theo hướng gió. (Bài trừ lối lấy hướng theo mê-tín).

Rác rưởi và đồ thừa thải phải bỏ vào thùng có nắp đậy.

*Phương-pháp sát trùng* : Dùng nước vôi, vôi bột, crésyl, bột D.D.T (những chất độc này phải để xa đồ ăn).

*Luật-lệ Cảnh-sát, vệ-sinh gia-súc*. Trình-báo (khi gia-súc mắc phải bệnh truyền-nhiễm hoặc chết vì bệnh đó).

Nhốt riêng thú đau. Cấm dẫn thú đau đi uống nước nơi ao, đầm, sông, rạch, dùng cho súc vật khỏe.

Chôn xác loài vật chết (chôn sâu giữa 2 lớp vôi bột).

### LỚP NHẤT

#### I. — Khoa-học.

A) Trọng-lực và trọng-lượng. Đòn bẩy. Các thứ cân.

B) Sự cháy — Áp-suất không-khí. Vài thứ bom. Phong-vũ biểu. (Nhân bài này giảng thêm về thủy-ngân.)

C) Sự luân-chuyển và biến-thể của nước thiên-nhiên (mây mưa). Sức đẩy của nước.

Ba trạng-thái của vật-thể và biến-thể của chúng.

Sự nở của các vật gặp nóng. Hàn thử biểu.

D) *Đá nam-châm*. La-bàn.

E) *Điện*. Công-dụng thông-thường của điện (đèn điện, bàn-là điện, và điện-lực).

Sự nguy hiểm của luồng điện.

II. — *Vệ-sinh*. Các bệnh thông-thường, nhưc đầu, sỏ mũi, đau bụng, đầy bụng, đi rửa, cảm, sốt.

Sơ lược về ký-sinh trùng.



Các bệnh hay lây : ghẻ, đau mắt, sởi (ban đỏ), đậu mùa, kiết-ly, dịch-tả, dịch-hạch, sốt rét, ho lao, thương hàn (ban cua). Bệnh chó dại. Bài trừ cách dùng thuốc nhấm.

### C) TÍNH-CÁCH QUAN-TRỌNG CỦA MÔN KHOA-HỌC.

Môn khoa-học giúp trẻ con thu thập nhiều tri-thức cần-thiết và có một giá-trị giáo-dục lớn lao.

**1<sup>o</sup>) Môn Khoa-học giúp sự thu thập các tri-thức cần-thiết.**

Trong vũ-trụ biết bao nhiêu hiện-tượng làm lạ mắt trẻ con khiến chúng luôn luôn đặt câu hỏi : « Tại sao thế này ? Tại sao thế kia ? » Các câu hỏi ấy chứng-minh tính hiếu-tri chính đáng của chúng. Tính hiếu-tri ấy chỉ có khoa-học mới làm thỏa mãn được. Môn khoa-học thường-thức sẽ giúp trẻ con có một vui thích về tinh-thần, đồng thời giúp chúng thu hái được những tri-thức thực-dụng rất có ích cho chúng mai sau này, nhứt là sự giữ gìn sức khỏe của chúng trong mọi hoàn-cảnh.

**2<sup>o</sup>) Môn khoa-học có một giá-trị giáo-dục lớn lao.**

#### A) MÔN KHOA-HỌC KÍCH-THÍCH ÓC QUAN-SÁT CỦA TRẺ CON.

Trẻ con sẽ tập quan-sát sự vật đúng phép, thấy những điều mà người thường trông không thấy.

**B) MÔN KHOA-HỌC KIẾN-TOÀN SỰ GIÁO-DỤC NGŨ QUAN CỦA TRẺ.** (Mắt, tai, mũi, lưỡi, tay sờ mó).

### C) MÔN KHOA-HỌC GIÚP TRẺ CON CÓ MỘT TINH-THẦN KHOA-HỌC.

Nhờ môn này trẻ con tập tìm ra chân-lý trong mọi việc, ưa sự thật, tôn-trọng sự thật. Chúng tập đi từ cái « quả » mà đến cái « nhân » và tránh những thành-kiến đị-doan, mê-tín. Đồng thời chúng sẽ làm quen với tên tuổi các nhà khoa-học trừ danh xưa nay.

### D) PHẠM-VI CỦA MÔN KHOA-HỌC Ở CÁC LỚP SƠ TIỂU.

Vì phạm vi của khoa-học rất rộng cho nên về môn này giáo-chức không thể đưa trẻ con đi quá xa, mà chỉ dạy chúng những điều cần thiết như các môn phụ thuộc sau đây : Quan-sát, Thường-thức, Vệ-sinh, Canh-nông, Gia-chánh, vân vân...

Một phần của các môn Đức-dục (cái hại của rượu và của nha-phiến) và thể-thao (Cơ thể của trẻ con đòi hỏi những cử động thích ứng nào ?) cũng nhờ khoa-học giải thích cho.

#### I) MÔN QUAN-SÁT.

1) Định-nghĩa : Môn Quan-sát là một hình-thức của môn Khoa-học. Nó chỉ được áp-dụng cho trẻ con ở lớp Năm và lớp Tư mà thôi : Như từ ngữ « quan-sát » đã chỉ rõ, ở hai lớp này, đến giờ học giáo-chức phò bày trước mặt chúng, đồ vật, thảo mộc hoặc thú cầm quen thuộc, để chúng xem, sờ mó, nghe tiếng kêu. Nếu là đồ vật thuộc về thức ăn, thức uống thì chúng có thể nếm, ngửi. Nhờ sự vận-dụng ngũ giác-quan, chúng sẽ tìm ra hình thể, màu, sắc, mùi vị của vật mà chúng học. Trong bài « Quan-sát » phải có sự quan-sát thực sự, là vì ở các lớp nói trên trẻ con chỉ ưa thích những gì cụ-thể mà thôi.

Khi dạy một bài « quan-sát » mà giáo-chức không đem học-cu, vật-liệu vào lớp thì đó là một việc vô ý-nghĩa.

2<sup>o</sup>) Cách dạy môn quan-sát.

a) Đến giờ dạy môn quan-sát, mỗi trẻ con phải có trước mặt một vật kiểu-mẫu. Nếu điều-kiện ấy không thể thực-hiện được thì ít ra mỗi bàn phải có một vật kiểu-mẫu. Nếu toàn lớp chỉ có một vật kiểu-mẫu thì vật ấy phải được phóng-đại ra để trên cao cho mọi trẻ con thấy. Trong trường-hợp này, bài dạy sẽ mất tính-cách quan-sát của nó vì lẽ trẻ con không được tùy-ý xem xét, sờ, mó, nếm, ngửi vật kiểu-mẫu.

b) Bài học được trình-bày dưới hình-thức một cuộc nói chuyện thân-mật. Phương-pháp thích-hợp nhất là phương-pháp chất-vấn lẫn phương-pháp trực-giác (méthode intuitive) : Trẻ con xem-xét, sờ mó, nếm, ngửi đồ vật rồi trả lời các câu của giáo-chức.

Giáo-chức nói rất ít. Nhưng trái lại, giáo-chức thúc đẩy trẻ con phát-biểu ý-kiến rất nhiều.

Có những chi-tiết mà học-sinh không tìm ra thì giáo-chức phải giảng-giải một cách vắn-tắt cho chúng biết.

Cần tránh những điều sau này :

Không nên bắt trẻ con chú-ý quá lâu về một chi-tiết mà chúng đã biết rõ.

Không nên nói thoáng qua, hoặc bỏ qua những đặc-tính của sự-vật mà học-sinh chưa biết.

Giáo-chức trong khi giảng bài không nên ra ngoài đề và kiểm học-sinh luôn-luôn ở phạm-vi của bài học. Vậy bài dạy cần phải được sửa-soạn kỹ-lưỡng trước.

Học-sinh được tự-do phát-biểu ý-kiến. Các ý-kiến ấy sau rồi sẽ được giáo-chức xếp lại thành bài.

Một bài quan-sát được trình bày theo thứ-tự sau đây.

#### A) VẬT ĐỀ CHO HỌC-SINH QUAN-SÁT.

Lấy con mắt mà xem. Màu sắc (ấn-định màu sắc, so sánh màu sắc của vật với màu sắc quen thuộc).

Hình dáng của vật (so sánh với những vật quen-thuộc giản-dị hơn). Vật ấy chất đục hay chất trong.

Sờ mó vật (bằng tay). Bề mặt của vật láng hay nhám, cứng hay mềm, nóng hay lạnh.

Lấy tay nâng vật lên coi nặng hay nhẹ. So sánh vật với những vật bằng nhau hoặc lớn hay nhỏ hơn.

Ngửi vật (bằng lỗ mũi). Vật có hơi, mùi gì ? (Phê bình, So sánh hơi mùi ấy với hơi mùi khác).

Nếm vật (bằng lưỡi). So sánh vị của vật với vị của nhiều vật khác.

Nghe tiếng kêu của vật (bằng lỗ tai). Cao độ tính phát-âm của vật. Gõ vật với một cây thước kẻ, hoặc đưa vật lên cao rồi cho vật rơi xuống các vật khác. Nhận rõ tiếng kêu do vật ấy phát ra.

#### B) NHỮNG CÔNG-DỤNG CỦA VẬT. (Les usages).

Giải-thích các công-dụng ấy bằng sự nhắc lại những sự quan-sát đã làm trước kia, hoặc những điều mà học sinh đã thu thập được nhờ kinh nghiệm ở trong gia-đình hoặc ngoài đời.

Nếu là bài Thường-thức ở lớp Ba và lớp Nhì thì giáo-chức thêm các mục sau đây :

### C) ẢNH-HƯỞNG CỦA NƯỚC ĐỐI VỚI VẬT.

Vật có tan trong nước không ? Tan trong nước nóng hay nước lạnh ?

### D) ẢNH HƯỞNG CỦA LỬA ĐỐI VỚI VẬT.

Thí-nghiệm vật đối với lửa.

Học-sinh cho biết cảm-tưởng của chúng trong các cuộc quan-sát ấy. Các chữ khó được viết lên bảng đen.

Sau cùng toát-yếu được nêu lên bảng đen.

#### 1<sup>o</sup>) Những cuộc thí-nghiệm.

Đối với học-sinh lớp Nhứt, lớp Tiếp-liên, bài Khoa-học thường-thức thường có kèm theo những thí-nghiệm nhỏ. Các cuộc thí-nghiệm này phải được sửa-soạn chu đáo và phải được đem ra thử trước, có kết-quả mới được đem ra thí-nghiệm trước mặt học-sinh.

#### 2<sup>o</sup>) Học-cụ khó.

Nhà trường phải có một Học-cụ khó nghĩa là một cái tủ kính to, một cái kệ lớn bề ngoài có che màn để tránh bụi-bặm. Trong Học-cụ khó người ta để những vật liệu cần-thiết cho những bài Cách-trị, Địa-dư, Sử-ký, văn-văn. Các vật-liệu đều phải sắp theo thứ-tự, theo loại, theo môn dạy.

#### 3<sup>o</sup>) Sách khoa-học. — Các bài toát-yếu.

Nếu có sách khoa-học phát cho học-sinh thì sách ấy chỉ giúp giáo-chức trong sự soạn bài mà thôi chứ không thay thế giáo-chức được. Giáo-chức phải tự giảng bài và tự làm các thí-nghiệm. Sách giáo-khoa giúp học-sinh, sau khi về nhà, tìm lại những chi-tiết bài học đã được giảng tại lớp.

Nếu có mấy đoạn khó, mấy danh-từ chuyên-môn thì giáo-chức nên bảo học-sinh mở các sách ra để giáo-chức giảng-giải các đoạn ấy.

### E) KẾT-LUẬN.

Nói tóm lại, môn quan-sát ở trường sơ-tiểu có tính cách cần-thiết cho đời sống mai hậu. Đồng thời nó giúp chúng mở mang nhiều năng-khiếu, nhiều đức-tính tốt. Nó cần dạy một cách cụ-thể mới đem lại kết-quả mong-muốn.

\* \* \*

## II. MÔN THƯỜNG-THỨC

1<sup>o</sup>) **Định-nghĩa.** Môn thường-thức là môn dạy các điều cần-thiết mà sau khi ra đời, học sinh không thể không biết được. Những đồ vật, thảo mộc, cầm thú, hoặc có thành-phần của cơ-thể con người được chọn làm bài học, đều là hoặc có hiện hiện hoặc không; trong trường hợp ấy các đồ vật phải được thay thế bằng tranh ảnh. Thường thường các học cụ không có nhiều và học sinh không được tự tiện xem ngó, sờ, mó, nếm, ngửi, như trong bài quan sát. Ở lớp Nhì, lớp Nhất, giáo chức trong khi giảng bài mới cần làm những thí-nghiệm nhỏ để chứng-minh những hiện-tượng vật-lý.

Như vậy, trình-độ của bài Thường-thức hẳn là một bài quan-sát dành cho các lớp lớn trường sơ-tiểu (Ba, Nhì, Nhất).

2<sup>o</sup>) **Cách dạy.** Cách dạy một bài thường thức giống y như cách dạy một bài quan sát; nhưng đôi khi có tính cách trừu tượng. Các thí-nghiệm được sửa soạn chu đáo và đưa dần học-sinh vào ngưỡng cửa khoa-học — Bài 10át-yếu dài hơn ở lớp ba.



### III. MÓN VỆ-SINH

10) **Sự quan-trọng mỗi ngày mỗi lớn của môn vệ-sinh.**

Nước Việt-Nam độc-lập cần cố gắng rất nhiều về mặt vệ-sinh, một là để bảo-vệ giống nòi, hai là để tiến bước kịp người trên trường quốc-tế.

Sự cần thiết của môn Vệ-sinh được chứng minh bằng hai lý-do sau đây :

**a) Lý-do hạnh-phúc cá-nhân.**

Mỗi cá-nhân có bổn-phận giữ-gìn sức khỏe của mình. Có mạnh khỏe con người mới muốn sống, mới vui tươi làm việc vừa cho mình vừa cho xã-hội. Đó là nguyên-do hạnh-phúc cá-nhân. Kẻ bị ốm đau, tàn-tật, chẳng những làm khổ cho mình mà lại còn làm khổ cho người khác, cho xã-hội nữa.

**b) Lý-do tiết-kiệm về phương-diện xã-hội.**

Mỗi cá-nhân đều có một giá-trị xã-hội trong sự phục-vụ quyền-lợi chung. Một cá nhân khỏe-mạnh giúp xã-hội được nhiều việc. Vậy mỗi cá-nhân không nên làm giảm giá-trị xã-hội của mình.

**c) Lý-do ái-quốc.**

Một dân-tộc khỏe mạnh là một dân-tộc hùng-cường về phương-diện tinh-thần. Khi có nạn ngoại-xâm thì dân-tộc ấy sẽ hăng hái đứng lên bảo-vệ đất-nước. Thời bình, dân-tộc ấy làm việc một cách đặc-lực để đưa xứ sở lên địa-vị một nước hùng-cường.

Chánh-phủ một nước cần bảo-vệ, chăm nom chu-đáo di-sản nhân-lực ấy vì lẽ Dân còn thì Nước mới còn.

Có hai loại vệ-sinh : Vệ-sinh bồi-dưỡng các tạng, phủ (Hygiène fonctionnelle). Thí-dụ : tập thể-thao, ăn uống có tiết-độ, thứ là đến Vệ-sinh phòng-ngừa (Hygiène prophylactique) bảo-vệ thân-thể khỏi mang tật bệnh và chống ngăn sự truyền-nhiễm các chứng bệnh hiểm-nghèo trong dân chúng.

**d) Lý-do đoàn-kết và sức-khỏe.**

Giữa các cá-nhân con người có sự đoàn-kết để bảo-vệ sức khỏe cho nhau. Sự đoàn-kết này có tinh-cách quốc-tế. Thí-dụ : phong-trào quốc-tế bài-lao, bài ung-thư, bài bệnh-hủi (cùi), bài nha-phiến.

**e) Lý-do dân-chủ.**

Các phương-pháp vệ-sinh nếu đem ra thực-hành sẽ giúp ích cho đại-chúng trước hết. Tinh cách dân-chủ của môn Vệ-sinh là ở chỗ đó. Các gia-đình giàu đều có đủ phương-tiện tự-vệ mỗi khi có bệnh-dịch hoành-hành. Vậy, dân-chúng có lợi trực-tiếp mà áp-dụng các qui-luật vệ-sinh.

**2o) Sự áp-dụng các qui-luật vệ-sinh ở nhà-trường.**

Cơ-thể của trẻ con rất mảnh mai, yếu đuối. Vậy nhà trường cần bảo-vệ sức-khỏe và cơ-thể chúng. Đã lâu rồi, theo lối giáo-dục cổ-truyền, người ta chỉ chú-trọng đến tinh-thần mà bỏ rơi cơ-thể. Ngày nay không phải thế. Nhà trường chẳng những dạy trẻ con biết đọc, biết viết, biết làm toán mà còn dạy chúng biết cách giữ-gìn sức khỏe của chúng nữa.

Về trường-học, các phòng học phải khoáng-khoát, có nhiều cửa sổ và có thể-tích không-khí đủ dùng cho sĩ-số theo tỷ-lệ 5 thước khối cho mỗi trẻ. Nếu bề cao phòng

học là 4 thước thì mỗi trẻ phải chiếm một diện-tích là 1 thước vuông 25.

Nếu không khí trong lớp có chứa thán-khí với tỷ-lệ 0,5/100 thì không-khí ấy đã quá trược và rất có hại cho sức khỏe trẻ con.

Vì các lẽ ấy mà ở các lớp nhỏ, nếu thời-tiết thuận tiện, cần nên mở các lớp ở ngoài trời, hoặc dưới bóng cây.

Trẻ con cần chơi giỡn, học hành dưới ánh sáng mặt trời vì trong đó có chất tử-quang (rayon ultra-violet) có tính-chất sát-trùng.

Bàn ghế để trẻ con ngồi học phải vừa tầm chúng, nghĩa là không cao, không thấp, không quá rộng mà cũng không quá hẹp. Trong phòng học cần có nhiều cỡ bàn ghế dùng với các hạng tuổi của chúng. Chỗ rửa mặt, chỗ đi đại tiện đều được quét dọn sạch-sẽ.

Nếu nhà trường có tổ-chức ngo-phạm điểm thì thực-don mỗi tuần phải được bác-sĩ nhà trường duyệt lại và chấp thuận.

Mỗi trẻ con phải có một tập hoặc một phiếu sức khỏe.

Nhiều lần trong niên-khóa, bác sĩ của chính-phủ sẽ thân đến tận nơi để khám sức khỏe chúng và ghi vào đó những chi-tiết cần-thiết (đo ngực, cân, đo bề cao, xem răng). Nhờ những buổi khám sức khỏe này mà bác-sĩ tìm ra những trẻ-con bị bệnh truyền-nhiễm cần phải điều-trị ngay và cho áp-dụng phương-pháp phòng ngừa cho toàn trường.

**3o) Những cơ-quan cải-thiện sức khỏe trẻ-con yếu đuối.**

Người ta kể :

a) *Các lớp học khoảng-khoát (classes aérées).*

Tức là những phòng học rộng rãi, có nhiều cửa sổ, luôn luôn mở theo chiều hướng nhứt định. Các phòng học này dành cho các trẻ yếu đuối thuộc các trường đông đúc trong các châu-thành. Các phòng học này cần xây cất ở các vùng ngoại ô châu-thành, có sân rộng có trồng cây để trẻ-con chạy giỡn và phơi nắng.

b) *Các trường giữa trời.*

Tức là những trường cất ở giữa trời, trong các vùng thôn quê dành cho trẻ con yếu đuối bị nghi mắc bệnh lao. Các trẻ này trước đã theo học một trường đông đúc của châu-thành.

Các trẻ con học ở các trường này, sau một thời-gian sẽ trở nên mạnh khỏe và đủ sức chống lại với sức tàn phá của bệnh lao.

Mỗi tuần, các trường đều được bác-sĩ thanh-tra của chính-phủ đến viếng.

Cách tổ-chức một trường ở giữa trời có hai lối :

Lối nội-trú. Kết quả rất tốt, nhưng tốn kém nhiều. Số trường loại này rất ít.

Lối ngoại-trú. Ngày hai buổi (sáng : 3 giờ ; chiều : 2 giờ) trẻ con ở các nơi đến học ở trường, gần thi bộ, xa thì có xe rước.

Kết-quả tốt, nhưng thua lối trên.

Ở các loại trường này, giờ học rất ít. Trái lại, giờ bồi-dưỡng sức khỏe rất nhiều. Trẻ-con thích tắm nắng lắm. Sức khỏe chúng nhờ thế mà được cải-thiện mau.

Trong tương lai gần đây, một học-đường to lớn ở châu-

thành cần có một ngôi trường, trường phụ-thuộc cất ở giữa trời trong thôn-quê để nhận những trẻ yếu đuối, suy-nhược.

**4o) Môn Vệ-sinh phải dựa vào khoa-học. Cách dạy.**

Môn Vệ-sinh phải đi đôi với môn thường-thức. Nói một cách khác, bữa trước dạy môn Thường-thức thì bữa sau dạy môn Vệ-sinh để áp-dụng bài thường-thức ấy.

**Thí-dụ :** Bữa trước học về răng, thì bữa sau sẽ nói đến : Vệ-sinh về răng (cách súc miệng, cách đánh răng mỗi buổi sáng, cách nhai đồ ăn).

Ở các lớp nhỏ, môn Vệ-sinh cần được đem ra áp-dụng ngay dưới hình-thức những lời khuyên răn ngắn. Bài dạy cần được cụ-thể hóa bằng những học-cụ và những buổi thực-hành (cách rửa mặt, rửa tay, cắt móng tay, cách đánh răng, cách giặt khăn tay, cách rửa rau cải v.v...)

Ở các lớp lớn (lớp Nhứt, lớp Tiếp liên) môn Vệ-sinh có tính cách một sự áp-dụng khoa-học. Giáo-chức dạy học sinh cách luyện-tập các thành phần của cơ-thể được tráng-khiên, cách phòng ngừa các bệnh tật, cách diệt-trừ các vi-trùng bệnh, sự nghiên-cứu các sérums các loại thuốc chích (vaccins) và nhất là các bệnh có tính cách xã-hội như : bệnh rươi, bệnh lao, bệnh ung-thư. Trong những buổi thực-hành, giáo-chức sẽ dạy chúng cách săn-sóc bệnh, cách cứu thương khi gặp rút vắn vắn...

**5o) Ngày Vệ-sinh.**

Về môn này rất quan-hệ cho sức-khỏe trẻ con nên giáo-chức phải tổ-chức một ngày Vệ-sinh. (Ngày thứ bảy chẳng hạn). Đến ngày ấy những môn nào không dính líu đến môn Vệ-sinh thì gác lại bữa khác. Còn các môn khác đều lấy đề-

tài chính là : Vệ-sinh. Ngày ấy môn Vệ-sinh được coi là chủ-điểm của các môn khác. Đồng thời giáo-chức bảo các trẻ thực-hành ngay những lời dạy. Chính giáo-chức làm gương trước bằng cách bồn-thân mở cửa cho không khí vào, lau quét bàn viết và ghế ngồi v.v... Tất cả học-sinh sẽ noi gương giáo-chức mà lau bàn, dọn quét phòng học cho sạch sẽ. Các biểu-ngữ vẫn tắt nhưng có ý-nghĩa rất mạnh, cương-quyết, được nêu lên trong phòng học như : cấm ngắt sự khạc nhổ dưới đất, sự bỏ giấy vụn dưới đất v.v...

#### 60) Cách dạy học Vệ-sinh gián-tiếp.

Ngoài giờ học môn Vệ-sinh chánh-thức, giáo-chức có thể dạy môn này gián-tiếp như sau : trước giờ học, giáo-chức xem coi phòng học và bàn ghế được dọn quét lau chùi sạch sẽ không ? Tay chân, mặt mũi, quần áo của học-sinh. có sạch không ?

Trong khi trẻ con làm bài, giáo-chức đi từ bàn này đến bàn khác để sửa chữa cách ngồi, cách để tập vở, cách cầm viết.

Giáo-chức cấm trẻ con thấm nước miếng vào đầu ngón tay để lật các trang sách hoặc đội lẫn nón, mũ của nhau

#### 70) KẾT - LUẬN.

Nói tóm lại, môn Vệ-sinh, ngày hôm nay có một tính cách quan trọng và chính nhờ nhà trường mà môn ấy được phổ-biến trong dân chúng. Vậy ở nhà trường, trẻ-con cần được áp-dụng ngay các qui-luật Vệ-sinh để rồi truyền lại cho các gia-đình.

\* \*

### IV. MÔN CANH-NÔNG

(Không có trong chương-trình 1939 của Bộ Quốc-gia Giáo-dục).



**A) MỤC-ĐÍCH CỦA MÔN CANH-NÔNG :** Môn canh-nông có hai mục-đích như sau :

**1<sup>o</sup>) Giúp học-sinh có những tri-thức khoa-học căn-bản của khoa canh-nông hiện-đại.**

Khoa Canh-nông hiện-đại căn-cứ vào khoa-học. Nói một cách khác, các ngành khoa-học sau đây đã bổ-túc cho khoa Canh-nông như : địa-chất học, thảo-mộc học, hóa-học, khoa chăn-nuôi. Hiện nay các điền-khí ở các nước văn-minh đều là máy móc cả. Các tri-thức thuộc các ngành vừa kể trên, đòi hỏi một học-lực khá rộng mới áp-dụng được. Một nông gia dù dày kinh-nghiệm đến đâu cũng không sao hiểu được các điều ấy. Các điều ấy học-sinh nhờ nhà trường giảng-giải cho.

Ở nhà trường, về môn Canh-nông học-sinh không cần học phải cày, bừa, bỏ phân, phát cỏ, gặt lúa thế nào. Các việc ấy phụ-huynh của chúng rất sành và sẽ chỉ lại chúng. Cái mà các bậc phụ-huynh không biết chính cái đó học-sinh mới nên học để rồi truyền lại cho người nhà như : tại sao phải cày đất, bừa đất, xới đất, bón đất, vò-phân v.v... Người nông-phu lành nghề phải biết rõ các việc ấy, và như vậy là phải học.

Sau khi rời ghế nhà-trường, học-sinh sẽ là người nông-phu ấy và sẽ có một trình-độ để hiểu biết những bài diễn-thuyết khuyến-nông tại địa-phương.

**2<sup>o</sup>) Môn Canh-nông làm cho học-sinh yêu mến đời sống dã-nội.**

Nhờ có học môn Canh-nông học-sinh mới nhận thức được nhiều sự thắng lợi của đời sống dã-nội so với đời sống giới thợ-thuyền ở các đô-thị.

Người nông-phu ở chốn dã-nội sống một cuộc đời rất là độc-lập, tự-chủ (mình làm chủ lấy mình) rất là tinh-khiết (không khí trong sạch, mát mẻ). Người nông-dân

thường sống lâu hơn người dân thành-thị. Họ ít ốm đau và lúc nào cũng mạnh khỏe.

Nếu biết hành nghề đúng theo nguyên-tắc khoa-học thì nhà nông chắc chắn sẽ dễ làm giàu hơn giới thợ thuyền.

Ở thành-thị, giới thợ thuyền sống trong những căn nhà bần thiếu, chật hẹp, thiếu vệ-sinh và thường đau ốm. Lương bổng tuy có cao hơn hoa-lợi của nhà nông thật, nhưng họ phải tiêu xài nhiều vì mỗi vật mỗi mua.

## **B) NHỮNG KHÁI-NIỆM CANH-NÔNG VÀ MÔN KHOA-HỌC THƯỜNG-THỨC.**

Môn Canh - nông ngày hôm nay không còn là môn học riêng biệt nữa. Nó hiệp làm một với môn thường-thức mở đường cho môn Canh-nông. Thực ra những khái-niệm canh-nông thực là những áp-dụng của môn Khoa-học. Khoa-học giúp môn Canh-nông giải-quyết mọi nỗi khó khăn của nông-nghiệp.

Chương-trình môn Canh-nông ở một trường nam học-sinh thôn quê gồm có sự nghiên-cứu đất đai, đồng-nội, các loại trồng tĩa, các loại thú nhà và cách chăn-nuôi, cách sửa soạn và tổ chức một nông trại.

Ngày hôm nay, chương-trình môn Canh-nông được các cán-bộ chuyên-môn giảng-day đầy đủ hơn nhiều và đi rất xa.

## **C) PHƯƠNG-PHÁP PHẢI THEO.**

Phương-pháp áp-dụng gồm hai đặc-diểm sau đây :

### **1) Luôn luôn áp-dụng sự quan-sát.**

Đến giờ Canh-nông, giáo-chức dắt học-sinh ra ngoài học đường viên (vườn của nhà trường), ngoài đồng-nội, hoặc

đi chơi trong đồng ruộng. Nhơn dịp ấy giáo-chức bắt học sinh quan-sát các thứ đất, các thứ phân bón, các công việc đồng-áng, các nông-cụ thông thường, các phương-sách làm cho các loài thảo-mộc luôn luôn sinh-sản ra nhiều với hoa-quả cực đẹp (cách tháp cây, chiếc cây v. v...)

Nhờ vậy mà chúng sẽ không thờ ơ với công việc đồng-áng và lúc nào chúng cũng muốn xem, quan-sát mọi việc.

## **2o) Luôn luôn áp-dụng sự thí-nghiệm.**

Ở giai đoạn này, người ta cũng còn quan-sát, luôn luôn chú ý và vui thích về một cuộc thí-nghiệm chứng-minh chính-sắc sự đúng của một nguyên-tắc. Về phương-diện này, môn Canh-nông khuyên nên trồng tía thử để thí-nghiệm. Thí-dụ : Một khoảng đất trồng lúa không có phân bón thì xấu. Trái lại, trên một khoảng đất tương-tự có vô phân thì lúa rất tốt, có nhiều gié, nhiều hạt. Sự thí-nghiệm ấy có thể thực-hiện được bằng những chậu hoa (pots) hoặc tại học đường viên (vườn của nhà trường) hoặc ở trên khoảng đất thí-nghiệm của thôn xã.

Trong những dịp đi du ngoạn, giáo-chức sẽ nhơn cơ-hội ấy bổ-túc những bài Canh-nông đã học rồi. Các cuộc du-ngoạn phải được sửa soạn từ trước với một mục-dích nhất định. Thí-dụ : Kỳ du-ngoạn này toàn lớp sẽ chú trọng về cách cấy đất ; kỳ sau thì lại chú trọng về cách bừa đất, kỳ sau nữa về cách trục đất, cách cấy lúa vắn vắn. Sau mỗi cuộc du-ngoạn, học-sinh phải tóm tắt trong một bài toát-yếu những điều nghe và thấy, những điều chúng quan-sát với những giải-thích của giáo-chức.

## **D) CÁC MÔN KHÁC TRỢ LỰC CHO MÔN CANH-NÔNG.**

Các môn khác trợ lực cho môn Canh-nông bằng cách làm cho trẻ con ưa thích việc đồng-áng, đời sống thôn-

quê là môn Giảng văn, môn Chính-tả, môn Âm-độc, môn Tác-văn, môn Ngữ-vựng, môn Toán-học, môn Địa-lý.

Về môn Toán-học giáo-chức có thể cho những bài tính-dố về sự mua bán lúa gạo, hoặc các nông-sản khác v.v... giá lúa gạo, giá các nông-sản khác trên thị-trường nước nhà và quốc-tế.

Môn Địa-dư sẽ nhấn mạnh về sự xuất-cảng hằng năm lúa gạo, hoặc các nông-sản khác của nước ta.

### **E) CÁCH PHÂN-PHỐI VÀ ÁP-DỤNG CHƯƠNG-TRÌNH CANH-NÔNG.**

Chương-trình môn Canh-nông phải được phân-phối như thế nào mà tất cả cái chi thuộc về đời sống các loại thảo-mộc và cầm thú thì thuộc về mùa xuân và mùa hạ. Tất cả các mục khác thì được học về mùa thu và mùa đông.

Nói một cách khác, phàm muốn nghiên-cứu một loại thảo-mộc nào thì phải đợi các loại ấy đơm hoa kết quả mới được.

Vậy, chương-trình đã được ấn-định một cách tổng-quát phải được tùy-nghi áp dụng. Giáo-chức có thể thay đổi mục trước ra sau, mục ở đằng sau ra trước, và thêm bớt hoặc bỏ đi, nếu cần, những chi-tiết.

Những bài Đặc-chủng nghiên-cứu (Monographie), về thảo-mộc và thú-cầm đều được chú-trọng, nhất là về các loại thảo-mộc và thú-cầm địa-phương. Đồng-thời học-sinh cũng học cách nghiên-cứu và phê-bình một nông trại, sự khai mào các công-việc đồng áng trong vùng, các nông-cụ và các máy móc áp-dụng tại một địa-phương.

### **F) MÔN CANH - NÔNG Ở CÁC TRƯỜNG NỮ-HỌC.**

Ở các trường nữ-học cách dạy môn Canh-nông có khác hơn ở các trường nam-học.

Ở trường nữ-học người ta chỉ dạy cách nghiên-cứu và phê-bình một nông trại (ferme) và các nhà phụ-thuộc.

Người ta lại còn dạy thêm cách trồng các thứ hoa, các thứ rau, và cách chăn nuôi một ít loại thú nhà nhỏ như : gà, vịt, lợn, thỏ, ong mật và nghệ-thuật làm vườn. Chương-trình môn Canh-nông ở các trường nữ-học đô-thị cũng có mục ấy.

Kinh-nghiệm cho thấy rằng : trong gia-đình nông-phu, người nội-tướng đóng một vai tuồng cực-kỳ quan-trọng. Sự giàu có thịnh-vượng của một nông-trại đều do sự hiệp lực giữa vợ lẫn chồng. Nếu người nội-tướng mà dốt nát và thủ-cựu thì đó là một tai hại là vì vợ sẽ ngăn cản chồng trong mọi sáng-kiến hay. Tình-trạng ấy sẽ đưa nông trại đến chỗ sụp đổ. Bởi thế môn Canh-nông chẳng những cần được dạy cho nam học-sinh mà còn cho nữ học-sinh nữa.

### G) KẾT-LUẬN.

Nói tóm lại, môn Canh-nông căn cứ vào khoa-học nếu được dạy bằng cách thực-nghiệm sẽ có kết quả tốt đẹp. Tuy vậy có người còn nghi-ngờ kết quả ấy. Họ cho rằng : « Cần mở ngay ở mỗi địa-phương một trường dạy khoa Canh-nông vì lẽ môn Canh-nông dạy ở trường không ăn thua gì ». Không phải thế, việc giáo-dục Canh-nông phải bắt từ dưới lên trên mới đúng nguyên-tắc. Đại-chúng ở dưới mới là phần căn-bản. Vậy nhà trường không nên ngã lòng và cố gắng đào-tạo những người lao-nông có óc suy-nghĩ, am-hiếu sự tiến-bộ của nông-nghiệp và không rời bỏ đồng quê để về thành.

## V. MÔN GIA-CHÁNH

### A) SỐ GIỜ MỖI TUẦN DÀNH CHO MÔN GIA-CHÁNH.

(Bộ Quốc-gia Giáo-dục : Chương-trình 1959).

1<sup>o</sup>) **Lớp năm**

Không có giờ.

2<sup>o</sup>) **Lớp Tư**

Không có giờ.

3<sup>o</sup>) **Lớp Ba**

Không có giờ.

4<sup>o</sup>) **Lớp Nhì (Nữ-sinh)**

Gia-chánh — Nữ-công : 1 giờ 50'.

5<sup>o</sup>) **Lớp Nhất (Nữ-sinh)**

Gia-chánh — Nữ-công : 1 giờ 50'.

### B) CHƯƠNG-TRÌNH.

Bộ Quốc-gia Giáo-dục : Chương-trình ngày 16-7-59).

#### **Nữ-công Gia-chánh**

Lời chỉ-dẫn của Bộ Quốc-gia Giáo-dục.

Nữ-công đứng đầu trong bốn đức của người phụ-nữ Á-Đông. Thế nên các em gái tuy còn ít tuổi cũng phải biết vài điều thông thường về môn Nữ-công, Gia-chánh đủ tự lo cho mình, giúp ích cho gia-đình, và cho những người chung quanh.

Nữ - công, gia - chánh còn tập cho trẻ em tánh cần



kiệm, kỹ-luỡng, tài khéo léo, chế-biến, có óc tổ-chức và có mỹ-thuật.

Nữ-công, Gia-chánh là môn dạy thực-hành đi đôi với nhau và lắm khi cần nhiều thì giờ nhất là về môn nấu ăn. Vậy nên xếp đặt thời-khóa-biểu cho hai môn liên tiếp nhau.

#### Về may thêu, nên :

a) Dạy trẻ em khởi sự từ mũi dễ đến mũi khó, — dùng kim to, vải thô, chỉ màu trước tiên để dễ thấy, dễ may.

b) Áp dụng những mũi đã dạy vào những món đồ hữu dụng vừa với sức trẻ con.

c) Đừng quá tỉ mỉ đối với công việc làm của trẻ, song buộc chúng khi khởi sự món gì là phải cho xong món đó.

d) Chỉ cách trình bày cho có ý-nghị trong sự chọn vải, chọn màu và kiểu thêu.

e) Sau khi chấm điểm, chỉ cho trẻ thấy những chi tiết của món đồ khéo và đẹp.

f) Nếu có thể, nên trưng bày đồ thêu may cùng với thủ-công vào cuối niên học.

#### Về gia-chánh, nên :

a) Dạy thực hành với vật liệu rẻ tiền và sẵn có trong nước, ví dụ: chùi kiến với giấy báo, chùi đồng với tro và khế, dùng nước cốt dừa khô hơn là dùng bơ sữa.

b) Trước khi nấu ăn nên phân chia công-việc cho từng nhóm học-sinh.

c) Nên cho học-sinh gom góp ý-kiến vào cách nấu nướng. Những ý-kiến này, — cố nhiên là của các bà mẹ chúng, — sẽ giúp có giáo thu được kết-quả tốt.

d) Dạy cách trình bày món ăn cho có mỹ-thuật.

e) Nếu có thể, — mời một bà mẹ sốt sắng vào lớp chỉ cho học-sinh làm một món bánh dễ và ngon, mừng ngày sinh-nhật của em học-sinh con bà.

f) Khi làm được một món ăn ngon, cho trẻ biên kỹ cách thức làm vào tập vở.

**Nữ công, Gia-chánh : 32 tuần, mỗi tuần 2 giờ.**

**Lớp Nhì**

A. — *Nữ-công* : May các mũi thông thường, mũi tốt, đột thừa, may lộn, mũi vắt, may ép.

— Vá : nhíp đường thẳng, vá chéo bằng mũi vắt, vá đắp theo Việt-Nam.

— Đơm nút ốc, nút bóp.

— Thêu mũi nhánh cây, mũi dây chuyền, mũi bít tất, (point de chausson) mũi mạng, mũi chữ thập.

— Áp dụng các kiểu thêu vào khăn tay, miếng túi áo, tay áo, cổ áo, khăn ăn, áo em bé, vải lót ly, lót bình hoa.

B. — *Gia-chánh* : Cách giặt và cách ủi (là) đồ vải, vải trắng, vải màu, đánh giày trắng, giày da màu.

— Chùi ấm, chén, ống nhổ, mâm, nồi, rửa bát đĩa, ly, súc ve.

— Chọn các thứ rau, đậu tươi và non. Luộc rau đậu, gọt thơm, trộn sả lách, (dầu giấm).

— Nhúm lửa, củi, than, nấu nước, pha trà.

— Vo gạo, nấu cháo, nấu cơm.

— Đãi đậu, nấu đậu, nấu chè.

— Rang đậu phụng (lạc), rang mè (vừng), đảm đậu mè, làm muối đậu, muối mè, kho mắm đậu, làm muối xá, muối ớt.

— Chọn tôm tươi, luộc tôm, lật tôm tươi, chiên tôm lần bột.

— Chọn cua chắc, cua gạch, luộc cua, rửa cua.

— Thắng mỡ, làm mỡ hành, thắng nước màu.

— Làm nước mắm chanh ớt, nước mắm gừng.

— Chọn trứng. Luộc và chiên trứng.

— Ướp thịt, nướng thịt, xào thịt.

— Dọn bánh hỏi thịt xào.

— Dọn bún thịt nướng.

**Nữ-công Gia-Chánh : 32 tuần, mỗi tuần 2 giờ.**

**Lớp Nhứt**

A. — *Nữ-công* : Ôn lại chương-trình lớp nhì (các mũi may và thêu). Thêm : đột nhất, làm khuy chỉ, khuy khoét, viền.

Cắt và may áo quần cho trẻ em.

— Thêu mũi thắt (point noué); mũi chìm (passé plat), mũi gai thường (point d'épine simple), áp dụng các kiểu thêu vào khăn tay, khăn nhỏ, áo gối em bé.

— Vá : vá một góc, hai góc, bốn góc bằng mũi vát và may ép.

— Mạ : đường may, đường xéo, lỗ tròn.

B. — *Gia-chánh* : Tẩy các vết bẩn trong quần áo : mực, bùn, cát, mũ cây, dầu máy.

— Cách giặt và cách ủi (là) đồ hàng.

— Đánh bóng bàn ghế, lau chùi đồ đồng.

— Cách cắm hoa.

— Chọn gạo tốt.

— Nấu cơm, chiên cơm, nấu cơm nếp.

- Làm đồ chua, củ cải đỏ, củ cải trắng.
- Dưa giá, dưa xổi, củ cải bóp xổi.
- Chọn cá tươi, làm cá, chiên cá,
- Làm gà, luộc gà, chặt và bày đĩa.
- Vài thứ canh : canh rau, canh chua, canh cá, nấu ngọt.
- Làm bì : bì cuốn, gói cuốn.
- Vài thứ bánh : bánh căn, bánh bông lan.
- Tập làm sổ chi tiêu trong gia-đình.
- Tập làm vài thực-đơn thường ngày, khi có khách.
- Giúp đỡ người bệnh (ốm), nấu, nướng, xông, giã, sắc thuốc, pha thuốc, xức thuốc, lấy thủy (cấp sốt) v.v...

### Dưỡng - nhi

Lớp nhì và lớp Nhứt (riêng cho Nữ sinh), dạy trong chương-trình vệ-sinh.

Người con gái thường có dịp thay thế hoặc giúp mẹ và chị trong việc trông nom em bé hoặc cháu bé sơ sinh. Nên cần biết và thực-hành những điều thường-thức và cách dưỡng nhi. Nếu có thể nên cho học-sinh viếng các cơ-quan dưỡng-nhi và bảo vệ nhi-dồng.

Mặc và ủ cho đứa bé sơ sinh: mặc quần áo, thay tã, thoa-phấn.

Cách bồng em, ru em ngủ. Các cách nuôi bằng sữa: sữa mẹ, nuôi vú, sữa súc vật, bú dặm. Mỗi ngày cho bú mấy lần trong tuần lễ đầu; trong tuần lễ thứ nhì cho tới hết tháng; trong tháng thứ hai, thứ ba, thứ tư, cho đến tháng thứ sáu, tháng thứ bảy. Mỗi lần cho bú phải cách nhau bao lâu — Bài trừ thói quen cho bú khi thấy em bé khóc và thói quen nhai cơm rồi dút cho em (mớm cơm)

Cách giữ-gìn bình sữa, cách pha sữa, cách cầm bình sữa cho bú, cách rửa bình sữa.

Đừng cho ăn sữa đã chua (ôi) — Cách giữ-gìn sữa hộp đã khai.

### C) SỰ QUAN-TRỌNG CỦA MÔN GIA-CHÁNH.

Ngày hôm nay, địa-vị của người đàn bà trong gia-đình Việt-Nam không còn ai chối cãi là không quan-trọng được. Một gia-đình thịnh-vượng hay điều-tàn phần lớn đều do người đàn bà cả. Trong lúc người cha bên nam tầu bắc bên ngoài để kiếm tiền về nuôi gia-đình thì bên trong người mẹ phải đảm-nhiệm việc tề-gia và dạy dỗ con trẻ, sắm cái ăn cái mặc cho chồng con. Việc ấy đòi hỏi ở bà mẹ, bà vợ, tính cần-kiệm, siêng năng, kim-chỉ trong mọi việc. Bởi thế người vợ được ban cho chức « nội-trưởng » là vậy. Người chồng bên ngoài dầu có tài giỏi đến đâu mà bên trong người vợ hư hèn, cầu thả, thì công việc gia-đình rối cuộc sẽ hỏng bét.

Không gì làm người chồng chán nản cho bằng sau khi đi làm cực nhọc, về đến nhà không được một bữa ăn ngon lành, một manh quần tằm áo lành lẽ, sạch-sẽ để thay đổi, một gian phòng trang-trí sạch-sẽ để nghỉ ngơi. Thêm vào tình-trạng bi-đát ấy lại có một đàn con đau ốm, áo quần rách rưới, mặc mảy dơ bẩn. Tình-trạng ấy lâu ngày thúc đẩy người cha đi tìm chỗ giải-trí vui đẹp hơn. Vì thế mà họ đâm ra bê-tha chè-rượu, ngồi quán, ngồi lều. Một gia-đình như thế chẳng chóng thì chầy sẽ đi đến chỗ tan rã. Lỗi ấy phải chăng là tại người vợ không biết nhiệm-vụ của mình ?

Để tránh những tai-nạn ấy ngay bây giờ nhà-trường dạy cho nữ học-sinh môn gia-chánh và Dưỡng-nhi.

### D) MÔN GIA-CHÁNH VÀ MÔN DƯỠNG-NHI PHẢI DỰA VÀO MÔN THƯỜNG-THỨC.

Nói một cách khác, môn Gia-chánh và môn Dưỡng-

nhì được coi là những áp-dụng của môn thương-thức dưới nhiều hình-thức. Thí-du : cách nấu ăn, làm bánh, giặt ủi, cho trẻ-con bú, săn sóc trẻ-con v v... Tất cả các việc ấy đều là những áp-dụng của Khoa-thương-thức cả.

#### E) HAI PHẦN CỦA MÔN GIA-CHÁNH :

Môn gia-chánh gồm hai phần : phần lý-thuyết và phần thực-hành.

1o) *Phần lý-thuyết* : Phần này dạy buổi sáng thứ bảy. Nữ giáo-chức chuyên-trách môn Gia-chánh phải giải rõ bằng những bài học, các mục trong chương-trình.

2o) *Phần thực-hành* : Phần này được dạy buổi chiều thứ bảy mỗi tuần và gồm bốn mục như sau : giặt quần-áo, ủi (là) quần áo, nấu ăn, khâu, vá quần áo. Nếu một lớp học có 40 nữ học-sinh thì chúng được chia làm bốn toán luân phiên nhau mà làm những việc như sau :

Trong tuần đầu :

Toán 1 học giặt quần áo.

Toán 2 học ủi, là quần áo.

Toán 3 học vá quần áo.

Toán 4 học đi chợ và nấu ăn.

Đến phiên các tuần kế thì lại theo thứ-tự ấy mà thay đổi phân-sự. Mỗi toán đều phải học qua bốn việc ấy cho thuần-thục.

#### F) MÔN GIA-CHÁNH PHẢI ĐƯỢC AI DẠY ?

Thế thường nhà trường mời một nữ chuyên-viên ở ngoài vào dạy môn Gia-chánh cho tất cả lớp Nhì và lớp Nhứt. Cách hành-động như thế không tiện là vì, nữ chuyên-viên nói trên sẽ dạy ít giờ trong mỗi lớp và sẽ



không đủ uy-tín để điều-khiển lớp-học. Nhiều khi đối với nhiều nữ học-sinh, giờ Gia-chánh là giờ nghỉ ngơi, giải trí. Chẳng những thế, chúng còn sợ bẩn tay không dám mó đến rau, cải, cá, thịt và sớm đã có tính «góm» cái gì bẩn.

Để tránh điều bất tiện ấy, chuyên-viên dạy môn Gia-chánh phải là nữ giáo-chức đảm nhiệm lớp học đó vậy. Vì kính-nể bà thầy và khi thấy bà thầy làm cá, lật rau, nấu cơm, và áo vùn vùn... thì tất cả nữ học-sinh sẽ làm theo và không còn «góm» nữa.

### G) CẦN TÔ-CHỨC MỘT NGÀY GIA-CHÁNH.

Ngày ấy có thể là một ngày thứ bảy. Ngày ấy tất cả nữ học-sinh các lớp Nhứt và Tiếp-liên hiệp lại. Sớm mai thì chúng học lý-thuyết. Trưa lại chúng ăn cơm tại trường. Bữa cơm trưa được một số nữ-sinh nấu và dọn ra dưới sự hướng-dẫn của nữ giáo-chức và bà hiệu-trưởng. Chính các nữ-sinh này tự đi chợ và tự mua đồ ăn lấy.

Sau khi ăn xong thì có sự rửa chén và sự dọn cất dụng-cụ và sự nghỉ ngơi.

Chiều lại, chúng sẽ học phần lý-thuyết và kỹ-thuật cắt, may quần áo thêu thùa v.v. . .

Ấy là những đại-cương của ngày gia-chánh. Các đại-cương ấy có thể được sửa đổi tùy-ý.

### H) KHOA DƯỠNG-NHI.

Môn Gia-chánh cần được kết-thúc bằng những nguyên-tắc căn-bản của khoa Dưỡng-nhi.

Không chi tai-hại bằng người mẹ vì thất học và thủ-cự mà làm thiệt mạng đứa trẻ sơ sanh. Vậy bà mẹ cần được hướng dẫn một cách khoa-học, đúng theo chương-trình của khoa Dưỡng-nhi.

### I) KẾT-LUẬN.

Nói tóm lại, môn Gia-chánh và môn Dưỡng-nhi sẽ

giúp bà vợ, bà mẹ một cách đặc-lực trong việc nội trợ và cách nuôi dưỡng trẻ con. Trước khi lập gia-đình, các nữ-sinh có học qua hai môn ấy sẽ giúp mẹ hoặc chị một cách hữu hiệu trong các việc này.

Gia-đình nhờ thế mà ngày thêm vui tươi và đầy hạnh-phúc.

••

## VI. MÔN THỂ-DỤC

A) SỐ GIỜ MỖI TUẦN DÀNH RIÊNG CHO MÔN THỂ-DỤC Ở CÁC LỚP SƠ-TIỂU. (Bộ Quốc-gia Giáo-dục : Chương-trình ngày 16-7-1959).

### Lớp Năm

Mỗi ngày 2 buổi, mỗi buổi 15 hoặc 20 phút : trước và sau giờ học đầu hoặc chót. Mỗi tuần : 1 giờ 40'.

### Lớp Tư

Mỗi ngày 2 buổi, mỗi buổi 15 hoặc 20 phút trước giờ học đầu hoặc sau giờ chót. Mỗi tuần : 1 giờ 40'.

### Lớp Ba

Mỗi ngày 2 buổi, mỗi buổi 15 hoặc 20 phút trước giờ học đầu hoặc sau giờ chót. Mỗi tuần : 1 giờ 40'.

### Lớp Nhì (Nam-sinh)

Thể-dục và trò chơi : buổi sáng trước giờ học, hay buổi chiều sau giờ học : mỗi bài từ 15 đến 30 phút. Mỗi tuần : 2 giờ.

### Lớp Nhất (Nữ-sinh)

Thể-dục và trò chơi : buổi sáng trước giờ học hay buổi chiều sau giờ học ; mỗi bài từ 15 đến 30 phút. Mỗi tuần : 2 g.

### **Lớp Nhất (Nam-sinh)**

Thể-dục và trò chơi : buổi sáng trước giờ học hay buổi chiều sau giờ học ; mỗi bài từ 15 đến 30 phút. Mỗi tuần 2 giờ.

### **Lớp Nhất (Nữ-sinh)**

Thể-dục và trò chơi : buổi sáng trước giờ học, hay buổi chiều sau giờ học ; mỗi bài từ 15 đến 30 phút. Mỗi tuần : 2 giờ.

**B) CHƯƠNG-TRÌNH** (Bộ Quốc-gia Giáo-dục : chương trình ấn hành ngày 19-7-1959).

*Lời chỉ dẫn của bộ Quốc-gia Giáo-dục :*

Môn thể-dục ở bậc Tiểu-học phải được coi quan-trọng như các môn học khác : toán, chính-tả ... Vì trong một nền giáo-dục đầy đủ không thể chỉ có phần trí-dục và đức-dục thôi.

Từ nay, giáo-viên, không nên coi thể-dục là môn phụ thuộc muốn dạy cách nào tùy ý. Ai ai cũng phải biết dạy và dạy được môn này mỗi ngày dưới sự chăm nom của thầy cô về thể-dục cho trẻ-con, coi những cách ngồi của trẻ trong lớp, lúc giờ chơi, (nếu cần chỉ cách chơi). Thể-dục ở trường tiểu-học phải có mục-đích : làm nở nang cơ-quan hò-hấp, (lồng-ngực), chữa những bộ-tịch không hợp cách, phát-triển sức lực, sự khéo léo và tính nhanh nhẹn của trẻ.

Muốn đạt được kết quả mong muốn giáo-viên phải :

— Soạn bài kỹ càng dựa vào định-luật của sinh-lý-học, biết thuận ứng với khả-năng của trẻ :

— Đứng cho trẻ dùng sức quá độ.

— Tránh những bài khó khăn, buồn tẻ, về thể-dục, vờ trẻ con phải diễn trong bầu không-khí vui-vẻ, không có

tánh cách bắt buộc, thích hợp với cuộc giải-lao (caractère récréatif).

*Nền nhớ*: Sự hô-hấp phải « ăn rập » với cử-động để trẻ bớt mệt và phải khỏi trái với luật Tạo-hóa.

Trừ những trẻ được thầy thuốc chứng nhận miễn, trò nào cũng phải tập thể-dục.

Tập thể-dục buổi sáng hoặc buổi chiều (trước, hoặc hai giờ sau bữa ăn).

Tập thể-dục phải ở nơi thoáng khí, rộng rãi. Lúc tập chỉ mặc quần đùi; nếu vì thời tiết, phải mặc áo, thì áo ấy đừng làm trở ngại việc cử động.

Vì sân ướt, vì trời mưa, bài tập thể-dục có thể diễn trong lớp, các cửa mở rộng ra.

Sau buổi tập thể-dục, trẻ cần được tắm liền trước khi về là tốt nhất.

Phương-pháp áp-dụng là phương-pháp tự-nhiên vì :

— Phương-pháp này khi đã chú ý đến tánh tự-nhiên hiếu-động của trẻ, được trẻ thích và hăng-hái dự vào.

— Phương-pháp này rèn trẻ chịu đựng với nắng mưa. Muốn thiết thực, phải sống với cảnh thiên-nhiên nơi mà trẻ được tự-do hoạt-động, chớ không phải như khi chúng ở gia-đình và nơi trường sở.

— Khi tập ở nơi thoáng-khí, trẻ sẽ được tắm ánh nắng mặt trời và nhờ thế trẻ sẽ được tráng-kiện.

— Nếu trẻ được tự-do hoạt-động, giờ tập thể-dục sẽ linh-động.

**Mỗi bài tập có hai phần.**

1o) Một phần căn-bản không thay đổi gồm những động-tác lựa sẵn, nhằm về sự nở-nang chung hoặc những kết-quả lâu ngày mới có được, như cường-kiện gân bụng và lưng...

2<sup>o</sup>) Một phần thay đổi tùy khả năng học-sinh, phương-tiến, thời-gian và tùy-theo cường-độ của động-tác.

Bài tập về phương-pháp tự-nhiên là một quãng đường dài hoặc ngắn trong đó trẻ đi, bò, chạy, nhảy, leo trèo mang, vác, đánh, đỡ, bơi lội.

**Sự chuyển-vận sẽ diễn, hoặc :**

1<sup>o</sup>) Trên một khoảng đất có dụng cụ sẵn gọi là sân tập.

2<sup>o</sup>) Ngang đồng có cây cỏ, mương để leo trèo nhảy.

Chuyển-vận trên sân tập từng tốp một.

Tùy sức vóc, trẻ con sẽ được chia ra làm ba nhóm : khỏe, vừa và yếu.

**Bài tập thể-dục gồm có :**

1<sup>o</sup>) Khởi động : 2/10 thời giờ toàn thể.

2<sup>o</sup>) Trọng động : 7/10 thời giờ toàn thể.

3<sup>o</sup>) Hồi tĩnh : 1/10 thời giờ toàn thể.

**Bản chia độ học-sinh :**

| ĐỘ     | TUỔI   | THỜI GIAN BÀI TẬP | CƯỚC CHÚ |
|--------|--------|-------------------|----------|
| Độ I   | 6 — 8  | 15 — 20 phút      |          |
| Độ II  | 8 — 10 | 20 — 25 phút      |          |
| Độ III | 10—12  | 25 — 30 phút      |          |

**Chương - trình**

**Độ I : (6 tới 8 tuổi) trai và gái.**

— Đi, chạy, ca hát.

— Cử động bắt chước, nhảy múa, thăng bằng, ném bóng nhẹ.

— Cử động về gân, bụng và lưng, nằm hay ngồi.

— Trò chơi nhỏ về giáo-dục giác-quan, về một « đề » nào.

— Cử-động về thở.

**Độ II :** (8 tới 10 tuổi) trai và gái.

— Các cử-động tự nhiên làm nảy nở sự khéo léo, tánh nhanh nhẹn, các cử-động về trật-tự, về sửa chữa.

— Cử-động về thở.

— Trò chơi có tính-cách toàn đội hoặc về một « đề » nào.

**Độ III :** (10 đến 12 tuổi) trai và gái.

— Bài tập chỉ dẫn và bài tập đầy đủ trên sân.

— Bài tập trên một quãng sân có nhiều vật.

— Khởi sự dạy võ lòng về thể-thao (chạy nhanh, tiếp sức, nhảy cao có lấy tròn).

— Vài trò chơi lớn.

— Thể-dục về sửa chữa.

— Tập lợi.

Mỗi tuần lễ nên dành riêng một buổi tập các trò chơi nhỏ cho hạng thơ-ấu, hay các trò chơi lớn hoặc bài tập trước cảnh thiên nhiên cho hạng thiếu-niên, hoặc một buổi tập lợi, nếu có thể được.

*Chú-ý :* Riêng về các nữ-sinh nên tập những cử-động nhịp nhàng, mềm dẻo và tránh những cử-động quá nặng:

Chạy : đoạn đường ngắn (chạy mau thôi).

Nhảy : cao (hơn dài).

Mang vác : dễ.

Đánh đỡ : bỏ hấn (thay thế vào cử-động nhịp nhàng).

Ném : vật nhẹ, nhồi bắt.



Thăng bằng : tốt cho dáng-diệu.

Bò : làm cứng gân bụng.

Phần gìn giữ ; nhấn mạnh cử-động làm cường kiện gân bụng và lưng.

**Mẫu một bài tập thể-dục đầy đủ.**

Vào bài + tập hợp — đi và hát.

I — *Khởi động* : đi chạy, hợp với cử-động sửa chữa.

II — *Trọng-động*

a) Phần gìn giữ.

— Bộ tịch căn bản.

— Bụng.

— Thở.

b) Phần tự nhiên : Những động-tác giáo hóa hoặc thực-hành về các loại : đi, chạy, nhảy, bò, leo trèo, thăng bằng, ném, mang, vác, đánh đỡ, bơi lội.

— Một trò chơi.

c) Chạy dai sức.

III. — *Hồi tĩnh* : Đi, hát thở.

Giải tán : tiếng reo.

### CÁC LOẠI BÀI TẬP

Căn cứ theo tính chất của bài tập và mục-dịch theo đuổi, ta có thể chia bài tập ra làm bốn hạng :

1<sup>o</sup>) *Bài tập chỉ dẫn* : có mục đích ;

— Gây cho người tập một ý niệm về sự vận-động và các cách hoạt-động trên sân.

— Chỉ dẫn cho người tập thực-hành cử-động một cách hoàn toàn.

— Chỉ dẫn thêm các cử-động mới.

2o) *Bài tập đầy đủ* : là bài tập gồm các vận-dộng phối hợp và phân tách để làm nảy nở tổng-quát các khả năng thể-chất, đồng thời làm tăng cường các đức-tính tinh-thần. Sự thực-hành phải tôn trọng ở luật điều-khiển, liên-tiếp tiến-triển luân-phiên, hấp-dẫn, định phản-cường-độ.

3o) *Tập giảm bớt* : Nhằm vào khuyết-diểm của người tập về phương-diện nào để bổ-sung khuyết-diểm đó bằng cách bớt một hay nhiều loại cử động trong bài để thêm vào đó những loại mà người tập còn kém.

4o) *Bài tập hỗn-hợp* : Vừa chỉ-dẫn, vừa giảm bớt hoặc vừa chỉ-dẫn, vừa đầy-dủ.

Bài này chỉ dùng khi người tập thể dục đã quen với sự tập luyện (vào khoảng từ nửa năm trở đi).

### C) SỰ ÍCH LỢI CỦA MÔN THỂ-DỤC.

Ai ai cũng hiểu rằng : « Thân thể khỏe mạnh bao nhiêu thì sự làm việc về tinh-thần càng bền bỉ bấy nhiêu ». Các nhà hiền-triết Hy-lạp cũng đã nói : « Một tinh-thần tráng-kien trong một cơ-thể tráng-kien ». Ấy thế mà từ lâu, thể-dục bị bỏ rơi. Mãi đến thời-kỳ gần đây người ta mới nhận thấy sự quan-trọng của nó. Ngày nay, chương-trình học gồm nhiều môn quá khiến trí óc trẻ con phải làm việc rất nhiều. Sau mấy giờ học, tâm-trí trẻ con rất mỏi mệt. Chúng cần nghỉ-ngoi. Sự nghỉ ngơi ấy được thay thế bằng sự tập thể-thao trong đó có sự tập thở là rất cần-thiết. Thứ đến là sự đi đứng, các cử động và các cuộc chơi. Lại nữa, khi lớn lên, đúng 18 tuổi trẻ con sẽ phải làm phận-sự công-dân : Chúng phải đi lính. Nếu toàn thể thanh-niên đều yếu đuối, bạc-nhược thì đó là một tai-hại cho nước nhà khi có nạn ngoại-xâm. Vậy một dân-tộc cần phải mạnh khỏe để bảo-vệ đất nước. Xem như

thể thì mỗi cá-nhân phải khỏe để làm được việc vừa cho mình, vừa cho Quốc-gia xã-hội. Muốn được vậy, cá-nhân cần phải tập thể-dục. Các nữ học-sinh cũng thế. Tùy theo cơ-thể và trường-hợp, chúng cũng cần tập thể-dục như nam học-sinh. Có câu: « Đàn bà khỏe mạnh thì giống nòi cường tráng ».

#### D) TẠI SAO ĐÃ TỪ LÂU MÔN THỂ-DỤC KHÔNG ĐƯỢC ĐA SỐ GIÁO-VIÊN, GIÁO-SƯ ƯA THÍCH ?

Sở-dĩ phần đông nam-nữ giáo-chức không thích thể-dục là vì các lý-do sau đây.

1o) Ở trong đồng, mỗi ngày học-sinh phải bốn lần đi và về, tổng cộng có đến mấy chục cây số ngàn thì có cuộc tập thể-dục nào hơn được ? Lại nữa, ở trong gia-đình, trẻ con phải làm việc lặt vặt luôn để giúp cha mẹ thì đó là thể-dục rồi.

2o) Môn Thể-dục thời xưa thường được trình bày với những thể-cụ (dụng-cụ tập: = les agrès) và người ta lầm tưởng rằng : không thể-cụ là không phải Thể-dục.

Nhiều nam nữ giáo-chức không có khả-năng áp-dụng các thể-cụ ấy cho nên không thích thể-dục là vậy.

Ngày nay, quan-niệm thể-dục không phải như thế nữa. Theo quan-niệm hiện thời, Thể-dục phải là một môn cần ích cho mọi người, vừa sức mọi người, bất luận nam hay nữ, già hay trẻ.

#### E) CÁC PHƯƠNG-PHÁP THỂ-DỤC ĐƯỢC TRÌNH BÀY TỪ TRƯỚC ĐẾN NAY.

Có sáu phương-pháp thể-dục được lần-lượt trình bày từ trước đến nay như sau :

1o) **Thể-dục Pháp-lan-tây** (Gymnastique française): Loại thể-dục này đã được đại-tá Amoros, người Tây-ban-nha nhập Pháp-lịch, đề xướng lên năm 1814. Cùng lúc ấy

thì bên nước Phổ-lỗ-sĩ, nhà thể-dục John đề-xương lên một môn thể-dục với một biểu-ngữ táo-bạo : « Kể nào chống lại được đối phương là sống ». Và ông chủ trương áp-dụng loại thể-dục này trong sự đào-luyện quân-sĩ Phổ-lỗ-sĩ.

Trái lại, quan-niệm Thể-dục của đại tá Amoros có nhân đạo hơn. Theo ông, thì : *« Thể-dục là một môn khoa-học đề suy luận các cử động của con người, tìm ra sự liên-lạc của các cử động của con người, tìm ra sự liên-lạc của các cử động ấy với ngũ quan, với trí khôn, với phong tục và sự phát triển các năng-khiếu của con người »*.

Theo quan-niệm ấy, môn Thể-dục gồm có các sự luyện-tập có mục-đích làm cho cá-nhân trở nên can đảm, không sợ chết, mạnh-mẽ, khéo-léo, nhậy-lem, dịu-dàng hầu giúp Chính-phủ và nhân loại được nhiều việc.

« Làm cho con người mạnh-mẽ và tốt đẹp về tinh-thần ». Đó là mục-đích tối cao của Thể-dục Amoros.

Bắt đầu, môn thể-dục Amoros được áp-dụng cho các học-đường sơ-tiêu, trung học và các quân sĩ.

Các cử động đều luôn luôn có nhịp nhàng và có nhạc hòa theo. Lúc đầu giản-dị, các cử động ấy lần lần trở nên khó. Đối với lớp các học-sinh giỏi thì các cuộc tập-luyện lại càng khó thêm lên với những thể-cụ đặc-biệt khiến nên người thường không thể tập được. Các cuộc tập luyện ấy cốt làm cho các bắp gân trở nên cứng rắn, cá-nhân trở nên can-đảm, có con mắt rất tinh để xem xét mọi việc một cách bình tĩnh và lúc nào cũng làm chủ lấy mình.

Sau lâu ngày, các môn-đệ của đại tá Amoros lại làm thái quá khiến cho môn thể-dục này mất tánh cách phổ-thông để trở thành « Lực-sĩ thuật ». Từ đó trở đi. Số người hám-mộ càng ngày càng ít dần.

Môn Thể-dục Amoros có ba nhược điểm như sau :

a) Có nhiều sự tập-luyện khó khăn dành riêng cho những lực-sĩ.

b) Môn thể-dục này chỉ dành riêng cho một số người có khiếu lực-sĩ.

c) Môn Thể-dục này căn-cứ ở kinh-nghiệm mà không căn-cứ ở những nguyên-tắc khoa-học.

Bởi thế, tập-luyện theo môn Thể-dục này thì người ta chỉ được những thắng lợi bề ngoài mà cơ-thể bên trong không thể cải thiện được.

## **2<sup>o</sup>) Phương-pháp của trường Joinville.**

Trường thể-thao võ-bị Joinville do các môn-đệ của đại tá Amoros lập lên, áp-dụng một phương-pháp luôn luôn sửa đổi, cải-thiện.

Áp-dụng cho trẻ từ 5 đến 15 tuổi (bậc sơ-đẳng) phương-pháp thể-dục này nhằm sự cải-thiện sức-khỏe, sự phát-triển tự-nhiên các tạng-phủ của thân-thể, nhất là bộ máy hô-hấp và sự cải-thiện và điều hòa bộ máy thần-kinh. Các bài dạy đều luôn luôn đổi mới, tuần-tự nhi tiến và vui thích. Các cử-động gồm những sự bắt chước : Thi-dụ : Người lính chữa lửa, người giữt chuông v.v... và các trò chơi công-cộng cốt-yếu khai mở các giác-quan như : mắt, tai, da, vân vân.

Các cử-động rất dịu-dàng, khéo, nhằm sự sửa chữa bộ tịch của cá-nhân chớ không có sự hòa-nhập của toàn-thể như thuở trước.

Bác-sĩ hiệp với giáo-sư môn Thể-dục đề lập thành thể Vệ-sinh.

Phương-pháp Joinville, từ bậc trung-bình đến bậc thường còn giữ tinh-cách giáo-dục của nó. Nhờ những sự tập-luyện phù-hợp với tuổi tác, phương-pháp này đã giúp

học-sinh trở nên mạnh mẽ, chịu đựng, bền bỉ, và rất can-  
đảm (không sợ chết).

### 3<sup>o</sup>) Phương-pháp Thụy-Điền (Méthode Suédoise).

Phương-pháp thể-dục này do nhà thể-dục Ling, sĩ-  
quan Thụy-điền đề-xướng lên đồng-thời với phương-pháp  
Thể-dục Amoros ở Pháp và phương-pháp Thể-dục John ở  
Đức.

Phương-pháp thể-dục này không có những khuyết-  
diểm của phương-pháp Amoros, và được đại-chúng hoan-  
nghinh. Những đặc-sắc của môn Thể-dục này là :

a) Nhìn nhận những cử-động giản-dị và dễ làm là cần-  
ích. Dùng một số rất ít thể-cụ. Chủ-trương sự chọn lọc các  
cử-động vì không phải tất cả cử-động là cần-ích.

b) Môn Thể-dục này bắt cứ ai (nam, phụ, lão, ấu)  
cũng tập được. Nó gồm hai phần :

*Thể-dục sư-phạm hay là thể-dục giáo-dục* (Gymnas-  
tique pédagogique ou gymnastique éducative) dành cho  
những cá-nhân mạnh khỏe, nam lẫn nữ.

*Thể-dục y-tế hay là thể-dục sửa-chữa thân-thể cho  
ngay chính* (gymnastique médicale ou orthopédique) có  
mục-đích sửa chữa một số căn bệnh và một số tật của thân-  
thể.

c) Phương-pháp Thụy-điền là phương-pháp khoa-học  
căn-cứ vào khoa Giải-phẫu và khoa Sinh-lý. Nó can-hệ  
đến tất cả thành-phần của cơ-thể. Mục-đích của phương-  
pháp này là : làm nở nang cái ngực và các dây gân của  
xương-sống.

Các cử-động theo phương-pháp này không táo-bạo  
« Sức mạnh đến với chúng ta trong khi mà chúng ta  
không hay ».



#### 4<sup>o</sup>) Phương - pháp tự - nhiên (Méthode naturelle).

Phương-pháp thể-dục này do trung-ủy Hải-quân Georges Hébert đề-xướng lên. Nó chịu ảnh-hưởng nhiều của phương-pháp Amoros. Mục-dịch của phương-pháp này là : làm cho tròn cơ-thể cử-động trong mỗi cách đúng phương-pháp chứ không phải một thành-phần nào.

Trung-ủy Hébert nói rằng : « Nếu người ta quan-sát một con vật sống tự-do thì người ta thấy rằng con vật ấy đi đến sự phát-triển đầy đủ cơ-thể của nó bằng cách thực-hành các cử-động mà tự nó bị bắt buộc phải làm để tự bảo-vệ và tồn-tại ».

Đó là định luật thiên-nhiên mà con người, một trong muôn ngàn sinh-vật khác phải tuân theo để việc đi đứng và các cử-động cần-thiết khác cho sự bảo-vệ con người giúp phát-triển một cách hoàn-bị và đạt trình-độ cao nhất về phương-diện tận thiện của cơ sinh-lý. Bằng chứng là ngày nay trên mặt địa-cầu, những kiểu-mẫu con người đẹp nhất về sức mạnh, về vẻ đẹp, về sức khỏe chỉ còn tìm thấy ở những dân-tộc bán khai, lạc-hậu như người da-đen ở Phi-châu, người da đỏ ở Mỹ-châu v. v ... Các dân-tộc này chỉ biết hoạt-động theo phương-pháp tự-nhiên và căn-ích thôi.

Xưa kia, các quân-sĩ Hy-lạp và La-mã mà vẻ đẹp của cơ thể ngày hôm nay chưa có dân-tộc nào qua nổi, chỉ biết tập luyện theo phương-pháp tự nhiên mà thôi.

Nói tóm lại, phương-pháp Hébert chủ-trương sự quay về thiên-nhiên và chú-trọng đến vừa kết-quả cá-nhân, vừa kết-quả của đoàn-thể.

Các cuộc tập-luyện cũng như các trò chơi đều vui vẻ ở giữa trời.

**5<sup>o</sup>) Thể-dục lực-sĩ (La gymnastique athlétique).**

Lối thể-dục này bắt chước lối thể-dục Hy-lạp ngày xưa và chú-trọng nhứt về sự điều-hòa các cử-chỉ cùng sự phò-diễn. Tức là « nghệ-thuật cử-động cho đẹp ».

Loại thể-dục này lại biến ra nhiều hình thức như sau :

a) Phương-pháp của nhà thể-dục Raymond Duncan chủ-trương phát-triển sự dịu-dàng và vẻ ru-nhã (vẻ đẹp). Các nữ thiếu-niên bận áo choàng mỏng như đàn-bà Hy-lạp đời xưa, dễ bắt chân không, di chân không mà tập-luyện như người đàn bà cổ Hy-lạp.

b) Phương-pháp của nhà thể-dục Georges Demeny. Phương-pháp này gồm những cử-động gọn gàng, thanh-nhã, toàn-diện và liên-tục có nhạc hòa theo. Phương-pháp này chú-trọng đến vẻ đẹp của cơ-thể và làm cho vẻ đẹp ấy được hiển hiện.

c) Phương-pháp thể-dục nhịp-nhàng của Jacques Dalcoze.

Các cử-động đều có âm-nhạc hướng-dẫn. Vì thế mà các cử-động ấy rất dịu-dàng uyển-chuyển.

Các phương-pháp vừa kể, dành cho những hàng quý-phái mà thôi.

**6<sup>o</sup>) Phương-pháp thể-dục chính-thức được công-nhận.** (Méthode officielle). Phương-pháp này là sự tổng-hợp những cái hay của các phương-pháp khác. Các yếu-diểm của phương-pháp này là :

a) Phương-pháp này vừa sức bất cứ hạng người nào.

Có hai phần như sau :

**Phần nhứt:** Các sự tập-luyện để mở mang cơ-thể sửa chữa các cốt-cách xấu, làm điều-hòa tinh-thần và cơ-thể cá-nhân.

**Phần nhì :** Sự áp-dụng các cử-động. Học-sinh học cách áp-dụng các cử-động và sức lực của mình trong các cuộc chơi, các cuộc đánh vật, các cuộc du-ngoạn.

Thê-cụ gồm có : gậy, vành tròn, cây dài, trái tầm, thang, dây, cây sào.

b) Phương-pháp này rất hợp-lý. Nó không có cái chi là mờ ám, dị-doan. Tất cả các cử-động đều được lựa chọn kỹ-càng cần đưa đến một kết-quả điều-hòa và may-mắn. Sự lựa chọn các cử-động căn-cứ vào khoa Giải-phẫu, khoa Sinh-lý học và môn Vệ-sinh.

c) Phương-pháp này có một giá-trị giáo-dục nhất định.

Những kết quả cần được liệt vào ba loại như sau :

*Kết-quả về phương-diện vệ-sinh :* Nó làm cho sức khỏe trẻ-con tăng lên, làm cho chúng trở nên bền bỉ để chịu nổi mọi sự cực-nhọc.

*Kết-quả về phương-diện sửa chữa :* Phương-pháp này sửa chữa các thói xấu suy-nhược của ngực, lưng, bụng, những cách ngồi, đứng, đi xấu xa.

*Kết-quả về tinh-thần đạo-đức :* Phương-pháp này kích-thích sự cố gắng cá-nhân, mở mang những đức-tính tốt như : tinh-thần kỷ-luật, tinh bạn-bè, tinh đoàn-kết và sự hy-vọng, lòng gan dạ, sự bền bỉ chịu cực nhọc.

## F) BỒN-PHẬN GIÁO-CHỨC DẠY MÔN THÊ-DỤC.

Nam nữ giáo-chức dạy môn Thê-dục, dù ở hạng tuổi nào cũng phải đủ khả-năng dạy đúng và hết chương-trình. Nếu vì sức khỏe kém hay vì một tật bệnh tạm thời mà giáo-chức không thể dạy một cử-động nào thì giáo-chức phải chọn một giảng tập viên (học-sinh giỏi nhất lớp) thay thế mình. Giáo-chức bắt đầu giảng-giải cử-động ấy cho giảng-tập-viên để giảng-tập-viên diễn lại cho toàn lớp.

làm theo dưới sự chăm nom của giáo-chức. Mấy chỗ sai được giáo-chức chữa lại ngay.

Giáo-chức cần có những tri-thức khá đầy đủ về khoa Sinh-lý, Khoa Giải-phẫu và khoa Vệ-sinh.

Giáo-chức phải tùy tuổi học-sinh mà soạn bài cho thích hợp và cho kỹ-lưỡng. Bài phải được viết vào tập.

Đầu niên học, giáo-chức phải sắp học-sinh ra nhiều loại tùy theo tuổi, theo sự phát-triển về sinh lý của cơ-thể (do ngực, do bề cao, sức nặng, khả-năng thị-giác, thính-giác v.v...) tùy theo giá-trị thể-dục (chạy, nhảy, liệng). Giáo-chức phải tùy theo ý-kiến của vị bác-sĩ thanh-tra mà tổ-chức sự sắp xếp ấy.

Học-sinh được chia thành 3 nhóm : hạng mạnh khỏe, hạng vừa, hạng yếu đuối.

Trong hạng vừa có hạng bất lực tạm thời hoặc vĩnh-viễn. Cứ ba tháng một, thì có sự xét lại cách sắp xếp ấy, để có sự sửa chữa. Mỗi nhóm sẽ có một chỉ-huy hay trưởng-toán được chọn trong số học-sinh có lực-lượng nhất và có nhiều tính tốt như tính ngay thẳng, chơn-thật, thành-thật và trí nhớ dai.

### KẾT-LUẬN.

Nói tóm lại, môn Thể-dục có một ích-lợi không thể chối cãi được. Vừa tránh cho học-sinh ở trường sự lao-lực quá lẽ, môn Thể-dục giúp chúng có một cơ-thể tráng-kiện, kích thích sự cố gắng và làm cho ý-chí chúng dăng vửng vàng.

Môn Thể-dục đi sát với các môn Giáo-dục tổng quát. Chơn-lý ấy, người cổ Hy-lạp đã hiểu rành lắm và cho rằng : « Thể-dục phải đi đôi với Trí-dục. »

Một lần nữa, triển-vọng của người cổ Hy-lạp là « một tinh-thần tráng-kiện trong một cơ-thể tráng-kiện ».

Câu ấy ngày hôm nay vẫn còn giá-trị.

## CHƯƠNG NĂM

### MÔN TOÁN

Lời chỉ-dẫn của Bộ Quốc-gia Giáo-dục.  
(Chương-trình ấn-định ngày 16-7-1959)

Chương-trình Toán-pháp soạn theo những nguyên-tắc sau đây :

1<sup>o</sup>) Chỉ chọn lấy những điều cốt-yếu cần-thiết cho đời sống mà dạy học-trò.

2<sup>o</sup>) Luyện cho trẻ con có thói quen và khuynh-hướng về đường thực-tế.

Theo hai nguyên-tắc ấy, chương-trình sẽ gồm những điều cần-thiết cho đời sống và các bài dạy toán-pháp sẽ có liên-lạc mật-thiết với công việc hằng ngày. Những số dùng phải là những danh số thường gặp chung quanh mình, những thí-dụ, đề-mục đều phải thực-tế ở các lớp dưới, cần có nhiều vật nhỏ như hạt (hột) thè tre v.v... cho trẻ con đếm.

Cũng vì những lẽ trên, phương-pháp dạy toán là phải « dạy ít tập nhiều ».

Ở tất cả các lớp, thầy nên chú trọng về tính miệng, tập sao học trò làm thật nhanh, thật đúng, thì khi ra đời

mới có ích. Vậy nên chia chương-trình tính trăm như sau đây :

Ở ba lớp dưới phần nhiều làm miệng.

Lên lớp Nhì, và lớp Nhất nên dạy tính miệng có phương-pháp đủ cả bốn phép : cộng, trừ, nhân, chia.

Mỗi kỳ dạy toán-pháp, đề năm phút ôn tính trăm, và khi làm tính đổ, nên cho học trò làm tính đổ bằng miệng, không phải đặt xuống giấy, chỉ lấy lời giải đổ thôi.

Về đo-lường và hình-học nên cho thực-hành sát sự thật cho quen. Thí-dụ học về cân thì cân thật, học về đo ruộng thì cho ra vườn, ruộng đo thật.

Về ước-lượng, thì cho ước-lượng chiều dài, diện-tích thể-tích, thời-giờ, dung-tích. Tập ước-lượng khi ở trong lớp, ngoài sân, trong giờ hoạt-động thanh-niên và các cuộc đi chơi. Ước-lượng xong phải kiểm-soát ngay.

Tập cho trẻ đo và nhớ lấy chiều dài một gang, một sải, một cánh tay, một bước của mình, để khi không có mét cũng ước-lượng được.

**Số giờ dành cho môn Toán ở các lớp Sơ-tiểu trong mỗi tuần.**

### **Lớp Năm**

*Số giờ mỗi tuần : 2 giờ 30 phút.*

### **Lớp Tư**

*Số giờ mỗi tuần : 3 giờ.*

### **Lớp Ba**

*Số giờ mỗi tuần : 3 giờ.*

### **Lớp Nhì (Nam-sinh)**

*Số giờ mỗi tuần : 3 giờ 50'.*



**Lớp Nhi (nữ - sinh)**

Số giờ mỗi tuần : 3 giờ 50'

**Lớp Nhứt (nam-sinh)**

Số giờ mỗi tuần : 3 giờ 50'

**Lớp Nhứt (nữ-sinh)**

Số giờ mỗi tuần : 3 giờ 50'

**Chương-trình môn Toán ở các lớp sơ-tiểu**

(Ban hành ngày 16-7-1959)

**Lớp Năm**

**Số Học :** Học những môn số từ 1 đến 100 : phép đọc và viết đếm những đồ vật và viết thành số cho đến 100. Dùng những học-liệu như thẻ, sỏi, quả, hạt mà dạy v.v... lấy những đồ vật mà giải nghĩa : thêm, bớt, sau lấy con số mà cộng, trừ. Đại ý của phép cộng, trừ : tập đếm mỗi lần cứ thêm hoặc bớt 2, 5, 10 trong khoảng từ 0 đến 100, từ 100 trở xuống. Tập cộng và trừ những số nguyên có hai con số. Số giữ lại (số nhớ). Phép thử tính cộng và tính trừ.

Bài tập thực-hành bằng miệng, trên bảng nhỏ hoặc trong vở, phải làm cho nhiều.

**Phép đo lường :** Nói về những đồ thường dùng để đo lường trong vùng.

Tập cho học-trò dùng mét, decimét đôi, dùng tiền tệ từ 0\$10 đến 20\$00.

Bài tập phải có tính cách thực hành, cần đo, đo bằng gang, bằng bước v.v...

**Vẽ gạch :** Vẽ gạch đường thẳng, đường gãy, đường cong (tập học trò nhận thấy các gạch đường ấy ở những đồ vật trước mắt, bàn ghế, lớp học, mét, đồng xu v.v...)

### Lớp Tư

**Số học :** Học những số dưới 1.000. Tính cộng và tính trừ, phép thử. Bài tập về cộng và trừ (tính miệng hoặc viết) gấp lên 2, 3, 4, lần. Một nửa, một phần ba, một phần tư. Giảng với vật liệu cho học trò biết ý nghĩa tính nhân. Tập nhân với những số có một con số. Bảng nhân 2, 3, 4, 5. Tính nhân với những số nguyên (số phải nhân không quá hai con số, số nhân chỉ có một con số).

Tập cho học trò tính miệng, làm toán cho nhanh và chắc chắn. Các bài tập làm cho nhiều với những số cụ thể. Tính đồ nhỏ.

**Phép đo-lường :** Mét, lit, kilogam. Tập đo những chiều dài, tập lấy mắt mà ước lượng những kích thước xa, gần, so sánh các đồ, đo lường cái nọ với cái kia.

Tập đóng, tập cân, tập ước lượng bằng mắt nhìn, bằng tay xách xem nhiều ít, nặng nhẹ, rồi dùng đồ đóng, hoặc cái cân mà kiểm soát lại.

Tiền tệ : 50 \$, 100 \$, 200 \$, 500 \$.

**Hình-học :** Ý niệm về điểm, đường. Các thứ đường, các chiều dài của đường thẳng, đường song song, đường thẳng góc, đường xiên góc. Các góc : góc vuông, góc nhọn, góc tù.

Ý-niệm về hình vuông và hình chữ nhật.

**Vẽ, gạch :** Tập vẽ tay những đường, góc và hình đã học.

### Lớp Ba

**Số-học :** Học những con số trên 1.000. Tính cộng và tính trừ, phép thử. Bảng nhân. Tính nhân (số nhân không quá 3 con số).

**Tính chia** (số chia không quá 2 con số).

*Ý-niệm về số thập phân* : Cộng trừ hoặc chia những số thập phân dễ.

Tính miệng : Cộng, trừ, nhân, chia. Tính đồ.

Tập cho học trò biết dùng bốn phép : cộng, trừ, nhân, chia.

*Phép đo lường* : Ôn lại chương-trình lớp tư. Giải nghĩa hệ-thống thập-phân. Bội-số và ước-số của mét.

Những đồ đo bề dài thực tại. Dây xích đo đất. Đồ đo dung-tích thực-tại.

Mét vuông — Diện-tích.

Những bài tập làm miệng hoặc viết. Những bài tập phải luôn luôn có tính cách thiết-thực.

*Hình học* : Hình vuông, hình chữ nhật, hình bình hành, hình tam giác. Giảng giải và tập cho học trò nhận thức các hình ấy ở chung quanh mình.

Cách tính chu-vi và bề mặt các hình nói trên.

*Vẽ gạch* : Kẻ vuông. Vẽ tay những hình đã học. Tập dùng decimét đôi, thước ê-ke. Cắt giấy dán các hình ấy.

### Lớp Nhì

*Số học* : Ôn lại bốn phép tính với những số lớn. Số thập phân : cộng, trừ, nhân, chia. Phương pháp tính mau, tính miệng những bài dễ.

Ý-niệm về những phân-số : cộng, trừ phân-số.

Ý-niệm về tạp-số : sự trắc-định thời giờ.

*Cách đổi tạp-số* : Cộng, trừ tạp số.

Tính đồ và bài tập về những vật thông-thường.

*Phép đo lường* : Ôn lại chương-trình lớp Ba. Những bội-số và ước-số của mét vuông. Đo diện-tích — Cao tây, sào tây, mẫu tây (centiare, are, hectare).

Học về trọng lượng : Bội số và ước số của kilogam.

Tính đồ về diện-tích dung tích và trọng lượng.

*Hình học* : Ôn lại chương trình lớp Ba. Học thêm hình thoi, hình thang, hình nhiều góc, hình tròn, hình vành khăn.

*Vẽ hình học* : Cách dùng decimét đôi, thước ê-ke, Công-ba để vẽ các đường, các góc, các hình đã học.

### LỚP NHẤT

*Số học* : Đặc tính chia chẵn số, phân số. Bốn phép tính về phân số. Tập số: Cộng, trừ, nhân, chia tập số. Toán về động-tử.

Qui-tắc tam-suất (thẻ đơn). Tính bách phân, chia theo tỷ-lệ.

Tập làm sổ chi thu trong gia đình.

*Phép đo lường* : Thẻ tích, Mét khối, bội số và ước số. Tỷ trọng. Sự liên lạc của tỷ-trọng và thẻ tích.

*Hình học* : Ôn lại các hình đã học. Tỷ-lệ xích. Khối vuông, khối chữ nhật, khối lăng trụ, khối viên trụ, khối ống, phép tính các hình đó.

Tập cho học trò đo những vật có hình dáng những hình đã học (thùng hồ nước, đồng củi v v ...)

*Vẽ hình học* : Tập vẽ bằng tay những hình-học trong chương trình nói trên.

Tập vẽ theo phân độ, những đồ vật dễ: bình-diện đồ, trắc-diện đồ, chính-diện đồ).

Theo một tỷ-lệ xích, trước phát họa bằng tay, sau dùng dụng cụ mà vẽ tinh lại.

## I. MÔN TOÁN HAY SỐ HỌC.

### A) NHỮNG ÍCH LỢI CỦA MÔN TOÁN.

Môn toán dạy học-sinh biết đếm, biết tính rợ (tính nhầm, tính trâm), biết làm bài tính đố viết thành bài, biết giải quyết những bài tính xảy ra hằng ngày.

Một cá-nhân có thể không biết đọc biết viết mà không thể không biết đếm và làm tính được.

Môn toán có một giá-trị giáo-dục đặc-biệt ở chỗ nó mở mang các năng khiếu như: óc suy nghĩ, óc trật-tự, trọng sự thật, cách suy-luận đúng phương-pháp, có ý-chi cẩn-thận, sự biện phản phải trái, đúng và không đúng.

Môn toán đòi hỏi một sự chú-ý liên-tục.

### B) MỘT VÀI NGUYÊN-TẮC CĂN-BẢN TRONG CÁCH DẠY MÔN TOÁN.

1<sup>o</sup>) Trong khi dạy môn toán, giáo-chức phải áp-dụng chương-trình học theo lối tiệm-thứ tăng-tiến, nghĩa là : trình độ lớp học càng cao là phạm-vi chương-trình càng mở rộng để bổ-túc sự học hỏi ở các lớp<sup>1</sup> dưới.

#### 2<sup>o</sup>) Chương-trình học phải có tính-cách thực-tế.

Phép tính rợ (tính nhầm) được chú ý đặc-biệt và áp-dụng cho tất cả các lớp từ dưới lên trên. Đến giờ tính rợ (tính nhầm), trẻ-con học các tính mau lẹ trong khi làm bài bằng miệng hoặc khi viết thành bài.

Đề của các bài tính phải thiết-thực, nghĩa là thuộc về các việc thông thường của đời sống hằng ngày.

Phần dành cho lý-thuyết cũng cần phải có đề giải rõ tại sao ta phải làm bài toán như thế này chứ không như thế kia ?

Môn toán ngày hôm nay không phải là hoàn-toàn do

kinh-nghiem mà biết. Nó có những nguyên-tắc căn-bản, những qui-luật rõ ràng.

## II. PHÉP ĐO LƯỜNG (Le système métrique.)

### CÁCH DẠY MÔN ĐO - LƯỜNG

Môn Đo-lường đi kèm với môn Toán học hay là Số học. Nó phải được dạy dưới hình-thức một bài quan-sát : học-sinh cần phải quan-sát rất nhiều học-cụ.

Đến giờ môn Đo-lường, giáo-chức cho mang ra các học cụ cần-thiết rồi cho học-sinh xem xét, sờ mó kỹ-lưỡng các món ấy. Sau đó giáo-chức tập chúng đo, cân, lường và ước lượng bề dài, bề cao, sức nặng các đồ vật trước mắt chúng và có sự kiểm-soát coi các ước lượng ấy có đúng không ?

Phép đo, cân, lường được dạy theo nguyên-tắc trước dễ sau khó, từ thấp lên cao.

## III. HÌNH-HỌC HAY LÀ KỸ-HÀ-HỌC. (Géométrie).

1<sup>o</sup>) **Tính-chất của môn Hình-học.** Ở trường sơ-tiểu, môn Hình-học có tính chất rất đơn giản, khiêm-tốn và nhất là thực-tế. Ở các lớp này không cần chứng-minh các định-lý kỹ-hà (Théorèmes de géométrie) là vì không phải chỗ.

Tuy-nhiên, các khái-niệm về hình-học được áp-dụng trong nhiều môn học khác như : Toán pháp, Đo-lường, Vẽ, Thủ-công v. v ...

Giáo-chức cần ra lệnh cho học-sinh cụ-thể-hóa những hình của môn học này bằng những giấy cứng, những miếng gỗ, khúc gỗ, miếng sắt, khúc sắt v. v ...

### 2<sup>o</sup>) **Phương-pháp áp-dụng.** Đối với trẻ-con các lớp



nhỏ, giáo-chức tránh không nên dùng những danh-từ chuyên môn. Chúng chỉ biết : hình tròn (cercle) là *vòng tròn*, cầu-thê (sphere) là *viên đạn*. Giáo-chức không nên nói sớm quá những danh-từ : đường giữa hay là trung-tuyến (médiante), đường kính tâm (diamètre) tà-biên (hypoténuse), hình bình-hành (parallélogramme) v. v ... Giáo-chức coi chừng đừng cho chúng học những định-nghĩa là những tri-thức trừu-tượng.

Giáo-chức đề trước mặt trẻ con những hình bằng giấy cứng, bằng gỗ để chúng sờ mó, xem xét mà không chứng minh chi cả.

Ở các lớp nhỏ bậc sơ-tiểu, các môn Toán-học hay Số học, Đo-lường và Hình học được dạy như môn quan-sát. Bài dạy cần được cụ-thể-hóa bằng những tài-liệu, học-cụ dồi dào.

Ở các lớp lớn bậc sơ-tiểu, (lớp nhì, lớp nhứt, lớp tiếp-liên) cách dạy nói trên nhường chỗ lại cho cách dạy trừu-tượng hơn, nhưng rất đúng sự thật và rất rõ ràng. Ở các lớp này, sự quan sát các học cụ là nền tảng của bài dạy. Những sự phân tách các hình vật ấy cần phải được cẩn-thận, được học-sinh chú-ý và được phô bày bằng những chứng minh, những buổi suy luận (ở lớp Nhứt). Thí-dụ : một diện-tích, một dung-khối cần được tính toán một cách thật đúng.

#### IV. NHỮNG BÀI TOÁN ĐỐ (tính đố).

1<sup>o</sup>) **Mục-đích các bài toán-đố** — sự lựa chọn các bài toán - đố. Một bài toán - đố là sự áp - dụng những định-lý, những công-thức, thuộc ba môn là : Toán hay là Số học, Đo lường và Hình học. Làm một bài toán-đố là một cuộc tập luyện chiếm mất nhiều thì giờ. Công việc này góp phần vào sự đào-tạo tinh-thần trẻ con.

**2<sup>o</sup>) Các bài toán-đố phải có những tính-chất sau đây :**

- a) Liên-hệ đến những bài đã học rồi.
- b) Có tính cách nhật dụng (usuels).
- c) Gồm những luận-cứ hay là bảng cứ (dĩ-tri số : données), xác-thực nghĩa là đúng và thực-tế.
- d) Có một tính-cách luân-lý đạo-đức nếu có thể được. Thí-dụ : Một người thợ mộc mỗi tháng gửi vào kho tiết-kiệm 100đ. Hỏi trong 20 năm nó để dành được bao nhiêu ?

**3<sup>o</sup>) Các bài toán-đố nên góp phần vào sự đào-tạo tinh-thần trẻ-con.**

Các bài toán đố bắt buộc trẻ con suy nghĩ nhiều và suy luận nhiều. Vậy, các bảng cứ hay là dĩ-tri số phải đúng với sự thực và ý nghĩa của đề bài toán phải rành rọt và được sắp xếp một cách hợp lý.

Không nên cho chúng làm những bài toán không thể giải quyết được hoặc có tính cách mưu mẹo để trẻ con mắc lừa. Các bài toán này khiến trẻ con suy nghĩ quá sức nhưng không đi đến đâu cả. Đó là sự phí thì giờ và làm mệt trí óc chúng một cách vô ích. Hành-động như thế là phản sư-phạm vậy.

**4<sup>o</sup>) Quyền sở hữu tập và các đầu-đề toán-đố.**

Các bài toán đố cần phải thích hợp với trình-độ lớp học và nhất là với những nhu-cầu địa-phương. Vậy giáo-chức cần có một tập đầu bài toán đố do giáo-chức tự soạn ra, hoặc trích trong các sách giáo khoa, các khoa-học nguyệt san v. v... Các đầu bài ấy sẽ được lựa chọn, thêm bớt thế nào để cho vừa sức học sinh.

**5<sup>o</sup>) Sự giải đáp các bài toán-đố, phương-pháp áp dụng.**

Phân tách suy-luận (Raisonnement analytique).

Phần này gồm có những việc như sau :

a) Đọc đi đọc lại đầu bài đã ra một cách cẩn thận.

b) Tự nêu câu hỏi : « Người ta hỏi gì ? Người ta muốn kiếm gì ? ». Học-sinh sẽ viết câu trả lời cho câu hỏi ấy lên trên đầu bài. Thí dụ : Tìm tiền lãi ; tìm số tiền để dành trong năm v. v..., trước khi khởi sự suy-luận.

c) Sự phân-tách bài toán đố — Sự suy-luận.

Phân-tách một bài toán-đố tức là phân-biệt rõ rệt các thành-phần của bài làm và tìm ra sự liên-hệ giữa các thành-phần ấy. Với ý định luôn luôn tìm ra câu trả lời người ta sẽ đi chậm chậm, nhưng chắc chắn, ngược lại dùng các bằng-cứ mà không bỏ sót bằng-cứ nào.

**Câu trả lời cần phải tìm ra ?** Đó là khởi-diểm của cuộc phân-tách suy-luận.

Bằng những câu hỏi thích-ứng, giáo-chức sẽ lần lần dắt học-sinh đi ngược lại các bằng-cứ cho đến khi tìm ra câu trả lời của bài toán mới thôi.

### CÁCH SẮP ĐẶT CUỘC PHÂN-TÁCH NHƯ SAU :

**Đầu bài toán.** — Một người thợ hồ ăn tiền công mỗi ngày 120 đ. Hãy tính số tiền của người ấy để dành cuối năm nếu người ấy chỉ làm việc có 275 ngày trong năm và chỉ có ăn tiêu 500 đ. mỗi tuần nhật.

**Câu trả lời cần tìm ra :** Tiền để dành cuối năm của người thợ.

**SUY-LUẬN** (Raisonnement).

a) Tiền để dành cuối năm : Tiền lãnh trong 1 năm. Tiền ăn trong 1 năm.

b) Tiền lãnh trong năm : Tiền công mỗi ngày (120đ.)  $\times$  số ngày làm trong năm.

c) Tiền ăn tiêu trong một năm : Tiền ăn tiêu mỗi tuần (500 đ.)  $\times$  số tuần lễ trong năm.

**Phần giải đáp :**

a) Tiền lương trong năm của người thợ :

$$120 \text{ đ.} \times 275 = 33.000 \text{ đ.}$$

b) Tiền ăn tiêu trong năm của người thợ :

$$500 \text{ đ.} \times 52 = 26.600 \text{ đ.}$$

c) Số tiền để dành trong một năm :

$$33.000 \text{ đ.} - 26.000 \text{ đ.} = 7.000 \text{ đ.}$$

**Trả lời :** Số tiền của người thợ để dành trong một năm là : 7000 đ.

**ĐIỀU CẦN CHÚ Ý**

a) Chớ nên để học-sinh tưởng rằng chúng suy-luận khi chúng nói : Muốn tìm ra kết quả mà người ta muốn biết, tôi phải nhân số này cho số kia : hoặc là : tôi chia số này cho số kia. Đó chỉ là phần phô-diễn các bài toán chớ không phải sự suy-luận.

b) Bất cứ một sự suy luận nào đều đòi hỏi một cố gắng về tinh thần, trí não. Sự suy luận chỉ rõ tại sao có bài toán này ? Tại sao có bài toán nọ ? Trong sự suy-luận này, chúng ta chỉ tập trẻ con lập nên những *tương-đẳng thức (égalités)* với những danh-tự chính-xác. Các tương-đẳng thức ấy là những giai-đoạn phải trải qua và cái này do cái kia mà có. Nhờ vậy mà học-sinh tập suy luận, tập sắp xếp ý-tư mình có trật-tự, tỏ ra nghiêm khắc trong việc dùng từ-ngữ cho đúng.

c) Sự suy-luận và giải-đáp là hai việc khác nhau.

Trong phần suy-luận, người ta dùng những tiếng thông thường để trình bày các tương đẳng thức.

Trái lại, trong phần giải-đáp các tương đẳng thức được trình bày với các con số.

Lại nữa, tương-đẳng thức chót của phần suy-luận là tương-đẳng thức đầu của phần giải-đáp. Nói một cách khác, trong phần suy-luận người ta đi từ chỗ không biết đến chỗ biết. Trái lại, trong phần giải-đáp người ta đi từ chỗ biết đến chỗ không biết.

Phần giải-đáp là phần chỉ phải làm các bài toán như thế nào ? Phần chính là phần suy-luận.

Một đôi khi vì thiếu thì giờ, giáo-chức có thể bắt học-sinh làm suy-luận bằng miệng thôi và chỉ viết bài giải-đáp vào vở.

#### 6<sup>o</sup>) Sự sửa bài toán-đố.

Sự sửa chữa một bài toán-đố phải có tính cách chung cho toàn lớp. Một vài học-sinh được gọi lên bảng đen để làm bài toán-đố lại, dưới sự hướng-dẫn của giáo-chức. Mỗi học-sinh tự sửa bài làm của mình trong tập vở. Giáo-chức xem lại các tập ấy và cho điểm. Nếu phần suy-luận, phần giải-đáp và phần làm toán đều trật hết thì giáo-chức bắt học-sinh làm lại tất cả bài y theo bài mẫu trên bảng đen. Để biết chắc học-sinh toàn lớp đã hiểu rõ bài mẫu, giáo-chức cần làm mấy việc sau đây :

a) Bắt các học-sinh kém nhất lớp lập lại phần suy-luận.

b) Bắt toàn lớp làm một bài toán tương-tự.

c) Bắt học-sinh dựa theo bài vừa làm xong mà thảo ra một đầu-đề bài toán tương-tự.

**Điều cần chú ý.**— Khi học-sinh, vì vô ý mà làm sai bài toán thì giáo-chức nên bắt chúng quan-sát lại kỹ-lưỡng chỗ sai để tự nhận-thức sự phi-lý câu trả lời của chúng.

## V. MÔN TÍNH-RỢ (tính-nhằm hay tính-trăm).

1<sup>o</sup>) **Định-nghĩa.**— Môn tính-rợ hay là tính-nhằm là môn tính mà người ta làm trong đầu óc một cách mau lẹ mà không cần bút hay bút chì để viết ra.

Không nên nhầm lẫn phép tính-rợ hay tính-nhằm với cách làm bốn phép toán mô nghĩa là : làm bốn phép toán bằng trí ký-ức và tưởng-tượng. Thí-dụ: Thay vì làm bài toán nhân trên bảng đen hoặc trên giấy thì người ta làm bài ấy trong trí óc, bằng trí tưởng-tượng cũng như người ta làm nó trên giấy vậy. (Áp-dụng cách thức giống, y như cách thức làm toán trên giấy).

Cách làm tính-nhằm khác hẳn với cách thông thường ấy.

2<sup>o</sup>) **Sự quan-hệ và sự ích-lợi của phép tính-rợ tính-nhằm.**

a) **Giá trị thực-tế :** Bất cứ trong giờ phút nào trường-hợp nào, môn tính-rợ giúp cá-nhân giải quyết nhiều vấn-đề thông thường của đời người. Nó tránh sự mất thì giờ quá nhiều chuẩn-bị bài toán-đố viết.

b) **Giá trị giáo-dục :** Phép tính-rợ là phép thao-diễn tinh-thần trí não rất hay. Khi trẻ con tính-rợ chúng phải qui sự chú ý vào nội-giới và trí óc chúng lúc đó rất là hoạt-động. Nhờ thế mà trí khôn trẻ con trở nên tráng-kien, uyển-chuyển.

Phép tính-rợ mở mang trí ký-ức về số học và kích thích một cách cực độ sự ganh đua giữa các trẻ con. Phép tính-rợ làm cho lớp học trở nên linh động, thích thú.

3<sup>o</sup>) **Phương-pháp áp-dụng.**

Phương-pháp áp dụng gồm những điểm sau đây :



a) Đi từ số đơn-giản đến số phức-tạp. Tuần-tự hóa các nỗi khó khăn. Chương-trình môn tính-rợ cần được đọc kỹ lưỡng nhất là về phần áp-dụng các loại số.

b) Phân-tách các số. Thí-dụ :  $562 = 500 + 60 + 2$

$$86 + 34 = (80 + 6) + (30 + 4) = (80 + 30) + (6 + 4) = 120.$$

$$54 \times 6 = (50 + 4) \times 6 = (50 \times 6) + (4 \times 6) = 300 + 24 = 324.$$

Do qui-luật phân - tách các số mà người ta tìm ra 2 qui-luật phụ-thuộc như sau :

Làm cho tròn các con (số thay thế con số có đơn-vị lẻ bằng con số có chục chẵn).

Chia các con số ra nhiều phần đồng-đều :

**Phần nhứt.** Làm tròn các số mà người ta tính-rợ rất mau.

Thí-dụ :

$$85 - 19 = (85 - 20) + 1 = 66.$$

$$85 - 21 = (85 - 20) - 1 = 64.$$

$$143 + 137 = 140 + 140 = 280.$$

Thí-dụ : Lấy số bình-quân các số sau đây :

54, 53, 51, 49, 48.

Làm tròn các số theo căn-bản 50.

$$54 = 50 + 4.$$

$$53 = 50 + 3.$$

$$51 = 50 + 1.$$

$$49 = 50 - 1.$$

$$48 = 50 - 2.$$

$$\frac{54 + 53 + 51 + 49 + 48}{5} = \frac{50 \times 5}{5} +$$

$$\left[ \frac{(4 + 3 + 1) - (1 + 2)}{5} \right] = \frac{250}{5} + \frac{8 - 3}{5} = 51$$

Thí-dụ một bài toán nhơn :

$$86 \times 5 = \frac{(86)}{2} \times (5 \times 2) = 43 \times 10 = 430$$

$$35 \times 14 = (35 \times 2) \frac{14}{2} = 70 \times 7 = 490$$

**Phần nhì** = Chia các số ra nhiều phần đồng đều.

Nhơn một số cho 25. Qui-luật : Muốn nhơn một số cho 25 người ta nhơn số ấy cho 100 rồi người ta chia số thừa tích (produit) cho 4.

$$36 \times 25 = \frac{36 \times 100}{4} = 900$$

Nhơn một số cho 75.  $75 = \frac{100}{4} \times 3$

Qui-luật : muốn nhơn một số cho 75, người ta nhơn số ấy cho 100 rồi người ta lấy  $\frac{3}{4}$  số thừa tích

$$36 \times 75 = \frac{36 \times 100 \times 3}{4} = 2.700$$

Chia một số cho 12

Qui-luật : Muốn chia một số cho 12, người ta chia số ấy cho 3, kế chia thương số (quotient) đã tìm ra cho 4.

$$960 : 12$$

$$960 : 3 = 320 \quad 320 : 4 = 80$$

a) Khởi sự làm các bài toán từ phía bên tả (nghịch lại) cách làm ba phép toán : cộng, trừ, nhơn).

Thí-dụ :

$$\begin{aligned} 325 \times 6 &= (300 + 20 + 5) \times 6 \\ &= (300 \times 6) + (20 \times 6) + (5 \times 6) \\ &= 1800 + 120 + 30 = 1950. \end{aligned}$$

#### 4<sup>o</sup>) Theo cách nào làm một bài tính-rợ ?

Các phương-sách áp-dụng cho mỗi lớp.

a) **Lớp Tư.** — Sau khi dạy trẻ con làm toán cộng, toán trừ với những bó đũa, viên bi hay vật chỉ khác, giáo-chức sẽ bảo chúng làm lại hai phép toán ấy bằng cách tính rợ, nghĩa là không dùng vật hữu-hình nữa. Như thế giáo-chức dẫn trẻ con đi từ chỗ cụ-thể đến chỗ trừu-tượng vậy. Như thế giáo-chức bắt chúng cố gắng về tinh-thần theo trình-độ của chúng.

b) **Lớp Ba, lớp Nhì, lớp Nhứt** (lớp ra trường).

Các câu hỏi về phép tính-rợ (tính-nhầm) phải phù-hợp với trình độ của học-sinh. Nhưng bất cứ ở lớp nào vừa kể, phương-sách áp-dụng vẫn là một.

Trước nhất, giáo-chức giải rành cách tính rợ trên bảng đen trước mặt toàn lớp với nhiều thí-dụ. Qua bữa sau giáo-chức hỏi lại bài cũ bằng một trong hai cách sau đây :

**Phương-sách thông thường : Hỏi bài.** — Lần lượt mỗi học-sinh được gọi lên để trả lời câu hỏi của giáo-chức. Câu hỏi này là một bài toán cho toàn lớp. Thành-linh, không theo một trật-tự nào, giáo-chức gọi nhiều học-sinh đứng lên trả lời.

**Phương-sách La Martinière** (dùng bảng đá con). Tất cả các học-sinh trong lớp trả lời câu hỏi của giáo-chức bằng một con số viết vào bảng đá con và giơ lên theo hiệu lệnh của giáo-chức.

Để tránh sự dòm ngó lẫn nhau, giáo-chức chia học-sinh trong lớp làm hai hạng : hạng số chẵn và hạng số lẻ ngồi lẫn lộn, xen kẽ nhau.

Giáo-chức ra một câu cho học-sinh số chẵn làm rồi lại ra câu khác cho học-sinh số lẻ làm.

### 5<sup>o</sup>) Địa-vị của môn tính-rợ trong thời-khóa biểu.

Mỗi bài toán-học cần được có một bài tính-rợ kèm theo hoặc trước hoặc sau. Bài tính-rợ làm lâu lắm là 10 phút ở lớp Tư và lớp Ba ; 15 phút ở lớp Nhì và lớp Nhất. Thời giờ dành cho môn tính-rợ không nên dài, vì môn học này làm mệt trí trẻ con rất nhiều.

Đối với nhiều vấn-đề Toán-học, môn tính-rợ cần được dạy riêng thành bài và có những qui-luật rõ-ràng. Nhưng bất cứ lúc nào, mỗi khi làm toán thì học-sinh phải nhớ mà áp-dụng luôn luôn các qui-luật ấy để làm bài cho mau và ít nhầm lẫn.

## VI. TỔNG-LUẬN VỀ MÔN TOÁN-HỌC

Lời chỉ dẫn của Bộ Quốc-gia Giáo-dục.

Chương -trình Toán -pháp được soạn theo những nguyên-tắc sau đây :

1<sup>o</sup>) Chỉ chọn lấy những điều cốt yếu cần cho đời sống mà dạy cho học trò.

2<sup>o</sup>) Luyện cho trẻ con có khuôn phép và khuynh-hướng về đường thực-tế (sổ chi thu trong gia-đình, trong một đoàn-thê, sổ xuất nhập một cửa hàng nhỏ, bộ thuế và phụ thu, chia khẩu-phần ruộng v.v...)

Theo nguyên -tắc ấy, chương-trình sẽ gồm những điều cần thiết cho đời sống và các bài dạy toán-pháp sẽ có liên-lạc mật thiết với công việc hằng ngày. Những con số dùng phải là những danh số thường gặp chung quanh mình, những tỉ-dụ, đề-mục đều phải lấy trong vòng thực tế. Ở các lớp dưới, cần có nhiều vật nhỏ như hạt ngô, hạt đỗ, thẻ tre, cho trẻ học đếm.

Cũng vì những lẽ trên, phương-pháp dạy toán là phải « dạy ít tập nhiều ».

Ở tất cả các lớp, thầy nên chú-trọng về tính-trăm, (tính rợ, tính nhầm), tập sao cho học trò làm thật nhanh, thật đúng, thì khi ra đời mới có ích. Vậy nên chia chương trình tính-trăm như sau đây :

Ở ba lớp dưới, phần nhiều làm miệng, chỉ mỗi tuần vài lần tập làm trên giấy thôi.

Lên lớp Nhì và lớp Nhất, nên dạy tính-trăm có phương-pháp, đủ cả bốn phép : Cộng, trừ, nhân, chia.

Mỗi kỳ dạy toán-pháp cũng nên để năm phút ôn tính-trăm và khi làm tính đổ, nên cho học trò làm tính dễ bằng miệng không phải đặt xuống giấy chỉ làm lời giải thôi.

Về đo lường và hình-học, nên cho thực hành sát sự thật cho quen, thí-dụ học vẽ cân thì cân thật, học vẽ đo ruộng thì cho ra vườn, ra ruộng đo thật.

Về ước-lượng, thì ước-lượng chiều dài, sức nặng thời giờ, dung tích. Tập ước-lượng khi ở trong lớp, khi ngoài sân, khi hoạt-động thanh-niên và ở trong các cuộc đi chơi Ước-lượng xong phải kiểm soát ngay bằng thước, cân.

Bắt trẻ đo và nhớ lấy chiều dài một gang, một sải, một cánh tay, một bước của mình, để khi không có mét cũng đo ước-lượng được.

## CHƯƠNG SÁU

### MÔN VẼ

#### A) SỐ GIỜ MỖI TUẦN DÀNH CHO MÔN VẼ Ở CÁC LỚP SƠ-TIỂU

(Bộ Quốc-gia Giáo-dục : Chương-trình 1959)

##### **Lớp Năm**

Vẽ : 1 giờ 40'.

##### **Lớp Tư**

Vẽ : 50 phút.

##### **Lớp Ba**

Vẽ : 50 phút.

##### **Lớp Nhì (nam sinh)**

Vẽ : 50 phút.



**Lớp Nhi (nữ sinh)**

Vẽ : 25 phút.

**Lớp Nhất (nam sinh)**

Vẽ : 50 phút.

**Lớp Nhất (nữ sinh)**

Vẽ : 25 phút.

**B) CHƯƠNG-TRÌNH** (Bộ Quốc-gia Giáo-dục, Chương-trình 16-7-1959).

**Lớp Năm**

Vẽ phác bằng phấn rồi bằng bút chì những dụng-cụ rất đơn-giản, những đồ chơi trẻ con, đề trước mặt học-trò. Dạy tô màu (bút chì màu) những hình vẽ sẵn.

**Lớp Tư**

Vẽ bằng bút chì đen hay bút chì màu những vật rất đơn-giản đề trước mặt học trò.

Vẽ tự do.

**Lớp Ba**

Vẽ bằng bút chì đen hay bút chì màu những vật rất đơn-giản đề trước mặt học trò.

Vẽ trang-trí với các đường.

Vẽ tả-chân các đồ vật rất giản-dị, các lá cây, các quả, củ.

Vẽ tự do.

**Lớp Nhi**

Cách ngắm và cách do.

Vẽ tay các đồ vật thường dùng đề trước mặt.

Lấy các đường, góc và hình đã học ở hình-học để tập vẽ trang-trí.

Vẽ theo trí nhớ : hoa quả, cây cỏ, các con vật (cho học trò nhận xét trước một vài ngày).

Vẽ tự-do.

Vẽ phong-cảnh, tập pha màu và tô màu nước.

Tô điểm các bài học như Thường-thức, Sử-ký, Địa-lý.

Học thuộc-lòng v.v.

### LỚP NHẤT

Cách ngắm và cách đo (chỉ cần cho học-sinh hiểu sơ qua về cách vẽ phối-cảnh) :

Vẽ tay các đồ vật thường dùng để trước mặt học-sinh.

Vẽ theo trí nhớ các đồ vật, hoa quả, cây cỏ, thú vật thường thấy xung quanh mình.

Vẽ phong.cảnh (nhắc lại cách vẽ phối-cảnh).

Tập pha màu và tô màu nước.

Vẽ tự-do.

Vẽ theo tỷ-lệ xích và các đồ vật đơn giản.

Học-sinh đo kích thước mẫu và vẽ theo tỷ-lệ thầy cho.

### C) SỰ QUAN - SÁT VÀ PHÊ - BÌNH CÁC PHƯƠNG - PHÁP VẼ XƯA.

1) Phương-pháp Guillaume hay là phương-pháp hình-học (Méthode géométrique).

Phương-pháp này do ông Eugène Guillaume, nhà điêu-khắc trứ-danh Pháp, chủ-trương căn cứ vào hai nguyên-tắc như sau :

**Nguyên-tắc thứ nhất : Đi từ chỗ đơn-giản đến phức-tạp.**

**Nguyên-tắc thứ nhì :** *Dưới tầm con mắt của người quan-sát không có vật gì, con thú gì mà không thể đem về các hình thể kỹ-hà được.*

Theo phương-pháp này, học-sinh bắt đầu tập gạch một đường ngay, vẽ một đường thẳng góc. Nhưng phương-pháp kỹ-hà chỉ là một phần của thuật vẽ mà thôi.

Lại còn có lối vẽ theo cảnh thiên-nhiên mà phạm-vi rất rộng. Cái chi trong cảnh thiên-nhiên mà học-sinh cố-gắng mô tả ra là sự thật hiển-nhiên. Sự thật hiển-nhiên ấy bao giờ cũng phức-tạp. Bắt đầu học-sinh phân tách trong một vật-dụng, trong một cái hoa, những thành phần giản-dị, rồi khỏi sự vẽ các đường khó hơn.

Đó là đi từ cái giản-dị đến cái phức-tạp. Như thế là ngay lúc đầu người ta đã dạy học-sinh cách vẽ trừu-tượng rồi. Đó là phương-pháp phản-sự-phạm. Cách dạy vẽ như thế làm mất tính-cách vui thích, quyến-rũ của môn vẽ. Nếu các thành phần của sự thực hiển-nhiên bị phân-tách ra rồi, thì sự thực hiển-nhiên không còn gì là thích-thú nữa. Vậy nguyên-tắc thứ nhứt được sửa lại như sau : « Đi từ cái dễ đến cái khó ».

Nguyên-tắc thứ nhì lại càng không dùng nữa là vì cảnh thiên-nhiên có những đường vẽ, những hình-thức, những màu sắc riêng của nó và những cái đó không thể nào được khệp vào những hình của môn kỹ-hà học hay là hình-học được.

Muốn đặt một cái hoa, một lá cây, một trái cây trong một hình tròn, hình bát-giác, hình lục-giác v.v... là phải rút bỏ tính biến-hóa, tính kiều-my của thiên-nhiên rồi. Còn gì đâu mà thích thú ! Giữa trẻ con và vật thiên-nhiên không nên có sự thực-thi hình-học.

Theo phương-pháp vẽ xưa này thì học-sinh phải tập

vẽ các đường ngay, đường gãy, đường cong, đường song-hành, các góc, các hình tam-giác, các hình chữ-nhật, các hình bình-hành, các hình tròn, các hình đa giác, các hình ngôi sao, các hình vẽ trên bảng, các hình vẽ sẵn trong tập đặc biệt. Sở dĩ các học-sinh vẽ được như thế là nhờ các trang giấy có gạch hình vuông, hoặc nhờ các hình mẫu có chấm cóc (ligne pointillée) hoặc vẽ bằng những nét nhỏ và lọt, hoặc những kiểu mẫu trang-trí vẽ trong các hình kỷ-hà.

Cách dạy môn vẽ như thế làm cho học-sinh sớm chán nản và thất-vọng vì chúng không được tự-do vẽ theo ý chúng.

Phương-pháp Guillaume giúp học-sinh sớm có bàn tay khéo léo, vẽ đường ngay thẳng, nhưng kết quả ấy chưa đủ. Môn vẽ cần có một giá-trị giáo-dục đặc-biệt bằng cách làm phát-triển các năng-khiếu trẻ con, bằng cách kích-thích thị-giác, óc quan-sát, và trí tưởng-tượng của chúng và nhất là tình cảm-xúc trước cảnh thiên-nhiên. Ông Jean-Jacques Rousseau có nói : « Tôi muốn cho học-trò tôi học vẽ không phải vì nghệ-thuật mà là để có con mắt xem cho đúng và một bàn tay uyển-chuyển ». Vấn đề chính là cần biết coi trẻ con có phát-triển các năng khiếu không chứ không phải vẽ nhiều tranh ảnh đẹp.

**2<sup>o</sup>) Phương pháp chủ trương mô-phỏng (imiter) cảnh và vật thiên-nhiên. (Phương Pháp Ravaisson).**

Phương pháp này chủ trương lấy những sự vật hiện-hiện trong cảnh thiên-nhiên làm kiểu mẫu. Trẻ con khởi sự vẽ những sự vật quanh chúng, thấy sao vẽ vậy. Nhưng vì ông Ravaisson chưa phải là nhà hội-họa chuyên-môn nên phương-pháp của ông bị bỏ rơi. Sau này phương-pháp ấy được đem ra áp dụng và thu thập được nhiều kết-quả.

30) **Phương-pháp hiện-tại.**— Phương-pháp này căn-cứ vào ba nguyên-tắc cốt yếu như sau :

a) *Tự-do cho học-sinh.* — *Tự-do cho giáo-chức.*

*Tự-do cho học-sinh* — Không phải học-sinh muốn vẽ chi thì vẽ vì toàn lớp học phải theo một chương-trình đã được ấn-định và cuối năm phải học hết. Tự do đây có nghĩa là : khi trẻ con vẽ một vật gì, giáo-chức không có quyền bắt chúng phải quan-sát sự thật theo cách của mình thấy, vẽ theo cách của mình.

*Tự-do cho giáo-chức.* — Câu ấy có nghĩa là : tuy rằng cuối năm giáo-chức phải dạy hết chương-trình nhưng giáo-chức được tự-do chọn lựa các kiểu mẫu phù-hợp với trình-độ học sinh, với thời-tiết địa-phương nếu các kiểu mẫu ấy là loài thảo mộc. Sự tự-do lựa chọn ấy buộc giáo-chức phải suy nghĩ, phải thực-tế và có trí tưởng-tượng dồi dào. Giáo-chức chỉ theo những nguyên-tắc đại-cương của chương-trình cho đúng mà thôi. Còn những chi tiết thì giáo-chức có quyền thay đổi nhiều đoạn cho phù hợp với hoàn-cảnh, với thời-tiết.

b) *Cho môn Vẽ một tính cách giáo-dục.*

Môn Vẽ được liệt vào các môn học phổ-thông. Nó giúp trẻ con có con mắt rất tinh-xảo, bàn tay khéo léo, óc quan-sát trí kỷ-ức rất tinh-tường đối với các hình-thức, các màu sắc. Nó lại còn làm phát-triển mạnh trí tưởng-tượng, cảm-giác tinh (sensibilité) và tình-cảm đối với cảnh thiên-nhiên.

Môn vẽ trợ lực cho các môn học khác trong chương-trình hầu làm phát-triển các năng khiếu tinh-thần và đạo-đức. Nó đi đôi với nhiều môn như : Sử-ký, Địa-lý, Khoa-học v.v...

c) *Sự quan-sát cảnh thiên-nhiên được phò bầy một cách trực-tiếp và chất-phác.*

Vật chỉ mà học-sinh vẽ thì được đề ngay trước mặt chúng để chúng quan-sát một cách trực-tiếp.

Giáo-chức không nên vẽ vật ấy trước trên bảng đen để trẻ coi và vẽ theo.

Cảnh thiên-nhiên được phỏ bày một cách chất-phác.

Học-sinh quan-sát trực-tiếp vật đưa ra làm kiểu mẫu. Chúng cố gắng tìm thấy sự thật hiển-hiện và vẽ một cách thành-thật tuy là các nét vẽ còn vụng về.

Cảnh thiên-nhiên dưới thiên hình vạn trạng vẫn luôn luôn là kiểu mẫu bất-diệt, bất-hủ.

*b) Những áp-dụng thực-tế của môn Vẽ.*

Ngoài mục-dịch giáo-dục môn Vẽ lại còn được áp-dụng vào các nghề-nghiệp.

Ở các lớp sơ-tiểu môn Vẽ còn được chú-ý đặc-biệt vì lẽ công-dụng của nó rất lớn chẳng những ở nhà trường đối với các môn khác mà lại cần thiết khi trẻ con ra ở đời.

1<sup>o</sup>) Vẽ đồ vật. Trong các bài Tập vẽ, sự vẽ các đồ vật là khó nhất. Sự vẽ hơi hơi giống hoặc tha hồ vẽ, tùy ý không thể tha thứ trong lối vẽ này. Điều cần yếu là vẽ giống hình đồ vật một cách minh xác.

Làm sao lâu ngày giáo-chức qui tụ lại được một chỗ (vật kiểu mẫu) sự chú ý của học sinh. Muốn được vậy giáo-chức sẽ cho học sinh xem luôn luôn đồ vật và có thể tạm tạm vẽ được đồ vật ấy. Một việc như thế đòi hỏi ở giáo-chức cũng như ở học sinh nhiều nhẫn nại, nhiều cố gắng.

Trong sự lựa chọn cho các kiểu mẫu, phải áp-dụng nguyên-tắc « Đi từ dễ đến khó ».



Kiểu mẫu nếu chỉ có một cái, phải được đề cao trên bàn giáo-chức trên một cái ghế, hoặc một chồng sách để cho mỗi học-sinh đều trong thấy.

Nếu có nhiều kiểu như nhau thì cần nên phát cho mỗi bàn một kiểu mẫu.

Trước khi học-sinh khởi sự vẽ: giáo-chức phải đề ít phút căn-dẫn mọi điều cần-thiết (phép đo, phép nhắm, nói rõ khởi-điểm vẽ v.v...)

Trong khi học-sinh vẽ, giáo-chức đi sau lưng chúng sửa cách ngồi, cách cầm viết, cách đề tập vở, chỉ cho chúng thấy những chỗ vẽ sai và đề tự chúng nhận thấy mà chữa lại.

Kể đến sự sửa bài và cho điểm (sửa vài chỗ quá ư sai trong mỗi bài mà thôi.)

2º) **Các cách trang-trí** (Arrangements décoratifs). Những đồ-vật, nhứt là thảo mộc (hoa quả) đã có vẽ rồi được đưa ra làm yếu-tố trang-trí.

Học-sinh có thể trang-trí một *đường viền* (bordure), sự đóng khung, một đường vòng hoa, một cái thư, một góc trang giấy, một bìa vở, một thực-đơn v.v...

Ở đây trẻ con cần áp-dụng trí tưởng tượng của chúng để tạo ra một toàn-bộ vừa điều-hòa vừa mỹ-diệu. Trong các trường nữ-học cách sắp xếp trang-trí được áp-dụng cho công việc của phụ-nữ.

Giáo-chức cho học-sinh xem và vẽ kỹ lưỡng các thành phần của hoa, quả, lá, cội, nhánh v v...

Các thành-phần ấy sẽ được dùng làm tài-liệu cho các cơ-cấu mỹ-diệu và có thể biến-đổi.

3º) **Sự tò mò.** Các sự tập-luyện vẽ-mò là sự tiếp nối

tự-nhiên của các bài vẽ các món đồ và các cách sắp xếp trang-trí.

Phương-pháp này dạy phải vẽ mò lại những món đồ và những cách sắp xếp trang-trí đã vẽ trước kia hoặc vẽ những bài vẽ phác-họa hoặc chuẩn-họa (croquis) các đồ vật sau khi đã xem kỹ các đồ vật ấy và mang cất đi. Trong trường-hợp ấy giáo-chức chỉ định trước một kiểu mẫu (đồ vật, đèn đài, phong cảnh). Học sinh xem kiểu-mẫu ấy rõ ràng và sau đó vẽ lớp chúng sẽ vẽ mò.

Sự vẽ mò làm phát-triển trí ký-ức trẻ con với các hình thể. Nó bắt buộc học-sinh quan-sát kỹ lưỡng những sự vật hiện-hiện trước mắt chúng.

4<sup>o</sup>) Những bài vẽ giải-nghĩa các bài học. Những bài vẽ cụ-thể hóa bài học một cách chính xác. Các bài học ấy thuộc các môn như: Sử-ký, Địa-lý, Việt-ngữ, Khoa-học, Thủ-công, v v. ...

Sự trang-trí một bài Tác-văn là cách mô tả bằng hình ảnh những ý tứ của bài văn.

5<sup>o</sup>) Các bài vẽ tự-do ngoài giờ học.

Các bài này có mục-dịch huấn-luyện trí ký-ức, kích-thích tinh-thần trẻ con và làm phát-triển cao-hứng của chúng về mỹ-thuật.

Học-sinh được tự do lựa chọn đề-tài, nhưng tốt hơn là giáo-chức đề-nghị một chủ-đề (thème) chung cho toàn lớp rồi tự-do mỗi học-sinh sẽ trình bày chủ-đề ấy theo trí tưởng-tượng của mình. Ít có học-sinh trình bày một cách hoàn toàn loại bài vẽ này vì nó đòi hỏi nhiều đức-tính tuyệt-hảo.

Cần nhớ là giáo-chức đặc-biệt đề ý đến sự cho màu cho đúng và cho tươi.

**6<sup>o</sup>) Sự nặn tượng, nặn hình (modelage).**

Nghệ-thuật này có một ích-lợi chắc chắn. Nó giúp trẻ-con có bàn tay khéo léo và tập chúng có con mắt rất tinh. Sự tập luyện này cần được áp-dụng cho các trường mẫu-giáo và các lớp nhỏ trường sơ tiểu. Nó cũng có thể được áp-dụng cho lớp Tư, lớp Ba và lớp Nhì nữa. Nó bổ-túc những bài vẽ trên giấy bằng cách làm nổi bật lên những chi tiết của một hình ảnh, chi tiết mà người ta không thể thấy trong hình vẽ trên giấy.

**7<sup>o</sup>) Các bài vẽ kỹ-hà.— Các chuẩn-họa (croquis cétés).**

Loại bài vẽ này được dạy ở lớp Nhì.

Nó là hậu-quả tự-nhiên của môn kỹ-hà.

Chỉ ở lớp Nhứt và lớp Tiếp-liên bài chuẩn-họa mới được vẽ vào giấy với những dụng-cụ đặc biệt. Ở lớp Nhì giáo chức có thể khởi sự nói sơ qua cách vẽ này.

Cách vẽ này có một công-dụng thực-tiễn rất lớn.

**E) KẾT-LUẬN.**

Nói tóm lại chương-trình môn Vẽ ngày nay rất phù-hợp với quan-niệm đứng đắn của môn ấy và được áp-dụng một cách thích-thú đối với trẻ-con. Giá-trị giáo-dục của môn Vẽ càng ngày càng hiện rõ. Sự thích-thú của trẻ-con về môn Vẽ chứng-minh rằng : ngày nay môn ấy đã được hướng-dẫn đúng đường.



## CHƯƠNG BẢY

### **MÔN ÂM-NHẠC. — MÔN HÁT**

(Môn này không có trong chương-trình Bộ Quốc-gia Giáo-dục).

#### *1. ÂM-NHẠC Ở TRƯỜNG SƠ-TIỂU.*

Sự đem âm-nhạc vào chương-trình sơ-tiểu đã gặp phải sự phản-đối của cha mẹ học-sinh.

Các lời phản-đối ấy căn cứ vào các lẽ sau đây : Nhà trường là nơi học-hành chứ không phải là nơi chơi, nơi ca hát.

Trẻ-con không đủ thì giờ để học các môn chính-yếu có đâu dư thì-giờ để học ca hát !

Những sự phản-đối ấy sau rồi cũng được bỏ qua khi mà các bậc phụ-huynh nhận-thức được sự ích-lợi của môn ấy.

Hiện nay môn Hát đi đôi với các môn khác trong chương-trình. Nó có mục-đích làm cho việc học-tập trở nên vui tươi. Vì vậy mà môn ấy không thể bị bãi bỏ được.

#### *II. SỰ ÍCH LỢI CỦA MÔN HÁT.*

Về nhiều phương-diện, sự ích-lợi của môn hát quá lớn :

**1°) Về phương-diện kỷ-luật và trật-tự ở nhà trường.**

Môn Hát được áp-dụng trong nhiều trường-hợp như sau : mỗi buổi sáng, khi vào lớp, trước khi học, học-sinh toàn lớp đứng lên hát một bài để phấn-khởi tinh-thần. Môn Thể-dục và môn Hoạt-động thanh-niên đều đi song-song với môn Hát.

Trong giờ học nếu giáo-chức nhận thấy toàn lớp uể-oải, mệt nhọc, thì giáo-chức cho tất cả học-sinh đứng lên hát một bài ngắn và vui để kích-thích tinh - thần chúng.

2<sup>o</sup>) **Về phương-diện sinh-lý.** Môn Hát có mục-đích rèn luyện bộ-phận phát âm và làm mở mang hai buồng phổi của trẻ con. Nó tập trẻ con phát âm đúng giọng, nói rõ ràng, không trại bệ. Đồng thời nó giúp chúng có thính - giác rất tinh - vi biết phân-biệt các âm thanh.

3<sup>o</sup>) **Về phương-diện trí-thức.** Môn Hát làm phát triển ở trẻ con mỹ-thị-hiểu (le goût du beau) bằng cách giúp chúng biết thưởng-thức những bài hát hay, biết nhận ra những bài hát dở, thô và câu-kỳ. Lại nữa, môn Hát là phương-tiện luân-chuyển đi khắp nơi những tư-tưởng hay, đẹp, cao-thượng. Các tư-tưởng ấy nhờ được trình bày dưới hình-thức những âm-diệu du-dương sẽ in sâu vào tâm hồn của mọi người.

Các tư-tưởng ấy soi sáng trí khôn con người và thúc-giục những quyết-định sáng suốt, hợp thời.

4<sup>o</sup>) **Về phương-diện đạo-đức tinh-thần.** Môn Hát giúp giáo-chức rất nhiều về sự nâng cao tinh-thần đạo-đức trẻ-con. Nó giúp mọi người yêu đời, mến đời, thưởng-thức những lạc thú của sự làm việc, phổ-diễn tinh-thần hóa-ái, yêu-đương, trong gia-đình, kích-thích lòng bác-ái trong mỗi tâm-hồn, cao-thượng-hóa con người bằng cách giúp cá-nhân tránh những lời nói, những cử-chỉ thô-kệch, tục-lũn. Môn Hát là phần tô-diểm môn luân-lý vậy.

### III. CHƯƠNG-TRÌNH MÔN HÁT

#### 1<sup>o</sup>) Ở các lớp Mẫu-giáo.

Ở các lớp này, môn Hát chiếm phần lớn. Nó đi đôi với các cuộc chơi, các hoạt-động tuần-tự tiệm-tiến. Nó xuất hiện giữa hai giờ học để giải trí trẻ-con. Trẻ con cần hát cũng như chúng cần nói. Một trường mẫu-giáo mà không có môn Hát chỉ là một nhà giam trẻ con thôi. Các bài hát ở các lớp này phải giản-dị và có nhạc-cụ hòa theo.

Từ 2 đến 5 tuổi, trẻ-con đồng ca (nghe hát rồi hát lại). Từ 5 đến 6 tuổi, trẻ-con đồng ca (nghe hát rồi hát chung lại; kể đó là đơn-ca).

#### 2<sup>o</sup>) Ở các trường sơ-tiểu.

a) Ở lớp Năm. Tập hát như ở lớp lớn Trường mẫu-giáo (từ 5 đến 6).

b) Ở lớp Tư và lớp Ba. Trẻ-con nghe hát rồi hát lại. Ở hai lớp này cần sửa chữa, rèn tập giọng hát và lỗ tai trẻ-con bằng những bài Tập đọc cho đúng chữ và hát cho đúng giọng và âm-điệu. Phần này rất cần-yếu.

c) Ở lớp Nhì. Chương-trình gồm có những bài hát đồng ca: nghe và hát lại — Ở lớp này, giáo chức bắt đầu dạy trẻ-con những khái-niệm về cách tập đọc nhạc-phổ (solfège); có phần lý-thuyết về âm-nhạc và có sự tập đọc nhạc-phổ và những bài âm-tả về âm-nhạc được dạy bằng miệng.

Giáo-chức phải tập học-sinh có những tập-quản hay, như: sự phát-âm rõ-rệt, sự thở cho đều và dài, sự đánh vần rõ-rệt các lời hát.

d) Ở lớp Nhất (lớp ra trường). Ôn lại các khái-niệm đã học trước kia; tổ chức những buổi hợp-ca và những giờ nghe hát, các buổi giải-thích các tác-phẩm, các nhà âm-nhạc trứ-danh bằng cách dùng máy hát, máy radio vãn vãn...



#### IV. MÔN HÁT VỚI LÝ-THUYẾT ÂM-NHẠC

##### PHƯƠNG-PHÁP ÁP-DỤNG

Theo phương-pháp này, giáo-chức phải dạy học-sinh hát trước rồi sau mới dạy nhạc-phổ và lý-thuyết âm-nhạc. Tập hát là phần cụ-thể; nhạc-phổ và lý-thuyết âm-nhạc là phần trừu-tượng.

Về phần kỹ-luật, giáo-chức có thể áp-dụng một trong hai lối sau đây :

1<sup>o</sup>) **Âm-phổ theo lối xưa nay** (notation musicale usuelle).

2<sup>o</sup>) **Mặt-phổ** (Notation chiffrée).

##### V. PHƯƠNG-SÁCH DẠY MỘT BÀI HÁT.

Ở nhà trường, môn Hát được dạy bằng cách nghe hát rồi hát lại. Trước tiên, giáo-chức viết những lời hát (les paroles) trên bảng đen và giải-nghĩa các lời ấy cho rành rẽ.

Sau đó, giáo-chức cho học-sinh học thuộc lòng bài ấy như một bài ám-đọc vậy. Nhờ thế, học-sinh sẽ hiểu ý-nghĩa toàn bài, sẽ nhớ lâu và sẽ hát có giọng một cách khôn ngoan.

Giáo-chức hát toàn bài trước để giúp học-sinh có ý-niệm khái-quát về giọng của bài, nhất là của các đoạn hay. Kế giáo-chức hát từ câu một và bắt học-sinh hát theo cho thuộc. Trong lúc ấy giáo-chức sửa giọng của mỗi học-sinh. Sau khi học-sinh đã hát thuộc câu ấy thì giáo-chức dạy chúng hát câu kế và như vậy cho đến hết bài.

Giáo-chức phải có cây dương-cầm (piano) để hòa theo hầu dẫn dắt trẻ con hát cho đúng giọng. Giáo-chức phải có một « âm-xích » (diapason) hay là « dĩa-cầm » (harmonium) để tập học-sinh phát âm cho đúng.

## VI. SỰ LỰA CHỌN BÀI HÁT

Bài hát phải được lựa chọn kỹ lưỡng. Một bài hát phải hoàn-toàn đẹp đẽ về lời cũng như về âm-điệu. Ý-tứ bài hát phải cao-thượng. Lẽ dễ hiểu là bài hát sẽ được ghi sâu vào tâm-hồn trẻ con và sẽ có ảnh-hưởng lớn-lao về sự đào-luyện tính-tình của chúng.

## VII. LÝ-THUYẾT ÂM-NHẠC

### Những bài tập đọc nhạc-phổ — Âm-tả âm-nhạc.

#### a) Sự tập đọc nhạc-phổ.

Lý-thuyết âm-nhạc không có ở chương-trình, các lớp nhỏ tiểu-học từ lớp Ba trở xuống. Nhưng nó được ghi trong chương-trình lớp Nhì. Về điểm này, giáo-chức chỉ dạy những điều cần-thiết thôi, như giá-trị các dấu hiệu âm-nhạc dùng trong nhạc-phổ. Trẻ con cần tập đọc nhạc-phổ cho nhiều mà chỉ học lý-thuyết ít thôi.

b) Phần âm-tả âm-nhạc. Phần này tập học-sinh nghe hát một tiếng mà định ra âm của tiếng ấy và viết ra thành dấu trên giấy.

Ở trường sơ-tiểu, học-sinh chỉ cần nói bằng miệng âm ấy là âm gì thôi.

## VIII. KẾT-LUẬN

Nói tóm lại, lúc sau này các nhà sư-phạm đều công-nhận rằng môn Âm-nhạc, môn Hát, có một công-dụng lớn lao về phương-diện giáo-dục. Môn hát làm cho việc làm hằng ngày trở nên nhẹ nhàng giúp cá-nhân thích làm việc và cao-thượng hóa tinh-thần cá-nhân. Nó là một hình-thức mỹ-thuật mà toàn dân bất cứ ai đều có thể thưởng-thức được. Nó là môn học giúp trẻ con sau khi rời ghế nhà trường có một thính-giác tinh-xảo về âm-nhạc, một tính-tình vui-vẻ, ưa làm việc và thích sống.

## CHƯƠNG TÁM

### MÔN THỦ - CÔNG

#### A) SỐ GIỜ MỖI TUẦN DÀNH CHO MÔN THỦ - CÔNG

(Bộ Quốc-gia Giáo-dục : Chương-trình năm 1956)

##### Lớp Năm

Thủ-công : 1 giờ.

##### Lớp Tư

Thủ-công : 1 giờ.

##### Lớp Ba

Thủ-công : 1 giờ.

##### Lớp Nhì (nam-sinh)

Thủ-công : 0 giờ 50'

##### Lớp Nhất (nam-sinh)

Thủ-công : 0 giờ 50'

## B) CHƯƠNG-TRÌNH MÔN THỦ-CÔNG Ở CÁC LỚP SƠ-TIỂU.

(Bộ Quốc-gia Giáo-dục — Chương-trình 16-7-1959).

### Lớp Năm

**Môn chính :** Sắp những mảnh bìa, mảnh gỗ đã cắt sẵn thành những hình nhà cửa, loài vật, hoa lá, v.v... (theo mẫu vẽ sẵn). Xếp và cắt giấy thành những hình đơn-giản theo đúng mẫu (nên cho dùng kéo mũi tròn).

**Lặt-vật :** Bọc sách vở, đóng vở mỏng, gói đồ vật, ép hoa lá, lau bàn ghế, xếp (gấp) quần áo.

### Lớp Tư

**Môn chính :** Cắt giấy và bìa theo hình vẽ cho đúng kiểu đã ấn-định.

Cắt giấy bìa màu rồi học lới dán có mỹ thuật.

Xếp giấy thành đồ chơi.

Sắp những mảnh bìa thành hình. (Khó hơn ở lớp Năm).

**Lặt vật :** Đóng vở, cắt nhãn sách, đề nhãn sách, gọt bút chì, buộc dây giày, làm nút mực, gói, chải quần áo ; gấp (xếp) quần áo, ép hoa lá, đánh mũ, làm phong-bì thư làm các đồ dùng (tăm, đũa, chổi, quần bút bằng giấy, đèn xếp, Quốc-kỳ v.v...)

**Lời dặn :** Không nên dùng dao, kéo mũi nhọn.

### Lớp Ba

**Môn chính :** Cắt bìa cứng mà đóng những đồ dùng như hộp, lịch, khung ảnh, đồ chơi (có thể dùng vừa bìa vừa tre).

Tập đóng sách theo cách đơn-giản.

**Lặt vật :** Quét nhà, lau bàn ghế, lau bảng, lau cửa

kính, đóng vở, cắt nhãn sách, gọt bút chì, buộc dây giày, chải quần áo, gấp (xếp) quần áo, đánh giày mũ. Gói hàng, buộc gói, vót tăm, chẻ đóm v.v... làm các đồ cần dùng : (chổi, quạt, đèn xếp, đèn nhiều góc, Quốc-kỳ, túi đựng sách vở, gáo múc nước v.v...

## PHẦN DÀNH RIÊNG CHO NỮ HỌC-SINH

### Lớp Năm

Bọc sách vở, đóng vở mỏng, giữ-gìn sách vở, gói đồ vật, ép hoa lá, lau bàn ghế, quét lớp.

Tập cầm kim, khâu (xỏ) kim, may mũi tời, đột thưa đột khít, mũi chữ thập trên vải bố to. Cắm hoa, xếp đặt đồ dùng có thứ tự.

### Lớp Tư

Gọt bút chì, đóng vở, cắt nhãn sách, đề nhãn sách, quét lớp, lau bàn ghế, xếp sách vở, dán Quốc-kỳ, làm đèn xếp, gấp (xếp) quạt. Thêu các đường : luồn vắt, đột thưa, đột khít, cành cây, xúc-xích, hình chữ V, mũi chữ thập.

Lặt rau, gọt khoai, lau ấm chén, dọn khay trà, giặt khăn tay và gấp (xếp) khăn tay.

Cắm hoa, xếp-đặt đồ dùng có thứ-tự.

### Lớp Ba

Đóng vở, làm nhãn sách vở, quét nhà cửa, lau bàn ghế, rửa ấm chén, gói hàng, buộc gói, vót tăm, giặt quần áo, gấp quần áo, làm Quốc-kỳ, bó chổi, gấp quạt v.v...

Gấp nếp (xếp plis) nổi vắt, nổi đẹp các đường rua thường, các đường vắt nghiêng, vắt thẳng, xúc-xích, cành cây, xương cá, thêu 25 chữ cái trên vải bố to. May nuông, may rút chỉ. Tập cắt và may khăn tay, áo gối ống, áo gối dài, tã lót.

## PHẦN DÀNH RIÊNG CHO NAM HỌC-SINH

### Lớp Nhi

**Môn chính :** Nặn theo hình-thức theo hình vẽ, theo mẫu có sẵn, theo mẫu tự-nhiên (hoa, quả, lá) làm đồ chơi bằng đất sét, bằng sáp hay bằng thạch-cao (plâtre).

Tập cura, vót, đục, bào, giũa, vắn đinh ốc (nếu có học-xưởng.)

Đóng sách bằng bìa cứng (carton.)

**Lặt-vật :** Lau bàn ghế và cửa kính, trang-hoàng lớp học, làm ống tắm, ống hoa bằng tre, còi, sáo bằng tre, đánh giầy da, giặt quần áo, mài dao, đan quạt. Làm các thứ hộp, đồ chơi. Tập trồng hoa vào chậu, xếp đặt các đồ dùng cho thứ tự.

### Lớp Nhất

**Môn chính :** Nặn các súc vật và người.

Đóng sách in và xén sách.

**Lặt-vật :** Đánh bàn ghế, lau cửa kính, làm các thứ hộp, vài loại bằng giấy.

Làm khung ảnh, lồng kính, làm lịch, cặp và giá bằng giấy. Làm đồ chơi móc mảnh, móc màn.

Trang-hoàng nhà cửa, đánh đồ kim-khi. Tập trồng hoa vào chậu, xếp đặt các đồ dùng cho có thứ-tự.

**Chú-ý :** Chương-trình này thi-hành vừa ở trường vừa ở ngoài nhà trường, tùy theo thời giờ và phương-tiện.

Môn chính của mỗi lớp phải dạy thật kỹ.

Làm một vật gì phải làm cho thật xong. Nếu thuận-tiện, nên đưa học trò đi thăm các cửa hàng. Các xưởng



thợ, để chúng xem các thợ chuyên-môn làm thế nào  
đặng so sánh với công việc của chúng, (để bắt chước hay  
cũng có khi để làm một cách sáng suốt hơn).

### C) LÝ DO ĐEM MÔN THỦ-CÔNG VÀO CHƯƠNG-TRÌNH SƠ-TIỂU.

Mục-dịch của trường Sơ-tiểu là chuẩn-bị học-sinh  
vào trường đời. Sau khi ra đời, không phải tất cả học-  
sinh đều sẽ là công chức làm việc tại các văn-phòng cả.  
Phần lớn trong đó phải trở về thôn quê lo việc đồng-áng  
hoặc theo học một nghề nào. Nếu ngay bây giờ chúng  
không học môn Thủ-công thì sau ra đời chúng sẽ bỏ ngỡ  
trước những công việc làm bằng tay.

Ở trường Sơ-tiểu, môn Thủ-công lại còn có mục-dịch  
đánh tan thành-kiến cho rằng : nghề làm bằng tay dẽ tiện  
hơn nghề làm bằng trí óc. Nói một cách khác, môn Thủ  
công cho thấy rằng : các nghề nông, công, thương cũng  
vinh-diệu như nghề « Sĩ » vì lẽ các nghề nói trên cũng  
tham gia vào sự kiến-thiết Quốc-gia một cách đặc lực và  
làm tăng uy-tín của nước nhà đối với ngoại bang. Nhơn  
cơ-hội này, nhà trường đã phá thành kiến các bậc phụ-  
huynh là cho con em đi học chỉ ước mong chúng sẽ thi  
đỗ để ra làm quan.

### D) SỰ ÍCH-LỢI CỦA MÔN THỦ-CÔNG.

Môn Thủ-công có những ích-lợi như sau :

1<sup>o</sup>) **Góp phần vào thể-dục :** Bắt trẻ con hoạt-động  
bằng tay môn Thủ-công góp phần vào Thể-dục và như  
thể lập sự quân-bình giữa phần tinh-thần và cơ-thể của  
trẻ con. Đồng thời môn Thủ-công đóng vai môn giải-trí.

2<sup>o</sup>) **Môn Thủ-công có một ích-lợi thực-tiền.** Tuy  
rằng được dạy một cách sơ-lược môn Thủ-công có một

ảnh-hưởng lớn-lao đối với học-sinh. Nó quyết-định một phần nào tương-lai của trẻ bằng cách khuyến-khích những khuynh-hướng tự-nhiên của trẻ con và giúp trẻ rất nhiều trong sự hướng-nghiệp.

Đến giờ Thủ-công học-sinh tập áp-dụng các dụng-cụ khi chúng làm những món đồ bằng sắt, bằng gỗ hoặc bằng đất sét. Nhà trường cần có một học-xưởng để chúng đến đó học làm các món đồ, học vẽ các chuẩn-họa đơn-giản.

Môn Thủ-công tập nữ học-sinh quen với nghề, « kim chỉ » bằng cách tập chúng may và vá quần áo, hai việc mà một người đàn bà gương mẫu không thể không biết được.

30) Môn Thủ-công có một ích-lợi về đạo-đức tinh-thần. Môn Thủ-công sẽ giúp cá-nhân có công ăn việc làm tránh sự nhàn cư với những tư-tưởng xằng bậy.

#### E) NHỮNG ĐẶC-TÍNH CỦA MÔN THỦ-CÔNG Ở CÁC TRƯỜNG NAM HỌC-SINH.

Ở các trường nam học-sinh, môn Thủ-công có những đặc tính sau đây :

10) Cách dạy phải theo nguyên-tắc tiệm thứ tăng-tiến. Câu ấy có nghĩa là chương-trình dạy phải phù hợp với trình-độ và tuổi tác của học-sinh. Làm các đồ vật dễ ở các lớp nhỏ, làm các đồ vật khó ở các lớp lớn.

20) Những bài Thủ-công phải có một điểm tựa trong môn Vẽ. Thực ra bài tập Vẽ đã dọn đường cho bài Thủ-công bằng cách tập trẻ con nhận-thức rõ ràng hình thể của một đồ vật và rất đúng với thước tắc.

30) Môn Thủ-công phải có một tính chất giáo-dục. Môn Thủ-công không phải là môn để giết thời giờ

và thủ-cự. Trái lại, môn ấy phải được giảng dạy một cách hợp lý. Nó dung hòa lý-trí và sự làm việc bằng tay, bằng mắt và nhứt là làm cho tay và mắt trở nên khéo léo tinh-xảo.

4<sup>0</sup>) Môn Thủ-công dung-hòa môn Toán-học với môn quan-sát. Nói một cách khác, trong nhiều trường-hợp nó là sự áp-dụng cụ-thể của hai môn ấy.

5<sup>0</sup>) Tính cách thực-tiến của môn Thủ-công.

Không lẫn lộn tính cách, giáo-dục của nó, môn Thủ-công lúc nào cũng nghĩ đến sự làm thỏa-mãn các nhu-cầu hiện tại của học-sinh.

#### F) NHỮNG ĐẶC-TÍNH CỦA MÔN THỦ-CÔNG TRONG CÁC TRƯỜNG NỮ-HỌC.

1<sup>0</sup>) Ở các trường Sơ-tiểu nữ-học, môn Thủ-công cần được dạy dưới hình-thức nhứt tề giáo-dục. Có như thế cuối niên-khoá nữ giáo-chức mới có thể dạy hết chương-trình được.

2<sup>0</sup>) Ở trường nữ Sơ-tiểu, giáo-chức không nên nghĩ đến sự sản-xuất những kiệt - tác, danh-tác, mà chỉ cho học-sinh làm những công việc thuộc về đời sống hằng ngày như : may áo, vá áo, v. v .. Ban đầu phải cho chúng tập thử. Sau đó mới cho chúng làm những đồ thủ-công nhỏ như : may quần áo trẻ con ; việc đan áo tricot với kim dài và có móc phải được đề sau hết các bài học trong mỗi lớp.

3<sup>0</sup>) Đối với các nữ học-sinh, môn Thủ-công phải có tính-cách vừa là thực-tiến vừa là giáo-dục.

Nó phải dung-hòa trí-khôn với tác-động của ngón tay. Nhờ có phần dành cho trí-khôn cho nên bài học lúc nào cũng vui-thích đối với học-sinh.

G) KẾT-LUẬN.

Nói tóm lại, môn Thủ-công ở trường Sơ-tiểu đã được đặt đúng chỗ của nó, vì lẽ sau khi ra trường phần lớn trẻ con phải làm những việc thủ-công ngay. Môn thủ-công trong trường-hợp ấy sẽ giúp trẻ con có tay và mắt tinh-xảo. Đồng thời nó cũng giúp chúng yêu mến nghề thủ-công. Nó cần hòa-hợp với sự giáo-dục tổng-quát chứ không phải ở bên cạnh. Nó rất cần-thiết cho sự hướng-nghiep trẻ con. Nó trợ-lực cho nhiều môn như Vẽ, Hình-học và Toán học.

Trong một nước dân-chủ, nó cần được khuyến-khích để làm cho trẻ con cũng như người lớn ưa thích làm việc bằng tay.

---

## CHƯƠNG CHÍN

### **MÔN HOẠT-ĐỘNG THANH-NIÊN**

(Bộ Quốc-gia Giáo-dục : Chương-trình 16-7-1959).

#### **Lời chỉ-dẫn**

#### **I.—Mục-đích.— Tôn-chỉ.— Nguyên-tắc.**

Thường thường trong lớp học, giữa thầy và trò có cái không khí kinh-nề, nên khó lòng mà tìm hiểu tánh tình trẻ để thực-hiện công-cuộc giáo-dục một cách chu-đáo ; vả lại giữa anh em bạn cũng không có sự liên-lạc mật-thiết, nên khó mà gây được tinh-thần tập-thể.

Môn Hoạt-động thanh-niên sẽ :

- 1<sup>o</sup>) Gây tình đoàn-kết, óc hy-sinh, tinh-thần tương-thân tương-ái giữa các học-sinh đồng lớp, đồng trường.
- 2<sup>o</sup>) Phát huy tinh-thần tự-giác, chí độc-tập, tinh-thần trách-nhiệm, tôn-trọng kỷ-luật.
- 3<sup>o</sup>) Gây cho trẻ một sức khỏe bền bỉ bằng cách cho học-sinh ham sống ngoài trời và ưa tập thể-dục, thể-thao.
- 4<sup>o</sup>) Tập cho học-sinh quen sống với thực-tế, sẵn sàng tiếp-xúc với đời để khỏi bơ ngỡ một khi về nhà hoặc rời ghế nhà trường.

5<sup>o</sup>) Tập cho học-sinh có tinh-thần xung-phong phục-vụ các công-tác xã-hội, giúp đỡ đồng-loại.

6<sup>o</sup>) Phát triển tinh-thần yêu nước, có một lý-tưởng quốc-gia vững chắc, một lập-trường dứt khoát, yêu chuộng tự-do, dân-chủ, chống sự nô-lệ, thực-dân, cộng-sản.

## II. — Cách tổ-chức.

Toàn thể nhân-viên và học-sinh một trường hợp thành một đoàn (hay ban). Giáo-viên và học-sinh một lớp hợp thành *liên-đội*: Mỗi liên-đội lại chia ra làm nhiều đội gồm từ 7 đến 10 học-sinh.

1<sup>o</sup>) **Đoàn**: Hiệu-trưởng sẽ làm Đoàn-trưởng, có Phó Đoàn-trưởng và thư-ký, thủ-quỹ phụ-tá.

Phó Đoàn-trưởng sẽ do Đoàn-trưởng chọn trong số giáo-viên ưu-tú, thích hoạt-động.

Thư-ký và Thủ-quỹ sẽ do anh em bầu lên.

Đoàn có tên đoàn, cờ đoàn, châm-ngôn và luật-lệ của đoàn và nếu có thể được, một dấu hiệu cho đoàn-sinh đeo.

2<sup>o</sup>) **Liên-đội**: Giáo-viên phụ-trách sẽ làm liên-đội trưởng. Có phó liên-đội-trưởng phụ-tá do liên-đội-trưởng lựa trong số đội-trưởng hiện-hữu. Phó liên-đội-trưởng, ngoài sự giúp đỡ liên-đội-trưởng trong các hoạt-động khác, sẽ giữ sổ ghi điểm các đội trong đoàn:

Liên-đội có tên riêng, cờ liên-đội và cờ danh-dự.

Liên-đội-trưởng sẽ hoàn toàn chịu trách-nhiệm về liên-đội của mình đối với đoàn-trưởng.

3<sup>o</sup>) **Đội**: Từ 7 đến 10 em hợp thành một đội. Mỗi đội tự chọn lấy một tên riêng (Tên đội có liên-quan



đến liên-đội của mình). Mỗi đội có tên kêu riêng, có châm-ngôn, nội-lệ, một góc buồng riêng và, nếu có thể được, có tua vải và cờ đội riêng. Mỗi đội có một đời sống riêng và có một đội-trưởng bầu lên trong số đội-viên được liên-đội-trưởng đề-cử. (Liên-đội-trưởng phải thận-trọng trong việc đề-cử này). Phó đội-trưởng sẽ do đội-trưởng chọn.

— Lễ cử đội-trưởng nên tổ-chức một cách giản-dị, nhưng rất trang-nghiêm.

— Liên-đội-trưởng phải trọng đặc-tính của từng đội. Khi các đội có bày tỏ ý-kiến gì, liên-đội-trưởng nên để ý tới.

### III. Cách chia công-việc cho các đội.

Các đội luân-phần làm công việc trong lớp : quét lớp, lau bàn, ghế, bảng, tủ, cửa... Đội-trưởng phân chia các công-việc cho anh em trong đội, tùy theo sức và khả-năng : lớn làm việc nặng, bé làm việc nhẹ...

Ngoài công-việc hàng ngày nói trên, liên-đội-trưởng có thể giao cho mỗi đội một công-việc làm trong một tháng như : giữ gìn bản-đồ, coi học-cụ-khố, tủ sách, trông nom cây cối v.v... Nên đề-cao những hoạt-động xã-hội mà học-sinh có thể thực-hiện được (nơi trường, ngoài trường) như : Giúp người già cả, tàn tật, người bị tai-nạn, tham-gia vào các công-việc có ích lợi chung.

**Cách khuyến-khích :** Đề khuyến-khích đoàn-viên cố gắng tranh đua, đoàn-trưởng nên dùng cách cho điểm từng liên-đội-trưởng.

Liên-đội-trưởng cho điểm từng đội.

Liên-đội nào được nhiều điểm nhất được nhận lá cờ danh-dự của đoàn.

Đội nào nhiều điểm nhất được nhận lá cờ danh dự của liên-đội. Cờ danh-dự giữ trong một tháng, Lễ trao cờ nên cử-hành một cách nghiêm trang.

Một thí dụ về cách cho điểm :

Đội Lam-Sơn

(Liên-đội Lê-Lợi)

|                                                 |       |
|-------------------------------------------------|-------|
| Công việc chung trong lớp . . . . .             | 16    |
| Công việc riêng . . . . .                       | 15    |
| Điểm số trung-bình hàng tháng của toàn đội viên | 14,50 |
| Thưởng . . . . .                                | 5     |
| Cộng . . . . .                                  | 50,50 |

#### IV. Hợp đội, hợp liên-đội, hợp đoàn và hợp bạn.

Mỗi đội hợp ít nhất mỗi tuần 1 lần. Mỗi liên đội hợp một tuần 1 lần. Đoàn hợp mỗi tháng 1 hay 2 lần. Có thể triệu tập những buổi hợp bất thường, hằng năm nên tổ-chức một cuộc hợp bạn, (tức ngày đại-hội) giữa các đoàn trong quận hay trong tỉnh.

#### V. Phương-pháp

##### 1) Buổi học « Hoạt-động thanh-niên ».

Theo thời-khóa biểu về « Hoạt-động thanh-niên » hằng tuần trong lớp, giáo-viên có thể dạy một buổi học hát, rồi một buổi học « chuyên-môn ».

a) Hát chánh thức hoặc làm tiếng reo.

b) Học hát hay kể chuyện, hoặc học chuyên-môn hay thủ-công.

c) Trò chơi.

##### 2) Buổi hợp liên-đội, hợp đoàn.

a) Hát chánh thức.

b) Liên-đội-trưởng hay đoàn-trưởng (tùy theo hợp

liên-đội hay hợp đoàn) nói về một vấn-đề nâng cao tinh-thần đoàn-viên hay giảng một điều luật.

c) Hát hoặc làm tiếng reo.

d) Học chuyên-môn hay thủ-công (thi đua).

e) Trò chơi.

f) Học hát hoặc kể chuyện.

g) Kiểm-thảo, phê - bình và dặn dò các công việc.

## VI. Đặc-biệt chú-ý.

Nên cho học-hình làm quen với đời sống thực-sự của giới cần-lao để các em yêu nghề lao-lực, yêu và hòa mình với đồng bào để cùng đồng-bào bảo-vệ đất nước.

Chọn những kịch đề cao tinh-thần Quốc-gia hoặc có mục-dịch châm-biếm và đả kích mạnh mẽ : Cộng-sản, Thực-dân và Phong-kiến.

Về ca nhạc, nên chọn điệu vui tươi, hùng tráng, tổ dẫu quật-cường của nói-giống, nội-dung phải ca ngợi lòng yêu nhà, thương nước. Tránh những bài lãng-mạn, ủy-mị yếu hèn.

..

## CHƯƠNG - TRÌNH

(Chương-trình này có tính-cách chỉ dẫn. Giáo-viên sẽ được tùy-nghị áp-dụng theo điều-kiện).

### Lớp Năm

#### 1) Hát và nhảy múa :

a) Hát các bài ngắn, vui, linh-động, hướng về đức-dục và lịch-sử, không cao quá âm-giải (do majeur).

b) Các điệu múa dễ.

## 2) Chuyên-môn :

Nút dây : Phân biệt các sợi dây nhỏ : sợi chỉ, sợi gai tếp, thừng, dây tam-cổ. Nút dẹt, nút thông lọng.

3) Thủ-công : Áp-dụng các điều đã học và chuyên-môn.  
Trò chơi : Trò chơi làm nảy nở các giác-quan. Trò chơi vui, náo nhiệt.

## Lớp Tư

### I. Hát và nhảy múa :

a) Hát các bài ngắn như ở lớp Năm, thêm ít bài dài hơn.

b) Các điệu nhảy, múa, khó hơn ở lớp Năm.

### II. Chuyên môn :

a) Nút dây : Nút quai chèo, nút thợ dẹt (công-dụng những nút ấy).

b) Đấu lối đi : Bắt đầu đi, lối đi này, đi nhanh lên, đi chậm lại, bỏ lối này, nguy-hiêm, nước lạnh, nước độc.

c) Nhóm lửa : Chọn chỗ, cách nhóm và tắt lửa.

III. Thủ-công : Áp-dụng các điều đã học về chuyên-môn.

IV. Trò chơi : Trò chơi làm nảy nở giác-quan.

Trò chơi vui, náo nhiệt.

Trò chơi mau lẹ, nhanh trí.

## Lớp Ba

### I Hát, nhảy, múa, kịch :

a) Hát các bài như ở lớp Tư ; thêm ít nhiều bài khó hơn hoặc có điệu bộ (chants mimés).

b) Nhảy các điệu bộ khó hơn lớp Tư (dances rondes).

c) Kịch chớp nhoáng (kịch ngắn, bắt chước cử-động, tránh lối kịch lố-lãng, khiếm-nhã).

## II. Chuyên-môn :

a) Nút dây, nút nèo cây, nút ghế-đơn, nút chân chó (công-dụng những nút ấy).

b) Dấu lối đi : Ôn các dấu học ở lớp Tư, thêm dấu : dơi ở đây, chia làm hai toán, có trại gần đây.

c) Làm bếp : Chọn chỗ nhóm lửa. Các thứ bếp. Nấu chín một nồi cơm. Dọn bếp.

d) *Cấp-cứu*. Rửa vết thương, cách cầm máu, vùi lối băng bó dễ, băng tay chân.

III. Thủ-công : Áp-dụng các điều đã học về chuyên-môn.

IV. Trò chơi : Trò chơi như lớp Tư. Thêm các trò chơi khéo léo.

## Lớp Nhì

### I. Hát, nhảy, múa, kịch :

a) Tập đọc vài dấu ký-âm thường thức, hát những bài hùng-ca dài hơn ở lớp Ba :

b) Nhảy múa nhịp-nhàng kèm ca hát.

c) Kịch : các vở kịch vui, dễ hiểu, có tính-cách giáo-dục.

### II. Chuyên-môn :

a) Nút dây : Ôn lại các nút học ở lớp Ba : thêm nút, nèo-thuyền, nút ghế-kép, nút buộc-gối (công-dụng các nút này.)

b) Dấu lối đi : Ôn lại chương-trình lớp Ba, thêm :

dấu « đã trở về rồi », bình yên, có kẻ thù.

c) **Làm bếp** : Như chương-trình lớp Ba ; thêm : làm vài món ăn thường.

d) **Cấp cứu** : Băng khuỷu tay, đầu gối, ngón tay, ngón chân.

e) **Truyền tin** : Dấu hiệu riêng truyền tin.

f) **Phương hướng** : Bốn phương-hướng chính, bốn phương phụ. Cách tìm phương-hướng bằng mặt trời địa-bản. Cách tìm phương-hướng trên bản-đồ.

**III. Thủ-công** : Áp-dụng các điều đã học về chuyên-môn.

**IV. Trò chơi** : Trò chơi như ở lớp Ba. Thêm các trò chơi dai sức, vận-động bắp thịt.

### **Lớp Nhất**

#### **I. Hát, nhảy, múa kịch.**

a) Học ký-âm-pháp và cách đánh nhịp.

b) Nhảy múa như ở lớp Nhì, thêm các điệu múa địa-phương.

c) Diễn các vở kịch ngắn, có tính cách lịch-sử hoặc giáo-dục.

#### **II. Chuyên-môn.**

a) **Nút dây** : Ôn lại các nút đã học ở các lớp dưới thêm một nút xúc-xích, nút dây tam-cổ.

b) **Dấu lối đi** : Ôn lại các nút đã học ở các lớp dưới.

Học những dấu tự-nhiên, ghi bằng cỏ, cành cây, đá, v.v... Tập nhận xét và tập theo dõi những dấu vết (xe cộ, loài vật).



c) **Làm bếp** : Tập làm một bữa ăn cho một đội.

d) **Cứu cấp** : Băng đầu, mặt, tai, vai. Băng bó khi gãy xương. Làm cang, khiêng cang.

e) **Truyền tin** : Văn Morse. Phát và nhận bản truyền tin.

f) **Phương-hướng** : Tìm phương-hướng ban ngày bằng đồng-hồ, ban đêm bằng các chòm sao.

**III : Thủ-công** : Áp-dụng những điều đã học về chuyên-môn.

**IV. Trò chơi** : Trò chơi cần sức khỏe, khéo léo, các cuộc chơi lớn (grands jeux).

\* \* \*

## ĐI CHƠI

**I. Mục-đích** : Tập quan-sát.

- Tập suy-nghiệm, tìm tòi.
- Bồi bổ các bài học Sử-Địa và Thường-thức ở lớp.
- Biết rõ vùng chung quanh.

**II. Chương-trình** :

1<sup>o</sup>) **Lớp Năm, Lớp Tư, Lớp Ba.**

Quan-sát thiên-nhiên, vạn-vật ; núi sông, cây lá, chim muông, gió, mây, (tập tìm tòi, tập ngó, tập ghi bằng chữ, bằng nét vẽ, tập suy-nghiệm).

Viếng cảnh đẹp, biết rõ vùng chung quanh.

Tập giúp ích.

Tập đi xa (ngoài ngày học).

**2<sup>o</sup>) Lớp Nhì, Lớp Nhất.**

Quan-sát những công-trình nhân tạo : đường sá, cầu cống, nhà cửa, chợ phố.

Quan-sát cách trồng trọt, chăn nuôi, khí-cụ, máy móc.

Viếng các di-tích lịch-sử. Biết rõ vùng chung quanh.

Tập giúp ích.

Tập đi xa, đi trại.

**Chú-ý.** Thầy phải có đầu bài rõ ràng đề gọi trí tò-mò tập trí suy đoán của trẻ. Học trò phải tập ghi, tập vẽ.

. . .

### **ĐI CẨM TRẠI**

Thường thường học trò chỉ ở trong nhà hay trong lớp học, con mắt của chúng bị bốn bức tường hay lũy tre quanh làng ngăn cản không trông thấy được xa. Nhân ngày nghỉ, giáo-viên đưa học trò đi cắm trại gần một ngọn núi cao, bên bờ biển hay giữa cánh đồng để tầm con mắt chúng được mở rộng ; trí-tuệ chúng được nâng cao.

Những lúc cắm trại, trẻ được sống gần thiên-nhiên, nên dễ yêu tạo-vật, trẻ có dịp tốt để tập làm, tập tháo-vác và ông thầy có dịp sống gần trẻ, hiểu chúng hơn.

Vậy giáo-viên nên tổ-chức cho học trò lớn từ lớp Nhì trở lên những cuộc cắm trại và đề ý đến các điều-kiện sau đây :

#### **A) TÌM CHỖ CẮM TRẠI**

1. — Thầy giáo nên tìm chỗ trước :

- 2.) — Trại phải gần nơi có nước ăn lạnh.
- 3.) — Tiện nước để tắm rửa.
- 4.) — Tiện chỗ để mua thức ăn.
- 5.) — Chỗ đất phải cao ráo, ít gió, nhiều mặt trời.
- 6.) — Có một chỗ phẳng để chơi.
- 7.) — Có phong-cảnh đẹp hay một xưởng kỹ-nghệ cho học-trò xem càng hay.
- 8.) — Có chỗ trú lúc mưa to.
- 9.) — Không có muỗi độc và bệnh truyền-nhiễm.

### B) ĐI CẨM TRẠI

1.) — Sửa-soạn trước các thứ cho cẩn-thận chỉ mang theo ít đồ dùng thôi (những thứ rất cần). Nhớ hộp cứu-thương để phòng khi tai nạn hay đau ốm.

2.) — Đường gần độ 4, 5 cây số, thì đi bộ. Đường xa quá thì cho đi tàu hay ô-tô, hoặc đi từng chặng cho khỏi mệt.

### C) TỚI TRẠI

1. — Xếp đặt trại cho có thứ tự, cần có hố vệ-sinh và hố rác.

2. — Nếu có lều thì cho cắm chỗ khuất gió và thoát nước. Ở núi thì tránh đỉnh núi vì nhiều gió quả và tránh chân núi vì ẩm thấp.

Cho học trò ăn no, ngủ ngon, chơi nhiều (sẽ tổ-chức một vài cuộc chơi lớn).

### D) TRỞ VỀ

Lắp các hố và quét dọn sạch-sẽ.

## TRÒ CHƠI

Trẻ có tính hiếu-dộng. Bất chúng ngồi luôn mấy giờ đồng hồ trong lớp mà học thì chúng chịu sao nổi ? Vì thế mà khi bắt trẻ học lâu, nhiều em sinh ra đặng trí, mỗi-một, nên hay nghịch-ngợm ; vậy thường trong lớp học thầy-giáo nên bày ra các trò chơi để luyện các giác-quan, như mắt, mũi, tai, lưỡi. Có trò chơi để luyện các khiểu như : quan-sát, trí nhớ, sự nhanh trí khôn ; lại có trò chơi để luyện óc trật-tự, kích-thích tinh-thần hợp quần, tính thật thà, lòng can-đảm hay làm nở các bắp thịt và tăng sức khỏe.

Ở ba lớp dưới, chương-trình học còn nhẹ, có nhiều thì giờ trong thời-khóa-biểu, nên để dành riêng mỗi tuần mấy kỳ chơi. Thầy-giáo nên lợi-dụng chỗ đó mà rèn-luyện các giác-quan, các khiểu hay các đức-tính cho trẻ.

Lên lớp Nhi, và lớp Nhất, chương-trình học nhiều cho nên trong thời-khóa-biểu không có giờ chơi. Tuy vậy thầy-giáo cũng không nên quên chi-tiết ấy. Sau mỗi bài học, nên để năm phút cho học-trò hát một bài hay chơi một trò chơi nhỏ để chúng giải-trí.

Khi cho chơi, thầy-giáo nên nói rõ cách chơi và luật chơi cho các trò hiểu để chơi khỏi lầm và thêm hăng-hái. Điều-khiển một trò chơi thì để ý làm cho học-trò thẳng-thần, có nhiệt-tâm và trọng kỷ-luật.

## PHẦN ĐỌC THÊM

## BÀI SỐ I

### BẢN ĐỒ VÀ QUẢ ĐỊA-CẦU

Lớp năm đã được thực sự học bản đồ, nhưng môn học này mới chính thức áp-dụng vào khoảng lớp Nhì. Khi học-sinh muốn vẽ một kiểu mẫu trường học hay những đường phố lân cận như thế chúng đã bắt đầu học bản đồ. Tôi một phạm-vi nhỏ như thế, quan-điểm về tỷ-lệ đã bắt đầu có ý nghĩa. Một ý kiến đã được áp-dụng rất hay là những vật nhỏ có thể tượng trưng cho một vật lớn được. Đó là cái nền móng của sự hiểu biết về bản đồ. Từ quan-điểm này, khả-năng để đọc, hiểu và dùng bản đồ phát-triển bằng một cách tiến-triển tăng-cường óc nhận xét phân-biệt. Người ta dùng bản đồ có nhiều mục-dịch để giúp trẻ em hiểu những hiện-tượng trong sự liên-quan của chúng với xã-hội học. Bản đồ đã giúp ta thu hẹp tỷ-lệ của những diện-tích và những khoảng cách. Như vậy những nơi bất-khả-lượng cũng thực hiện được. Công-việc này đã cụ-thể-hóa những quan-niệm hữu-tượng của những khuôn khổ lớn, khoảng xa và phương-hướng. Những bản-đồ đặc-biệt tượng-trưng những vị-trí, diện tích, khoảng rộng, khoảng cách, những sự liên-quan của tạo-hóa và nhân-loại, độ cao và độ dốc của đất. Trước khi hiểu biết những cái này, trẻ con phải biết xem bản đồ. Công-việc nghiên-cứu đã chứng tỏ cho ta biết là khi được dạy cẩn-thận về sự đọc bản đồ, những trẻ em có thể hiểu cách đọc và dùng bản đồ một cách dễ dàng và ý nghĩa.

Những đề-nghị để dạy trẻ đọc và giải-nghĩa bản đồ là :

1°) Huấn-luyện cho các em lúc nào cũng sẵn-sàng hiểu biết những quả địa-cầu và bản đồ bằng cách thoạt nhìn đã quan-sát được những nét căn-bản của bề mặt, chỗ cây, mùa màng, bề và sông ngòi, hoặc những tranh ảnh có những nét như thế.

2°) Huấn-luyện cho trẻ em nhận-định được hình quả địa-cầu bất cứ khi đề chỗ nào. Như thế giúp các em biết được những điểm để tham-khảo.

3°) Tăng gia quan-niệm về bản đồ bằng cách vẽ những bản đồ được đơn-giản hóa như lược-đồ của những đường phố lân cận, hoặc



những bức họa đồ tăng dưới cửa những dinh thự, nhà cửa và bằng cách so sánh quang cảnh trông từ máy bay xuống với những tấm hình cũng ở nơi đó nhưng chụp ở dưới đất.

4°) Lấy nhiều thí-dụ để dần dần hướng dẫn trẻ em tới chỗ hiểu biết ở trên bản đồ.

5°) Dạy cách thức đo lường vĩ-độ ở lớp Nhứt và Nhì bằng sự phân biệt bề rộng, giữa những vĩ-độ và ở lớp Đệ thất, Đệ lục, bằng độ.

6°) Ít nhất là một năm, sau khi đã dạy về vĩ-độ và khoảng thời giờ khác nhau giữa những kinh-tuyến, mới dạy đến cách đo kinh-độ.

7°) Khuyến-khích trẻ em năng dùng tất cả những loại bản-đồ, để chúng thực-hành những sự khéo léo đã học tập.

8°) Nhiều loại bản-đồ phác họa những nét chỉ mặt đất, xứ sở, khí-hậu, thổ-sản, đường xe lửa, đường lưu-thông, những hải-cảng v.v. phải học một cách kỹ-lưỡng.

9°) Khoảng cách giữa khu cao, ta thấy một màu sắc mới, khác những màu của những khu cao này : mức cao thấp của đất có thể được công nhận là một yếu-tố xác-định những khoảng cách.

10°) Những chỗ cao có thể chú-giải bằng những đường khoanh tròn hoặc màu thâm rồi nhạt dần, người ta có thể so sánh nơi cùng một mức cao với nhau được.

11°) Bản-đồ có những ghi-chấm để nhấn mạnh và định-đoạt vùng đó có những sản-phẩm đặc biệt hoặc nhiều, hoặc ít. Muốn biết những điều này phải cần xem những bản-đồ.

12°) Có thể so sánh hai bản-đồ để có thể biết được giữa hai kỹ-nghệ : kỹ-nghệ nào được phát-triển hơn ?

13°) Những bức bản-đồ dân-số thời tiết và mùa cây cấy sẽ chứng tỏ mối liên-quan với nhau mà những bài đọc tiếp sẽ công-nhận hoặc phủ-nhận.

14°) Một bản-đồ về dân-số chỉ-định bao nhiêu người trong một dặm Anh vuông sẽ đưa đến những lý-do và tình-trạng.

15°) Những cách-thức phân chia trên bản-đồ đáng là những điểm đặc-biệt nêu lên, vì phần nhiều vấn đề xã-hội bắt đầu từ sự phân-chia dân-số và tài-nguyên thiên-nhiên không được đồng đều.

16) Vị-tri các thành-phố được nhận định dễ dàng bằng cách dùng những con số ở đường ngang và những chữ ở đường thẳng ngược.

17) Sự nhận định vĩ-độ liên-dới đến :

a) Trái đất là một bầu tròn tự quay theo cái trục của nó, hai đầu là Bắc-cực và Nam-cực.

b) Đường xích-đạo nằm giữa hai đầu.

c) Vĩ-tuyến từ đường xích-đạo đến hai đầu, xác-định Bắc hay Nam.

d) Chia 24.000 dặm Anh (40.000 km) cho 360 độ thì thấy rằng một độ của vĩ-độ rộng phồng chừng 69 dặm Anh (111 km 111 ?)

e) Xác nhận vĩ-độ cho một nơi nào.

f) Nhận định những nơi khác cùng trên một vĩ-tuyến ở một vĩ-độ.

18) Sự nhận định kinh-độ (sau khi cậu bé đã hiểu về vĩ-độ) liên đới đến :

a) Trái đất là một bầu tròn tự quay theo cái trục của nó, hai đầu là Bắc-cực và Nam-cực.

b) Kinh-tuyến chỉ là những đường tưởng-tượng chạy từ đầu nọ tới đầu kia của trái đất trên bản-đồ.

c) Phân chia ra những kinh-tuyến trong một vòng tròn có 360 độ : (Độ 0 ở tại Greenwich) ở Anh-quốc tới đường Quốc-tế xác định ở độ 180 tại Thái-Bình-Dương.

d) Chia 360 độ cho 24 để biết rằng cứ 15 độ là một giờ sai-biệt. Tính giờ về phía tây thì sớm hơn ; về phía đông thì muộn hơn.

e) Những sự chỉ dẫn rõ rệt chỉ là những đường cong gạch trên bản-đồ.

Bản-đồ và trái địa-cầu chỉ được đem ra khi cần dùng tới.

\* \* \*

## BÀI SỐ II

### TRANH ẢNH Ở HỌC-ĐƯỜNG

I — Nhiều thứ dụng-cụ bằng tranh ảnh được các giáo-viên kinh nghiệm dùng thay vào sự giảng nghĩa cho trẻ em. Dùng tranh ảnh là một phần trong sự định rõ nghĩa một bài và được áp-dụng trong các sách dạy trẻ. Có nhiều nhà xuất-bản in dụng-cụ bằng tranh-ảnh kèm theo chuyện kể trong sách.

II — Một vài điều cần nhớ khi lựa chọn hay gom góp tranh ảnh, để dùng trong lớp dạy trẻ em là :

- 1) Tranh ảnh to và dễ xem.
- 2) Nên dùng tranh ảnh những thứ có thật hơn là những tranh ảnh phác họa tưởng tượng.
- 3) Sự hoạt-động, sự hài-hước và chuyện vật vãn là thứ hình ảnh thích thú của trẻ em.
- 4) Một chương trình được phong-phủ cần rất nhiều tranh ảnh.  
*Ở cấp dưới ban tiểu-học, tranh ảnh dùng để :*
  - 1) Mở rộng phạm-vi nhận xét.
  - 2) Kể chuyện.
  - 3) Chỉ dẫn cách tác-văn.
  - 4) Áp-dụng một nền tảng đề so sánh.
  - 5) Đề cho trẻ em kể lại những gì đã biết về hoàn-cảnh mới.
  - 6) Khuyến khích trẻ em ham viết và đọc.
  - 7) Làm cho hiểu biết thêm về con số.
  - 8) Cho chi-tiết.
  - 9) Mở mang tri-năng quan-sát.
  - 10) Khuyến-khích ý-thức sáng-tạo.
  - 11) Dẫn-giải sự học hỏi cho có thú-vị.  
*Ở cấp trên ban tiểu-học, tranh ảnh dùng để :*
    - 1) Làm cho dễ hiểu môn Địa-dư.

- 2\*) Giải-nghĩa một vấn-đề xã-hội.
- 3\*) Cho ý-kiến đề kể chuyện hay làm bài luận.
- 4\*) Khuyến-khích các phương-diện có ích lợi.
- 5\*) Tạo cơ hội đề có ý-niệm sáng-tạo.

*Vài đề-nghị dùng tranh-ảnh để dạy trong lớp.*

- 1\*) Dùng tranh-ảnh với một mục-dịch.
- 2\*) Không nên dùng tranh-ảnh quá nhiều cùng một lượt.
- 3\*) Đề cho học-sinh đủ thì giờ quan-sát trọn giá-trị của bức tranh ảnh. Đừng lấy bức tranh đi sớm quá.
- 4\*) Cho học-sinh co-hội và tự-do kể lại bức tranh theo sự nhận xét của chúng.

*III.— Dùng tranh ảnh một cách linh-dộng bằng cách thay đổi kỹ-thuật.*

Không có thể lúc nào cũng cho mỗi lớp học có một tập tranh ảnh. Thật là khó khăn cho một giáo-viên, dù rằng đã thâm niên, đề thu nạp đầy đủ các loại tranh ảnh, chu cấp đủ sự cần dùng trong giáo-khoa. Tuy nhiên, có một tập tranh ảnh là một việc tương-đối giản-dị nếu tất cả các giáo-viên cùng gom góp vào việc ấy. Tranh ảnh có thể được gắn lên trên một tấm bìa cứng hay tấm giấy yết-thị, đủ kích thước và được sắp đặt có thứ tự tùy theo công dụng hay từng loại. Nếu sắp đặt theo sự công-dụng thì những đầu đề sắp đặt là :

- 1\*) Tranh ảnh đề kể chuyện.
- 2\*) Tranh ảnh đề cho ta tưởng một chuyện gì.
- 3\*) Tranh ảnh bằng số.
- 4\*) Tranh ảnh để dạy ngữ-vựng.
- 5\*) Tranh ảnh về hoạt-động.
- 6\*) Tranh ảnh trình bày những liên-quan với nhau.

Nếu tranh ảnh được sắp\* đặt theo từng loại, thì những đầu-đề đề sắp là :

- 1) Thực phẩm.
- 2) Quần áo.
- 3) Nhà cửa.
- 4) Vận-tải và giao-thông.
- 5) Sức vật.
- 6) Thực-vật.
- 7) Y-tế.
- 8) Sự phát-minh và sự khám phá.
- 9) Các đồ-thị.



## BÀI SỐ III

# BƯỚC TIẾN TỚI SỰ HIỂU BIẾT CÁC CON SỐ

(Do nữ giáo-sư Dixie Lippincott soạn)

Phương-pháp dạy các trẻ em hiểu rõ các con số từ một tới hai mươi.

Thí-dụ: một giáo-viên đã dạy con số một và số hai rồi nay ông bắt đầu dạy đến con số ba. Con số ba được lấy làm thí-dụ vì các chi-tiết dễ hiểu lộ con số đó rõ ràng hơn con số một. Khi muốn có quan-niệm về con số 9 hay số nào khác từ một đến hai mươi thì cũng nên dùng các phương-sách đó. Để đi đến kết-quả tốt đẹp nên dùng các phương-pháp chỉ-dẫn sau đây để lập từng con số một.

Trước khi bắt đầu dạy một con số mới hay trong phạm-vi con số đó, cần phải xem lại các cách tính số đã dạy rồi. Theo lý-thuyết, khi dạy các con số, ta bắt đầu số một và đi lần đến số hai mươi, không nhảy từ số này qua số khác. Lẽ dĩ-nhiên, khi xem lại sự không nhảy số như vậy có một giá-trị rõ ràng.

Dù rằng theo đây thì giáo-viên là một người đứng hướng-dẫn học-sinh. Nhưng ta cũng nên để học-sinh có cơ-hội đứng ra điều khiển trong khi tập làm bài, khi ta thấy các em đã sẵn sàng lãnh trách-nhiệm đó.

Mỗi một phụ-đề trong bài này, cần phải dạy trọn một buổi học hay ít lắm là mười lăm phút. Ta sẽ vịn theo lời đáp của trẻ con trong lớp để định đoạt coi phải dạy đi dạy lại bài đó hay chẳng.

Theo sự giới-dẫn và hiểu biết của trẻ con thì thời giờ dạy một bài sẽ được bớt ngắn lại, và lần lần một cách chậm-rãi, ta sẽ thay đổi phương-hướng từ cụ-thể đến trừu-tượng.



1) Đếm số 3 bằng cách dùng các đồ vật khác nhau như ghế, cửa sổ, bút chì, sách, viết chì màu, bàn ghế, một trò trai, một trò gái v.v... Xem số 3. Nói số 3. Dùng ngón tay viết số ba lên không khí.

2) Chọn 3 ngón trong các hình mẫu để tô màu. Ngó số 3. Dùng ngón tay viết số 3 trên không-khí hoặc trên bàn.

3) Cắt ra 3 cái hình và dán vào. Coi số 3. Dùng ngón tay viết số ba trên bàn hay lấy một cái que vẽ số 3 trên bàn cát.

4) Nghe thuật lại hoặc đóng kịch những chuyện ngắn như « Ba con gấu » « Ba con heo con » hay « Ba con dê con ».

5) Cách sử-dụng những tấm thẻ có vẽ số.

A. — Giáo-viên đưa ra một thẻ có ghi số trẻ con đáp lại bằng cách để trước mặt chúng ba đồ-vật như sách, viết chì v.v... Chúng đếm và nói con số. Giáo-viên đưa ra tấm thẻ có số thì trẻ con máng ba cái móc trên bảng. Chúng đếm và nói con số. Khi giáo-viên đưa ra tấm thẻ có số thì trẻ con gán ba tấm hình trên bảng nỉ. Chúng đếm và nói con số.

B.) — Khi giáo-viên đưa ra tấm thẻ số thì các trẻ con trình ra số thẻ biểu-hiệu, gán số thẻ biểu-hiệu đó trên bảng nỉ, viết số trên bảng đen hay dùng một cây que viết trên bàn-cát.

6) Tập dùng số biểu-hiệu.

A. — Giáo-viên đưa ra tấm thẻ biểu-hiệu số 3 thì các trẻ con để trước mặt chúng 3 đồ vật. Giáo-viên đưa ra tấm thẻ biểu-hiệu số 3 thì các em máng 3 cái móc trên bảng đen có móc. Giáo-viên đưa ra số biểu-hiệu số 3 thì các trẻ con gán hình trên bảng nỉ.

B. — Giáo-viên đưa ra số biểu-hiệu thì trẻ con trình ra tấm thẻ hiệu có chữ viết (số 3).

C.— Giáo-viên đưa ra tấm thẻ số biểu-hiệu thì trẻ con viết ra con số biểu-hiệu.

7) Tập dùng chữ biểu-hiệu.

A.— Giáo-viên đưa ra tấm thẻ có viết chữ 3 thì các trẻ em đề ra ba món đồ trước mặt chúng và nói số 3.

Giáo-viên đưa ra tấm thẻ biểu-hiệu có chữ 3 thì các trẻ em máng móc trên bảng đen có móc, đếm và đọc số 3.

Giáo-viên đưa ra tấm thẻ biểu-hiệu có chữ 3 thì các trẻ em viết chữ 3 trên bàn bằng ngón tay, dùng một cái que viết trên bàn cát hay trên bảng đen.

8) Làm các toán-số gồm trong phạm-vi của số 3. Coi bản đính theo đây các toán số gồm trong phạm-vi của từng số một, từ một tới hai mươi.

A.— Dùng cục đá, miếng gỗ, hay vật gì khác để dò xem các toán-số gồm trong phạm-vi số 3.

B.— Dùng các biểu-hiệu bằng hình làm các toán-số gồm trong phạm-vi số 3 trên bảng nỉ.

C.— Làm trên bảng có móc các con số gồm trong phạm-vi số 3.

D.— Dùng các tấm thẻ-số làm các toán-số gồm trong phạm-vi số 3.

E.— Dùng các biểu-hiệu số (bài viết trừu-tượng) làm các toán số gồm trong phạm-vi số 3.



## TOÁN - SỐ CĂN - BẢN TRONG PHẠM - VI SỐ 1

*Chép lên bảng đen và chỉ cho học trò số căn-bản và những bài tính làm với số 1.*

$$\text{Cộng :} \quad \begin{array}{r} + 0 \\ \hline + 1 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 1 \\ \hline + 0 \end{array}$$

$$\text{Trừ :} \quad \begin{array}{r} - 1 \\ \hline - 0 \end{array} \quad \begin{array}{r} - 1 \\ \hline - 1 \end{array}$$

$$\text{Nhân :} \quad \begin{array}{r} \times 0 \\ \hline \times 1 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 1 \\ \hline \times 0 \end{array}$$

$$\text{Chia :} \quad 1:0 \quad 1:1 \quad 0:1$$

## TOÁN - SỐ CĂN - BẢN TRONG PHẠM - VI SỐ 2

$$\text{Cộng :} \quad \begin{array}{r} + 1 \\ \hline + 1 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 0 \\ \hline + 2 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 2 \\ \hline + 0 \end{array}$$

$$\text{Trừ :} \quad \begin{array}{r} - 2 \\ \hline - 1 \end{array} \quad \begin{array}{r} - 2 \\ \hline - 2 \end{array} \quad \begin{array}{r} - 2 \\ \hline - 0 \end{array} \quad \begin{array}{r} - 0 \\ \hline - 2 \end{array}$$

$$\text{Nhân :} \quad \begin{array}{r} \times 1 \\ \hline \times 2 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 2 \\ \hline \times 1 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 0 \\ \hline \times 2 \end{array}$$

$$\text{Chia :} \quad 2:0 \quad 2:1 \quad 2:2 \quad 0:2$$

TOÁN - SỐ CĂN - BẢN TRONG PHẠM - VI SỐ 3

$$\text{Cộng : } \begin{array}{r} 0 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ + 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ + 0 \\ \hline \end{array}$$

$$\text{Trừ : } \begin{array}{r} 3 \\ - 0 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ - 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ - 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ - 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 0 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\text{Nhân : } \begin{array}{r} 0 \\ \times 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ \times 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ \times 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ \times 0 \\ \hline \end{array}$$

$$\text{Chia : } 3:0 \quad 3:1 \quad 3:3 \quad 0:3$$

TOÁN - SỐ CĂN - BẢN TRONG PHẠM - VI SỐ 4

$$\text{Cộng : } \begin{array}{r} 0 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ + 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ + 0 \\ \hline \end{array}$$

$$\text{Trừ : } \begin{array}{r} 4 \\ - 0 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ - 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ - 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ - 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ - 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 0 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\text{Nhân : } \begin{array}{r} 0 \\ \times 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ \times 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ \times 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ \times 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ \times 0 \\ \hline \end{array}$$

$$\text{Chia : } 4:0 \quad 4:1 \quad 4:2 \quad 4:4 \quad 0:4$$

TOÁN - SỐ CĂN - BẢN TRONG PHẠM - VI SỐ 5

$$\text{Cộng : } \begin{array}{r} 0 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ + 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ + 0 \\ \hline \end{array}$$

$$\text{Trừ : } \begin{array}{r} 5 \\ - 0 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ - 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ - 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ - 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ - 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 0 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\text{Nhân : } \begin{array}{r} 0 \\ \times 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ \times 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ \times 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ \times 0 \\ \hline \end{array}$$

$$\text{Chia : } 0:5 \quad 5:1 \quad 5:5 \quad 0:5$$

TOÁN - SỐ CĂN - BẢN TRONG PHẠM - VI SỐ 6

$$\text{Cộng : } \begin{array}{r} 0 \\ + 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5 \\ + 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ + 0 \\ \hline \end{array}$$

$$\text{Trừ : } \begin{array}{r} 6 \\ - 0 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ - 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ - 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ - 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6 \\ - 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ - 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 0 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\text{Nhân : } \begin{array}{r} 6 \\ \times 0 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ \times 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ \times 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ \times 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ \times 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 0 \\ \times 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\text{Chia : } \begin{array}{l} 6 : 0 \\ 0 : 6 \end{array} \quad 6 : 1 \quad 6 : 2 \quad 6 : 3 \quad 6 : 6$$

TOÁN - SỐ CĂN - BẢN TRONG PHẠM - VI SỐ 7

$$\text{Cộng : } \begin{array}{r} 0 \\ + 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ + 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5 \\ + 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ + 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ + 0 \\ \hline \end{array}$$

$$\text{Trừ : } \begin{array}{r} 7 \\ - 0 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ - 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ - 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ - 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \\ - 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ - 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ - 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 0 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\text{Nhân : } \begin{array}{r} 0 \\ \times 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ \times 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ \times 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ \times 0 \\ \hline \end{array}$$

$$\text{Chia : } \begin{array}{l} 7 : 0 \\ 0 : 7 \end{array} \quad 7 : 1 \quad 7 : 7$$

TOÁN - SỐ CĂN - BẢN TRONG PHẠM - VI SỐ 8

$$\text{Cộng : } \begin{array}{r} + 0 \\ \hline 8 \end{array} + \begin{array}{r} + 1 \\ \hline 7 \end{array} + \begin{array}{r} + 2 \\ \hline 6 \end{array} + \begin{array}{r} + 3 \\ \hline 5 \end{array} + \begin{array}{r} + 4 \\ \hline 4 \end{array}$$

$$+ \begin{array}{r} 5 \\ \hline 3 \end{array} + \begin{array}{r} 6 \\ \hline 2 \end{array} + \begin{array}{r} 7 \\ \hline 1 \end{array} + \begin{array}{r} 8 \\ \hline 0 \end{array}$$

$$\text{Trừ : } \begin{array}{r} - 8 \\ \hline 0 \end{array} - \begin{array}{r} 8 \\ \hline 1 \end{array} - \begin{array}{r} 8 \\ \hline 2 \end{array} - \begin{array}{r} 8 \\ \hline 3 \end{array} - \begin{array}{r} 8 \\ \hline 4 \end{array} - \begin{array}{r} 8 \\ \hline 5 \end{array}$$

$$- \begin{array}{r} 8 \\ \hline 6 \end{array} - \begin{array}{r} 8 \\ \hline 7 \end{array} - \begin{array}{r} 8 \\ \hline 8 \end{array} - \begin{array}{r} 0 \\ \hline 8 \end{array}$$

$$\text{Nhân : } \begin{array}{r} \times 0 \\ \hline 8 \end{array} \times \begin{array}{r} 1 \\ \hline 8 \end{array} \times \begin{array}{r} 2 \\ \hline 4 \end{array} \times \begin{array}{r} 4 \\ \hline 2 \end{array} \times \begin{array}{r} 8 \\ \hline 1 \end{array} \times \begin{array}{r} 8 \\ \hline 0 \end{array}$$

$$\text{Chia : } 8 : 0 \quad 8 : 1 \quad 8 : 2 \quad 8 : 4 \quad 8 : 8 \quad 0 : 8$$

TOÁN - SỐ CĂN - BẢN TRONG PHẠM - VI SỐ 9

$$\text{Cộng : } \begin{array}{r} + 0 \\ \hline 9 \end{array} + \begin{array}{r} + 1 \\ \hline 8 \end{array} + \begin{array}{r} + 2 \\ \hline 7 \end{array} + \begin{array}{r} + 3 \\ \hline 6 \end{array} + \begin{array}{r} + 4 \\ \hline 5 \end{array}$$

$$+ \begin{array}{r} 5 \\ \hline 4 \end{array} + \begin{array}{r} 6 \\ \hline 3 \end{array} + \begin{array}{r} 7 \\ \hline 2 \end{array} + \begin{array}{r} 8 \\ \hline 1 \end{array} + \begin{array}{r} 9 \\ \hline 0 \end{array}$$

$$\text{Trừ : } \begin{array}{r} - 9 \\ \hline 0 \end{array} - \begin{array}{r} 9 \\ \hline 1 \end{array} - \begin{array}{r} 9 \\ \hline 2 \end{array} - \begin{array}{r} 9 \\ \hline 3 \end{array} - \begin{array}{r} 9 \\ \hline 4 \end{array}$$

$$- \begin{array}{r} 9 \\ \hline 5 \end{array} - \begin{array}{r} 9 \\ \hline 6 \end{array} - \begin{array}{r} 9 \\ \hline 7 \end{array} - \begin{array}{r} 9 \\ \hline 8 \end{array} - \begin{array}{r} 9 \\ \hline 9 \end{array} - \begin{array}{r} 0 \\ \hline 9 \end{array}$$

$$\text{Nhân : } \begin{array}{r} \times 0 \\ \hline 9 \end{array} \times \begin{array}{r} 1 \\ \hline 9 \end{array} \times \begin{array}{r} 3 \\ \hline 3 \end{array} \times \begin{array}{r} 9 \\ \hline 1 \end{array} \times \begin{array}{r} 9 \\ \hline 0 \end{array}$$

$$\text{Chia : } 9 : 0 \quad 9 : 1 \quad 9 : 3 \quad 9 : 9 \quad 0 : 9$$



# TOÁN - SỐ CĂN - BẢN TRONG PHẠM - VI SỐ 10

$$\text{Cộng : } + \frac{0}{10} + \frac{1}{9} + \frac{2}{8} + \frac{3}{7} + \frac{4}{6} + \frac{5}{5}$$

$$+ \frac{6}{4} + \frac{7}{3} + \frac{8}{2} + \frac{9}{1} + \frac{10}{0}$$

$$\text{Trừ : } - \frac{0}{10} - \frac{10}{1} - \frac{10}{2} - \frac{10}{3} - \frac{10}{4} - \frac{10}{5}$$

$$- \frac{10}{6} - \frac{10}{7} - \frac{10}{8} - \frac{10}{9} - \frac{10}{10} - \frac{0}{10}$$

$$\text{Nhân : } \times \frac{0}{10} \times \frac{1}{10} \times \frac{2}{5} \times \frac{5}{2} \times \frac{10}{1} \times \frac{10}{0}$$

$$\text{Chia : } 10 : 0 \quad 10 : 1 \quad 10 : 2 \quad 10 : 5 \quad 10 : 10$$

$$0 : 10$$

# TOÁN - SỐ CĂN - BẢN TRONG PHẠM - VI SỐ 11

$$\text{Cộng : } + \frac{0}{11} + \frac{1}{10} + \frac{2}{9} + \frac{3}{8} + \frac{4}{7} + \frac{5}{6}$$

$$+ \frac{6}{5} + \frac{7}{4} + \frac{8}{3} + \frac{9}{2} + \frac{10}{1} + \frac{11}{0}$$

$$\text{Trừ : } - \frac{11}{0} - \frac{11}{1} - \frac{11}{2} - \frac{11}{3} - \frac{11}{4} - \frac{11}{5}$$

$$- \frac{11}{6} - \frac{11}{7} - \frac{11}{8} - \frac{11}{9} - \frac{11}{10} - \frac{11}{11}$$

$$\text{Nhân : } \times \frac{0}{11} \times \frac{1}{11} \times \frac{11}{1} \times \frac{11}{0}$$

$$\text{Chia : } 11 : 0 \quad 11 : 1 \quad 11 : 11 \quad 0 : 11$$

TOÁN - SỐ CĂN - BẢN TRONG PHẠM - VI SỐ 12

$$\begin{array}{r} \text{Cộng : } + \frac{0}{12} + \frac{1}{11} + \frac{2}{10} + \frac{3}{9} + \frac{4}{8} + \frac{5}{7} \\ + \frac{6}{6} + \frac{7}{5} + \frac{8}{4} + \frac{9}{3} + \frac{10}{2} + \frac{11}{1} \\ + \frac{12}{0} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{Trừ : } - \frac{12}{0} - \frac{12}{1} - \frac{12}{2} - \frac{12}{3} - \frac{12}{4} - \frac{12}{5} \\ - \frac{12}{6} - \frac{12}{7} - \frac{12}{8} - \frac{12}{9} - \frac{12}{10} - \frac{12}{11} \\ - \frac{12}{12} - \frac{0}{12} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{Nhân : } \times \frac{0}{12} \times \frac{1}{12} \times \frac{2}{6} \times \frac{3}{4} \times \frac{4}{3} \times \frac{6}{2} \\ \times \frac{12}{1} \times \frac{12}{0} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{Chia : } 12 : 0 \quad 12 : 1 \quad 12 : 2 \quad 12 : 3 \quad 12 : 4 \quad 12 : 6 \\ 12 : 12 \quad 0 : 12 \end{array}$$

TOÁN - SỐ CĂN - BẢN TRONG PHẠM - VI SỐ 13

$$\begin{array}{r} \text{Cộng : } + \frac{0}{13} + \frac{1}{12} + \frac{2}{11} + \frac{3}{10} + \frac{4}{9} + \frac{5}{8} \\ + \frac{6}{7} + \frac{7}{6} + \frac{8}{5} + \frac{9}{4} + \frac{10}{3} + \frac{11}{2} \\ + \frac{12}{1} + \frac{13}{0} \end{array}$$

$$\text{Trừ : } \begin{array}{r} 13 \\ 0 \end{array} \begin{array}{r} 13 \\ 1 \end{array} \begin{array}{r} 13 \\ 2 \end{array} \begin{array}{r} 13 \\ 3 \end{array} \begin{array}{r} 13 \\ 4 \end{array} \begin{array}{r} 13 \\ 5 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 13 \\ 6 \end{array} \begin{array}{r} 13 \\ 7 \end{array} \begin{array}{r} 13 \\ 8 \end{array} \begin{array}{r} 13 \\ 9 \end{array} \begin{array}{r} 13 \\ 10 \end{array} \begin{array}{r} 13 \\ 11 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 13 \\ 12 \end{array} \begin{array}{r} 13 \\ 13 \end{array} \begin{array}{r} 13 \\ 0 \end{array}$$

$$\text{Nhân : } \begin{array}{r} 0 \\ 13 \end{array} \times \begin{array}{r} 1 \\ 13 \end{array} \times \begin{array}{r} 13 \\ 0 \end{array} \times \begin{array}{r} 0 \\ 13 \end{array}$$

$$\text{Chia : } 13 : 0 \quad 13 : 1 \quad 13 : 13 \quad 0 : 13$$

# TOÁN - SỐ CĂN - BẢN TRONG PHẠM - VI SỐ 14

$$\text{Cộng : } \begin{array}{r} 0 \\ 14 \end{array} \begin{array}{r} 1 \\ 13 \end{array} \begin{array}{r} 2 \\ 12 \end{array} \begin{array}{r} 3 \\ 11 \end{array} \begin{array}{r} 4 \\ 10 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5 \\ 9 \end{array} \begin{array}{r} 6 \\ 8 \end{array} \begin{array}{r} 7 \\ 7 \end{array} \begin{array}{r} 8 \\ 6 \end{array} \begin{array}{r} 9 \\ 5 \end{array} \begin{array}{r} 10 \\ 4 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 11 \\ 3 \end{array} \begin{array}{r} 12 \\ 2 \end{array} \begin{array}{r} 13 \\ 1 \end{array} \begin{array}{r} 14 \\ 0 \end{array}$$

$$\text{Trừ : } \begin{array}{r} 14 \\ 0 \end{array} \begin{array}{r} 14 \\ 1 \end{array} \begin{array}{r} 14 \\ 2 \end{array} \begin{array}{r} 14 \\ 3 \end{array} \begin{array}{r} 14 \\ 4 \end{array} \begin{array}{r} 14 \\ 5 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 14 \\ 6 \end{array} \begin{array}{r} 14 \\ 7 \end{array} \begin{array}{r} 14 \\ 8 \end{array} \begin{array}{r} 14 \\ 9 \end{array} \begin{array}{r} 14 \\ 10 \end{array} \begin{array}{r} 14 \\ 11 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 14 \\ 12 \end{array} \begin{array}{r} 14 \\ 13 \end{array} \begin{array}{r} 14 \\ 14 \end{array} \begin{array}{r} 14 \\ 0 \end{array}$$

$$\text{Nhân : } \begin{array}{r} 0 \\ 14 \end{array} \times \begin{array}{r} 1 \\ 14 \end{array} \times \begin{array}{r} 2 \\ 7 \end{array} \times \begin{array}{r} 7 \\ 2 \end{array} \times \begin{array}{r} 14 \\ 1 \end{array} \times \begin{array}{r} 14 \\ 0 \end{array}$$

$$\text{Chia : } 14 : 0 \quad 14 : 1 \quad 14 : 2 \quad 14 : 7 \quad 14 : 14$$

$$0 : 14$$

TOÁN - SỐ CĂN - BẢN TRONG PHẠM - VI SỐ 15

$$\text{Cộng : } + \frac{0}{15} + \frac{1}{14} + \frac{2}{13} + \frac{3}{12} + \frac{4}{11} + \frac{5}{10}$$

$$+ \frac{6}{9} + \frac{7}{8} + \frac{8}{7} + \frac{9}{6} + \frac{10}{5} + \frac{11}{4}$$

$$+ \frac{12}{3} + \frac{13}{2} + \frac{14}{1} + \frac{15}{0}$$

$$\text{Trừ : } - \frac{15}{0} - \frac{15}{1} - \frac{15}{2} - \frac{15}{3} - \frac{15}{4} - \frac{15}{5}$$

$$- \frac{15}{6} - \frac{15}{7} - \frac{15}{8} - \frac{15}{9} - \frac{15}{10} - \frac{15}{11}$$

$$- \frac{15}{12} - \frac{15}{13} - \frac{15}{14} - \frac{15}{15} - \frac{15}{0}$$

$$\text{Nhân : } \times \frac{0}{15} \times \frac{1}{15} \times \frac{3}{5} \times \frac{5}{3} \times \frac{15}{1} \times \frac{15}{0}$$

$$\text{Chia : } 15 : 0 \quad 15 : 1 \quad 15 : 3 \quad 15 : 5 \quad 15 : 15$$

$$0 : 15$$

TOÁN - SỐ CĂN - BẢN TRONG PHẠM - VI SỐ 16

$$\text{Cộng : } + \frac{0}{16} + \frac{1}{15} + \frac{2}{14} + \frac{3}{13} + \frac{4}{12} + \frac{5}{11}$$

$$+ \frac{6}{10} + \frac{7}{9} + \frac{8}{8} + \frac{9}{7} + \frac{10}{6} + \frac{11}{5}$$

$$+ \frac{12}{4} + \frac{13}{3} + \frac{14}{2} + \frac{15}{1} + \frac{16}{0}$$

$$\begin{array}{r}
 \text{Trừ : } \begin{array}{r} \frac{16}{0} \quad \frac{16}{1} \quad \frac{16}{2} \quad \frac{16}{3} \quad \frac{16}{4} \quad \frac{16}{5} \\ \frac{16}{6} \quad \frac{16}{7} \quad \frac{16}{8} \quad \frac{16}{9} \quad \frac{16}{10} \quad \frac{16}{11} \\ \frac{16}{12} \quad \frac{16}{13} \quad \frac{16}{14} \quad \frac{16}{15} \quad \frac{16}{16} \quad 0 \end{array}
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 \text{Nhân : } \begin{array}{r} \frac{0}{16} \quad \frac{1}{16} \quad \frac{2}{8} \quad \frac{4}{4} \quad \frac{8}{2} \\ \frac{16}{1} \quad \frac{16}{0} \end{array}
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 \text{Chia : } 16 : 0 \quad 16 : 1 \quad 16 : 2 \quad 16 : 4 \quad 16 : 8 \\
 16 : 16 \quad 0 : 16
 \end{array}$$

# TOÁN - SỐ CẦN - BẢN TRONG PHẠM - VI SỐ 17

$$\begin{array}{r}
 \text{Cộng : } \begin{array}{r} \frac{0}{17} \quad \frac{1}{16} \quad \frac{2}{15} \quad \frac{3}{14} \quad \frac{4}{13} \quad \frac{5}{12} \\ \frac{6}{11} \quad \frac{7}{10} \quad \frac{8}{9} \quad \frac{9}{8} \quad \frac{10}{7} \quad \frac{11}{6} \\ \frac{12}{5} \quad \frac{13}{4} \quad \frac{14}{3} \quad \frac{15}{2} \quad \frac{16}{1} \quad \frac{17}{0} \end{array}
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 \text{Trừ : } \begin{array}{r} \frac{17}{0} \quad \frac{17}{1} \quad \frac{17}{2} \quad \frac{17}{3} \quad \frac{17}{4} \quad \frac{17}{5} \\ \frac{17}{6} \quad \frac{17}{7} \quad \frac{17}{8} \quad \frac{17}{9} \quad \frac{17}{10} \quad \frac{17}{11} \\ \frac{17}{12} \quad \frac{17}{13} \quad \frac{17}{14} \quad \frac{17}{15} \quad \frac{17}{16} \quad \frac{17}{17} \end{array}
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 0 \\ - \\ \hline 17 \end{array}$$

$$\text{Nhân : } \times \frac{0}{17} \times \frac{1}{17} \times \frac{17}{1} \times \frac{17}{0}$$

$$\text{Chia : } 17 : 0 \quad 17 : 1 \quad 17 : 17 \quad 0 : 17$$

TOÁN - SỐ CĂN - BẢN TRONG PHẠM - VI SỐ 18

$$\text{Cộng : } + \frac{0}{18} + \frac{1}{17} + \frac{2}{16} + \frac{3}{15} + \frac{4}{14}$$

$$+ \frac{5}{13} + \frac{6}{12} + \frac{7}{11} + \frac{8}{10} + \frac{9}{9}$$

$$+ \frac{10}{8} + \frac{11}{7} + \frac{12}{6} + \frac{13}{5} + \frac{14}{4}$$

$$+ \frac{15}{3} + \frac{16}{2} + \frac{17}{1} + \frac{18}{0}$$

$$\text{Trừ : } - \frac{18}{0} - \frac{18}{1} - \frac{18}{2} - \frac{18}{3} - \frac{18}{4}$$

$$- \frac{18}{5} - \frac{18}{6} - \frac{18}{7} - \frac{18}{8} - \frac{18}{9}$$

$$- \frac{18}{10} - \frac{18}{11} - \frac{18}{12} - \frac{18}{13} - \frac{18}{14}$$

$$- \frac{18}{15} - \frac{18}{16} - \frac{18}{17} - \frac{18}{18} - \frac{0}{18}$$

$$\text{Nhân : } \times \frac{0}{18} \times \frac{1}{18} \times \frac{2}{9} \times \frac{3}{6} \times \frac{6}{3}$$

$$\times \frac{9}{2} \times \frac{18}{1} \times \frac{18}{0}$$



Chia :      18 : 0    18 : 1    18 : 2    18 : 3    18 : 6  
               18 : 9    18 : 18    0 : 18

TOÁN - SỐ CĂN - BẢN TRONG PHẠM - VI SỐ 19

$$Cộng : \begin{array}{r} + \quad 0 \\ \hline 19 \end{array} + \begin{array}{r} + \quad 1 \\ \hline 18 \end{array} + \begin{array}{r} + \quad 2 \\ \hline 17 \end{array} + \begin{array}{r} + \quad 3 \\ \hline 16 \end{array} + \begin{array}{r} + \quad 4 \\ \hline 15 \end{array}$$

$$+ \begin{array}{r} + \quad 5 \\ \hline 14 \end{array} + \begin{array}{r} + \quad 6 \\ \hline 13 \end{array} + \begin{array}{r} + \quad 7 \\ \hline 12 \end{array} + \begin{array}{r} + \quad 8 \\ \hline 11 \end{array} + \begin{array}{r} + \quad 9 \\ \hline 10 \end{array}$$

$$+ \begin{array}{r} + \quad 10 \\ \hline 9 \end{array} + \begin{array}{r} + \quad 11 \\ \hline 8 \end{array} + \begin{array}{r} + \quad 12 \\ \hline 7 \end{array} + \begin{array}{r} + \quad 13 \\ \hline 6 \end{array} + \begin{array}{r} + \quad 14 \\ \hline 5 \end{array}$$

$$+ \begin{array}{r} + \quad 15 \\ \hline 4 \end{array} + \begin{array}{r} + \quad 16 \\ \hline 3 \end{array} + \begin{array}{r} + \quad 17 \\ \hline 2 \end{array} + \begin{array}{r} + \quad 18 \\ \hline 1 \end{array} + \begin{array}{r} + \quad 19 \\ \hline 0 \end{array}$$

$$Trừ : \begin{array}{r} - \quad 19 \\ \hline 0 \end{array} - \begin{array}{r} - \quad 19 \\ \hline 1 \end{array} - \begin{array}{r} - \quad 19 \\ \hline 2 \end{array} - \begin{array}{r} - \quad 19 \\ \hline 3 \end{array} - \begin{array}{r} - \quad 19 \\ \hline 4 \end{array}$$

$$- \begin{array}{r} - \quad 19 \\ \hline 5 \end{array} - \begin{array}{r} - \quad 19 \\ \hline 6 \end{array} - \begin{array}{r} - \quad 19 \\ \hline 7 \end{array} - \begin{array}{r} - \quad 19 \\ \hline 8 \end{array} - \begin{array}{r} - \quad 19 \\ \hline 9 \end{array}$$

$$- \begin{array}{r} - \quad 19 \\ \hline 10 \end{array} - \begin{array}{r} - \quad 19 \\ \hline 11 \end{array} - \begin{array}{r} - \quad 19 \\ \hline 12 \end{array} - \begin{array}{r} - \quad 19 \\ \hline 13 \end{array} - \begin{array}{r} - \quad 19 \\ \hline 14 \end{array}$$

$$- \begin{array}{r} - \quad 19 \\ \hline 15 \end{array} - \begin{array}{r} - \quad 19 \\ \hline 16 \end{array} - \begin{array}{r} - \quad 19 \\ \hline 17 \end{array} - \begin{array}{r} - \quad 19 \\ \hline 18 \end{array} - \begin{array}{r} - \quad 19 \\ \hline 19 \end{array}$$

$$- \begin{array}{r} 19 \\ \hline 0 \end{array}$$

$$Nhân : \begin{array}{r} \times \quad 0 \\ \hline 19 \end{array} \times \begin{array}{r} \times \quad 1 \\ \hline 19 \end{array} \times \begin{array}{r} \times \quad 19 \\ \hline 1 \end{array} \times \begin{array}{r} \times \quad 19 \\ \hline 0 \end{array}$$

Chia :    19 : 0    19 : 1    19 : 19    0 : 19

TOÁN - SỐ CẦN - BẢN TRONG PHẠM - VI SỐ 20

$$\begin{array}{r}
 \text{Cộng : } + \frac{0}{20} + \frac{1}{19} + \frac{2}{18} + \frac{3}{17} + \frac{4}{16} + \frac{5}{15} \\
 + \frac{6}{14} + \frac{7}{13} + \frac{8}{12} + \frac{9}{11} + \frac{10}{10} + \frac{11}{9} \\
 + \frac{12}{8} + \frac{13}{7} + \frac{14}{6} + \frac{15}{5} + \frac{16}{4} + \frac{17}{3} \\
 + \frac{18}{2} + \frac{19}{1} + \frac{20}{0}
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 \text{Trừ : } - \frac{20}{0} - \frac{20}{1} - \frac{20}{2} - \frac{20}{3} - \frac{20}{4} - \frac{20}{5} \\
 - \frac{20}{6} - \frac{20}{7} - \frac{20}{8} - \frac{20}{9} - \frac{20}{10} - \frac{20}{11} \\
 - \frac{20}{12} - \frac{20}{13} - \frac{20}{14} - \frac{20}{15} - \frac{20}{16} - \frac{20}{17} \\
 - \frac{20}{18} - \frac{20}{19} - \frac{20}{20} - \frac{20}{0}
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 \text{Nhân : } \times \frac{0}{20} \times \frac{1}{20} \times \frac{2}{10} \times \frac{4}{5} \times \frac{5}{4} \times \frac{10}{2} \\
 \times \frac{20}{1} \times \frac{20}{0}
 \end{array}$$

$$\text{Chia : } 20 : 0 \quad 20 : 1 \quad 20 : 2 \quad 20 : 4 \quad 20 : 5 \quad 20 : 10$$

$$20 : 20 \quad 0 : 20$$

TOÁN CỘNG CĂN-BẢN

---

$$\begin{array}{r} + 0 \\ \hline 0 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 0 \\ \hline 1 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 0 \\ \hline 2 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 0 \\ \hline 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 0 \\ \hline 4 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 0 \\ \hline 5 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 0 \\ \hline 6 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + 0 \\ \hline 7 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 0 \\ \hline 8 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 0 \\ \hline 9 \end{array}$$

---

$$\begin{array}{r} + 1 \\ \hline 0 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 1 \\ \hline 1 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 1 \\ \hline 2 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 1 \\ \hline 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 1 \\ \hline 4 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 1 \\ \hline 5 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 1 \\ \hline 6 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + 1 \\ \hline 7 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 1 \\ \hline 8 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 1 \\ \hline 9 \end{array}$$

---

$$\begin{array}{r} + 2 \\ \hline 0 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 2 \\ \hline 1 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 2 \\ \hline 2 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 2 \\ \hline 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 2 \\ \hline 4 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 2 \\ \hline 5 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 2 \\ \hline 6 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + 2 \\ \hline 7 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 2 \\ \hline 8 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 2 \\ \hline 9 \end{array}$$

---

$$\begin{array}{r} + 3 \\ \hline 0 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 3 \\ \hline 1 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 3 \\ \hline 2 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 3 \\ \hline 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 3 \\ \hline 4 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 3 \\ \hline 5 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 3 \\ \hline 6 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + 3 \\ \hline 7 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 3 \\ \hline 8 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 3 \\ \hline 9 \end{array}$$

---

$$\begin{array}{r} + 4 \\ \hline 0 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 4 \\ \hline 1 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 4 \\ \hline 2 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 4 \\ \hline 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 4 \\ \hline 4 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 4 \\ \hline 5 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 4 \\ \hline 6 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + 4 \\ \hline 7 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 4 \\ \hline 8 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 4 \\ \hline 9 \end{array}$$

---



## TOÁN TRỪ CĂN-BẢN

$$\begin{array}{ccccccc} - & 0 & - & 1 & - & 2 & - & 3 & - & 4 & - & 5 & - & 6 \\ \hline & 0 & & 0 & & 0 & & 0 & & 0 & & 0 & & 0 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \\ - 0 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 8 \\ - 0 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 9 \\ - 0 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \frac{-1}{1} & \frac{-2}{1} & \frac{-3}{1} & \frac{-4}{1} & \frac{-5}{1} & \frac{-6}{1} & \frac{-7}{1} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 8 \\ - 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 9 \\ - 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 10 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{cccccccc} - & 2 & & - & 3 & & - & 4 & & - & 5 & & - & 6 & & - & 7 & & - & 8 \\ & 2 & & & 2 & & & 2 & & & 2 & & & 2 & & & 2 & & & 2 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9 \\ - 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 10 \\ - 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 11 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} -3 \\ 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} -4 \\ 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} -5 \\ 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} -6 \\ 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} -7 \\ 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} -8 \\ 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} -9 \\ 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 10 \\ - 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 11 \\ - 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 12 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \\ 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 8 \\ 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 9 \\ 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 10 \\ 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 11 \\ - 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 12 \\ - 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 13 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$$





# TOÁN NHÂN CĂN-BẢN

$$\times \begin{array}{r} 0 \\ 0 \end{array} \quad \times \begin{array}{r} 0 \\ 1 \end{array} \quad \times \begin{array}{r} 0 \\ 2 \end{array} \quad \times \begin{array}{r} 0 \\ 3 \end{array} \quad \times \begin{array}{r} 0 \\ 4 \end{array} \quad \times \begin{array}{r} 0 \\ 5 \end{array} \quad \times \begin{array}{r} 0 \\ 6 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 0 \\ 7 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 0 \\ 8 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 0 \\ 9 \end{array}$$

$$\times \frac{1}{0} \quad \times \frac{1}{1} \quad \times \frac{1}{2} \quad \times \frac{1}{3} \quad \times \frac{1}{4} \quad \times \frac{1}{5} \quad \times \frac{1}{6}$$

$$\times \begin{array}{r} 1 \\ 7 \\ \hline \end{array} \quad \times \begin{array}{r} 1 \\ 8 \\ \hline \end{array} \quad \times \begin{array}{r} 1 \\ 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\times \frac{2}{0} \times \frac{2}{1} \times \frac{2}{2} \times \frac{2}{3} \times \frac{2}{4} \times \frac{2}{5} \times \frac{2}{6}$$

$$\begin{array}{r} \times 2 \\ 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 2 \\ 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 2 \\ 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\times \frac{3}{0} \times \frac{3}{1} \times \frac{3}{2} \times \frac{3}{3} \times \frac{3}{4} \times \frac{3}{5} \times \frac{3}{6}$$

$$\begin{array}{r} \times 3 \\ 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 3 \\ 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 3 \\ 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\times \frac{4}{0} \quad \times \frac{4}{1} \quad \times \frac{4}{2} \quad \times \frac{4}{3} \quad \times \frac{4}{4} \quad \times \frac{4}{5} \quad \times \frac{4}{6}$$

$$\begin{array}{r} \times 4 \\ 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 4 \\ 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 4 \\ 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\times \frac{5}{0} \quad \times \frac{5}{1} \quad \times \frac{5}{2} \quad \times \frac{5}{3} \quad \times \frac{5}{4} \quad \times \frac{5}{5} \quad \times \frac{5}{6}$$

$$\begin{array}{r} \times 5 \\ 7 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 5 \\ 8 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 5 \\ 9 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 6 \\ 0 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 6 \\ 1 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 6 \\ 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 6 \\ 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 6 \\ 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 6 \\ 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 6 \\ 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 6 \\ 7 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 6 \\ 8 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 6 \\ 9 \end{array}$$

$$\times \begin{array}{r} 7 \\ 0 \end{array} \quad \times \begin{array}{r} 7 \\ 1 \end{array} \quad \times \begin{array}{r} 7 \\ 2 \end{array} \quad \times \begin{array}{r} 7 \\ 3 \end{array} \quad \times \begin{array}{r} 7 \\ 4 \end{array} \quad \times \begin{array}{r} 7 \\ 5 \end{array} \quad \times \begin{array}{r} 7 \\ 6 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 7 \\ 7 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 7 \\ 8 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 7 \\ 9 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 8 \\ 0 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 8 \\ 1 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 8 \\ 2 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 8 \\ 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 8 \\ 4 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 8 \\ 5 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 8 \\ 6 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 8 \\ 7 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 8 \\ 8 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 8 \\ 9 \end{array}$$

$$\times \frac{9}{0} \quad \times \frac{9}{1} \quad \times \frac{9}{2} \quad \times \frac{9}{3} \quad \times \frac{9}{4} \quad \times \frac{9}{5} \quad \times \frac{9}{6}$$

$$\begin{array}{r} \times 9 \\ 7 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 9 \\ 8 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 9 \\ 9 \end{array}$$

# TOÁN CHIA CẦN-BẢN

|       |       |       |       |       |       |       |
|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| 0 : 1 | 1 : 1 | 2 : 1 | 3 : 1 | 4 : 1 | 5 : 1 | 6 : 1 |
| 7 : 1 | 8 : 1 | 9 : 1 |       |       |       |       |

---

|        |        |        |       |       |        |        |
|--------|--------|--------|-------|-------|--------|--------|
| 0 : 2  | 2 : 2  | 4 : 2  | 6 : 2 | 8 : 2 | 10 : 2 | 12 : 2 |
| 14 : 2 | 16 : 2 | 18 : 2 |       |       |        |        |

---

|        |        |       |       |        |        |        |
|--------|--------|-------|-------|--------|--------|--------|
| 0 : 3  | 3 : 3  | 6 : 3 | 9 : 3 | 12 : 3 | 15 : 3 | 18 : 3 |
| 21 : 3 | 27 : 3 |       |       |        |        |        |

---

|        |        |        |        |        |        |        |
|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| 0 : 4  | 4 : 4  | 8 : 4  | 12 : 4 | 16 : 4 | 20 : 4 | 24 : 4 |
| 28 : 4 | 32 : 4 | 36 : 4 |        |        |        |        |

---

|        |        |        |        |        |        |        |
|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| 0 : 5  | 5 : 5  | 10 : 5 | 15 : 5 | 20 : 5 | 25 : 5 | 30 : 5 |
| 35 : 5 | 40 : 5 | 45 : 5 |        |        |        |        |

---

|        |        |        |        |        |        |        |
|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| 0 : 6  | 6 : 6  | 12 : 6 | 18 : 6 | 24 : 6 | 30 : 6 | 36 : 6 |
| 42 : 6 | 48 : 6 | 54 : 6 |        |        |        |        |

---

|        |        |        |        |        |        |        |
|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| 0 : 7  | 7 : 7  | 14 : 7 | 21 : 7 | 28 : 7 | 35 : 7 | 42 : 7 |
| 49 : 7 | 56 : 7 | 63 : 7 |        |        |        |        |

---

|        |        |        |        |        |        |        |
|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| 0 : 8  | 8 : 8  | 16 : 8 | 24 : 8 | 32 : 8 | 40 : 8 | 48 : 8 |
| 56 : 8 | 64 : 8 | 72 : 8 |        |        |        |        |

---

|        |        |        |        |        |        |        |
|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| 0 : 9  | 9 : 9  | 18 : 9 | 27 : 9 | 36 : 9 | 45 : 9 | 54 : 9 |
| 63 : 9 | 72 : 9 | 81 : 9 |        |        |        |        |

---

# TẬP LÀM TOÁN CỘNG TỪNG GIAI-ĐOẠN MỘT

Giai-đoạn 1 : Cộng một con số.

Giai-đoạn 2 : Cộng một cho số đảo ngược lại.

Giai-đoạn 3 : Từng cột ngắn

2

3

9

Giai-đoạn 4 : Từng cột ngắn có số không

0

2

8

Giai-đoạn 5 : Hàng hai hay ba số

34 212

25 213

Giai-đoạn 6 : Hàng 1, 2 hay 3 số, có khoảng trống và số không

322 54

211 3

11 43

Giai-đoạn 7 : Hàng 1, 2 hay 3 con số có giữ đem qua, số thành cột trái không quá số 10

35

242 342

33 133

119 119

Giai-đoạn 8 : Cột số, số giữ, khoảng trống, số không, số thành đến 39 và 9

256

322

433

344

135

Giai đoạn 9 : 3 (lớp 3 đồng) và xu

|             |             |
|-------------|-------------|
| 3.42        | .25         |
| <u>1.63</u> | .32         |
|             | <u>1.92</u> |

### TẬP LÀM TOÁN TRỪ TỪNG GIAI-ĐOẠN

- 1 — Trừ một con số sắp theo đúng thứ tự —  $\begin{array}{r} 7 \\ 3 \end{array}$
- 2 — Toán trừ với hàng hai con số —  $\begin{array}{r} 43 \\ 21 \end{array}$
- 3 — Số để trừ bằng một con số với khoảng trống —  $\begin{array}{r} 76 \\ 3 \end{array}$
- 4 — Số để trừ gồm có số không —  $\begin{array}{r} 58 \\ 30 \end{array}$
- 5 — Toán trừ có số giữ đem qua —  $\begin{array}{r} 64 \\ 17 \end{array}$
- 6 — Số bị trừ gồm có số không và số giữ đem qua —  $\begin{array}{r} 70 \\ 51 \end{array}$
- 7 — Làm toán trừ với một số tiền (số lẻ) :

### TẬP LÀM TOÁN CHIA TỪNG GIAI - ĐOẠN

- 1 — Chia từng một con số chẵn 4 : 2
- 2 — Số chia một con (số chẵn) 44 : 2 (số thành một hay nhiều con)
- 3 — Tập thử số thành  $2 \times 22 = 44$
- 4 — Một con số chia (chẵn)  $72 : 4$
- 5 — Một con số chia (lẻ)  $62 : 4$
- 6 — Một con số chia (số phải chia nhỏ)  $324 : 4$
- 7 — Số chia từ hai con sắp lên gồm có số không :  $630 : 30$
- 8 — Chia số tiền (số lẻ)

## TẬP LÀM TOÁN NHÂN PHÂN TỪNG GIAI-ĐOẠN

- 1 — Nhân từng con số một  $7 \times 4$
- 2 — Từng số một đổi ngược lại  $4 \times 7$
- 3 — Một con số nhân, không có số giữ  $22 \times 4$ ;  $222 \times 4$ ;  $44 \times 2$
- 4 — Một con số nhân, có số giữ để cộng vào hàng cùng trong một chục  $333 \times 8$ ;  $66 \times 6$ ;  $55 \times 5$ ;  $88 \times 3$
- 5 — Một con số nhân, có số giữ để cộng vào hàng chục cao hơn  $77 \times 4$ ;  $27 \times 4$ ;  $277 \times 4$ ;  $772 \times 4$ .
- 6 — Một con số nhân, trong hàng số bị nhân có số không, có hay không có số giữ đến số không.

$$\begin{array}{r} 606 \\ \times 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 660 \\ \times 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 6,066 \\ \times 6 \\ \hline \end{array}$$

- 7 — Một hay hai số nhân, không có số giữ.

$$\begin{array}{r} \times 44 \\ 22 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 72 \\ 44 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 444 \\ 222 \\ \hline \end{array}$$

- 8 — Hai hay ba số nhân, có số giữ.

$$\begin{array}{r} \times 44 \\ 77 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 66 \\ 66 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 55 \\ 55 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 333 \\ 888 \\ \hline \end{array}$$

- 9 — Hàng số nhân có số không.

$$66 \times 60; \quad \text{đ } 6.66 \times 606$$

- 10 — Có hai số không trong hàng số nhân hay số bị nhân:

$$600 \times 66; \quad 666 \times 600$$



### Tại sao chúng ta nhân ?

Trong một bài toán nhân, bạn được biết có bao nhiêu sự-vật trong một nhóm và bảo bạn tìm ra coi có bao nhiêu sự-vật trong nhiều nhóm ?

Một bài toán nhân cho bạn biết giá một món hàng và bảo bạn tìm tổng-giá của nhiều món hàng nếu nó cùng một giá.

Những tiếng dùng để chỉ con số một hay một sự-vật là : một, mỗi một, một cái.

Những tiếng dùng để chỉ một nhóm sự-vật là : một hàng, một bó, một nhóm, một đôi, một tá, một đống v. v...

### Tại sao chúng ta chia ?

Trong một bài toán chia, bạn được biết hết thấy có bao nhiêu và bảo bạn chia số ấy ra từng phần nhỏ.

1.— Nhiều sự-vật được phân ra từng nhóm bằng nhau và bảo bạn tìm ra mỗi nhóm có bao nhiêu ?

2.— Một số đồ vật được phân-phát ra đồng đều cho một số người và người ta bảo bạn nói coi mỗi người lãnh được bao nhiêu ?

3.— Một miếng gì đó được cắt ra từng mảnh nhỏ bằng nhau và bảo bạn xem mỗi mảnh dài bao nhiêu ?

4.— Bạn được biết tổng giá của một số hàng và người ta bảo bạn tìm ra giá từng món hàng một, biết rằng giá mỗi món đều như nhau.

### **Chúng ta cộng để làm gì ?**

- 1.— Đề tìm ra một số cộng lại.
- 2.— Đề tìm ra tổng số.
- 3.— Đề tìm ra coi có bao nhiêu hết thấy ?

### **Chúng ta trừ để làm gì ?**

- 1.— Đề tìm xem phải cần thêm bao nhiêu nữa ?
  - 2.— Đề tìm ra con số khác nhau.
  - 3.— Đề tìm ra số còn lại là bao nhiêu sau khi một số đã được lấy ra ?
  - 4.— Đề tìm ra phải có bao nhiêu nữa mới được một con số hơn số khác ?
-

# MỤC - LỤC

I.— Lời nói đầu.

II.— Các môn.

## **CHƯƠNG MỘT : Việt-ngữ.**

(Từ trang 11 đến trang 63)

1) Ngữ-vựng.

2) Tập đọc.

3) Tập viết.

4) Âm-độc.

5) Chính-tả.

6) Văn-phạm.

7) Tác-văn.

## **CHƯƠNG HAI**

(Từ trang 64 đến trang 83)

1) Đức-dục.

2) Công-dân Giáo-dục.

## **CHƯƠNG BA : Sử-Địa**

(Từ trang 84 đến trang 104)

1) Sử-ký.

2) Địa-lý.

## **CHƯƠNG BỐN :**

(Từ trang 105 đến trang 149)

Khoa-học thường-thức

1) Quan-sát.

2) Thường-thức.

3) Vệ-sinh.

4) Canh-nông.

5) Gia-chánh — Dưỡng-nhi.

6) Thể-dục.

## **CHƯƠNG NĂM : Toán**

(Từ trang 150 đến trang 168)

1) Toán học.

2) Đo-lường.

- 3) Hình-Học.
- 4) Những bài tính-đổ.
- 5) Tính rợ (tính nhầm)
- 6) Tổng-luận về môn Toán.

**CHƯƠNG SÁU : Vẽ.** (Từ trang 169 đến trang 178)

**CHƯƠNG BẢY : Âm-nhạc — Hát.** (Từ trang 179 đến trang 183)

**CHƯƠNG TÁM : Thủ-công.** (Từ trang 184 đến trang 191)

**CHƯƠNG CHÍN: Hoạt-động Thanh-niên** (Từ trang 192 đến trang 203)



## **PHẦN ĐỌC THÊM**

Bài số :

- 1 — Bản đồ và quả địa cầu... (Từ trang 207 đến trang 209)
- 2 — Tranh ảnh ở học đường... (Từ trang 210 đến trang 212)
- 3 — Bước tiến tới sự hiểu biết các con số ... « 213 . . . . . 239 »

